

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**NGÔ THỊ HỒNG HẠNH**

**QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế**

**Mã số: 9.34.04.10**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

*Hà Nội – 2020*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**NGÔ THỊ HỒNG HẠNH**

**QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế**

**Mã số: 9.34.04.10**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn 1: PGS.TS Lê Thị Kim Nhung**

**Người hướng dẫn 2: TS. Ngô Xuân Bình**

*Hà Nội – 2020*

## LỜI CAM ĐOAN

Nghiên cứu sinh xin cam đoan đề tài luận án “*Quản lý Ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội*” là công trình nghiên cứu độc lập của riêng nghiên cứu sinh.

Các thông tin, dữ liệu, kết quả nghiên cứu và luận cứ trong luận án là do nghiên cứu sinh tự tìm hiểu, đúc kết, phân tích và có trích dẫn một cách rõ ràng, đúng quy định. Các kết quả nghiên cứu trong luận án do nghiên cứu sinh tiến hành phân tích một cách trung thực, khách quan và chưa từng được công bố trong bất kỳ nghiên cứu nào khác.

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020*

**Nghiên cứu sinh**

**Ngô Thị Hồng Hạnh**

## LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu sinh xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới người hướng dẫn khoa học **PGS, TS. Lê Thị Kim Nhung** và **TS. Ngô Xuân Bình** đã nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ và đồng hành cùng nghiên cứu sinh trong suốt thời gian thực hiện luận án.

Nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu Trường Đại học Thương mại, Khoa Sau đại học, Khoa Tài chính – Ngân hàng đặc biệt các Thầy cô giáo trong Ban chủ nhiệm khoa Sau đại học, Khoa Tài chính – Ngân hàng, Bộ môn Tài chính công, đã tạo điều kiện, động viên, góp ý chuyên môn trong quá trình thực hiện luận án.

Nghiên cứu sinh cũng bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến các Thầy Cô trong hội đồng đánh giá chuyên đề, đánh giá luận án cấp bộ môn đã có những đóng góp cụ thể, chi tiết về mặt chuyên môn giúp cho nghiên cứu sinh hoàn thành luận án của mình.

Nghiên cứu sinh xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban lãnh đạo UBND quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội, các anh chị em đồng nghiệp trong UBND, đã tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ nghiên cứu sinh trong suốt thời gian qua.

Nghiên cứu sinh cũng xin được gửi lời cảm ơn đến các anh chị em ở Sở tài chính Hà Nội đã hỗ trợ và giúp đỡ nghiên cứu sinh trong quá trình thu thập số liệu phục vụ nghiên cứu.

Cuối cùng nghiên cứu sinh xin được gửi lời tri ân sâu sắc đến những người thân trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã tạo điều kiện, động viên, hỗ trợ nghiên cứu sinh trong suốt thời gian qua.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**NCS. Ngô Thị Hồng Hạnh**

## MỤC LỤC

|  |             |
|--|-------------|
| <b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....  | <b>i</b>    |
| <b>LỜI CẢM ƠN</b> .....  | <b>ii</b>   |
| <b>DANH MỤC BẢNG</b> .....   | <b>vii</b>  |
| <b>DANH MỤC SƠ ĐỒ</b> .....  | <b>viii</b> |
| <b>DANH MỤC HÌNH</b> .....   | <b>viii</b> |
| <b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....  | <b>ix</b>   |
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....   | <b>1</b>    |
| <b>1. Tính cấp thiết của đề tài</b> .....  | <b>1</b>    |
| <b>2. Mục tiêu, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu</b> .....   | <b>2</b>    |
| <b>3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu</b> .....  | <b>3</b>    |
| <b>4. Những đóng góp mới của luận án</b> .....   | <b>3</b>    |
| <b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....                                      | <b>5</b>    |
| <b>1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án</b> .....  | <b>5</b>    |
| 1.1.1. Các nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước.....   | 5           |
| 1.1.2. Các nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước .....   | 9           |
| 1.1.3. Những nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách Nhà nước cấp địa phương. ....                 | 13          |
| 1.1.4. Những giá trị khoa học được kế thừa và khoảng trống nghiên cứu .....  | 15          |
| <b>1.2. Quy trình và phương pháp nghiên cứu của luận án</b> .....  | <b>17</b>   |
| 1.2.1. Quy trình nghiên cứu.....   | 17          |
| 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu định tính.....   | 19          |
| 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu định lượng .....   | 21          |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....   | <b>25</b>   |
| <b>CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP ĐỊA PHƯƠNG</b> ..... | <b>26</b>   |
| <b>2.1. Hệ thống ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước</b> .....  | <b>26</b>   |
| 2.1.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của ngân sách nhà nước .....  | 26          |
| 2.1.2. Cơ cấu tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước .....  | 35          |
| 2.1.3. Quản lý ngân sách nhà nước.....   | 38          |
| 2.1.4. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước .....   | 42          |
| 2.1.5. Quy trình quản lý ngân sách nhà nước .....  | 50          |
| <b>2.2. Nội dung quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương</b> .....   | <b>54</b>   |

|   |           |
|---|-----------|
| 2.2.1. Hoạt động tham mưu cho cấp trên trong quản lý ngân sách .....  | 54        |
| 2.2.2. Quản lý lập dự toán ngân sách nhà nước.....  | 55        |
| 2.2.3. Quản lý thu ngân sách nhà nước .....   | 56        |
| 2.2.4. Quản lý chi ngân sách nhà nước.....  | 58        |
| 2.2.5. Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước .....   | 60        |
| 2.2.6. Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước .....  | 61        |
| 2.2.7. Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước .....   | 62        |
| <b>2.3. Chỉ tiêu đánh giá quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương.....</b>                                  | <b>63</b> |
| 2.3.1. Mức độ hoàn thành dự toán thu.....   | 63        |
| 2.3.2. Mức độ hoàn thành dự toán chi .....  | 63        |
| 2.3.3. Khả năng cân đối ngân sách .....   | 64        |
| 2.3.4. Tuân thủ các quy định trong chấp hành ngân sách.....   | 65        |
| <b>2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách cấp địa phương .....</b>                                  | <b>66</b> |
| 2.4.1. Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương .....  | 67        |
| 2.4.2. Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước .....  | 67        |
| 2.4.3. Quy trình thủ tục trong thu chi ngân sách nhà nước .....   | 68        |
| 2.4.4. Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN.....  | 68        |
| 2.4.5. Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN .....                                      | 68        |
| 2.4.6. Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức.....   | 69        |
| 2.4.7. Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước.....   | 69        |
| <b>2.5. Quản lý ngân sách nhà nước tại một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho thành phố Hà Nội.....</b> | <b>70</b> |
| 2.5.1. Kinh nghiệm quản lý ngân sách tại một số địa phương .....  | 70        |
| 2.5.2. Bài học kinh nghiệm quản lý ngân sách cho Sở Tài chính Hà Nội.....                                     | 73        |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>   | <b>74</b> |
| <b>CHƯƠNG 3 : THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI.....</b>                                   | <b>75</b> |
| <b>3.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội.....</b>  | <b>75</b> |
| 3.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên của thành phố Hà Nội.....   | 75        |
| 3.1.2. Đặc điểm cơ bản về kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.....  | 76        |
| <b>3.2. Tổ chức hệ thống quản lý NSNN của thành phố Hà Nội .....</b>  | <b>77</b> |
| 3.2.1. Cơ quan chấp hành thu ngân sách .....  | 79        |
| 3.2.2. Cơ quan chấp hành chi và cân đối ngân sách.....  | 81        |
| <b>3.3. Thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.....</b>                      | <b>87</b> |
| 3.3.1. Hoạt động tham mưu cho cấp trên trong quản lý ngân sách nhà nước .....                                 | 87        |

|  |            |
|--|------------|
| 3.3.2. Quản lý lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước.....  | 89         |
| 3.3.3. Phối hợp quản lý thu ngân sách nhà nước theo phân cấp.....  | 92         |
| 3.3.4. Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phân cấp .....  | 96         |
| 3.3.5. Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước .....  | 101        |
| 3.3.6. Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước .....   | 104        |
| 3.3.7. Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước .....  | 106        |
| <b>3.4. Kết quả quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội.....</b>   | <b>107</b> |
| 3.4.1. Mức độ hoàn thành dự toán thu.....  | 107        |
| 3.4.2. Mức độ hoàn thành dự toán chi .....   | 110        |
| 3.4.3. Khả năng cân đối ngân sách .....  | 111        |
| 3.4.4. Tuân thủ các quy định trong chấp hành ngân sách.....  | 113        |
| <b>3.5. Kiểm định ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở tài chính thành phố Hà Nội .....</b> | <b>116</b> |
| 3.5.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu.....   | 116        |
| 3.5.2. Kết quả kiểm định .....   | 122        |
| 3.5.3. Nghiên cứu định tính bổ sung .....  | 129        |
| <b>3.6. Đánh giá chung .....</b>   | <b>140</b> |
| 3.6.1. Những kết quả đạt được .....  | 140        |
| 3.6.2. Những hạn chế.....  | 142        |
| 3.6.3. Nguyên nhân hạn chế .....   | 145        |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>  | <b>147</b> |
| <b>CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI.....</b>                          | <b>148</b> |
| <b>4.1. Mục tiêu và phương hướng quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 .....</b>   | <b>148</b> |
| 4.1.1. Mục tiêu quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội .....  | 148        |
| 4.1.2. Phương hướng quản lý ngân sách thành phố Hà Nội.....  | 149        |
| <b>4.2. Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.....</b>                               | <b>150</b> |
| 4.2.1. Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước .....   | 150        |
| 4.2.2. Đổi mới quy trình lập và quyết định dự toán NSNN .....  | 151        |
| 4.2.3. Tăng cường hoạt động giám sát trong quá trình chấp hành NSNN .....  | 152        |
| 4.2.4. Đổi mới trong thực hiện quyết toán ngân sách Nhà nước.....  | 153        |
| 4.2.5. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản chi ngân sách Nhà nước.....  | 153        |

|   |              |
|---|--------------|
| 4.2.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý ngân sách Nhà nước .....      | 154          |
| 4.2.7. Tăng cường cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý thu, chi NSNN ..... | 155          |
| 4.2.8. Nâng cao trình độ cán bộ, công chức đáp ứng các nhu cầu về quản lý ngân sách Nhà nước .....          | 155          |
| <b>4.3. Khuyến nghị .....</b>   | <b>156</b>   |
| 4.3.1. Khuyến nghị với UBND thành phố Hà Nội .....  | 156          |
| 4.3.2. Khuyến nghị với cơ quan thuế và cơ quan hải quan .....   | 157          |
| <b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....</b>   | <b>159</b>   |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>   | <b>159</b>   |
| <b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ.....</b>  | <b>x</b>     |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>   | <b>x</b>     |
| <b>PHỤ LỤC 1 .....</b>  | <b>xvi</b>   |
| <b>PHỤ LỤC 2 .....</b>  | <b>xxi</b>   |
| <b>PHỤ LỤC 3 .....</b>  | <b>xxii</b>  |
| <b>PHỤ LỤC 4 .....</b>  | <b>xxiii</b> |



## DANH MỤC BẢNG

|   |     |
|---|-----|
| Bảng 3.1. Định mức phân bổ chi ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể giai đoạn 2017-2020 .....                         | 92  |
| Bảng 3.2. Thu ngân sách theo quận huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....                             | 93  |
| Bảng 3.3. Tổng hợp thu NSNN trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....   | 95  |
| Bảng 3.4. Chi ngân sách theo quận huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....                             | 97  |
| Bảng 3.5. Chi ngân sách nhà nước tại Hà Nội giai đoạn 2010-2017 .....   | 99  |
| Bảng 3.6: Tổng hợp cân đối thu chi NSNN Hà Nội thời kỳ 2010 – 2017 .....  | 102 |
| Bảng 3.7. Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp thành phố và chi ngân sách huyện năm 2019 .....                        | 103 |
| Bảng 3.8. Mức độ hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....                                 | 107 |
| Bảng 3.9. Mức độ thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước của Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....                              | 110 |
| Bảng 3.10. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách của Hà Nội giai đoạn 2010 - 2017 ..... | 111 |
| Bảng 3.11. Kết dư ngân sách địa phương của Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017 .....   | 112 |
| Bảng 3.12. Danh sách các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu .....   | 119 |
| Bảng 3.13. Kết quả kiểm định Cronbach’s Alpha .....   | 122 |
| Bảng 3.14. Hệ số KMO và ma trận xoay .....  | 124 |
| Bảng 3.15. Mối quan hệ tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập .....   | 126 |
| Bảng 3.16. Kết quả phân tích hồi quy .....  | 127 |
| Bảng 3.17. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết .....  | 129 |
| Bảng 3.18. Thống kê mô tả đánh giá về điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội .....   | 130 |
| Bảng 3.19. Thống kê mô tả đánh giá về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước .....   | 131 |
| Bảng 3.20. Thống kê mô tả đánh giá về quy trình thủ tục trong quản lý NSNN .....  | 132 |
| Bảng 3.21. Thống kê mô tả đánh giá về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN .....  | 134 |
| Bảng 3.22. Thống kê mô tả đánh giá về khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN .....  | 135 |
| Bảng 3.23. Thống kê mô tả đánh giá về bộ máy quản lý ngân sách nhà nước .....   | 136 |
| Bảng 3.24. Thống kê mô tả đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quản lý NSNN .....   | 139 |

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|   |     |
|---|-----|
| Sơ đồ 1.1. Quy trình nghiên cứu .....                                     | 18  |
| Sơ đồ 2.1. Hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường .....          | 35  |
| Sơ đồ 2.2. Hệ thống ngân sách Nhà nước ở Việt Nam.....                    | 37  |
| Sơ đồ 3.1. Hệ thống quản lý ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội ..... | 78  |
| Sơ đồ 3.2. Mô hình nghiên cứu .....                                       | 117 |

**DANH MỤC HÌNH**

|  |     |
|--|-----|
| Hình 3.1. Kết quả đánh giá Cải cách Tài chính công của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017.....                       | 109 |
| Hình 3.2. So sánh các tiêu chí thành phần trong Cải cách Tài chính công của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017 ..... | 109 |

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|        |                                |
|--------|--------------------------------|
| CNTT   | : Công nghệ thông tin          |
| CQTW   | : Chính quyền trung ương       |
| CQĐP   | : Chính quyền địa phương       |
| ĐTPT   | : Đầu tư phát triển            |
| HĐND   | : Hội đồng nhân dân            |
| KHĐT   | : Kế hoạch đầu tư              |
| KBNN   | : Kho bạc Nhà nước             |
| NHNN   | : Ngân hàng Nhà nước           |
| NHTM   | : Ngân hàng Thương mại         |
| NHTW   | : Ngân hàng Trung ương         |
| NSNN   | : Ngân sách nhà nước           |
| NSTW   | : Ngân sách trung ương         |
| NSDP   | : Ngân sách địa phương         |
| QLNS   | : Quản lý ngân sách            |
| TCHCSN | : Tổ chức hành chính sự nghiệp |
| UBND   | : Ủy ban nhân dân              |
| XDCB   | : Xây dựng cơ bản              |

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Ngân sách Nhà nước bao gồm toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định để bảo đảm thực hiện các chức năng của Nhà nước. Ngân sách Nhà nước là công cụ chính điều chỉnh nền kinh tế vĩ mô và giữ vai trò quan trọng trong việc huy động và phân phối các nguồn lực của nền kinh tế nhằm đảm bảo các hoạt động của Nhà nước, đồng thời góp phần phân phối các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế ổn định và bền vững, giải quyết những vấn đề an sinh xã hội, thực hiện công bằng cũng như đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị.

Trong công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế Việt Nam chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường, ngân sách Nhà nước trở thành một trong những công cụ điều tiết vĩ mô quan trọng; giữ vai trò chủ yếu trong việc huy động và phân phối các nguồn lực của nền kinh tế nhằm đảm bảo các hoạt động của Nhà nước, đồng thời góp phần phân phối các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế ổn định và bền vững... Tuy nhiên trong quá trình thực hiện quản lý thu chi ngân sách nhà nước tại Việt Nam vẫn bộc lộ những điểm bất cập như việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách còn chậm và chưa đầy đủ, hợp lý... Do đó, rất cần có những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu từ phía các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhằm khắc phục tình trạng trên.

Sở Tài chính Hà Nội là cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về tài chính – ngân sách của địa phương, tổ chức quản lý chu trình ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. Trong quá trình cải cách tài chính công ở Việt Nam, cùng với sự hoàn thiện môi trường pháp lý, các cơ quan quản lý chuyên ngành nói chung và Sở Tài chính Hà Nội nói riêng đã có nhiều cải tiến trong công tác quản lý NSNN và đã đem lại kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, trên thực tế, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội vẫn xuất hiện những tồn tại, bất cập. Đặc biệt, trong bối cảnh mới với nhiều sự thay đổi, Thành phố Hà Nội mở rộng hơn do sát nhập thêm các quận, huyện từ Hà Tây kèm theo một số quận, huyện mới được thành lập do chia tách, nên địa bàn phân tán rộng, số lượng các đơn vị quản lý hành chính, chính quyền địa phương nhiều hơn dẫn đến việc quản lý ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn. Tại một số quận, huyện ở xa trung tâm, quy trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách còn chậm đổi mới so với yêu cầu phát triển, còn có những điểm chưa phù hợp và chưa đúng theo quy định của Nhà nước. Tình trạng quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước vẫn chưa bao quát được hết các nguồn thu cũng như các khoản chi; chưa có quan điểm xử lý rõ ràng về các khoản thu, chi sai quy định của Nhà nước hoặc chưa tập trung quản lý ngân sách Nhà nước có hiệu quả. Công tác thanh tra kiểm tra là khâu rất

quan trọng, nhưng chưa được quan tâm đúng mức. Đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách còn hạn chế về chuyên môn, kinh nghiệm và chưa thực sự áp dụng những tiến bộ khoa học trong công tác để nâng cao hiệu quả công việc... Với vai trò là cơ quan quản lý chuyên môn, rất cần có sự hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát của Sở Tài chính Hà Nội để hoạt động quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội chính xác và hiệu quả hơn.

Thực tiễn đó đặt ra đòi hỏi khách quan phải nghiên cứu để tìm ra giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Chính vì lý do đó, tác giả chọn đề tài “**Quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội**” cho luận án tiến sĩ của mình.

## **2. Mục tiêu, nhiệm vụ và câu hỏi nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Thông qua nghiên cứu thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội; kiểm định, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố khách quan và chủ quan đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội, luận án đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu nêu trên, luận án đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

+ Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, từ đó tìm ra khoảng trống nghiên cứu.

+ Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách Nhà nước và quản lý ngân sách Nhà nước cấp địa phương.

+ Khảo sát thực trạng hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017, kiểm định và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố khách quan và chủ quan đến hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội, chỉ ra được những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của nó.

+ Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý Ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội đến 2025, tầm nhìn 2030.

### **2.3. Câu hỏi nghiên cứu**

Thực hiện đề tài luận án nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Quản lý ngân sách nhà nước theo cách tiếp cận từ một cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương – cơ sở lý luận và thực tiễn?

- Nội dung quản lý ngân sách địa phương, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách Nhà nước cấp địa phương?

- Kinh nghiệm quản lý ngân sách tại một địa phương và bài học nào cho Sở Tài chính Hà Nội trong quản lý ngân sách nhà nước?

- Thực trạng hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội được thực hiện như thế nào? Những bất cập, hạn chế trong hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội và nguyên nhân của nó?

- Mục tiêu, phương hướng quản lý ngân sách nhà nước Sở Tài chính Hà Nội đến năm 2025 và những năm tiếp theo?

- Để hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội đáp ứng tốt các mục tiêu đề ra trong bối cảnh mới cần có những giải pháp nào?

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động quản lý ngân sách nhà nước địa phương tại Sở Tài chính.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung nghiên cứu:* Tiếp cận nghiên cứu của luận án là hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội – là đơn vị quản lý tài chính chuyên ngành có chức năng quản lý ngân sách tất cả các quận/huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội, luận án tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý ngân sách cấp địa phương theo chu trình ngân sách. Luận án không nghiên cứu về vấn đề quản lý tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước (tài sản công).

*Về không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu hoạt động quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội do Sở Tài chính Hà Nội là cơ quan tài chính chuyên ngành được giao nhiệm vụ, bao gồm cả các đơn vị quản lý thu, các đơn vị quản lý chi ngân sách trực thuộc sự quản lý của Sở Tài chính Hà Nội, và các đơn vị thụ hưởng ngân sách địa phương trên địa bàn thành phố Hà Nội.

*Về thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội trong giai đoạn 2010 - 2017 và đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội đến 2025, tầm nhìn 2030.

### **4. Những đóng góp mới của luận án**

*Những đóng góp về mặt học thuật, lý luận:*

- Luận án góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương.

- Luận án đề xuất được hệ thống tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý ngân sách cấp địa phương.

- Luận án xây dựng được khung phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách cấp địa phương.

*Những đóng góp về thực tiễn:*

- Luận án đã khảo sát, phân tích thực trạng quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội trên các khía cạnh: Tham mưu trong quản lý ngân sách địa phương; Quản lý chu trình ngân sách theo phân cấp (lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước;

Phối hợp quản lý thu ngân sách nhà nước theo phân cấp; Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phân cấp; Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước); Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước; Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước.

- Kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở tài chính Hà Nội.

- Đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân gây ra những hạn chế trong quản lý ngân sách nhà nước của Sở tài chính Hà Nội.

*Những đóng góp về giải pháp:*

- Luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội: (i) Hoàn thiện về việc phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước; (ii) Đổi mới quy trình lập và quyết định dự toán NSNN; (iii) Tăng cường hoạt động trong quá trình chấp hành NSNN; (iv) Đổi mới trong thực hiện quyết toán NSNN; (v) Quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản chi NSNN; (vi) Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý NSNN; (vii) Tăng cường cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý thu, chi NSNN; (viii) Nâng cao trình độ cán bộ, công chức đáp ứng các nhu cầu về quản lý NSNN.

## **5. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận án được trình bày trong 4 chương:

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

*Chương 2:* Cơ sở lý luận và thực tiễn về ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương.

*Chương 3:* Thực trạng quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

*Chương 4:* Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

#### 1.1.1. Các nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước

Hiện nay, các vấn đề liên quan đến nội dung quản lý ngân sách Nhà nước, chu trình quản lý ngân sách Nhà nước bao gồm các vấn đề về thu - chi, cân đối ngân sách Nhà nước đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước đề cập đến dựa trên những lập luận và nghiên cứu cụ thể:

##### (1). Các nghiên cứu nước ngoài

- Richard Lingensjo (2002) nghiên cứu đề tài “*Construction budget management*”, California Construction Consultan, United States of America - “Xây dựng quản lý ngân sách” đã xây dựng các quan điểm quản lý ngân sách thiết thực dựa trên các vấn đề và kinh nghiệm thực tiễn, từ đó đề ra các giải pháp để quản lý ngân sách. Trong nghiên cứu, tác giả nhấn mạnh thu ngân sách là thuật ngữ dùng để mô tả các nguồn lực tài chính của một quốc gia thu được trong một thời kỳ, chủ yếu là từ thuế, đôi khi từ các khoản thu khác như bán tài sản nhà nước, cho thuê tài sản, được tặng hay viện trợ... Chi ngân sách dùng để chi các khoản thanh toán của chính phủ theo luật (*được Nghị viện phê chuẩn*), hoặc theo nghĩa vụ hợp đồng (*Chính phủ đóng vai trò là chủ thể ký kết*), hoặc chi trả lãi vay... Sự chênh lệch giữa thu ngân sách và chi ngân sách tạo ra thâm hụt/ hoặc thặng dư. Khi ngân sách của một quốc gia bị thâm hụt, chính phủ của quốc gia đó sẽ phải tìm thêm nguồn huy động khác hoặc cắt giảm bớt các chương trình chi tiêu khác. *Vay mượn* là biện pháp tạm thời để cân đối thâm hụt ngân sách. Ngược lại, khi một quốc gia có thặng dư ngân sách, chính phủ có thêm nhiều cơ hội để tài trợ cho mục tiêu phát triển của quốc gia đó.

- Janet M.Kelly William C.Rivenbark (2011), đã có công trình nghiên cứu năm 2011 về vấn đề lập và chấp hành dự toán ngân sách Nhà nước cho chính quyền trung ương và địa phương với ví dụ thực tiễn về một vài tiểu bang của nước Mỹ, công trình khoa học có tiêu đề “*Performance budgeting for state and local government*” - “Thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước cho chính quyền trung ương và địa phương”, M.E. Sharpe, Inc, New York

- F. Stevens Redburn Robert J. Shea và Terry F.Buss (2008) với công trình nghiên cứu tiêu đề “*Performance management and budgeting: How governments can learn from experience*”, National Academy of public administration, 2008, M.E. Sharpe, Inc, New York - “Quản lý hoạt động và ngân sách: chính phủ có thể học hỏi từ kinh nghiệm thực tế thế nào”. Nghiên cứu này đã chỉ rõ những kinh nghiệm từ thực tiễn trong việc quản lý ngân sách Nhà nước và bài học cho Nhà nước để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước

- Aman Khan W.Bartley Hildreth (2012), công trình nghiên cứu với đề tài “*Case studies in Public Budgeting and Financial Management*” - “Các tình huống



ngiên cứu ngân sách và quản lý tài chính công” đã chỉ rõ các tình huống có thể xảy ra trong quá trình quản lý ngân sách cho Nhà nước và cũng đã nêu một số bài học kinh nghiệm rút ra từ các tình huống trên.

- Gerald J. Miller (2012) đã công bố công trình nghiên cứu khoa học với tiêu đề “*Government Budgeting and Financial Management in Practice*” - “Ngân sách Nhà nước và quản lý tài chính trong thực tiễn”, CRC Press – Taylor and Francis Group. Công trình này đã tập trung nghiên cứu vấn đề quản lý ngân sách của Nhà nước Mỹ và các chương trình tiết kiệm phục vụ ngân sách thông qua việc khảo sát và thu thập các thông tin từ phòng quản lý ngân sách. Đây là một nghiên cứu hữu ích có giá trị tham khảo lớn cho các nước trong vấn đề quản lý thu chi ngân sách.

- Báo cáo của Quỹ tiền tệ Quốc tế đã đề cập đến vấn đề “*Government financial management, Issues and country studies*” - “Quản lý tài chính của chính phủ, vấn đề và nghiên cứu Quốc gia” (1993), International Monetary Fund, Publication Services Washington, USA. Báo cáo này đã ghi lại quá trình nghiên cứu, giám sát quy trình thực hiện quản lý ngân sách Nhà nước và việc cung cấp thông tin phục vụ quản lý ngân sách Nhà nước, tài chính công của hệ thống ngân sách ở Trung Quốc, trong đó báo cáo đã nêu rõ phần lớn các doanh nghiệp kinh doanh thuộc quyền sở hữu Nhà nước vẫn còn một số hạn chế dẫn đến thất thoát trong quá trình quản lý ngân sách.

- Nhóm tác giả của Hội đồng Châu Âu đã xây dựng và đề xuất cơ quan quản lý ban hành “*Budgetary procedures and budget management at local authority level*” - “Quy trình cấp phát ngân sách và quản lý ngân sách ở cấp chính quyền địa phương”, Council of Europe Publishing Editions du Conseil de l’Europe, 2002. Trong đó các nội dung về phân cấp ngân sách đã được đề cập rõ ràng phù hợp với đặc điểm của từng khu vực.

- Công trình nghiên cứu khoa học của Abachi và Salamatu (2012) sử dụng dữ liệu tổng thể về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của Nigeria trong giai đoạn từ 1970 đến 2009, bằng phương pháp OLS lại tìm thấy kết quả cho rằng phân cấp tài khóa có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của Nigeria.

- Tác giả người Pháp Michael Spackman (2002) đã phân tích về hiệu quả ngân sách và các kế hoạch đầu tư công để nâng cao tính hiệu quả của ngân sách Nhà nước. Tác giả nêu rõ hiệu quả quản lý chi ngân sách Nhà nước biểu hiện ở sự phân phối hợp lý, có tính trọng tâm, trọng điểm nhằm mang lại hiệu quả bền vững đối với đầu tư phát triển và tiết kiệm tối đa trong các khoản chi thường xuyên, để khắc phục bội chi ngân sách trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội tương ứng đã được xác lập.

## **(2). Các nghiên cứu trong nước**

- Tác giả Huỳnh Văn Hoài (2001), *Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý Ngân sách Nhà nước*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội. Trong cuốn sách này, tác giả đã hệ thống hóa toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật, các nghị định, thông tư hướng dẫn và pháp luật về quản lý ngân sách Nhà nước. Tác giả Hoàng Anh (2006), cũng đề cập đến

các quy định mới về quản lý thu chi ngân sách mua sắm và sử dụng tài sản Nhà nước trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Đây là những nền tảng kiến thức rất hữu ích cho luận án trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về quản lý Ngân sách Nhà nước dựa trên cơ sở các quy định và các luật định của Nhà nước Việt Nam.

- TS. Bùi Thị Mai Hoài (2007), *Cân đối ngân sách Nhà nước Việt Nam trong nền kinh tế thị trường*, NXB Đại học Quốc gia, thành phố HCM. Trong nghiên cứu của mình, TS. Bùi Thị Mai Hoài đã đề cập đến vấn đề cân đối ngân sách Nhà nước Việt Nam, đặt trong bối cảnh nền kinh tế thị trường. Đây là một vấn đề cần thiết để nhận ra những lý thuyết về cân đối thu chi ngân sách, một trong những vấn đề cơ bản liên quan đến lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước.

- Tác giả Nguyễn Ngọc Hùng (2015), *Quản lý NSNN*, NXB Thống kê, Hà Nội. Với nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Ngọc Hùng cũng đã hệ thống những vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan đến quản lý NSNN như các vấn đề về lý thuyết ngân sách nhà nước, chu trình quản lý ngân sách Nhà nước, vai trò của quản lý NSNN, các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý NSNN, các vấn đề về thu, chi ngân sách và cân đối ngân sách nhà nước. Trong đó, tác giả đã nêu rõ: Quản lý nói chung được quan niệm như một quy trình công nghệ mà chủ thể quản lý tiến hành thông qua việc sử dụng các công cụ và phương pháp thích hợp nhằm tác động và điều khiển đối tượng quản lý hoạt động phát triển phù hợp với quy luật khách quan và đạt tới các mục tiêu đã định. Trong hoạt động quản lý, các vấn đề về: Chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, công cụ và phương pháp quản lý, mục tiêu quản lý là những yếu tố trung tâm đòi hỏi phải xác định đúng đắn.

- Tác giả Lê Ngọc Châu (2004) đã nghiên cứu Luận án tiến sĩ với đề tài “*Một số giải pháp tăng cường kiểm soát chi NSNN qua hệ thống Kho bạc Nhà nước trong điều kiện ứng dụng tin học*”. Với đề tài nghiên cứu của mình, tác giả đã nêu ra những lý thuyết cơ bản về kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, nghiên cứu này tập trung trong lĩnh vực ứng dụng tin học trong hệ thống Kho bạc Nhà nước để tăng cường kiểm soát chi NSNN.

- Tác giả Lê Hùng Sơn (2003) đã nghiên cứu Luận án tiến sĩ với đề tài “*Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý tài chính dự án đầu tư tại hệ thống kho bạc nhà nước ở Việt Nam*”. Nghiên cứu này chủ yếu đề cập đến hệ thống thu chi ngân sách Nhà nước qua kho bạc Nhà nước, đây cũng là một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn giúp cho đề tài nghiên cứu với những kiến thức cơ bản về kho bạc Nhà nước.

- Các tác giả Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009) đã nêu rõ quy trình quản lý ngân sách Nhà nước là dùng để chỉ toàn bộ hoạt động của một ngân sách kể từ khi bắt đầu hình thành cho tới khi kết thúc chuyển sang ngân sách mới. Một chu trình ngân sách gồm 3 khâu tiếp nối nhau đó là: lập ngân sách; chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách. Một chu trình ngân sách thường bắt đầu từ trước năm ngân sách

và kết thúc sau năm ngân sách. Trong một năm ngân sách đồng thời diễn ra cả 3 khâu của chu trình ngân sách là chấp hành ngân sách của chu trình ngân sách hiện tại; quyết toán ngân sách của chu trình ngân sách trước đó và lập ngân sách cho chu trình tiếp theo.

- Tác giả Nguyễn Thị Phú Hà (2007) nghiên cứu Luận án tiến sĩ với đề tài “*Nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước nhằm phục vụ nhu cầu phát triển ở Việt Nam*” tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. Đề tài này đã đề cập đến vấn đề hiệu quả quản lý NSNN một cách cụ thể cả về lý luận và thực tiễn nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

- Tác giả Tô Thiện Hiền (2012) nghiên cứu luận án tiến sĩ với đề tài “*Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020*”, thành phố Hồ Chí Minh. Với đề tài này, tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách Nhà nước cấp tỉnh (thành phố) từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước tại tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015.

- Tác giả Trần Văn Hồng (2002) nghiên cứu Luận án tiến sĩ với đề tài “*Đổi mới cơ chế quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB của Nhà nước*” tại Học viện Tài chính, Hà Nội. Công trình này cũng đề cập đến vấn đề nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn ngân sách trong lĩnh vực đầu tư XDCB của Nhà nước bằng biện pháp đổi mới cơ chế quản lý sử dụng vốn. Đây là nghiên cứu hữu ích cho đề tài trong vấn đề nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước, đặc biệt đối với lĩnh vực đầu tư XDCB, đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với Nhà nước.

- Tác giả Bùi Mạnh Cường (2012) luận án tiến sĩ với đề tài “*Nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước ở Việt Nam*”, Hà Nội. Nghiên cứu đã làm rõ những vấn đề về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Sử dụng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đánh giá hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2005-2010 từ đó đề xuất định hướng, hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước ở Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020.

- Tác giả Nguyễn Ngọc Thao (2007) đã nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ quản lý kinh tế: “*Phát huy vai trò của NSNN góp phần phát triển kinh tế Việt Nam*”. Trong nghiên cứu, tác giả đã phân tích vai trò của NSNN với các minh chứng cụ thể tại một số địa phương, tỉnh thành phố và cấp trung ương. Đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm phát huy vai trò của NSNN góp phần phát triển kinh tế Việt Nam cũng như nâng cao hiệu quả quản lý NSNN.

### 1.1.2. Các nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

Tầm quan trọng của quản lý ngân sách Nhà nước và khả năng tác động của mức độ phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân ở các nước phát triển và đang phát triển được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Cho đến hiện tại, đã có nhiều nghiên cứu mang tính lý thuyết và thực nghiệm về quản lý ngân sách Nhà nước và tác động của phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước

#### (1). Các nghiên cứu nước ngoài

- Tác giả Allen Schick (2007), trong cuốn sách “The Federal Budget: Politics, Policy, Process” (Ngân sách Liên Bang: chính trị, chính sách, quy trình) đã chỉ ra rằng, phân bổ ngân sách tác động đến nhiều mặt khác nhau của đời sống KT-XH, đến nhiều nhóm lợi ích khác nhau. Theo các ông, phân bổ ngân sách thực chất là quy trình đàm phán giữa các nhóm lợi ích để hiện thực hoá chính sách mà mỗi nhóm hướng tới. Trong nhiều trường hợp, tính hiệu quả kinh tế và tính công bằng trong huy động và phân bổ nguồn lực, cũng như lợi ích giữa các nhóm có tính chất xung đột với nhau. Công trình nghiên cứu này còn cho thấy, quy trình quản lý ngân sách thể hiện rất rõ tính chất chính trị và tính lựa chọn mục tiêu chi NSNN. Tác giả nhấn mạnh: quản lý ngân sách và quy trình quản lý ngân sách là một trong những nội dung phức tạp nhất của quản lý nhà nước. Tính phức tạp thể hiện cả ở mặt chính trị lẫn mặt chính sách. Các tác giả cũng cho biết, hàng trăm năm nay, ở Hoa Kỳ không mấy khi đạt được sự thoả mãn của cả hai bên đối với việc phân bổ và sử dụng ngân sách. Cuộc đấu tranh sẽ dẫn đến kết quả ngân sách được phân chia theo mong muốn của bên nào có quyền lực mạnh hơn. Cho dù việc đưa ra các lựa chọn có khó khăn đến thế nào thì Tổng thống vẫn phải đệ trình lên Quốc hội dự thảo ngân sách và Quốc hội phải quyết định thực hiện việc phân bổ ngân sách.

Khi xuất hiện những xung đột giữa Tổng thống và Quốc hội, việc hoạch định và thông qua một chính sách nào đó có thể bị trì hoãn cho đến khi đạt được sự thống nhất giữa các bên. Tuy nhiên, đối với quy trình ngân sách, các bên không thể trì hoãn trách nhiệm trong việc đưa ra quyết định. Bởi lẽ nếu họ làm như vậy, rất nhiều các chương trình, hoạt động của chính phủ sẽ phải dừng lại vì không có ngân quỹ. Thậm chí, nếu điều này xảy ra, thì cuối cùng hai bên vẫn phải ngồi lại và nhanh chóng đi đến các quyết định để đảm bảo các dịch vụ công do nhà nước cung cấp không bị gián đoạn. Do đó quản lý chi NSNN luôn mang tính thỏa thuận giữa các nhóm có lợi ích mâu thuẫn và luôn là giải pháp có tính tình thế.

- Kurt M.Thurmaier và Katherine G.Willoughby (2001) trong cuốn sách “Policy and Politics in State Budgeting” (Chính sách và chính trị trong ngân sách nhà nước) đã nghiên cứu về quy trình quản lý ngân sách ở các tiểu bang của Hoa Kỳ, hoạt động của các cơ quan quản lý ngân sách ở các tiểu bang, vai trò, ảnh hưởng và cách thức họ ra quyết định về chính sách ngân sách; quy trình ra quyết định ngân sách ... Ngân sách của mỗi tiểu bang độc lập với ngân sách của liên bang. Mỗi tiểu bang có

quyền khai thác nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí, tài nguyên và các khoản thu khác trong phạm vi quản lý để thực hiện các nhiệm vụ chi riêng của mình. Cơ chế tổ chức ngân sách của các bang do Hiến pháp hoặc Luật Ngân sách của bang quy định, mỗi bang có những điểm đặc thù khác nhau.

- Tác giả Jonh M.Kim với công trình nghiên cứu “*From Line – item to Program Budgeting Global Lessons and the Korean Case*” (từ khoản mục đến bài học toàn cầu về chương trình Ngân sách và Trường hợp Hàn Quốc). Tác giả Jonh M.Kim đã đề cập đến đổi mới phương thức quản lý NSNN của Hàn Quốc, phân tích quá trình chuyển từ quản lý ngân sách theo khoản mục sang quản lý ngân sách theo chương trình. Trong công trình này, tác giả đã trình bày các nguyên tắc cơ bản, những khung khổ pháp lý cơ bản của lập ngân sách theo chương trình, những điều kiện để Hàn Quốc chuyển đổi thành công từ quản lý ngân sách theo đầu vào sang quản lý ngân sách theo kết quả đầu ra. Tác giả cho rằng, quy trình quản lý ngân sách theo chương trình không chỉ phản ánh những thông tin về các con số kế toán khô khan, mà là công cụ hiệu quả cho việc phân tích chính sách, đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý, cũng như đánh giá hiệu quả phân bổ ngân sách. Tác giả cũng chỉ rõ: Lập ngân sách theo chương trình có nhiều cấp độ quy mô và nội dung khác nhau, với sự tham gia của nhiều bộ, ngành liên quan. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả cũng phân tích quy trình lập ngân sách theo chương trình gồm các yếu tố: Đầu vào, đầu ra, kết quả, tiêu chí đo lường hoạt động, chi phí cho chương trình, vai trò của các chủ thể quản lý và thụ hưởng trong các chương trình. Theo tác giả, để chuyển đổi từ lập ngân sách theo phương thức truyền thống sang lập ngân sách theo chương trình cần thiết lập một nhóm nghiên cứu chuyên trách trong Bộ Kế hoạch – Ngân sách để xây dựng khung khổ chương trình tổng quát với sự tham gia của các bộ liên quan, đồng thời phải thiết kế chương trình thử nghiệm cho các bộ, trong đó mô tả rõ mục tiêu của chương trình, xác định cách hoạt động và các dự án cần đầu tư của mỗi chương trình, dự tính đầu vào, chi phí cho các hoạt động, các dự án đầu tư, cung cấp các số liệu đầu vào phi tài chính và các đầu ra cho các hoạt động và dự án.

- Muhammad Zahir Faridi (2011) đã sử dụng dữ liệu tổng thể dạng chuỗi thời gian về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa chính quyền trung ương và địa phương trong giai đoạn 1972 - 2009 để xem xét tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế, phương pháp được sử dụng để ước lượng là OLS. Kết quả tìm thấy phân cấp tài khóa có tác động quan trọng và tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở Pakistan.

- Tác giả Angel de la Fuente (2003), trong bài viết “*Second-best redistribution through public investment: a characterization, an empirical test and an application to the case of Spain*” (Phân bổ lại tốt nhất lần thứ hai qua đầu tư công, đặc thù, kiểm tra thực tiễn và ứng dụng tại Tây Ban Nha), đã làm rõ vai trò của phân phối lại thông qua

đầu tư công. Bài viết đã phát triển phương pháp thực nghiệm bằng cách so sánh sự phân bổ quan sát được của các cơ sở hạ tầng ở các khu vực với sự phân bổ tối ưu xác định trong quy hoạch để đánh giá tính tối ưu của chính sách đầu tư công.

## **(2). Các nghiên cứu trong nước**

- PGS.TS Lê Chi Mai (2006), *Phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Công trình nghiên cứu này cũng đã cung cấp cụ thể các cơ sở lý luận và thực tiễn về phân cấp ngân sách - bao gồm cả thẩm quyền quyết định ngân sách và thẩm quyền quản lý ngân sách; các giải pháp nhằm tăng cường phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương ở nước ta. phân cấp quản lý ngân sách còn là một yêu cầu tất yếu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của kế hoạch hoá và quản lý bản thân ngân sách. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã nhấn mạnh: Muốn quản lý thu, chi chặt chẽ, không bỏ sót thu, bảo đảm chi hợp lý, tiết kiệm thì các khoản thu, chi cụ thể đều phải có chủ rõ ràng, có quyền lực. Các khoản thu, chi lại có số lượng lớn, ở nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương cụ thể: theo đà phát triển kinh tế thì số lượng khoản thu ngày càng lớn, đa dạng. Nhà nước Trung ương không thể quản lý tốt nếu không phân cấp quản lý ngân sách cho các địa phương, các ngành, các lĩnh vực. Chỉ có phân cấp hợp lý Trung ương mới có thể tập trung quản lý các nguồn thu, các khoản chi lớn quan trọng có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước hoặc từng vùng lãnh thổ rộng lớn. Phân cấp quản lý kinh tế, trong đó có phân cấp quản lý ngân sách hợp lý sẽ phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các ngành, các địa phương trong phát triển ngành và địa phương cụ thể.

- Các tác giả Mai Đình Lâm, Mai Thị Kim Oanh (2015) đã có công trình nghiên cứu khoa học với đề tài “*Phân cấp Ngân sách địa phương tại TP. Hồ Chí Minh, Thành tựu và hạn chế*”, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội – số 109-110. Trong công trình nghiên cứu này, vấn đề về phân cấp ngân sách địa phương đã được phân tích cụ thể với những cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời đưa ra minh chứng cụ thể về phân cấp hệ thống ngân sách tại thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã phân tích rõ về tổ chức hệ thống Nhà nước gồm nhiều cấp chính quyền, trong đó ngân sách được coi là phương tiện vật chất chủ yếu để mỗi cấp chính quyền thực hiện các nhiệm vụ, chức năng theo Hiến pháp và theo Luật định - thì phân cấp quản lý ngân sách là nội dung chủ yếu của phân cấp quản lý tài chính và về thực chất đó là sự giải quyết các quan hệ về ngân sách giữa chính quyền nhà nước trung ương và chính quyền nhà nước địa phương thể hiện trên các mặt chủ yếu sau:

*Một là*, về thẩm quyền ngân sách: là sự phân định quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ và chính quyền địa phương trong các vấn đề chủ yếu của ngân sách như: quyết định dự toán; phân bổ dự toán ngân sách; phê chuẩn quyết toán ngân sách; điều chỉnh dự toán ngân sách; ban hành chế độ, tiêu chuẩn định mức về ngân sách.

*Hai là*, phân định nội dung cụ thể về từng nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách: là sự phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương cũng như giữa các cấp ngân sách địa phương về nguồn thu và nhiệm vụ chi. Nói cách khác,

đó là sự xác định ngân sách được thu những khoản gì và phải chi những khoản gì; ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã được thu những khoản gì và phải chi những khoản gì.

*Ba là*, quy định mối quan hệ giữa các cấp ngân sách: tức là quy định các nguyên tắc về chuyển giao ngân sách giữa cấp trên xuống cấp dưới và ngược lại. Đây là một vấn đề cốt tử trong quá trình phân cấp vì thông qua số lượng, quy mô và cơ cấu chuyển giao giữa các cấp ngân sách, người ta có thể đánh giá mức độ độc lập và đi theo nó là quyền tự chủ của ngân sách mỗi cấp trong hệ thống Ngân sách Nhà nước.

*Bốn là*, phân quyền về thành lập và sử dụng các quỹ tài chính như: Quỹ dự trữ tài chính, Quỹ hỗ trợ đầu tư, các quỹ công ích...

Đây là công trình nghiên cứu sẽ giúp ích nhiều cho đề tài tham khảo trong vấn đề phân cấp ngân sách địa phương, áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tác giả Mai Đình Lâm (2012) với luận án tiến sĩ đề tài “*Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam*”, TP Hồ Chí Minh. Đề tài nghiên cứu tập trung vào tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế trong mô hình sản xuất tân cổ điển. Dựa vào khung lý thuyết của hàm sản xuất và các lý thuyết về phân cấp tài khóa, nghiên cứu xây dựng hàm để ước lượng tác động các biến phân cấp tài khóa đến tăng trưởng gồm các biến: tốc độ tăng trưởng kinh tế (biến phụ thuộc); các biến liên quan phân cấp tài khóa và các biến kiểm soát (vốn đầu tư của xã hội, lực lượng lao động, độ mở thương mại và lạm phát), đây là các vấn đề trung tâm của chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ, gắn với đặc thù của quá trình chuyển đổi kinh tế Việt Nam và có tác động nhất đến tăng trưởng kinh tế.

- Tác giả Nguyễn Phi Lâm (2009) dựa trên lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh và lý thuyết tài khóa, mô hình về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phân cấp quản lý ngân sách, đã tìm ra mối quan hệ giữa phân cấp quản lý ngân sách và tăng trưởng kinh tế tại địa phương của 64 tỉnh thành phố của Việt Nam trong hai giai đoạn riêng biệt 1997 - 2001 và 2002 - 2007. Tác giả cũng đề cập đến những vấn đề phát triển kinh tế vùng và quản lý sự phát triển vùng đang được quan tâm trên thế giới. Theo sự phân chia cấp vị vùng thường thấy có các vùng lớn, vùng hành chính kinh tế cấp tỉnh (thành phố); vùng hành chính - kinh tế cấp huyện trong đó vùng hành chính kinh tế cấp Tỉnh (thành phố) được sự quan tâm đặc biệt. Lý do là vì: cấp Tỉnh (thành phố) là một cấp kinh tế chiến lược, có những đặc điểm tự nhiên kinh tế xã hội đều có thể phân biệt giữa chúng với nhau. Tỉnh (thành phố) là vùng kinh tế lại có bộ máy hành chính làm chủ thể quản lý (khác với các cấp vì vùng lớn không có bộ máy hành chính làm chủ thể quản lý). Sự trùng hợp của cấp vị vùng kinh tế với cấp hành chính tạo nên những sự thuận lợi đối với việc nghiên cứu, quản lý kinh tế. Việc nghiên cứu

phân cấp ngân sách nhà nước, do đó cũng thuận lợi bởi cấp tỉnh vừa là cấp chính quyền, vừa là cấp quản lý ngân sách.

### **1.1.3. Những nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách Nhà nước cấp địa phương.**

#### **(1). Các nghiên cứu nước ngoài**

- Các tác giả người Pháp gồm Michel Bouvier, Marie – Christine Esclassan, Jean – Pierre (2002) trong công trình nghiên cứu “*Finances Publiques*” (Tài chính công) đã đề cập đến nhiều nội dung quan trọng và hiện đại của tài chính công, cung cấp dữ liệu về hệ thống tài chính đương đại của Pháp và Châu Âu. Theo các tác giả, Quy định NS ban đầu vẫn có thể được Quốc hội và Chính phủ điều chỉnh lại. Sự điều chỉnh này được thực hiện theo hai cách: (1) Các biện pháp can thiệp thông thường: Sửa đổi luật tài chính; (2) Can thiệp ngoại lệ: Can thiệp định lượng ảnh hưởng đến khối lượng NS và can thiệp định tính. Nghiên cứu cũng cho thấy, trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và kinh tế 2008-2009 Chính phủ Pháp đã chỉnh sửa 4 luật về tài chính.

- Tác giả Kurt M.Thurmaier và Katherine G.Willoughby trong bài viết: “*Policy and Politics in State Budgeting*”, đã nghiên cứu hoạt động của các cơ quan quản lý ngân sách ở các tiểu bang của Mỹ trên các khía cạnh: vai trò, ảnh hưởng và cách thức cơ quan ra quyết định về ngân sách. Thông qua khảo sát, so sánh các tác giả đi đến nhận định: có hai mô hình xây dựng ngân sách. Mô hình ngân sách vĩ mô và mô hình ngân sách vi mô. Mô hình ngân sách vĩ mô tiếp cận quy trình chính sách với các luận giải kỹ lưỡng về mặt thể chế cũng như chính trị (với đại diện là Wildavsky) trong khi mô hình ngân sách vi mô đưa ra các chính sách về ngân sách dựa trên các yếu tố thuộc về cá nhân (với đại diện là Leloup (1978); Rubin (1980); Schick (1983); Straussman (1985); Kiel và Elliott (1992)). Hai mô hình này được cho là mâu thuẫn với nhau. Ở cấp độ vi mô, tác động của yếu tố phi chính trị khá lớn. Hành vi của những người giám sát ngân sách cũng có tác động đến quyết định ngân sách vì họ là đầu mối liên hệ giữa cấp độ vi mô và vĩ mô trong quy trình ngân sách nhà nước, là cầu nối giữa quy trình ngân sách và quy trình chính sách. Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra quy mô ngân sách hợp lý về kinh tế, xã hội, chính trị. Các tác giả nhấn mạnh: ngân sách phải gắn chặt với chính sách. Kiểm soát chi tiêu ngân sách phải gắn chặt với kiểm soát xây dựng và thực hiện chính sách.

- Tác giả J.Buchanan, giáo sư tại Đại học George Mason bang Virginie Hoa Kỳ người đã từng đoạt giải Nobel Kinh tế năm 1986, với công trình nghiên cứu “*Anarchy, State and Public Choice*” (Sự hỗn loạn, nhà nước và sự lựa chọn công”, tác giả đã quan tâm nghiên cứu tính hợp lý của các sự lựa chọn về chi tiêu công. Ý tưởng xuất phát của các công trình nghiên cứu của trường phái này là: trước tình trạng chi tiêu công gia tăng, câu hỏi đặt ra là liệu các chi tiêu đó có luôn minh bạch về phương diện kinh tế không. Để trả lời câu hỏi, các nhà nghiên cứu của trường phái này đã đề xuất một số nguyên tắc cơ bản cho chi tiêu công như (1) Cần thiết phải xây dựng cơ chế



kiểm tra, đảm bảo an toàn như xác định mức trần trong chi tiêu hay ấn định nghĩa vụ phải đạt được để cân bằng ngân sách, (2) Việc sử dụng nguồn thu của NSNN phải minh bạch, rõ ràng và đo lường được hiệu quả, (3) Quyết định chi tiêu trong lĩnh vực công cần được đánh giá, nghiên cứu kỹ trên cơ sở xem xét các ảnh hưởng về kinh tế của các quyết định này.

- Nhóm tác giả Anand Rajaram, Tuan Minh Le, Nataliya Biletska và Jim Brumby (2010), trong bài nghiên cứu “*A Diagnostic Framework for Assessing Public Investment Management*” (Về khung chuẩn cho đánh giá quản trị đầu tư công) đã mô tả tám đặc điểm "cần phải có" của hệ thống đầu tư công tốt, đó là: (1) Hướng dẫn đầu tư, phát triển dự án và sàng lọc sơ bộ; (2) Thẩm định dự án chính thức; (3) Rà soát đánh giá độc lập; (4) Lựa chọn dự án và lập ngân sách; (5) Thực hiện dự án; (6) Điều chỉnh dự án; (7) Hoạt động của cơ sở; (8) Đánh giá dự án.

## **(2). Các nghiên cứu trong nước**

- Nguyễn Thị Biên (2015), “*Quản lý thu thuế các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Thanh Liêm, Hà Nam*”, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu vấn đề quản lý thuế các doanh nghiệp ngoài quốc doanh qua các hoạt động như tổ chức bộ máy quản lý thuế, phân cấp quản lý thuế, tổ chức quyết toán thuế, công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng tin học trong quản lý thuế. Qua nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Tác giả Lê Đình Hải và Mai Thị Lan Hương (2018) với bài nghiên cứu “*Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác quản lý thuế tại Chi cục Thuế huyện Ứng Hòa – Hà Nội*”. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã khảo sát 120 đối tượng trong đó bao gồm 80 doanh nghiệp và 40 hộ kinh doanh cá thể hiện đang trực thuộc sự quản lý của Chi cục thuế huyện Ứng Hòa. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (Exporatory Factor Analysis – EFA) đã chỉ ra các nhân tố: (1) Hình phạt, cưỡng chế, (2) Kỹ năng cán bộ thuế, (3) Hoạt động thanh tra - kiểm tra, (4) Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, (5) Phương tiện vật chất, có ảnh hưởng một cách đáng kể đến chất lượng công tác quản lý thuế tại chi cục thuế huyện Ứng Hòa. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng quản lý thuế ở chi cục thuế huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Tác giả Trần Văn Lâm (2009) đã nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ “*Hoàn thiện quản lý chi ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”, nghiên cứu này cũng nêu ra những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn trong việc quản lý chi ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, với minh chứng thực tiễn tại tỉnh Quảng Ninh. Trong nghiên cứu này cũng phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương. Nghiên cứu này sẽ giúp ích cho đề tài

ngiên cứu trong lĩnh vực quản lý chi ngân sách cấp thành phố mà đề tài đang tập trung hướng đến.

- Tác giả Bùi Đường Nghiêu (2006) “*Điều hòa ngân sách giữa Trung ương và địa phương*”, đã phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về điều hòa ngân sách; thực trạng cơ chế điều hòa ngân sách Việt Nam; kinh nghiệm quốc tế và những giải pháp hoàn thiện cơ chế điều hòa ngân sách Nhà nước Việt Nam. Trong nghiên cứu này, tác giả đã đề cập chủ yếu đến vấn đề điều hòa ngân sách. Đồng thời tác giả cũng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước các cấp, từ đó nghiên cứu thực trạng và tìm ra những giải pháp cơ bản hoàn thiện cơ chế điều hòa ngân sách tại Việt Nam.

- Các tác giả Mai Đình Lâm, Mai Thị Kim Oanh (2015) đã có công trình nghiên cứu khoa học với đề tài “*Phân cấp Ngân sách địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành tựu và hạn chế*”, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội – số 109-110. Trong công trình nghiên cứu này, vấn đề về phân cấp ngân sách địa phương đã được phân tích cụ thể với những cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời đưa ra minh chứng cụ thể về phân cấp hệ thống ngân sách tại thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã phân tích rõ về tổ chức hệ thống Nhà nước gồm nhiều cấp chính quyền, trong đó ngân sách được coi là phương tiện vật chất chủ yếu để mỗi cấp chính quyền thực hiện các nhiệm vụ, chức năng theo Hiến định và theo Luật định - thì phân cấp quản lý ngân sách là nội dung chủ yếu của phân cấp quản lý tài chính và về thực chất đó là sự giải quyết các quan hệ về ngân sách giữa chính quyền nhà nước trung ương và chính quyền nhà nước địa phương.

- Tác giả Tô Thiện Hiền (2012) nghiên cứu luận án tiến sĩ với đề tài “*Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020*”, TP Hồ Chí Minh. Với đề tài này, tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách Nhà nước cấp tỉnh (thành phố) từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước tại tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015.

- Nguyễn Xuân Thu (2015), “*Phân cấp quản lý ngân sách địa phương ở Việt Nam*”, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trong nghiên cứu này, tác giả đã đi sâu tìm hiểu hệ thống phân cấp quản lý ngân sách nhà nước từ trung ương đến địa phương, chỉ ra một số những bất cập về phân cấp quản lý trong hệ thống quản lý NSNN tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp khắc phục.

#### **1.1.4. Những giá trị khoa học được kế thừa và khoảng trống nghiên cứu**

Như vậy có thể thấy, cùng với sự ra đời và phát triển của Nhà nước, vấn đề ngân sách và quản lý ngân sách Nhà nước đã được xác định là vấn đề quan trọng góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của Nhà nước cũng như góp phần tăng trưởng và phát triển nền kinh tế quốc dân thể hiện qua việc đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề quản lý ngân sách Nhà nước. Trong quá trình thực hiện việc quản lý ngân sách Nhà nước đã thể hiện nhiều vấn đề bất cập và một số hạn chế, đặc biệt

trong bối cảnh hiện nay khi mà sự đổi mới và hội nhập với nền kinh tế thế giới đang trở thành xu hướng phổ biến. Giai đoạn mở rộng phát triển và hội nhập với nhiều tương tác bên ngoài kéo theo mọi thay đổi về tài chính và kinh tế, trong đó có thay đổi về ngân sách và biến động các khoản thu chi ngân sách. Cho đến thời điểm hiện tại, đã có các công trình nghiên cứu tổng quan về vấn đề quản lý ngân sách Nhà nước, một số công trình nghiên cứu về quản lý ngân sách Nhà nước ở các cấp khác nhau và nghiên cứu tình hình tại một số địa phương thực hiện quản lý ngân sách, tuy nhiên các công trình đã nghiên cứu cho thấy sự chưa hoàn chỉnh về mặt lý luận đối với những vấn đề cụ thể về quản lý ngân sách Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt việc đề cập đến một địa phương lớn như thủ đô Hà Nội với rất nhiều sự thay đổi và phát triển tốt bậc trong giai đoạn hiện nay thì vẫn còn nhiều mặt cần hoàn thiện, phương pháp quản lý ngân sách Nhà nước để đạt hiệu quả thực sự cần được giải quyết theo hướng khả thi nhất nhằm áp dụng vào thực tiễn đối với Sở Tài chính Hà Nội – đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý ngân sách trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Vì vậy, việc thực hiện đề tài luận án có tính mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

***\* Những giá trị khoa học về lý luận và thực tiễn được kế thừa***

Luận án kế thừa một số kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã công bố có giá trị khoa học như:

- Các vấn đề lý thuyết liên quan đến ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp tài khóa ứng dụng vào các nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Đặc điểm và các vấn đề cơ bản về quản lý thu - chi ngân sách cũng như quy trình phân cấp ngân sách đã được đề cập đến qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước là những nghiên cứu có giá trị để làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu đề tài.

- Các vấn đề về tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước cũng như những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước các cấp đã được các tác giả trong và ngoài nước đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của mình đã giúp đề tài có được một nền tảng kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho việc nắm vững cơ sở lý luận của đề tài.

- Các cách thức mà các địa phương vận dụng và kinh nghiệm để quản lý ngân sách Nhà nước là những giá trị khoa học quý báu về lý luận và thực tiễn để áp dụng cho việc đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý ngân sách thành phố của Sở Tài chính Hà Nội trong tương lai.

***\* Những khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu***

- Thứ nhất, các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đã đề cập đến vấn đề ngân sách Nhà nước và các biện pháp để quản lý ngân sách Nhà nước ở cấp tỉnh và Nhà nước nhưng cho đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào phân tích cụ thể về vấn đề quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội, một đơn vị quản lý tài chính chuyên ngành có chức năng và nhiệm vụ quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- *Thứ hai*, các quan điểm về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước được các tác giả nước ngoài nghiên cứu dựa trên điều kiện cụ thể và bối cảnh kinh tế tại các Quốc gia khác nhau trên thế giới là không hoàn toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế của Việt Nam, vì vậy, cần phải tổng hợp và tìm ra các quan điểm về quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với đặc trưng và hoàn cảnh cụ thể của Sở Tài chính Hà Nội cũng như của thành phố Hà Nội.

- *Thứ ba*, những công trình nghiên cứu đã công bố là các công trình nghiên cứu áp dụng với khoảng thời gian trước nên trước bối cảnh nền kinh tế có nhiều thay đổi như hiện nay thì có những điểm không còn phù hợp, hơn nữa, các công trình này chưa đề cập một cách cụ thể đến các quan điểm và giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội. Vì vậy đề tài nghiên cứu sẽ đề xuất những quan điểm và giải pháp phù hợp cho vấn đề này với điều kiện và hoàn cảnh kinh tế xã hội của thành phố, của đất nước hiện nay cũng như định hướng phù hợp cho tương lai.

## **1.2. Quy trình và phương pháp nghiên cứu của luận án**

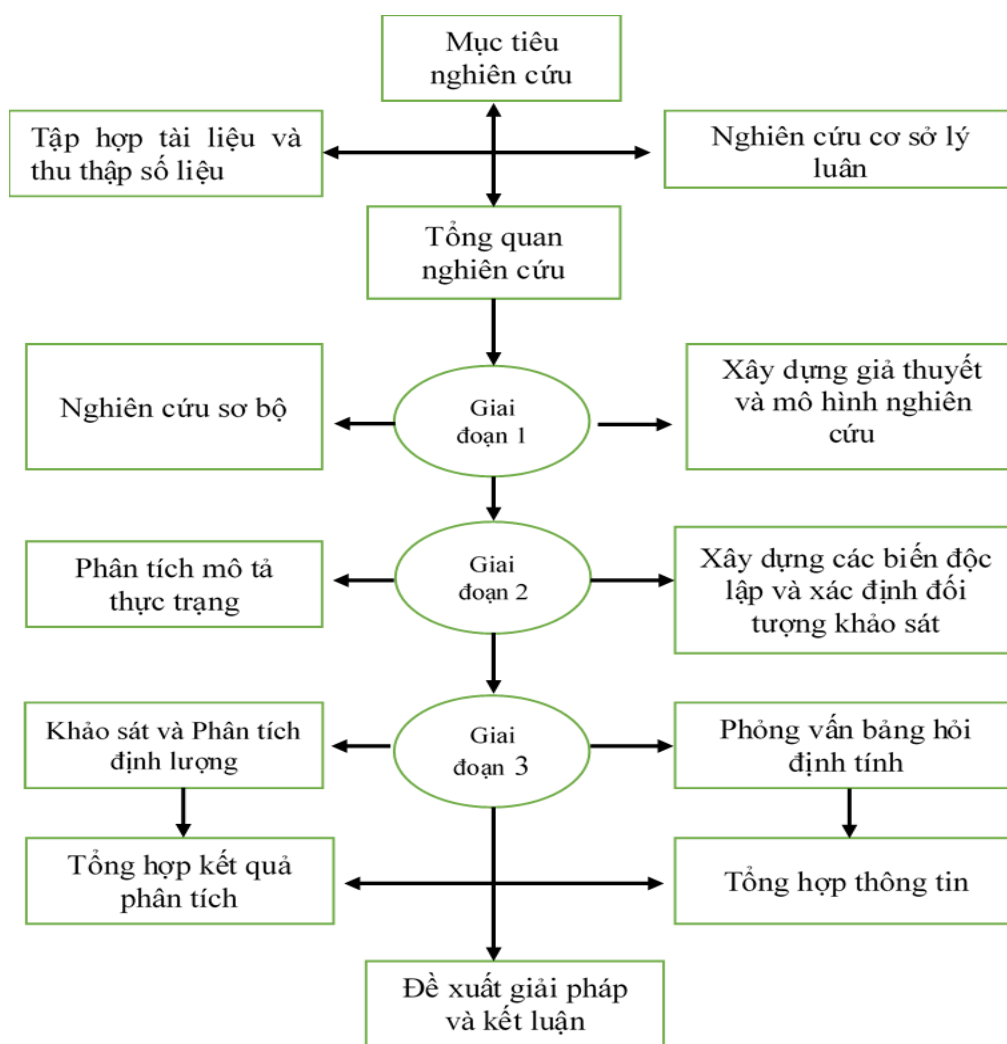
### **1.2.1. Quy trình nghiên cứu**

Quá trình nghiên cứu được thực hiện theo các bước: Xác định mục tiêu nghiên cứu; Tập hợp tài liệu và thu thập số liệu; Tổng quan nghiên cứu; Nghiên cứu sơ bộ (giai đoạn 1); Nghiên cứu thực trạng (Giai đoạn 2); Nghiên cứu định tính và định lượng (Giai đoạn 3). Quy trình nghiên cứu gồm 3 giai đoạn được thể hiện bằng sơ đồ 1.1.

***Giai đoạn 1:*** Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu, sau khi tập hợp tài liệu về chủ đề nghiên cứu và nghiên cứu cơ sở lý luận của quản lý ngân sách nhà nước; nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước, nghiên cứu sinh tiến hành bước tổng quan tài liệu nhằm tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu. Nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu sơ bộ các tài liệu, tìm ra khoảng trống nghiên cứu kết hợp với trao đổi ý kiến với chuyên gia, với giảng viên hướng dẫn nhằm bước đầu xây dựng các giả thuyết và mô hình nghiên cứu. Mục đích chủ yếu của giai đoạn 1 tập trung vào:

- Nghiên cứu sơ bộ nhằm xây dựng khung lý thuyết, các giả thuyết và mô hình nghiên cứu trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá và tổng hợp kết quả của những nghiên cứu có trước cả trong nước và quốc tế.

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học trong hội đồng chấm chuyên đề để xác định, điều chỉnh, giới hạn phạm vi nghiên cứu phù hợp với giả thuyết và mô hình nghiên cứu.



**Sơ đồ 1.1. Quy trình nghiên cứu**

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

**Giai đoạn 2:** Dựa vào các tài liệu thứ cấp thu thập được như các quy định về quản lý ngân sách, quy định phân cấp quản lý ngân sách, quy chế phối hợp trong quản lý ngân sách, bộ số liệu thu chi ngân sách qua các năm, nghiên cứu sinh thực hiện mô tả thực trạng các quy định về phân cấp quản lý ngân sách; hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội; các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội. Mục đích chủ yếu của giai đoạn 2 tập trung vào:

- Phân tích thực trạng quy định về phân cấp quản lý ngân sách; hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội.

- Trên cơ sở mô hình nghiên cứu và các giả thuyết kết hợp với cơ sở lý luận, tác giả xây dựng các biến độc lập cho các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội; xây dựng nội dung Phiếu khảo sát

- Căn cứ mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; mô hình và các giả thuyết nghiên cứu, nghiên cứu sinh xác định đối tượng khảo sát định lượng và định tính.

**Giai đoạn 3:** Tác giả tiến hành khảo sát thu thập số liệu, trên cơ sở đó phân tích định tính và định lượng, tổng hợp kết quả phân tích kết hợp tổng hợp các thông tin để

đề xuất giải pháp nhằm tăng cường hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội. Mục đích chủ yếu của giai đoạn 3 tập trung vào:

- Phỏng vấn thu thập thông tin và khảo sát thu thập số liệu theo phiếu khảo sát đã xây dựng.

- Phân tích định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

- Tổng hợp kết quả phân tích và các thông tin để đánh giá hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

### **1.2.2. Phương pháp nghiên cứu định tính**

Tác giả tiến hành trao đổi, thảo luận trực tiếp không cấu trúc với 3 lãnh đạo cấp Phòng và 7 công chức hiện đang công tác tại các đơn vị thuộc Sở Tài chính Hà Nội và tại Phòng Kế hoạch – Tài chính cấp quận, huyện có liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước. Tác giả sử dụng các câu hỏi chính theo định hướng nghiên cứu, trong quá trình thảo luận, tác giả tiếp thu các ý kiến và phát triển nội dung dựa trên câu trả lời của đối tượng thảo luận. Kết quả thảo luận đã chỉ ra:

Với câu hỏi về nội dung quản lý ngân sách nhà nước, cả 10 người được phỏng vấn đều đề cao công tác thu – chi ngân sách; công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước thông qua đó đảm bảo mục đích và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước. Ngoài ra, 7/10 ý kiến cho rằng công tác lập dự toán và chấp hành chi ngân sách là rất quan trọng, qua đó đảm bảo khả năng tiết kiệm và hiệu quả trong chi ngân sách.

Yếu tố đầu tiên mà tác giả đề cập là vấn đề lập dự toán ngân sách hàng năm. Cả 10 người được phỏng vấn đều có chung nhận định công tác lập dự toán ngân sách là vấn đề cần được quan tâm. Lập dự toán ngân sách sát với thực tế, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội không những sẽ đảm bảo đạt chỉ tiêu thu mà còn đảm bảo chi đúng, chi đủ và thuận lợi hơn trong kiểm tra quyết toán ngân sách, từ đó đem lại hiệu quả trong quản lý ngân sách nhà nước.

Yếu tố tiếp theo là quản lý thu – chi ngân sách, công tác chấp hành ngân sách nhà nước. Nội dung này được hầu hết những người trả lời phỏng vấn đánh giá là có vai trò rất lớn trong quản lý ngân sách nhà nước. Trong công tác quản lý thu cần thực hiện tốt hoạt động kiểm soát các nguồn thu tránh thất thu đồng thời cũng phải nuôi dưỡng nguồn thu một cách hợp lý. Hoạt động quản lý nhiệm vụ chi và chấp hành chi ngân sách cần đảm bảo chi đúng đối tượng, chi kịp thời và kiểm soát tốt việc chấp hành chi để tránh thất thoát, lạm chi ngân sách. Để đánh giá đầy đủ về công tác quản lý chấp hành ngân sách, cần khảo sát tham khảo ý kiến không chỉ với đối tượng cán bộ, công chức tại các cơ quan quản lý ngân sách mà còn phải lấy ý kiến tham khảo của các chủ đầu tư, các nhà thầu với vai trò là đối tượng sử dụng ngân sách.

Nội dung về cân đối và quyết toán ngân sách nhà nước cũng được 8/10 người phỏng vấn đánh giá là có vai trò quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước. Các ý kiến đều cho rằng cần phải làm tốt công tác cân đối thu chi ngân sách, tránh tình trạng bội chi ngân sách hoặc nợ công quá cao. Công tác quyết toán ngân sách hiện còn tồn tại nhiều vấn đề như quy định chồng chéo; thủ tục hành chính còn rườm rà, chậm quyết toán.

Nội dung tiếp theo được tác giả trao đổi trực tiếp với các đối tượng tham gia phỏng vấn là công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước. Những người tham gia phỏng vấn đều có chung ý kiến cho rằng đây là hoạt động rất quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước. Thông qua thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước có thể rà soát, hạn chế và ngăn chặn tình trạng thất thoát ngân sách, nhiều trường hợp có thể thu hồi được ngân sách đã bị chi sai quy định hoặc lạm chi.

Trao đổi về vấn đề phối hợp trong quản lý ngân sách, các ý kiến đều thống nhất công tác phối hợp giữa các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý ngân sách hiện nay chưa được tốt. Nhiệm vụ thu ngân sách được giao cho 2 đầu mối chính là cơ quan thuế và cơ quan hải quan (đối với hàng hóa xuất nhập khẩu), ngoài ra còn có các cơ quan khác như công an, chính quyền địa phương; Nhiệm vụ quản lý, nắm giữ nguồn ngân sách và các khoản chi được giao cho Kho bạc nhà nước. Quy định về chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý thu chi ngân sách được cho là tương đối đầy đủ, tuy nhiên thủ tục còn khá phức tạp và sự phối hợp còn tồn tại nhiều vấn đề.

Vấn đề tiếp theo là việc quản lý vốn, tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước. Các ý kiến đều thống nhất nội dung này là một hoạt động cần thiết trong quản lý ngân sách. Quản lý tài sản hình thành từ ngân sách (tài sản công) đã có nhiều quy định nhưng việc thực hiện còn chưa tốt dẫn đến tình trạng lãng phí, kém hiệu quả. Quản lý vốn hình thành từ ngân sách cũng cần phải siết chặt lại, tình trạng lãng phí, thất thoát vốn khá phổ biến đặc biệt ở các dự án đầu tư công và khối doanh nghiệp nhà nước. Việc hình thành các tổ chức quản lý vốn từ ngân sách với mô hình như Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng hoặc Ủy ban quản lý vốn nhà nước như hiện nay là cần thiết.

Sau khi thảo luận hai nội dung trên, tác giả tiến hành trao đổi về các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách nhà nước. Các ý kiến đều thống nhất có nhiều nhân tố ảnh hưởng trong đó tiêu biểu nhất là các nhân tố: Điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; Quy trình thủ tục trong quản lý ngân sách nhà nước; Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước; Chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của ngân sách nhà nước; Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức; Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước.

Kết quả thảo luận, phỏng vấn sâu các lãnh đạo cấp Phòng thuộc Sở Tài chính Hà Nội và tại Phòng Kế hoạch – Tài chính cấp quận, huyện cho thấy: Các nội dung trong quản lý ngân sách và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách mà tác giả đề xuất trong mô hình nghiên cứu là có cơ sở. Đây là căn cứ để xây dựng: Nội dung nghiên cứu, các giả thuyết nghiên cứu; Xây dựng và phát triển phiếu khảo sát đối với các đối tượng khảo sát; Xây dựng thang đo và biến quan sát để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý ngân sách.

### 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu định lượng

#### 1.2.3.1. Mô hình nghiên cứu và các giả thuyết

Trên cơ sở những luận cứ lý luận và thực tiễn, kế thừa kết quả từ các nghiên cứu trước đó về các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN, tác giả lựa chọn những nhân tố có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội, xem xét hướng tác động của các nhân tố này, từ đó xây dựng mô hình nghiên cứu. Mô hình nghiên cứu được trình bày cụ thể tại Sơ đồ 2.1

Mô hình xem xét, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN. Phương trình tuyến tính được thể hiện như sau:

$$QLNS = \alpha_0 + \alpha_1X_1 + \alpha_2X_2 + \dots + \alpha_6X_6 + e_i$$

Trong đó:

QLNS: Hoạt động quản lý NSNN từ tập hợp các tiêu chí đánh giá.

$X = \{ X_1, \dots, X_6 \}$  : Các biến thang đo nhân tố

$\alpha = \{ \alpha_0, \dots, \alpha_6 \}$  : Hệ số hồi quy

$e_i$ : Sai số

Dựa trên mô hình, tác giả tiến hành tham khảo thêm ý kiến của các chuyên gia và khảo sát sơ bộ để tham khảo ý kiến về sự chính xác của các nhân tố đưa vào mô hình. Sau khi nhận được ý kiến của các chuyên gia, tác giả sẽ hiệu chỉnh lại mô hình (nếu cần) và tiến hành xây dựng các giả thuyết nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích mô hình nghiên cứu, tác giả đặt ra các giả thuyết nghiên cứu được đánh số thứ tự từ H1 đến Hn. Các giả thuyết này phản ánh hướng tác động và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố độc lập đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

#### 1.2.3.2. Thiết kế bảng hỏi và các thang đo

Trên cơ sở mô hình nghiên cứu và các nhân tố trong mô hình, bảng hỏi và các thang đo được xây dựng theo trình tự sau:

(1) Xác định khái niệm lý thuyết của các biến và cách đo lường các biến trong mô hình lý thuyết dựa trên cơ sở lý luận và các nghiên cứu được thực hiện trước đây.

(2) Xây dựng phiên bản tiếng Việt của bảng hỏi trên cơ sở lý thuyết của các biến và cách đo lường các biến.

(3) Bảng hỏi được chuyển đến 3 cán bộ công chức hiện đang làm việc tại Sở Tài chính và 3 cán bộ công chức của tại Phòng Kế hoạch – Tài chính cấp quận, huyện



đọc, đánh giá, nhận xét để đảm bảo không có sự hiểu lầm về ngôn từ và nội dung của các câu hỏi. Kết quả được sử dụng để chỉnh sửa các câu, ý trong bảng hỏi được rõ ràng và đúng nghĩa hơn.

(4) Điều chỉnh bảng hỏi ban đầu và gửi tới 5 cán bộ công chức khác thuộc Sở Tài chính và Phòng Tài chính quận Cầu Giấy theo hình thức trực tiếp để kiểm định độ tin cậy của các thang đo.

(5) Hình thành bảng hỏi chính thức để điều tra diện rộng.

### 1.2.3.3. Chọn mẫu và thu thập thông tin

Một trong những mục tiêu của đề tài này là tìm hiểu, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố khách quan và chủ quan đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội nên việc sử dụng câu hỏi dạng đóng với các lựa chọn trả lời theo thang đo Likert năm mức độ là phù hợp nhất. Bảng câu hỏi sẽ đưa ra luôn những lựa chọn trả lời với các tuyên bố về thái độ của người trả lời với 5 mức độ: (1). Rất không đồng ý; (2). Không đồng ý; (3). Không có ý kiến; (4). Đồng ý; (5). Hoàn toàn đồng ý. Với câu trả lời của người trả lời dưới dạng thang đo này, ta sẽ thấy sự ảnh hưởng của từng khía cạnh, từng tiêu chí với mức ảnh hưởng nhiều hay ít. Đồng thời, vì thang đo Likert là thang đo khoảng nên ta có thể sử dụng số liệu thu thập được để xử lý, phân tích định lượng để xác định mối quan hệ tương quan, quan hệ tuyến tính giữa các biến nói chung, cũng như giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc.

Việc lấy mẫu được thực hiện kết hợp hai phương pháp lấy mẫu thuận tiện do tác giả khó có thể tập hợp được danh sách của đối tượng cần khảo sát và phương pháp “quả bóng tuyết” (snowball) là phương pháp tìm đối tượng tiếp theo dựa trên gợi ý hoặc giới thiệu của đối tượng vừa phỏng vấn (Nguyễn Văn Thắng, 2013). Đây là các phương pháp được cho là phù hợp trong điều kiện của tác giả và đặc điểm của đối tượng được khảo sát.

Ngoài việc xin ý kiến trực tiếp, tác giả còn sử dụng lấy phiếu ý kiến qua email. Tác giả thực hiện việc thu thập email của các cán bộ công chức làm công tác quản lý ngân sách trên địa bàn Hà Nội. Việc lấy phiếu qua email cũng đảm bảo số phiếu phổ rộng về số lượng, tuy nhiên, tỷ lệ phản hồi khá thấp nên tác giả phải gọi điện trực tiếp đề nghị trả lời, đồng thời mở rộng số đơn vị khảo sát để đảm bảo tỷ lệ phiếu phản hồi đạt yêu cầu.

Về kích thước mẫu, theo J.F Hair và cộng sự (1998), đối với phân tích nhân tố khám phá EFA thì cỡ mẫu phải tối thiểu gấp năm lần tổng số biến quan sát trong các thang đo. Bảng hỏi của nghiên cứu này được thiết kế gồm 43 biến quan sát dùng trong phân tích nhân tố (6 biến quan sát về hoạt động quản lý ngân sách; 37 biến quan sát đối với các nhân tố ảnh hưởng). Do vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt là:  $43 * 5 = 215$  quan sát.

Đối với hồi quy bội thì theo Tabachnick và Fidell, cỡ mẫu tối thiểu được tính bằng công thức:  $50 + 8 * m$  (m là số biến độc lập). Trong nghiên cứu này có 8 biến độc lập thì cỡ mẫu tối thiểu là  $50 + 8 * 8 = 114$  quan sát.

Tổng hợp hai yêu cầu trên, để đạt mục tiêu nghiên cứu thì cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu này là 215 quan sát.

Kết quả thu thập số liệu khảo sát với cán bộ công chức: phát ra 520 phiếu; số lượng thu về 512 phiếu trong đó có 510 phiếu hợp lệ được sử dụng làm số liệu nghiên cứu; 02 phiếu bị loại do trả lời không đầy đủ các thông tin.

#### 1.2.3.4. Phương pháp xử lý số liệu

Phiếu khảo sát sau khi thu về sẽ được lọc, loại bỏ những phiếu bất hợp lệ và chuyển sang nhập dữ liệu. Dữ liệu sau khi nhập được phân tích theo các bước sau:

*Thứ nhất:* thống kê mô tả dữ liệu thu thập đối với các phiếu khảo sát, từ đó có cách nhìn tổng quan về cỡ mẫu theo từng nội dung khảo sát.

*Thứ hai:* Đánh giá độ tin cậy của thang đo đối với dữ liệu từ phiếu khảo sát. Độ tin cậy của thang đo được đánh giá thông qua hệ số Cronbach Alpha. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) thì hệ số Cronbach Alpha từ 0,8 đến gần 1 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là thang đo sử dụng được. Tuy nhiên theo J. F. Hair và cộng sự (1998) thì Cronbach Alpha từ 0,6 trở lên là có thể chấp nhận được. Trong nghiên cứu này, để đảm bảo độ tin cậy của thang đo, tác giả sẽ cân nhắc các thang đo đảm bảo hệ số Cronbach Alpha  $\geq 0.60$ .

Việc quyết định nên giữ lại hay bỏ đi một biến quan sát được thực hiện dựa trên hệ số tương quan biến tổng (*item – total correclation*) và hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted. Các biến có hệ số tương quan biến tổng  $< 0,3$  hoặc có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted  $>$  hệ số Cronbach's Alpha được coi là biến rác và bị loại khỏi thang đo (Nunnally và Burnstein, 1994).

Hệ số Cronbach Alpha có giá trị biến thiên từ 0 đến 1. Về lý thuyết, Cronbach Alpha càng lớn thì thang có độ tin cậy càng cao. Tuy nhiên, điều này không thực sự vậy, hệ số Cronbach Alpha quá lớn ( $>0.95$ ) cho thấy có nhiều câu trong thang đo không khác biệt nhau, nghĩa là chúng cùng đo lường một nội dung nào đó của khái niệm nghiên cứu (*Hiện tượng này gọi là trùng lặp trong đo lường*). Hệ số này chỉ cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không, không cho biết biến quan sát nào cần bỏ đi và biến quan sát nào giữ lại. Khi đó hệ số tương quan biến - tổng sẽ giúp ta loại ra những biến quan sát không đóng góp nhiều cho sự mô tả cần đo. Những biến có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại.

*Thứ ba:* Kiểm định giá trị của thang đo bằng phương pháp phân tích nhân tố EFA.

Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) dựa vào mối tương quan giữa các biến với nhau (Interrelationships) dùng để rút gọn một tập K biến quan sát thành một tập F ( $F < K$ ) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Cơ sở của

việc rút gọn này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến quan sát. Phân tích nhân tố khám phá nhằm loại bỏ một lần nữa những thang đo không đủ độ tin cậy, chỉ giữ lại các thang đo có độ kết dính cao, có thể gom gọn lại thành một số nhân tố ít hơn, phản ánh chính xác các thành phần đo lường sự ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Các thang đo đã bị loại trong phân tích hệ số Cronbach's Alpha sẽ không được đưa vào trong phân tích nhân tố.

Phân tích nhân tố được sử dụng để kiểm định sự hội tụ của các biến thành phần về khái niệm bằng độ giá trị hội tụ (convergence validity) đồng thời đo lường độ giá trị phân biệt giúp đảm bảo sự khác biệt, không có mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố sử dụng để đo lường các nhân tố bằng độ giá trị phân biệt (discriminant validity). Theo J. F. Hair và cộng sự (1998) với mẫu lớn hơn 350, hệ số tải (factor loading) lớn hơn 0.5 là đạt giá trị hội tụ. Trong nghiên cứu này những biến nào có hệ số tải nhân tố dưới 0,5 sẽ bị loại để đảm bảo tính hoàn chỉnh của thang đo và kiểm tra tổng phương sai trích được  $\geq 50\%$ , hệ số Eigenvalues  $\geq 1$  đối với mỗi nhân tố mới đạt yêu cầu.

Để đánh giá xem phương pháp phân tích nhân tố khám phá có thực sự phù hợp để phân tích trong trường hợp này không, tác giả sử dụng kiểm định KMO và Barlett's. Trong phân tích nhân tố khám phá, chỉ số KMO (Kaiser - Meyer - Olkin) là chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO phải có giá trị trong khoảng từ 0.5 đến 1 thì phân tích này mới thích hợp, nếu nhỏ hơn 0.5 thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với dữ liệu.

Phương pháp rút trích nhân tố được sử dụng là phương pháp rút trích các thành phần chính (Principal components) và phương pháp xoay các nhân tố là phương pháp Varimax with Kaiser Normalization. Điểm dừng trích khi các yếu tố có "Initial Eigenvalues"  $> 1$  (Mayers, L.S., Gamst, G., Guarino A.J., 2000). Nói cách khác, tiêu chuẩn rút trích nhân tố gồm chỉ số Engenvalue (đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi các nhân tố) và chỉ số Cummulative (tổng phương sai trích cho biết phân tích nhân tố giải thích được bao nhiêu % và bao nhiêu % bị thất thoát).

*Thứ tư:* Sau khi có kết quả phân tích nhân tố, các nhân tố hội tụ sẽ được nhóm lại và đặt tên chung.

*Thứ năm:* Phân tích tương quan và hồi quy bội.

Sau khi tiến hành việc phân tích nhân tố, các thang đo đảm bảo độ tin cậy và kết dính cao được nhóm về nhân tố đại diện và đưa vào xem xét mức độ tương quan, sau đó sẽ phân tích hồi quy để kiểm định mô hình nghiên cứu và các giả thuyết kèm theo.

Mô hình hồi quy bội MLR (Multiple Linear Regression) biểu diễn mối quan hệ giữa hai hay nhiều biến độc lập với một biến phụ thuộc định lượng. Tác giả sử dụng

phương pháp tương quan Pearson correlation coefficient nhằm đánh giá mối quan hệ tương quan giữa các biến trong mô hình. Hệ số tương quan được ký hiệu là  $r$  và có giá trị trong khoảng  $-1 \leq r \leq +1$ .

Sau khi kết luận về mối liên hệ tuyến tính giữa các nhân tố, tác giả thực hiện mô hình hóa mối quan hệ này bằng hồi quy tuyến tính bội. Mô hình hồi quy tuyến tính được chạy và kiểm định với mức ý nghĩa  $= 0,1$ . Nghiên cứu thực hiện hồi quy bội theo phương pháp đưa dần vào (Backward elimination).

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Chương 1 đã tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả tổng hợp những công trình nghiên cứu đã được công bố trong và ngoài nước chia thành các vấn đề: (i) các nghiên cứu về quản lý ngân sách nhà nước gồm 9 công trình nghiên cứu của nước ngoài và 11 công trình nghiên cứu ở trong nước; (ii) Nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước gồm 6 công trình nghiên cứu trong nước; (iii) Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách địa phương gồm 7 công trình nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án đã chỉ ra được những giá trị khoa học về lý luận và thực tiễn được kế thừa và xác định khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu; xây dựng quy trình và phương pháp nghiên cứu phù hợp làm cơ sở để thực hiện cho các chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

### 2.1. Hệ thống ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước

#### 2.1.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của ngân sách nhà nước

##### 2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước

Khái niệm Ngân sách Nhà nước thường đề dùng tổng số thu và chi của một đơn vị trong thời gian nhất định, một bản tính toán các chi phí để thực hiện một kế hoạch hoặc một chương trình cho một mục đích nhất định của một chủ thể nào đó, nếu chủ thể đó là Nhà nước thì ngân sách đó được gọi là Ngân sách Nhà nước.

Luật Ngân sách Nhà nước (2015) đã định nghĩa *“Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước”* [39].

NSNN là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử, từ trước đây và hiện nay đã có rất nhiều quan điểm về NSNN được đưa ra:

Ngân sách Nhà nước là *“Bản dự toán thu – chi tài chính tổng hợp của Nhà nước”* trong một năm. Quan niệm này đúng về hình thức nhưng đó chỉ là một giai đoạn của cả quá trình ngân sách và cũng chưa thể hiện được vị trí của ngân sách Nhà nước.

Có quan điểm khác lại cho rằng, Ngân sách Nhà nước là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Theo cách quan niệm này đúng ở chỗ người ta đã thực thể hóa được ngân sách Nhà nước và cũng nêu lên được vị trí của ngân sách Nhà nước so với các quỹ tiền tệ khác. Vì thực tế cũng thường thấy các khoản thu, chi của Nhà nước đều từ một quỹ tiền tệ ấy. Nhưng các quan điểm này chưa phản ánh được vị trí cân đối vĩ mô của ngân sách Nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

Cũng có quan điểm thì ngân sách Nhà nước là hệ thống các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước huy động và phân phối giữa các nguồn tài chính. Chỗ đúng của quan điểm này là nói lên được ngân sách Nhà nước chứa đựng các quan hệ kinh tế, nhưng nó lại không thể hiện được thực thể ngân sách Nhà nước và chưa nêu rõ được quan hệ kinh tế đó có phải là quan hệ tài chính - ngân sách hay không.

Các quan điểm trên xuất phát từ cách tiếp cận vấn đề khác nhau và có những điểm hợp lý nhưng chưa đầy đủ về ý nghĩa của NSNN. Khái niệm NSNN đầy đủ nên thể hiện được nội dung kinh tế xã hội của NSNN và phải được xem xét trên các mặt hình thức, thực thể và quan hệ kinh tế chứa đựng trong NSNN.

Tại các nước khác nhau trên thế giới, các chuyên gia kinh tế cũng đã đưa ra những khái niệm về NSNN theo các góc nhìn rất đa dạng. Tại Trung Quốc, trong cuốn Từ điển kinh tế thị trường của Trung Quốc có nêu: *“Ngân sách Nhà nước là kế hoạch*

*thu chi tài chính hàng năm của Nhà nước được xét duyệt theo trình tự pháp định" [57].*

Từ điển Bách Khoa Toàn Thư về kinh tế của Pháp đưa ra: *"Ngân sách là văn kiện được Nghị Viện hoặc Hội đồng thảo luận và phê chuẩn mà trong đó các nghiệp vụ tài chính (bao gồm thu và chi) của một tổ chức công (Nhà nước, chính quyền, địa phương, các doanh nghiệp, hiệp hội...) được dự kiến và cho phép" [59].*

Các chuyên gia kinh tế của Liên Xô cho rằng: *"Ngân sách Nhà nước là bảng liệt kê toàn bộ các khoản thi và các khoản chi bằng tiền của Nhà nước trong một giai đoạn nhất định; là mọi kế hoạch thu, chi bằng tiền của bất kỳ xí nghiệp, cơ quan hoặc cá nhân nào đó trong một giai đoạn nhất định" [66].*

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD): *"NSNN bao gồm tất cả các khoản chi tiêu và các khoản thu của Chính phủ, được trình lên cơ quan lập pháp xem xét và phê duyệt trước khi bắt đầu một năm ngân sách mới" [68].*

Dựa trên những quan điểm đã được nêu ra từ các tài liệu trong nước và quốc tế về ngân sách Nhà nước, ngân sách Nhà nước trong đề tài luận án được hiểu:

*"Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu và các khoản chi của Nhà nước đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trên cơ sở luật định".*

Từ quan điểm khái niệm trên, có thể nhận thấy NSNN vừa là nguồn lực để nuôi dưỡng bộ máy Nhà nước, vừa là công cụ hữu hiệu để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, NSNN có những đặc điểm chính như sau:

- Một là, NSNN là một bộ phận chủ yếu của hệ thống tài chính quốc gia bao gồm những quan hệ tài chính nhất định trong tổng thể các quan hệ tài chính của quốc gia như: quan hệ tài chính giữa Nhà nước với dân cư, quan hệ tài chính giữa nhà nước với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, quan hệ tài chính giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội, quan hệ tài chính giữa Nhà nước với các Nhà nước khác và với các tổ chức quốc tế, quan hệ tài chính giữa Nhà nước với tư cách là bên tham gia hình thành quỹ công như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ đầu tư... [9, tr.71]. Hệ thống tài chính quốc gia bao gồm: tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, trung gian tài chính và tài chính cá nhân hoặc hộ gia đình. Trong đó tài chính nhà nước là khâu chủ đạo trong hệ thống tài chính quốc gia. Tài chính nhà nước tác động đến sự hoạt động và phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Tài chính nhà nước thực hiện huy động và tập trung một bộ phận nguồn lực tài chính từ các định chế tài chính khác chủ yếu qua thuế và các khoản thu mang tính chất thuế. Trên cơ sở nguồn lực huy động được, Chính phủ sử dụng quỹ ngân sách để tiến hành cấp phát kinh phí, tài trợ vốn cho các tổ chức kinh tế, các đơn vị thuộc khu vực công nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- *Hai là*, NSNN cũng có những đặc điểm như các quỹ tiền tệ khác nhưng là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước và được chia thành nhiều quỹ nhỏ, có tác dụng riêng và được chi dùng cho những mục đích nhất định đã được định trước [9, tr.72]. Việc tạo lập và sử dụng quỹ NSNN luôn gắn liền với quyền lực kinh tế - chính trị của Nhà nước và việc thực hiện các chức năng của Nhà nước, được Nhà nước tiến hành trên cơ sở những luật lệ nhất định. NSNN là một bộ luật tài chính đặc biệt, bởi lẽ trong NSNN, các chủ thể của nó được thiết lập dựa vào hệ thống các pháp luật có liên quan như hiến pháp, các luật thuế... nhưng mặt khác, bản thân NSNN cũng là một bộ luật do Quốc hội quyết định và thông qua hằng năm, mang tính chất áp đặt và bắt buộc các chủ thể kinh tế - xã hội có liên quan phải tuân thủ.

- *Ba là*, NSNN luôn gắn chặt với sở hữu Nhà nước và luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng. Hoạt động thu – chi NSNN là sự thể hiện các mặt hoạt động kinh tế - xã hội của Nhà nước, chỉ có Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền quyết định đến các khoản thu – chi của NSNN và hoạt động thu – chi này được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu nhằm mục tiêu giúp Nhà nước giải quyết các quan hệ lợi ích trong xã hội khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính giữa Nhà nước với các tổ chức kinh tế - xã hội, các tầng lớp dân cư... và cả trong phân bổ các nguồn lực tài chính cho các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng” [9, tr.72].

- *Bốn là*, NSNN là một bản dự toán thu chi. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập NSNN và đề ra các thông số quan trọng có liên quan đến chính sách mà Chính phủ phải thực hiện trong năm tài khóa tiếp theo. Thu, chi NSNN là cơ sở để thực hiện các chính sách của Chính phủ. Chính sách nào mà không được dự kiến trong NSNN thì sẽ không được thực hiện. Vì vậy, việc thông qua NSNN là một sự kiện chính trị quan trọng, nó biểu hiện sự nhất trí trong Quốc hội về chính sách của Nhà nước. Quốc hội mà không thông qua NSNN thì điều đó thể hiện sự thất bại của Chính phủ trong việc đề xuất chính sách đó, và có thể gây ra mâu thuẫn về chính trị.

- *Năm là*, đặc điểm của NSNN luôn gắn liền với tính giai cấp. Trong thời kỳ phong kiến, mô hình ngân sách sơ khai và tùy tiện, chưa rõ ràng giữa ngân khố của Nhà vua với ngân sách của Nhà nước phong kiến. Hoạt động thu – chi lúc này mang tính cống nạp – ban phát giữa Nhà vua và các tầng lớp dân cư, quan lại, thương nhân, thợ thuyền và các nước chư hầu (nếu có). Quyền quyết định các khoản thu – chi của ngân sách chủ yếu là do người đứng đầu một nước (nhà vua) quyết định. Trong thời kỳ hiện nay, ngân sách được dự toán, được thảo luận và phê chuẩn bởi cơ quan pháp quyền, quyền quyết định là của toàn dân được thực hiện thông qua Quốc hội. NSNN được giới hạn thời gian sử dụng, được quy định nội dung thu - chi, được kiểm soát bởi hệ thống thể chế, báo chí và nhân dân.

Việc nghiên cứu những đặc điểm của NSNN trên không những cho phép tìm được phương thức và phương pháp quản lý NSNN hiệu quả hơn mà còn giúp nhận

thức và phát huy tốt hơn các chức năng, vai trò của NSNN.

Như vậy, thông qua các quan điểm khái niệm về NSNN cũng như những đặc điểm riêng có của NSNN, có thể rút ra các góc nhìn khác nhau của NSNN: *Về kinh tế*, NSNN là một công cụ chính sách kinh tế của quốc gia; *Về chính trị*, NSNN được các đại biểu của dân giám sát, phê duyệt; *Về góc độ luật pháp*, NSNN là một văn bản pháp luật được phê duyệt bởi cơ quan quyền lực nhà nước, còn cơ quan hành pháp là người thực hiện; *Về mặt quản lý*, NSNN là căn cứ để quản lý tài chính trong các đơn vị sử dụng Ngân sách.

**\* Khái niệm ngân sách địa phương**

Trong điều kiện ngày nay việc thừa nhận sự tồn tại và hoạt động của ngân sách địa phương được coi là điều tất yếu. Chính vì vậy, trong cơ cấu tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước ở hầu hết các quốc gia đều có ngân sách địa phương (hoặc vùng); song quan niệm về ngân sách địa phương lại chưa có sự đồng nhất. Ngay ở nước ta, trong khuôn khổ các văn bản pháp quy về ngân sách địa phương cũng đã có sự khác nhau. Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước 2015 ghi: *Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương, ngân sách địa phương* [39, đ.4]. Hay nói cách khác, đây là kế hoạch thu chi tài chính của chính quyền địa phương, để đảm bảo việc chấp hành pháp luật, giữ vững an ninh, trật tự trị an, bảo đảm tài sản công cộng, quản lý mọi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội trong xã, động viên giám sát các hợp tác xã và công dân thi hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Từ các quan niệm về ngân sách địa phương, có thể coi ngân sách địa phương là toàn bộ các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ của chính quyền Nhà nước cấp cơ sở nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà nước cấp cơ sở trong khuôn khổ được phân công quản lý. Khái niệm này đã khái quát hóa ngân sách địa phương bằng các quan hệ kinh tế và coi đây là toàn bộ các khoản thu - chi của cơ quan Nhà nước cấp địa phương.

Từ góc độ quản lý thì ngân sách địa phương là một cấp ngân sách nằm trong hệ thống ngân sách nhà nước, do vậy khái niệm về ngân sách nhà nước đã hàm chứa khái niệm về ngân sách địa phương và được hiểu như sau: *Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu - chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước. Như vậy, ngân sách Nhà nước địa phương cũng có thể được hiểu là toàn bộ các khoản thu, chi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước ở cấp địa phương.*



### \* Đặc điểm ngân sách địa phương

**Thứ nhất:** Ngân sách địa phương là một quỹ tập trung của cơ quan chính quyền Nhà nước cấp cơ sở. Hoạt động của quỹ này thể hiện trên hai phương diện: Huy động nguồn thu vào quỹ (gọi là thu ngân sách địa phương) và phân phối sử dụng nguồn vốn của quỹ (gọi là chi ngân sách địa phương).

**Thứ hai:** Các hoạt động thu, chi của ngân sách địa phương luôn gắn với chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương theo luật định, đồng thời luôn chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước ở cấp địa phương. Chính vì vậy các chỉ tiêu thu chi của ngân sách địa phương luôn mang tính pháp lý.

**Thứ ba:** Thông qua các hoạt động thu, chi của ngân sách địa phương là biểu hiện các quan hệ lợi ích giữa một bên là lợi ích chung của cộng đồng các cơ sở mà chính quyền địa phương là người đại diện với một bên là lợi ích của các chủ thể kinh tế - xã hội khác (tổ chức hoặc cá nhân). Các quan hệ này phát sinh trong cả quá trình thu và chi ngân sách địa phương.

**Thứ tư:** Các quan hệ thu - chi ngân sách địa phương rất đa dạng và biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng các khoản thu - chi này chỉ được thừa nhận khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**Thứ năm:** Ngân sách địa phương vừa là một cấp trong hệ thống Ngân sách Nhà nước vừa là một đơn vị dự toán. Bởi vì ngân sách địa phương vừa thực hiện nhiệm vụ thu - chi của một cấp ngân sách nói chung, vừa là đơn vị nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên và được sử dụng luôn nguồn vốn đó. Với đặc thù là đơn vị hành chính cấp cơ sở có mối liên hệ trực tiếp với dân, do dân, vì dân, giải quyết các mối liên hệ giữa Nhà nước và nhân dân, cho nên đây là đơn vị hành chính giúp Nhà nước thực hiện chức năng nhiệm vụ trực tiếp tới mọi người dân.

#### 2.1.1.2. Chức năng của ngân sách nhà nước

##### (1). Chức năng phân phối

Chức năng phân phối của ngân sách nhà nước bao gồm cả khâu phân phối thu nhập và phân phối các yếu tố đầu vào, cụ thể là phân bổ các nguồn lực tài chính cho các đối tượng sử dụng.

Đối tượng phân phối của ngân sách nhà nước là các nguồn lực tài chính do thu nhập quốc dân mới sáng tạo thuộc các thành phần kinh tế cùng các khoản vay, mượn của Chính phủ, gắn với việc hình thành, sử dụng các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng phân phối.

Phạm vi phân phối của ngân sách nhà nước được giới hạn ở các nghiệp vụ có liên quan đến quyền chủ sở hữu và quyền lực chính trị của Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Phân phối nguồn lực tài chính và tài trợ vốn cho các doanh nghiệp, thường là các doanh nghiệp mà Nhà nước chủ sở hữu toàn bộ hay một bộ phận dưới hình thức liên doanh liên kết hoặc chỉ cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội bằng nguồn vốn tập trung từ ngân sách Nhà nước.

+ Phân phối thu nhập cho nhu cầu của các cơ quan và tổ chức kinh tế nằm trong cơ cấu bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Về mục đích, phân phối của ngân sách Nhà nước hướng vào việc giải quyết một cách thỏa đáng mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng xã hội, thực hiện tái sản xuất mở rộng, xác lập cơ cấu kinh tế - xã hội hợp lý, làm nền tảng cho quá trình phát triển phù hợp với các quy luật khách quan.

## **(2). Chức năng giám đốc**

Chức năng giám đốc là một thuộc tính khách quan vốn có của ngân sách Nhà nước. Các hoạt động thuộc chức năng giám đốc được hiểu là giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng đồng tiền, tiến hành một cách thường xuyên, liên tục cùng với quá trình vận động của các đối tượng phân phối ngân sách Nhà nước.

Đặc trưng cơ bản của giám đốc ngân sách Nhà nước:

- Giám đốc của ngân sách Nhà nước là giám đốc sử dụng đồng tiền thông qua quá trình vận động của đồng tiền từ khâu huy động các nguồn lực tài chính đến khâu tái phân phối các nguồn lực đó cho các đối tượng sử dụng.

- Giám đốc ngân sách Nhà nước được thực hành từ khâu đầu đến khâu cuối cùng của chu kỳ phân phối của ngân sách Nhà nước. Hay nói cách khác, là được thực hiện ở tất cả các giai đoạn trước, trong và sau khi thực hiện.

Về mục đích, giám đốc ngân sách Nhà nước là hướng vào việc đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm trong việc huy động cũng như sử dụng đồng vốn của ngân sách Nhà nước và giữ kỷ luật tài chính.

Giữa các chức năng phân phối và chức năng giám đốc của ngân sách Nhà nước có mối quan hệ hữu cơ với nhau trong quá trình hình thành và vận động của ngân sách Nhà nước. Trong đó, phân phối là chức năng trọng yếu của ngân sách Nhà nước, chức năng phân phối vừa là tiền đề, vừa là cơ sở cho sự hình thành và vận động của chức năng giám đốc, thông qua phân phối mà thực hiện giám sát, kiểm tra; ngược lại nhờ có kiểm tra, giám sát mà quá trình phân phối ngân sách Nhà nước được thực hiện đúng pháp luật và có hiệu quả. Chức năng phân phối chỉ mới cho thấy sự vận động của quỹ tiền tệ tập trung cho từng lĩnh vực phát triển của đất nước, còn về tính đúng đắn, tính hợp lý, phù hợp với yêu cầu của các quy luật kinh tế khách quan muốn được đảm bảo đòi hỏi phải có chức năng giám đốc. Chức năng giám đốc có thể đi trước hoặc trong hoặc sau quá trình thực hiện phân phối, nhưng xét cho cùng giám đốc ngân sách Nhà nước chỉ có thể bắt nguồn từ quan hệ phân phối

### *2.1.1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước*

#### **(1). Vai trò của ngân sách Nhà nước trong nền kinh tế quốc dân**

\* *Ngân sách nhà nước là công cụ huy động nguồn tài chính và đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.*

+ *Huy động các nguồn lực tài chính:*

Ngân sách nhà nước là công cụ đặc lực của Nhà nước, giữ vai trò trọng yếu trong việc động viên và phân phối các nguồn lực tài chính để bảo đảm việc thực thi các chức năng của Nhà nước đương quyền, thông qua các chính sách thuế: thuế trực thu, thuế gián thu, phí và các nguồn thu khác.

Thuế là khoản thu có tính chất bắt buộc được quyết định bởi quyền của Nhà nước thông qua hệ thống pháp lý, đồng thời thuế là khoản thu không hoàn trả. Nhưng suy cho cùng với bản chất của Nhà nước, của dân, do dân và vì dân, nó sẽ hoàn trả gián tiếp bằng những hình thức khác nhau thông qua các quan hệ phân phối do Nhà nước thực hiện. Ngoài thuế, phí... ngân sách Nhà nước còn động viên các nguồn thu tài chính khác dưới hình thức nợ công như: phát hành công trái (trái phiếu hay tín dụng nhà nước), vay nợ nước ngoài (ODA) và tín dụng quốc tế (IMF, WB, ADB...).

+ *Bảo đảm nhu cầu chi tiêu của Nhà nước:*

Chi ngân sách Nhà nước nhìn một cách bao quát là chi để bảo đảm việc thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của Nhà nước đương quyền. Trong đó, có thể phân thành 3 nội dung cơ bản như sau:

- *Chi đầu tư phát triển:* là khoản chi xây dựng nền tảng của nền kinh tế như: kết cấu hạ tầng cơ sở vật chất, chi cho các công trình kinh tế trực tiếp tạo ra sản phẩm xã hội, tài trợ kinh doanh thuộc lĩnh vực kinh tế Nhà nước, trợ giá, liên doanh, liên kết kinh tế (kể cả hợp tác công - tư). Chi đầu tư phát triển có ý nghĩa quyết định đến tăng trưởng và phát triển kinh tế trong từng thời kỳ.

- *Chi thường xuyên:* Chi cho các vấn đề về văn hóa, giáo dục, y tế, nghệ thuật, giải trí, an ninh - quốc phòng, công tác an sinh xã hội... Đây là các khoản chi bảo đảm hoạt động của bộ máy Nhà nước, bảo đảm phúc lợi xã hội và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Khoản chi này chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi ngân sách Nhà nước, bởi nội dung và phạm vi và quy mô chi của nó rất lớn.

- *Dự trữ Quốc gia:* Dự trữ Quốc gia dùng để chi đảm bảo an ninh kinh tế. Ngoài ra nó còn là nguồn lực để ứng phó với mọi rủi ro trong kinh tế và đối mặt với những tình huống khẩn cấp trong nước và quốc tế. Nhìn chung, để thường xuyên bảo đảm cân đối thu - chi ngân sách Nhà nước và thực hiện chính sách tài khóa tích cực, chi ngân sách Nhà nước cần tuân thủ các nguyên tắc trong phân phối vốn ngân sách gồm:

+ Tiết kiệm tối đa và hợp lý trong tiêu dùng vốn ngân sách Nhà nước.

+ Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm đầu trong dùng vốn ngân sách Nhà nước chi cho đầu tư phát triển.

\* *Ngân sách Nhà nước là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội*

Điều tiết kinh tế vĩ mô được thực hiện thông qua một hệ thống các công cụ như: chiến lược, kế hoạch (định hướng và hướng dẫn), pháp luật (điều tiết hành vi) và các công cụ kinh tế tài chính (thuế, lãi suất tín dụng, chiết khấu...).

Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách Nhà nước giữ vai trò rất quan trọng thông qua chính sách động viên các nguồn lực tài chính và đầu tư phát triển.

*- Điều tiết kinh tế vĩ mô của ngân sách Nhà nước thông qua các công cụ động viên tài chính:*

Vai trò điều tiết vĩ mô của ngân sách Nhà nước được thực hiện thông qua các công cụ động viên các nguồn tài chính dưới hình thức thuế, phí là công cụ điều tiết vĩ mô rất nhạy cảm và hiệu quả, bởi thuế, phí luôn gắn chặt với các hoạt động kinh doanh mà các hoạt động kinh doanh là trụ cột của nền kinh tế. Vai trò điều tiết vĩ mô của thuế, phí được thông qua các chính sách thuế mà chủ yếu là thuế suất, chính sách ưu đãi thuế được xác định trên các loại sản phẩm tùy thuộc vào mức độ của nó với nhu cầu xã hội và lợi ích của nền kinh tế. Thông qua các nguyên tắc xây dựng thuế suất và các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế đã tạo ra cho quá trình động viên các nguồn tài chính:

+ Thu hút các nguồn vốn đầu tư thông qua chính sách thuế suất hợp lý và chính sách ưu đãi có thời hạn đối với các công trình đầu tư trong nước của nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế theo chính sách khuyến khích đầu tư của Nhà nước, như: Các khu kinh tế trọng điểm, các khu công nghệ cao hoặc các ngành tạo nhiều việc làm cho người lao động.

+ Chính sách ưu đãi về thuế đối với đầu tư công nghệ cao nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế.

+ Bảo đảm công bằng xã hội đối với các tầng lớp dân cư có mức thu nhập khác nhau, thông qua thuế suất thấp với các hàng hóa thiết yếu, phổ dụng và thuế suất cao đối với hàng hóa cao cấp, xa xỉ hoặc không khuyến khích sử dụng rộng rãi (rượu, bia, mỹ phẩm cao cấp...).

+ Khuyến khích phân bổ và phân công lại lao động xã hội bằng thuế suất ưu đãi với việc đầu tư khai thác các tiềm lực kinh tế, các vùng kinh tế khó khăn chậm phát triển hoặc khai hoang phục hóa...

+ Khuyến khích sản xuất sản phẩm mới, công nghệ cao có sự cạnh tranh, thông qua chính sách miễn giảm thuế có kỳ hạn và chính sách lãi suất ưu đãi. Tham gia bình ổn vật giá bằng cách điều chỉnh tăng hoặc giảm giá thích ứng trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc giá cả có thể tách biệt với giá trị trên những mặt hàng cá biệt, nhưng nhìn tổng thể kinh tế thì giá cả bằng tổng giá trị.

+ Can thiệp vào cân đối quan hệ tổng cung - tổng cầu xã hội tùy thuộc vào đặc điểm và điều kiện kinh tế thông qua điều chỉnh tăng hoặc giảm thuế trên những mặt hàng cần thiết...

*- Điều tiết vĩ mô của ngân sách Nhà nước thông qua đầu tư phát triển:*

Đầu tư công từ vốn ngân sách Nhà nước được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng đều hướng tới mục tiêu xây dựng mô hình kinh tế hiện đại với một cơ cấu kinh tế tiên tiến và hợp lý. Trong đó trọng tâm là đầu tư kết cấu hạ tầng công nghệ cao,

phát triển các vùng kinh tế động lực và khai thác các tiềm lực của nền kinh tế quốc dân. Đó là cơ sở để bảo đảm cho tăng trưởng và phát triển bền vững. Suy cho cùng đây cũng chính là các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô thông qua hoạt động của ngân sách Nhà nước.

Bên cạnh đó việc huy động và sử dụng vốn vay của chính phủ (ODA) cũng là biện pháp gián tiếp điều tiết kinh tế theo các định hướng được xác lập. Mặt khác, sự đầu tư mạo hiểm từ Nhà nước hoặc huy động vốn dưới hình thức hợp tác công - tư đều nằm trong phạm trù điều hành hay điều tiết kinh tế vĩ mô bằng sự can thiệp vào việc xác lập cơ cấu kinh tế hay điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo quan điểm hiện đại, chi giáo dục - đào tạo, bảo đảm sức khỏe cộng đồng cũng là chi đầu tư phát triển, chi cho tương lai, thì vai trò của ngân sách đóng góp không nhỏ trong việc bảo đảm cân bằng các nguồn lực xã hội cho sự phát triển bền vững. Tất cả các khoản chi khác của ngân sách Nhà nước, dù rất đa diện nhưng cũng đều hướng tới điều tiết các mối quan hệ cân đối trong nền kinh tế quốc dân.

Ngoài ra dự trữ tài chính của ngân sách Nhà nước cũng là công cụ điều tiết quan trọng thông qua bảo đảm an ninh tài chính, hậu thuẫn để ứng phó với các động thái kinh tế nhằm vào ổn định kinh tế - xã hội.

*- Kiểm tra, điều chỉnh các quan hệ kinh tế của ngân sách Nhà nước:*

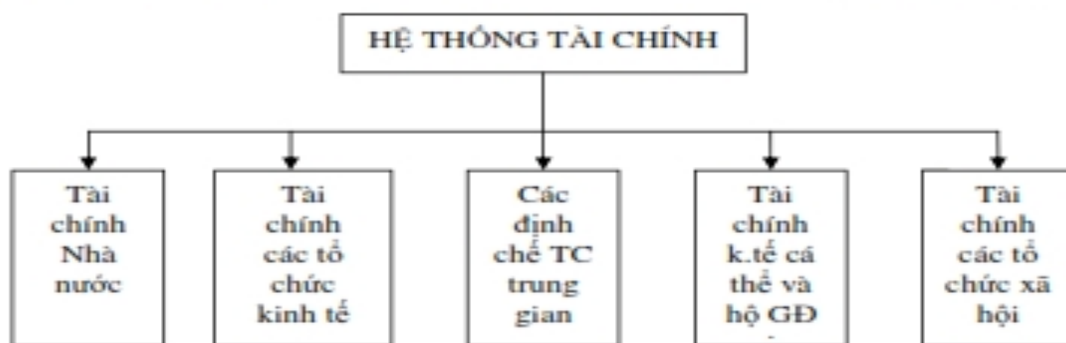
Kiểm tra tính hiệu quả của đầu tư vốn ngân sách Nhà nước được thực hiện thông qua thuế trực thu và thuế gián thu. Thuế trực thu đánh giá chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Sự phối hợp của hai hình thức thuế này là cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả qua các hợp đồng kinh tế, đồng thời cũng là căn cứ để điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Mặt khác thông qua kiểm tra hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cũng là biện pháp để điều chỉnh cơ cấu đầu tư thích ứng bảo đảm nhịp độ tăng trưởng và phát triển kinh tế một cách hợp lý.

Vai trò này còn được thể hiện thông qua việc thực hiện các khâu: lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước nhằm bảo đảm cân đối các chỉ tiêu kinh tế - xã hội với ngân sách Nhà nước và thực hiện việc điều chỉnh ngân sách Nhà nước trong quá trình vận động của nền kinh tế, nhằm bảo đảm thường xuyên các mối quan hệ cân đối trong nền kinh tế quốc dân.

Tất cả những phân tích trên được giải thích bởi vai trò của ngân sách Nhà nước, chính sách tài khóa của Chính phủ - một đạo luật tài chính cơ bản của Quốc gia và sự tác động hữu cơ của nó giữa các chính sách tài chính với các chính sách kinh tế - xã hội.

## **(2). Vai trò của ngân sách Nhà nước trong hệ thống tài chính**

Trong các khâu của hệ thống tài chính, tài chính Nhà nước được xem là khâu quan trọng của hệ thống tài chính gắn liền với quỹ tiền tệ tập trung hoạt động của nó liên quan đến việc thực hiện các chức năng của Nhà nước về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và phúc lợi xã hội.



**Sơ đồ 2.1. Hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường**

*Nguồn: [9]*

Tài chính Nhà nước bao gồm: Ngân sách Nhà nước, dự trữ Nhà nước, tín dụng Nhà nước, ngân hàng Nhà nước, tài chính các cơ quan hành chính Nhà nước, tài chính các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, tài chính các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ Nhà nước, trong đó ngân sách nhà nước là hạt nhân là thành phần chủ yếu. Ngân sách Nhà nước đóng vai trò chủ đạo và tổ chức các hoạt động của hệ thống tài chính. Điều này được chứng tỏ bằng sự chi phối, tác động và phối hợp hoạt động của nó với các khâu khác của hệ thống tài chính.

Trong nền kinh tế thị trường, ngân sách Nhà nước không chỉ đóng vai trò huy động nguồn tài chính đảm bảo các nhu cầu chi tiêu cho bộ máy Nhà nước, cho an ninh - quốc phòng và các mục đích khác nhằm củng cố quyền lực Nhà nước, mà nó còn có vai trò to lớn trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội. Đó là vai trò định hướng phát triển sản xuất, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, điều chỉnh đời sống xã hội... Để thực hiện được vai trò này đòi hỏi ngân sách Nhà nước phải có các nguồn vốn được huy động từ các khu vực kinh tế, từ dân cư và từ các nguồn tài chính nước ngoài. Từ đó thực hiện các khoản chi về đầu tư kinh tế và ngoài kinh tế. Hoạt động thu chi của ngân sách Nhà nước làm nảy sinh các mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội, giữa Nhà nước này với các cơ quan chức năng của Nhà nước hoặc các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế. Việc chi tiêu ngân sách nhà nước cho các mục tiêu kinh tế và ngoài kinh tế sẽ có tác động gia tăng nguồn vốn bằng các con đường trực tiếp hoặc gián tiếp.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước**

Nhà nước ở các quốc gia được tổ chức thành hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở. Mỗi cấp chính quyền trong bộ máy nhà nước thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trên một địa bàn hành chính - lãnh thổ nhất định, luôn phải có đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, cơ sở vật chất và các phương tiện tài chính. Hệ thống chính quyền nhà nước, địa vị pháp lý cũng như các chức năng nhiệm vụ về quản lý nhà nước của các cấp chính quyền là yếu tố cơ bản, quyết định, đòi hỏi phải xây dựng được một hệ thống NSNN phù hợp. “*Hệ thống NSNN là tập hợp các cấp ngân sách từ Trung ương đến địa phương, được xây dựng theo mối quan hệ chiều dọc, dựa trên những nguyên tắc nhất định để đảm bảo sự hoạt*

*động thống nhất của từng cấp trong toàn bộ hệ thống và đạt được mục tiêu của hệ thống” [35, tr84].*

Hệ thống NSNN được xây dựng căn cứ vào Hiến pháp của một đất nước. Trên cơ sở Hiến pháp, Luật NSNN được ban hành để cụ thể hóa hệ thống NSNN. Cấp NSNN được hình thành trên cơ sở cấp chính quyền, được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ và công khai. Ở những nước có nhà nước liên bang, hệ thống ngân sách thường có 3 cấp: ngân sách liên bang, ngân sách bang và NSĐP. Ở những nước có nhà nước đơn nhất, hệ thống ngân sách thường bao gồm NSTW và NSĐP.

Ngân sách trung ương là toàn bộ các khoản thu NSNN được phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương; [39]

Ngân sách địa phương là toàn bộ các khoản thu NSNN được phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương. [39]

#### *2.1.2.1. Nguyên tắc tổ chức hệ thống Ngân sách nhà nước*

Hệ thống ngân sách nhà nước Việt Nam được tổ chức và quản lý thống nhất dựa trên hai nguyên tắc chính sau:

##### ***(1). Nguyên tắc thống nhất, tập trung, dân chủ***

- *Tính thống nhất:* đòi hỏi các khâu trong hệ thống ngân sách phải hợp thành một thể thống nhất, biểu hiện các cấp ngân sách có cùng nguồn thu, cùng định mức chi tiêu và cùng thực hiện một quá trình ngân sách.

- *Tính tập trung:* thể hiện ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, tập trung các nguồn thu lớn và các nhiệm vụ chi quan trọng. Ngân sách cấp dưới chịu sự chi phối của ngân sách cấp trên và được trợ cấp từ ngân sách cấp trên nhằm đảm bảo cân đối của ngân sách cấp mình.

- *Tính dân chủ:* Dự toán và quyết toán ngân sách phải được tổng hợp từ ngân sách cấp dưới, đồng thời mỗi cấp chính quyền có một ngân sách và được quyền chi phối ngân sách cấp mình.

##### ***(2). Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp giữa cấp ngân sách với cấp chính quyền địa phương***

Theo khoản 1 Điều 6 Luật ngân sách Nhà nước 2015, hệ thống ngân sách nhà nước được chia làm 2 loại: Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương. Ngân sách Trung ương cung ứng nguồn tài chính cho các nhiệm vụ, mục tiêu chung của cả nước trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hỗ trợ chuyển giao nguồn tài chính cho ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngân sách địa phương cung ứng nguồn tài chính cho các nhiệm vụ

của chính quyền Nhà nước ở địa phương và hỗ trợ chuyển giao nguồn tài chính cho chính quyền cấp dưới. [39]

#### 2.1.2.2 Mô hình tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước

Luật Ngân sách nhà nước 2015 quy định ngân sách địa phương bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Vì vậy, Ngân sách địa phương hiện nay bao gồm ngân sách cấp Tỉnh, cấp Huyện, cấp Xã. Quan hệ giữa ngân sách các cấp được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

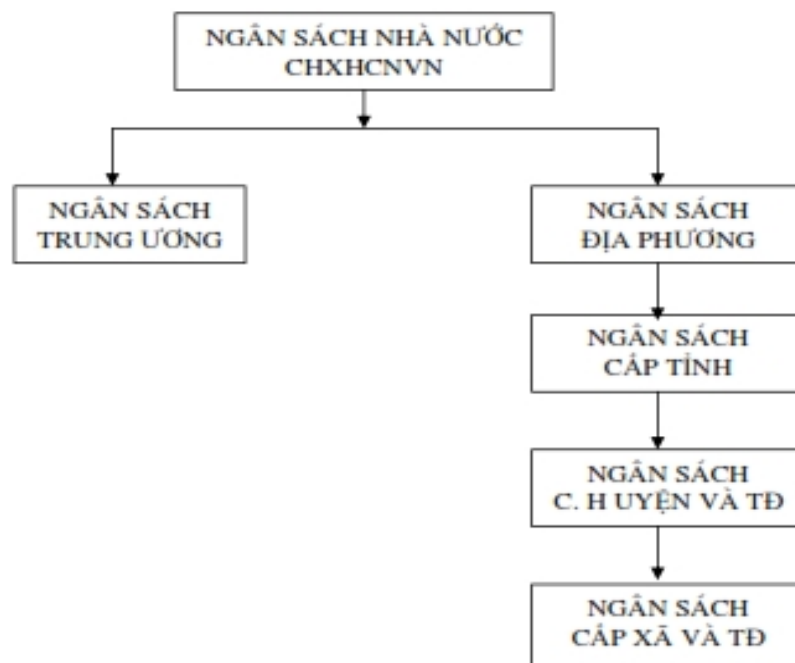
+ Ngân sách Trung ương và ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.

+ Thực hiện việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung này là khoản thu của ngân sách cấp dưới.

+ Trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan cấp dưới được thực hiện nhiệm vụ chi thuộc chức năng của mình thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ.

+ Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi, không được dùng ngân sách cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác.

Mô hình tổ chức hệ thống ngân sách Nhà nước tại Việt Nam có thể được khái quát hóa bằng sơ đồ như sau:



**Sơ đồ 2.2. Hệ thống ngân sách Nhà nước ở Việt Nam**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Luật Ngân sách nhà nước 2015*

Qua sơ đồ 2.2 cho thấy ngân sách Nhà nước bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương (Ngân sách địa phương). Ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm: Ngân sách cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung



ương (gọi chung là ngân sách cấp Tỉnh); Ngân sách cấp Huyện, Quận, Thị Xã, Thành phố thuộc Tỉnh (gọi chung là ngân sách cấp Huyện); Ngân sách cấp Xã, Phường, Thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp Xã).

Tổ chức hệ thống NSNN ở Việt Nam tổ chức theo mô hình ngân sách thống nhất, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của 63 đơn vị cấp tỉnh, ngân sách của 708 đơn vị cấp huyện và ngân sách của 11.161 đơn vị cấp xã. Sự thống nhất này thể hiện ở việc tổ chức NSNN theo hướng lồng ghép và chấp hành các nguyên tắc chung về quản lý NSNN. Theo đó, nguồn thu được phân chia giữa ngân sách các cấp, có sự điều tiết, bổ sung của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, và nhiệm vụ chi được phân cấp cho các bộ, ngành, địa phương, thống nhất về các khoản thu và mức thu của NSNN; thống nhất về tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi; thống nhất về phân cấp quản lý, thực hiện chu trình NSNN và tổng hợp dự toán, quyết toán chung theo cùng niên độ ngân sách; xử lý các vấn đề bội chi, vay, trả nợ, kết dư ngân sách theo các nguyên tắc được quy định chung trong Luật NSNN.

### **2.1.3. Quản lý ngân sách nhà nước**

Quản lý ngân sách Nhà nước là hoạt động của các chủ thể quản lý ngân sách Nhà nước thông qua việc sử dụng có chủ định các phương pháp quản lý và các công cụ quản lý để tác động và điều khiển hoạt động của ngân sách Nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu đã định. [51]

*Các chủ thể quản lý ngân sách nhà nước* gồm Quốc hội, Chính phủ và cơ quan chuyên môn trực thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân các cấp; UBND các cấp; Sở Tài chính và các Phòng Kế hoạch tài chính tại địa phương; các cơ quan chấp hành thu ngân sách.

*Quốc hội* là cơ quan lập pháp cao nhất, vai trò quản lý ngân sách của Quốc hội thể hiện ở việc xây dựng luật và sửa đổi luật trong lĩnh vực tài chính - ngân sách; Quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; Quyết định dự toán ngân sách nhà nước; Quyết định phân bổ ngân sách trung ương theo lĩnh vực; Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương; Quyết định chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết; Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; Giám sát việc thực hiện ngân sách nhà nước, chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách quốc gia, nghị quyết của Quốc hội về ngân sách nhà nước. [39, đ.19]

*Chính phủ* là cơ quan trực tiếp quản lý ngân sách, Chính phủ lập và trình Quốc hội dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết; Căn cứ vào

ng nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương; Thống nhất quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc thực hiện ngân sách nhà nước; Quy định quy trình, thủ tục lập dự toán, thu nộp, kiểm soát, thanh toán chi ngân sách, quyết toán ngân sách; Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu thực hiện thống nhất trong cả nước; đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, để phù hợp đặc điểm của địa phương, quy định khung và giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể. [39, đ.25]

*Bộ Tài chính* là cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc Chính phủ có vai trò tham mưu, dự thảo các dự án luật, pháp lệnh, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trình Chính phủ; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân sách theo thẩm quyền; Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, cơ chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, chế độ kế toán, thanh toán, quyết toán, mục lục ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo, công khai tài chính - ngân sách trình Chính phủ quy định hoặc quy định theo phân cấp của Chính phủ để thi hành thống nhất trong cả nước; Quyết định ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với các ngành, lĩnh vực sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết. Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các nguồn viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao; Tổng hợp, lập quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ; Kiểm tra các quy định về tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm về chế độ quản lý tài chính - ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác có nghĩa vụ nộp và sử dụng ngân sách nhà nước. [39, đ. 26]

*Ngân hàng nhà nước Việt Nam* phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và triển khai thực hiện phương án vay để bù đắp bội chi ngân sách nhà nước; Tạm ứng cho ngân sách nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

*Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác* ở trung ương lập dự toán ngân sách hằng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của cơ quan mình; Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan

trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, quyết toán ngân sách hằng năm thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách; Kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. [39]

*Hội đồng nhân dân các cấp* có vai trò quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước tại địa phương. HĐND các cấp căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương; Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định; Quyết định danh mục các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương; Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương; Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương. [39]

*Ủy ban Nhân dân các cấp* là đơn vị trực tiếp quản lý ngân sách tại địa phương, UBND các cấp lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách, lập quyết toán ngân sách cấp mình trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp; Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương đối với các khoản thu phân chia; Quyết định các giải pháp và tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định; kiểm tra, báo cáo việc thực hiện ngân sách địa phương; Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn; Báo cáo, công khai ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. [39]

*Sở Tài chính* là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về tài chính – ngân sách ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định và tổ chức thu các khoản phí, lệ phí cho ngân sách.

*Cơ quan Hải quan* có trách nhiệm thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế VAT đối với hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu và các khoản thu khác thuộc phạm vi qui định của pháp luật.

*Cơ quan thuế* có trách nhiệm thu thuế, phí, lệ phí, và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật trừ các khoản thuế mà hải quan đã thu.

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp* chủ trì tổ chức việc giám sát ngân sách nhà nước của cộng đồng. Nội dung giám sát ngân sách nhà nước gồm việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; Việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định.

***Khách thể trong quản lý ngân sách nhà nước*** là các đơn vị sử dụng ngân sách; các đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách. Khách thể có thể là các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, vừa có vai trò nộp ngân sách, vừa là đơn vị sử dụng ngân sách; các tổ chức đoàn thể; tổ chức chính trị xã hội được cấp kinh phí từ ngân sách; Các tổ chức xã hội nghề nghiệp được nhà nước giao nhiệm vụ và cấp kinh phí.

***Đối tượng quản lý trong hoạt động quản lý ngân sách*** là các khoản thu ngân sách bằng tiền hoặc giấy tờ, kim loại quý, tài sản có thể chuyển đổi thành tiền từ các nguồn thuế, phí, công quỹ; các khoản chi từ ngân sách cho chi thường xuyên, chi đầu tư công, chi kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp.

***Các phương pháp quản lý*** có chủ định của chủ thể quản lý trong quản lý ngân sách nhà nước gồm:

- *Phương pháp hành chính*: thể hiện ở các quy định mang tính quy phạm pháp luật buộc các khách thể quản lý phải chấp nhận thi hành; các biện pháp tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, các chế tài nếu có vi phạm trong quản lý ngân sách.

- *Phương pháp kinh tế*: thể hiện ở các đòn bẩy tài chính như thu hồi, hạ mức duyệt chi ngân sách nếu không thực hiện giải ngân đúng quy định; thưởng nếu thu vượt chỉ tiêu ngân sách...

- *Phương pháp giáo dục thuyết phục*: tuyên truyền giáo dục thường xuyên cho không chỉ các cán bộ làm công tác quản lý ngân sách mà còn tập trung vào đối tượng thu nộp ngân sách để họ thấy vai trò của ngân sách nhà nước trong đời sống kinh tế xã hội, từ đó có ý thức và tuân thủ nghiêm túc các hoạt động thu chi ngân sách.

***Các công cụ*** mà chủ thể quản lý sử dụng để tác động đến các đối tượng, khách thể trong hoạt động quản lý ngân sách nhà nước gồm:

- *Các công cụ hành chính* như hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật như Luật, Nghị định, Thông tư, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị; các chỉ tiêu kế hoạch thu chi ngân sách; các quy định về thu, chi, cân đối ngân sách từ trung ương đến địa phương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng ngân sách nhà nước cũng như các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

- *Các công cụ về tài chính*: Tỷ lệ thu nộp ngân sách giữa địa phương và cấp trên; tỷ lệ ngân sách trung ương điều tiết cho ngân sách địa phương; tỷ lệ thưởng phạt trong hoạt động quản lý ngân sách.

- *Các công cụ tuyên truyền, giáo dục*: tài liệu hướng dẫn, tờ rơi, các hoạt động truyền thông nhằm tuyên truyền, giáo dục về ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước.

#### **2.1.4. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước**

##### *2.1.4.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước*

Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước là một tất yếu khách quan khi đã hình thành hệ thống NSNN vì mỗi cấp ngân sách đều có nhiệm vụ hoạt động thu chi mang tính độc lập tương đối. Phân cấp quản lý NSNN là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội [39]. Có thể hiểu phân cấp quản lý NSNN là việc phân định phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền nhà nước từ trung ương tới địa phương trong quá trình tổ chức tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ cho việc thực thi chức năng nhiệm vụ của nhà nước [9, tr.118].

Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước còn có thể hiểu đơn giản là việc phân giao nhiệm vụ thu chi giữa các cấp chính quyền. Nó giải quyết mối quan hệ giữa chính quyền nhà nước trung ương và các cấp chính quyền địa phương trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động ngân sách nhà nước. Việc phân cấp quản lý NSNN đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương trong việc khai thác nguồn thu và bố trí hợp lý các khoản chi để giải quyết nhu cầu tại chỗ của địa phương.

Nói cách khác, phân cấp quản lý NSNN là một nội dung trọng yếu của phân cấp quản lý nhà nước - sự chuyển giao quyền và trách nhiệm của chính quyền trung ương cho các cấp chính quyền bên dưới. Tuy vậy, phân cấp quản lý NSNN là một khái niệm phức tạp, không có sự thống nhất hoàn toàn về cách hiểu. Thuật ngữ “phân cấp quản lý NSNN” thường nhấn mạnh việc phân chia nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền; nhưng nó cũng bao hàm các thẩm quyền quản lý và quyền quyết định về ngân sách giữa các cấp chính quyền nhà nước. NSNN thực chất là công cụ tài chính để phục vụ cho sự thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền nhà nước. Chính quyền nhà nước được phân cấp, phân quyền thì công cụ tài chính này cũng phải được tổ chức cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của chủ thể sử dụng nó. Nếu có sự phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội cho các cấp chính quyền thì cũng phải phân cấp tương ứng về ngân sách. Bởi vì, nếu không có quyền tự quản tương ứng về tài chính thì không thể có cơ sở vật chất cho việc thực hiện những quyền tự quản về kinh tế - xã hội. Phân cấp quản lý kinh tế - xã hội là tiền đề, điều kiện quyết định phân cấp quản lý NSNN và ngược lại, nếu phân cấp quản lý NSNN phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, sẽ giúp

các cấp chính quyền thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của mình. Đây là hai mặt của một quá trình thống nhất, quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau, thúc đẩy nhau phát triển tích cực nếu nhận thức và vận dụng chúng hợp quy luật. Thực tiễn cho thấy, nếu không có phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp chính quyền bằng cơ chế phân cấp quản lý kinh tế - xã hội phù hợp thì không có được cơ chế phân cấp quản lý NSNN đúng; ngược lại, nếu không có được cơ chế phân cấp quản lý NSNN đúng, sẽ gây khó khăn cho chính quyền thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội. Như vậy, phân cấp quản lý NSNN là hệ quả tất yếu của phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

Từ việc phân tích trên, có thể rút ra định nghĩa như sau: *Phân cấp quản lý NSNN là việc phân chia nguồn lực, nhiệm vụ chi cùng với việc xác định phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn quản lý và quyết định về ngân sách giữa các cấp chính quyền nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.*

#### 2.1.4.2. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước

Từ những phân tích mang tính lý thuyết về phân cấp quản lý NSNN đã đề cập ở trên, có thể xây dựng những nguyên tắc mang tính lý luận để thực hiện phân cấp quản lý NSNN ở các nhà nước đơn nhất như sau:

**Thứ nhất:** *Phân cấp quản lý Ngân sách phải phù hợp và đồng bộ với phân cấp tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước.*

Việc tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước (trong đó có phân cấp quản lý ngân sách) được quy định trong Hiến pháp. Hệ thống NSNN gồm ngân sách trung ương và Ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương gồm ngân sách của các cấp chính quyền địa phương. “Cấp chính quyền địa phương” gồm có cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức ở các đơn vị hành chính.

**Thứ hai:** *Ngân sách trung ương và ngân sách mỗi cấp địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.*

Vấn đề cơ bản và được tất cả các cấp chính quyền quan tâm nhất trong phân cấp quản lý NSNN là nguồn thu, nhiệm vụ chi. Vì vậy, Luật NSNN của các nước đều quy định cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSTW và NSDP. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

**Thứ ba:** *Trên địa bàn cả nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và tính chủ động của NSDP. Trên địa bàn tỉnh, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh và tính chủ động của ngân sách các cấp bên dưới.*

Đây là nguyên tắc xây dựng mối quan hệ giữa NSTW và NSDP, giữa các cấp

chính quyền ở địa phương. Mỗi quan hệ hợp lý giữa các cấp ngân sách có ý nghĩa rất quan trọng trong vận hành hệ thống ngân sách.

Vai trò chủ đạo của NSTW là do vị trí, vai trò của CQTW trong hệ thống chính quyền nhà nước quyết định. NSTW giữ vai trò chủ đạo nghĩa là:

(1) Nguồn thu chủ yếu của NSNN tập trung vào NSTW để bảo đảm thực hiện được các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như: Các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tác động đến cả nước hoặc nhiều địa phương; các chương trình, dự án quốc gia; các chính sách xã hội quan trọng; điều phối hoạt động kinh tế vĩ mô của đất nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

(2) NSTW là trung tâm điều hoà trong hệ thống NSNN, đảm bảo chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các địa phương. Thông qua NSTW, Chính phủ chi phối, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động tài chính công và thực hiện điều tiết đối với hoạt động kinh tế - xã hội của quốc gia. Tuy nhiên, nếu tập trung quá mức quyền hạn ngân sách vào cấp Trung ương thì sẽ dẫn đến hạn chế sự chủ động của CQĐP. Chính vì vậy, trong phân cấp quản lý NSNN cần phân chia nguồn lực, nhiệm vụ chi cùng với việc xác định phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn quản lý và quyết định về ngân sách cho CQĐP đến mức hợp lý để đảm bảo tính chủ động của địa phương.

**Thứ tư:** *Phân cấp quản lý ngân sách phải phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội và trình độ quản lý của chính quyền nhà nước các cấp.*

Sự phân cấp về quản lý kinh tế - xã hội cho các cấp chính quyền đòi hỏi phải có quyền tự quản tương ứng về tài chính để thực hiện những quyền tự quản về kinh tế - xã hội. Phân cấp quản lý kinh tế - xã hội là tiền đề, điều kiện quyết định phân cấp quản lý ngân sách và ngược lại, nếu phân cấp quản lý ngân sách phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, sẽ giúp các cấp chính quyền thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội được giao.

**Thứ năm:** *phân cấp quản lý NSNN phải đảm bảo tính hiệu quả.*

Nguyên tắc về tính hiệu quả trong phân cấp quản lý NSNN bao hàm 2 nội dung cơ bản là tính hiệu quả kinh tế và tính hiệu suất. Tính hiệu quả kinh tế đòi hỏi phải đạt được kết quả cụ thể với đầu vào nguồn ngân sách là nhỏ nhất. Tính hiệu suất là yêu cầu đạt được kết quả tốt nhất có thể với nguồn ngân sách đầu vào đã xác định trước.

Tính hiệu quả trong phân cấp quản lý NSNN thể hiện ở hai khía cạnh là hiệu quả chung do những quy định pháp luật về phân cấp quản lý NSNN tạo ra và hiệu quả khi xem xét những chi phí trong quá trình thực hiện phân cấp quản lý NSNN. Ở khía cạnh thứ nhất có liên quan chặt chẽ đến phạm vi phân giao quản lý nguồn thu và nhiệm vụ chi NSNN. Phân cấp quản lý thu NSNN là phải đạt được mục tiêu là thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu theo quy định với chi phí là thấp nhất. Phân cấp quản lý chi NSNN phải đánh giá cấp NSNN nào chi là hiệu quả nhất, thuận lợi

nhất. Ở khía cạnh thứ hai cho thấy là thêm một cấp NSNN là phát sinh thêm chi phí quản lý điều hành của cấp đó và của cả cấp khác có liên quan như hoạt động kiểm tra, giám sát, phê duyệt NSNN. Do vậy cần phải xây dựng hệ thống NSNN với các cấp NSNN trung gian ít nhất.

Tính hiệu quả trong phân cấp quản lý NSNN được thể hiện là có sự phân công trách nhiệm chi NSNN rõ ràng, gắn nguồn lực với trách nhiệm và gắn trách nhiệm với quyền hạn của từng cấp. Hiệu quả phân cấp quản lý NSNN yêu cầu phải phân định rõ ràng mỗi cấp chính quyền cần chịu trách nhiệm về những khoản chi NSNN nào. Theo đó mỗi dịch vụ công cộng nên được cung cấp bởi cấp quản lý nào để sử dụng hết lợi ích và trang trải được các chi phí của việc cung cấp dịch vụ công cộng đó. Như vậy Trung ương và địa phương cần phải chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ công cộng một cách nhanh nhất, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của nhân dân và với chi phí rẻ nhất.

**Thứ sáu:** *Phân cấp quản lý NSNN phải đảm bảo tính công bằng*

Công bằng trong phân cấp quản lý NSNN được đặt ra là vì:

(1) Giữa các địa phương trong một quốc gia có những đặc điểm tự nhiên, xã hội, trình độ phát triển kinh tế khác nhau. Những quy định về phân cấp quản lý NSNN đơn giản áp dụng như nhau cho tất cả các địa phương rất có thể sẽ dẫn tới những bất công bằng, tạo ra khoảng cách chênh lệch ngày càng lớn về điều kiện phát triển giữa các địa phương.

(2) NSNN có được là từ sự đóng góp của người dân trên cả nước thông qua các phương thức khác nhau. Do đó, có thể các khoản đóng góp của người dân nơi này đôi khi lại được Nhà nước thu về ở một nơi khác, dẫn đến việc nguồn thu phát sinh chỉ ở một địa phương nào đó. Vì thế nó không phản ánh đúng mức độ đóng góp của địa phương đó cho Nhà nước. Việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi NSNN giữa Trung ương và địa phương là công cụ chủ yếu để thực hiện việc điều hoà trong toàn bộ hệ thống NSNN. Nhà nước đóng vai trò là người điều phối thông qua NSTW bằng phương thức bổ sung ngân sách. Bổ sung ngân sách có thể là bổ sung để cân đối ngân sách hoặc bổ sung ngân sách có mục tiêu. Quy định này cho phép điều tiết các nguồn lực giữa các địa phương với nhau để tạo điều kiện cùng nhau phát triển.

**Thứ bảy:** *Đảm bảo tăng cường hiệu lực quản lý, kiểm soát NSNN*

Vấn đề quan trọng đối với bất kỳ hệ thống NSNN nào là phải giảm thiểu những thất thoát có thể xảy ra sau khi thực hiện phân cấp quản lý NSNN. Để đảm bảo tăng cường hiệu lực quản lý, kiểm soát NSNN thì cần xây dựng một thiết chế kiểm soát NSNN có mức độ độc lập cao hơn, cũng như có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong quản lý ngân sách. Thiết chế này cho phép ngăn ngừa những sai phạm trong các quyết định về ngân sách của các cấp chính quyền cũng như phát hiện các vi phạm dẫn đến lãng phí, tham nhũng trong quá trình quản lý sử dụng NSNN. Kiểm toán nhà nước là cơ quan có chức năng quan trọng nhất để thực hiện việc kiểm soát NSNN. Tuy



nhiên để kiểm toán và xử lý thực sự có chất lượng thì cơ quan này phải có cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động đặc biệt. Cơ quan này thường chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Quốc hội, nếu không công tác kiểm toán NSNN trở thành hình thức và kém hiệu quả.

***Thứ tám: Nâng cao năng lực quản lý, trách nhiệm giải trình của địa phương***

Khi quyết định mức độ phân cấp quản lý NSNN, trách nhiệm thu thuế và nhiệm vụ chi ngân sách cho địa phương thì Trung ương cần phải có đánh giá về năng lực quản lý của địa phương. Năng lực quản lý ngân sách của địa phương bao gồm: năng lực ra quyết định về ngân sách, năng lực tổ chức thực hiện thu chi ngân sách và năng lực giám sát ngân sách.

Năng lực giải trình của CQĐP bao gồm việc giải trình trước người dân địa phương và giải trình với Trung ương. Trách nhiệm giải trình trước người dân địa phương là yêu cầu quan trọng để đảm bảo cho CQĐP phải quản lý NSĐP một cách có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. Trách nhiệm giải trình của địa phương với Trung ương là việc giải trình của địa phương về hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực tài chính đã được phân cấp quản lý cho địa phương. Bởi nguồn lực tài chính và hoạt động chi ngân sách của địa phương cũng là một phần của nguồn lực tài chính quốc gia, nguồn lực tài chính này là để cho địa phương thực hiện nhiệm vụ của quốc gia.

***2.1.4.3. Nội dung phân cấp quản lý Ngân sách nhà nước***

Phân cấp quản lý NSNN được xem xét trên những nội dung chủ yếu sau:

***+ Phân cấp về thẩm quyền ban hành chính sách, tiêu chuẩn, định mức NSNN***

Trong công tác quản lý NSNN thì những quy định về luật pháp, chính sách, tiêu chuẩn, định mức NSNN có vai trò quan trọng. Quy định về luật pháp, chính sách, tiêu chuẩn, định mức NSNN không chỉ là căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán NSNN, kiểm toán thu chi ngân sách mà còn là một trong những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng quản lý và điều hành NSNN của trung ương và địa phương.

Về nguyên tắc, những chế độ, chính sách do Trung ương quy định thì các cấp chính quyền địa phương tuyệt đối không được tự điều chỉnh hoặc vi phạm. Ngược lại, Trung ương cũng phải tôn trọng thẩm quyền của các địa phương, tránh can thiệp làm mất đi tính tự chủ của họ.

Tại Việt Nam, thẩm quyền phê chuẩn ban hành các chính sách, định mức, tiêu chuẩn ngân sách nhà nước thuộc về Quốc hội. Chính phủ xây dựng dự thảo trình Quốc hội phê chuẩn. Khi Quốc hội phê chuẩn thì sẽ trở thành cơ sở pháp lý cho các cấp địa phương thực hiện.

***+ Phân cấp quản lý nguồn thu***

Phân cấp quản lý nguồn thu là nội dung quan trọng trong các quy định về phân cấp quản lý NSNN. Cụ thể đó là việc xác định ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được thu những khoản nào và thực hiện những nhiệm vụ chi cụ thể nào. Phân cấp quản lý nguồn thu là vấn đề phức tạp và khó khăn, bắt nguồn từ sự phát triển không đồng đều, sự khác biệt về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Phân cấp nguồn thu cho một cấp chính quyền là việc chuyển giao quyền và trách nhiệm cho cấp chính quyền đó về việc nuôi dưỡng, huy động và sử dụng nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ chi. Việc phân cấp nguồn thu cần phải tương ứng với nhiệm vụ chi, cân bằng được mối quan hệ lợi ích – chi phí của người nộp thuế, hạn chế tác động rủi ro của thuế, giảm thiểu chi phí hành chính trong quản lý và thu thuế. Phân cấp nguồn thu còn nhằm để đảm bảo sự công bằng giữa các cấp chính quyền địa phương và Trung ương về tài chính cũng như sự bình đẳng giữa các vùng.

Nguồn thu của NSNN chủ yếu là thuế và luôn bị giới hạn. Nếu một cấp ngân sách nào đó được nhận nhiều hơn thì các cấp ngân sách khác sẽ ít đi vì khả năng tăng thuế rất hạn chế. Chính quyền địa phương các cấp khó đưa ra được nhiều sắc thuế địa phương vì công dân địa phương sẽ không ủng hộ. Vì vậy, chuyển giao một sắc thuế cho chính quyền địa phương luôn đòi hỏi phải xem xét trên 2 mặt: Khả năng thu và quản lý thu. Chính quyền địa phương, đặc biệt là chính quyền địa phương cấp cơ sở thường gặp khó khăn về năng lực quản lý thu.

Nguồn thu của chính quyền địa phương từ các khoản thu được phân cấp địa phương được hưởng 100%; Các khoản được bổ sung từ Trung ương hoặc chính quyền cấp trên. Các khoản thu được phân cấp của chính quyền địa phương thể hiện mức độ tự chủ về tài chính của chính quyền địa phương các cấp và mức độ cân đối chung giữa các cấp ngân sách về tài chính. Nguồn thu của địa phương càng lớn, chính quyền càng phải có trách nhiệm báo cáo với công dân địa phương. Công dân sẽ tích cực nộp thuế hoặc tạo nguồn tài chính cho chính quyền địa phương khi họ thấy rõ được lợi ích từ việc nộp thuế của họ. Từ đó sẽ tạo nên hoạt động có hiệu quả hơn khi giao cho chính quyền địa phương tạo nguồn thu của địa phương.

Trong việc phân cấp quản lý thu cho chính quyền địa phương, quan hệ giữa các chủ thể quản lý thường xuất hiện những cản trở:

(1) *Cản trở theo mối quan hệ dọc (trên - dưới)*. Do phần lớn thuế thuộc về Trung ương hoặc cấp trên nên chính quyền địa phương thường gặp khó khăn liên quan đến trách nhiệm phải chi. Ở một số nước, Trung ương hoặc cấp trên thường đưa về địa phương những nhiệm vụ thuộc Trung ương hoặc cấp trên nhằm giảm áp lực ngân sách của mình, nhưng lại không chuyển ngân sách về cho địa phương. Sự không phù hợp nguồn thu và các khoản chi do mối quan hệ dọc có thể làm cho việc sử dụng ngân sách không hiệu quả hoặc làm cho nhiều hoạt động kinh tế, đầu tư khó thực hiện và có thể tạo ra sự chênh lệch giữa các vùng.

(2) *Cản trở theo quan hệ ngang (đồng cấp)*. Đó là sự không bình đẳng giữa các đơn vị hành chính cùng cấp, các vùng khác nhau có thể thu chi rất khác nhau. Bổ sung của Trung ương hoặc cấp trên có thể hạn chế sự bất bình đẳng đó, nhưng vấn đề lại là ở chỗ Trung ương hoặc cấp trên có chuyển giao hay không, cơ chế chuyển giao và thời điểm chuyển giao ngân sách. Chính quyền địa phương thường không muốn cung cấp các hàng hóa công cộng vượt ra khỏi địa giới hành chính của mình và

thường cung cấp dưới khả năng. Chuyển giao tài chính từ Trung ương hoặc cấp trên có thể hỗ trợ việc cung cấp hàng hóa công cộng vượt ra ngoài địa giới.

Để khắc phục những cản trở dọc và ngang nói trên rất cần phải có cơ chế phân cấp quản lý NSNN hợp lý, rõ ràng, minh bạch và đòi hỏi Trung ương, chính quyền địa phương cấp trên và chính quyền địa phương cấp dưới tôn trọng thực hiện.

+ *Phân cấp trong điều hòa và bổ sung ngân sách.*

Năng lực thu ngân sách ở các địa phương thường khác nhau, do đó phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi có thể gây ra mất cân bằng về tài chính. Nhiệm vụ chi của chính quyền địa phương không cân bằng với nguồn thu của địa phương được gọi là mất cân bằng theo chiều dọc. Khả năng tài chính của các địa phương khác nhau nhưng phải thực hiện các nhiệm vụ chi như nhau được gọi là mất cân bằng theo chiều ngang. Để giải quyết sự mất cân bằng giữa thu và chi ngân sách của các cấp chính quyền, cần phải có cơ chế điều hòa và bổ sung ngân sách theo các cơ chế:

(1) Để lại nguồn thu để giải quyết vấn đề cân bằng theo chiều dọc hoặc điều tiết nguồn thu từ nơi có nguồn thu cao đến nơi có nguồn thu thấp để giải quyết vấn đề cân đối theo chiều ngang.

(2) Bổ sung ngân sách: Bổ sung trọn gói không điều kiện để tạo cân bằng thu chi của các cấp chính quyền; hoặc bổ sung có mục tiêu. Nguồn bổ sung có thể lấy từ ngân sách cấp này chi cho ngân sách cấp khác hoặc thông qua một quỹ điều hòa ngân sách. Theo thông lệ quốc tế, khi chuyển giao (điều hòa và bổ sung) ngân sách giữa các cấp chính quyền cần phải chú ý:

- Chuyển giao phải được xác định khách quan, công khai, minh bạch theo những quy định cụ thể; Thiết kế chuyển giao do Trung ương quyết định.

- Phải ổn định tương đối một số năm. Muốn vậy, đòi hỏi phải thiết kế được mục tiêu, lượng ngân sách chuyển giao cũng như công việc được chuyển giao.

- Công thức tính chuyển giao rõ ràng, dựa vào các yếu tố khả thi và đơn giản.

+ *Phân cấp vay nợ cho chính quyền địa phương.*

Việc thiếu hụt nguồn tài chính của địa phương trong một số trường hợp là không tránh khỏi (ví dụ, khi suy thoái kinh tế làm giảm nguồn thu nhưng nhu cầu chi lại tăng; khi cần đầu tư lớn mà nguồn thu lại nhỏ; khi thời điểm thu và thời điểm chi không khớp nhau...). Phân cấp thẩm quyền vay nợ cho chính quyền địa phương là để giải quyết tình huống này. Tuy nhiên, cần có cơ chế để đảm bảo chính quyền địa phương và cử tri của địa phương chỉ được vay trong một giới hạn hợp lý và phải tự chịu trách nhiệm về quyết định vay và trả nợ tiền vay.

Về mặt lý thuyết, là một thực thể có tư cách pháp nhân công pháp nên chính quyền địa phương có thể thực hiện các quyền vay vốn trên thị trường tài chính trong và ngoài nước. Tuy nhiên, do năng lực tài chính của chính quyền địa phương hạn chế nên việc vay nợ đó gặp nhiều khó khăn. Trong nhiều trường hợp, phải nhờ vào sự bảo lãnh của chính quyền Trung ương thì chính quyền địa phương mới có thể vay được.

Thị trường tài chính và mối quan hệ giữa người cho vay và người đi vay là mối quan hệ chứa nhiều mục đích. Nếu thể chế cho vay mang tính can thiệp của Nhà nước thì khó có thể đảm bảo hoạt động cho vay bình đẳng theo cơ chế thị trường. Người đi vay thường có nhiều và đủ thông tin hơn về những dự án mà họ vay tiền, kể cả khả năng rủi ro thanh toán cho các khoản vay. Trong khi đó, người cho vay lại hạn chế khi tiếp cận thông tin và điều kiện thực tế của người vay. Cho vay đối với chính quyền địa phương các cấp đòi hỏi phải có sự kiểm soát chặt chẽ của người cho vay, đặc biệt là các ngân hàng thương mại của nhà nước.

Phân cấp quản lý ngân sách và trao quyền tự chủ đi vay, nếu không có sự bảo lãnh của Trung ương thì đòi hỏi chính quyền địa phương phải đánh giá cụ thể hơn năng lực tài chính (các khoản thu) của mình. Nếu chính quyền Trung ương thực hiện bảo lãnh mà chính quyền địa phương không tuân thủ kỷ luật tài chính thì có thể dẫn đến khủng hoảng nợ vay của chính quyền địa phương như đã xảy ra ở một số nước.

Để được trao quyền vay vốn trên thị trường tài chính không cần có sự bảo lãnh, chính quyền địa phương cần xây dựng được đủ năng lực thẩm định và thực hiện các dự án đầu tư. Đây là hạn chế lớn nhất của chính quyền địa phương nhiều nước, trong đó có Việt Nam.

#### *+ Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách*

Nhiệm vụ chi ngân sách được xây dựng dựa trên cơ sở trách nhiệm cung cấp các hàng hóa công cộng của các cấp chính quyền. Phân cấp nhiệm vụ chi cho biết “Ai là nhà sản xuất, sản xuất cái gì và cho ai” trong việc cung ứng các hàng hóa công cộng. Chúng cần rõ ràng, minh bạch, không chòng chéo giữa các cấp, đảm bảo hiệu quả về kinh tế, công bằng về tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu lực quản lý. Việc cho phép chính quyền địa phương có quyền ở mức nhất định trong lựa chọn các khoản chi hoặc quyết định các định mức chi tiêu là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách.

Phân cấp nhiệm vụ chi cần mở rộng sự tham gia của công dân địa phương trong các chương trình, dự án phát triển. Càng có sự tham gia của cộng đồng thì trách nhiệm báo cáo sẽ càng tăng và càng tạo động lực chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả để cung cấp hàng hóa công cộng cho cộng đồng.

Để phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách, cần thực hiện nguyên tắc: Dịch vụ ai cung cấp tốt hơn thì người đó cung cấp và quyền chi thuộc về họ. Chọn người tốt nhất để trao nhiệm vụ chi, khi thiết kế chính sách cần phải quan tâm đến các sản phẩm được tạo ra bởi chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Trung ương phải đưa ra cơ chế kiểm soát hoạt động cung cấp dịch vụ do mình thực hiện hoặc tạo ra sự khuyến khích để chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả.

Trung ương và địa phương đều có những vấn đề cần ưu tiên của mình. Nhiều vấn đề ưu tiên của Trung ương có phạm vi ảnh hưởng lớn, mang tầm khu vực; trong khi đó, ưu tiên của địa phương lại mang tính cục bộ. Cần căn cứ vào phạm vi

và mức độ ưu tiên địa phương để có thể chuyển giao nhiệm vụ chỉ cho địa phương hay để lại Trung ương.

Chính quyền địa phương các cấp phải chịu trách nhiệm báo cáo với cơ quan cấp trên về những hoạt động được cấp trên ủy quyền thực hiện; và phải chịu trách nhiệm báo cáo với cử tri khu vực bầu cử về các hoạt động.

+ *Phân cấp quản lý trong thực hiện chu trình ngân sách nhà nước.*

Phân cấp quản lý NSNN thể hiện mối quan hệ giữa các cấp ngân sách trong một quy trình bao gồm các giai đoạn: lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách. Trong các giai đoạn này, thẩm quyền cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương, và các cơ quan chuyên môn thể hiện tính chất của phân cấp quản lý NSNN. Ở một số quốc gia, trong quy trình quản lý NSNN có rất nhiều cơ quan nhà nước các cấp, tổ chức và cá nhân tham gia, vì vậy pháp luật của các nước đều quy định rõ nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan nhà nước các cấp và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về NSNN.

Trong phân cấp quản lý NSNN theo hình thức trao quyền, chính quyền địa phương được độc lập ở mức cao nhất. Chính quyền địa phương có thể tự quyết định NSDP của mình trên cơ sở quy định của pháp luật; hệ thống NSNN không mang tính lồng ghép – Quốc hội chỉ phê chuẩn dự toán và quyết toán NSTW; Hội đồng cấp địa phương phê chuẩn dự toán và quyết toán của NSDP cấp mình.

Trong phân cấp quản lý NSNN theo hình thức uỷ quyền (delegation), địa phương chủ yếu chỉ được giao trách nhiệm và quyền hạn điều hành quản lý ngân sách. Hội đồng cấp địa phương tuy có quyền phê chuẩn dự toán và quyết toán NSDP cấp mình nhưng không “dứt mạch”. NSDP các cấp phải được tổng hợp cùng NSTW để thành NSNN. Chỉ sau khi NSNN được Quốc hội phê chuẩn thì địa phương mới biết được NSDP do mình phê chuẩn đã được thừa nhận về mặt pháp lý hay chưa.

+ *Phân cấp trong giám sát, thanh tra, kiểm toán NSNN.*

Phân cấp trong giám sát, thanh tra, kiểm toán NSNN là việc phân định nhiệm vụ quyền hạn của mỗi cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền về giám sát, thanh tra, kiểm toán NSNN nhằm mục đích quản lý NSNN đạt được những mục tiêu đề ra.

## **2.1.5. Quy trình quản lý ngân sách nhà nước**

### *2.1.5.1. Quy trình lập, phê duyệt và giao dự toán ngân sách*

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, trước ngày 15 tháng 5 hàng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

Trước ngày 20 tháng 9 hàng năm, Chính phủ trình các tài liệu báo cáo dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách đến Ủy ban thường vụ Quốc hội để cho ý kiến. Các báo cáo của Chính phủ được gửi đến các đại biểu Quốc hội chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội cuối năm.

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm sau. Trên cơ sở đó, trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, chủ đầu tư lập dự toán thu, chi ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình theo các chỉ tiêu quy định. Trước ngày 10 tháng 12, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau. Hội đồng nhân dân cấp dưới quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Trước ngày 31 tháng 12, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

#### *2.1.5.2. Quy trình chấp hành ngân sách*

Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

Cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao; không đúng chính sách, chế độ quy định thì yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách.

Thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước: Đối với dự toán ngân sách được giao theo thẩm quyền của UBND các cấp thì phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12

năm trước; Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao dự toán bổ sung, đơn vị dự toán cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định.

Cơ quan thu ngân sách có nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan tổ chức thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Bộ Tài chính, cơ quan quản lý cấp trên, Ủy ban nhân dân và sự giám sát của Hội đồng nhân dân về công tác thu ngân sách tại địa phương; Tổ chức quản lý và thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước. Cơ quan thu có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu phải nộp vào ngân sách nhà nước; Kiểm tra, kiểm soát các nguồn thu của ngân sách; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, thu, nộp ngân sách và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. [39]

Kho bạc Nhà nước được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại để tập trung các khoản thu của ngân sách nhà nước; hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách, điều tiết các khoản thu cho ngân sách các cấp theo đúng quy định.

Các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán được bảo đảm kinh phí theo đúng tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao. Đối với các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác được tạm ứng vốn, kinh phí để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết. Mức vốn tạm ứng căn cứ vào giá trị hợp đồng và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật có liên quan, vốn, kinh phí tạm ứng được thu hồi khi thanh toán khối lượng, nhiệm vụ hoàn thành.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện; Kho bạc Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định.

#### *2.1.5.3. Quyết toán ngân sách*

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định. Cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ chi ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách cùng cấp không chấp hành đúng chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Kho bạc Nhà nước tổ chức hạch toán kế toán ngân sách nhà nước; tổng hợp số liệu thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, các cơ quan có liên quan theo chế độ quy định.

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết

năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định; Trường hợp đơn vị dự toán đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách thì cơ quan tài chính cùng cấp duyệt quyết toán ngân sách theo quy định.

Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về việc thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp giữa năm sau.

Ủy ban nhân dân cấp dưới định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ báo cáo Bộ Tài chính về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương. Bộ Tài chính định kỳ báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội; báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách tại kỳ họp giữa năm sau.

#### *2.1.5.4. Công khai minh bạch ngân sách*

Các số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia phải được công khai bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân.

Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành.



Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

## **2.2. Nội dung quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương**

### **2.2.1. Hoạt động tham mưu cho cấp trên trong quản lý ngân sách**

Trong hệ thống quản lý ngân sách nhà nước từ trung ương đến địa phương, các cơ quan quản lý ngân sách địa phương có trách nhiệm tham mưu cho cấp trên thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đối với ngân sách nhà nước đảm bảo thu đúng, thu đủ tạo nguồn cho ngân sách đồng thời đảm bảo hiệu quả và chính xác đối với các khoản chi ngân sách.

Tại địa phương, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng nhân dân cùng cấp, trình Hội đồng nhân dân phê duyệt dự toán ngân sách hằng năm đồng thời UBND cấp tỉnh cũng tham mưu cho Chính phủ về các chính sách trong quản lý ngân sách nhà nước thông qua cơ quan quản lý chuyên ngành là Bộ Tài chính. Chính phủ sẽ căn cứ quy định hiện hành, đề xuất của Bộ Tài chính và UBND cấp Tỉnh để ban hành chính sách quản lý ngân sách cho phù hợp với từng thời kỳ.

Theo quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì hoạt động tham mưu về chuyên môn cho UBND cấp tỉnh được trong quản lý ngân sách nhà nước được giao cho Sở Tài chính. Sở là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. [10]

Như vậy, Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước. Hoạt động tham mưu của Sở Tài chính tập trung vào một số nội dung chính như:

- + Tham mưu trong công tác quản lý tài chính, quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ thu, chi ngân sách địa phương đồng thời tháo gỡ khó khăn cho các khách thể quản lý...

- + Công tác tham mưu và phối hợp thực hiện hiệu quả công tác điều hành thu - chi ngân sách trên địa bàn; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách; phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương.

- + Công tác tham mưu Quản lý tài sản công hiệu quả; tham mưu xác định giá cơ sở như giá nguyên vật liệu, giá đất làm căn cứ lập dự toán và căn cứ thu thuế trên địa bàn.

- + Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật.

### 2.2.2. Quản lý lập dự toán ngân sách nhà nước

UBND cấp tỉnh căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn, số kiểm tra về dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế – xã hội, yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp dưới.

*Căn cứ lập dự toán ngân sách tại địa phương gồm:*

- Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới tại địa phương.

- Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương.

- Quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách nhà nước; định mức phân bổ ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước.

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và tỷ lệ phân trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và mức bổ sung cân đối ngân sách của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

- Văn bản pháp luật của các cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.

- Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm trước.

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc tỉnh, dự toán thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập (nếu có), dự toán thu, chi ngân sách của các huyện; thẩm tra dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, thành phố (gồm dự toán ngân sách huyện, xã và dự toán ngân sách cấp tỉnh), dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo UBND tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trước khi báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ quản lý chuyên ngành, các cơ quan Trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) chậm nhất vào ngày 25 tháng 7 năm trước.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, dự toán thu nội địa bình quân chung cả nước tăng tối thiểu 10-14% so với đánh giá ước thực hiện năm trước. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm trước. Các địa phương căn cứ vào định mức và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương để xây dựng dự toán thu ngân sách.

Đối với dự toán chi ngân sách Nhà nước, trường hợp dự toán chi đầu tư phát triển phải đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan

trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tới đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương. Trường hợp xây dựng dự toán chi thường xuyên, các địa phương, các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên theo đúng lĩnh vực, đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền...

### **2.2.3. Quản lý thu ngân sách nhà nước**

Để có kinh phí chi cho mọi hoạt động của mình, nhà nước đã đặt ra các khoản thu (các khoản thuế, phí) do mọi công dân đóng góp để hình thành nên quỹ tiền tệ của mình. Thu ngân sách nhà nước được định nghĩa là việc nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ ngân sách nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu của nhà nước. Về mặt bản chất, thu NSNN là hệ thống những quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước huy động các nguồn tài chính để hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của mình. Thu NSNN chỉ bao gồm những khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp. [9, tr.84]

Theo Điều 5 – Luật Ngân sách Nhà nước 2015, nội dung thu ngân sách nhà nước bao gồm:

- Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí;
- Toàn bộ các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Thu NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình Nhà nước dùng quyền lực chính trị để thực hiện phân phối các nguồn tài chính dưới hình thức giá trị nhằm hình thành quỹ tiền tệ của Nhà nước. Như vậy, thu NSNN bao gồm toàn bộ các khoản tiền được tập trung vào tay nhà nước để hình thành quỹ NSNN đáp ứng cho các yêu cầu chi tiêu xác định của nhà nước. Trong bất cứ xã hội nào, cơ cấu các khoản thu NSNN đều gắn liền với chức năng, nhiệm vụ và quyền lực chính trị của Nhà nước. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước là điều kiện xuất hiện các khoản thu NSNN. Ngược lại, các khoản thu NSNN là tiền đề vật chất không thể thiếu để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Thu ngân sách nhà nước gắn liền với các hoạt động kinh tế trong xã hội. Mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm là tiền đề đồng thời là yếu tố khách

quan hình thành các khoản thu NSNN và quyết định mức độ động viên các khoản thu của NSNN. Thu ngân sách nhà nước ảnh hưởng lớn đến tốc độ, chất lượng và tính bền vững trong phát triển của một quốc gia. Trong cơ cấu thu, nguồn thu nội địa phải luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Không thể nói đến sự phát triển bền vững nếu thu từ ngoài nước (vay nợ, nhận viện trợ từ nước ngoài) và các khoản thu có liên quan đến yếu tố bên ngoài (thuế nhập khẩu, tiền bán tài nguyên) chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng thu. Trong cơ cấu thu ngân sách của hầu hết các quốc gia trên thế giới, thuế luôn là nguồn thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất bởi nó được trích xuất chủ yếu từ những giá trị do nền kinh tế tạo ra và thể hiện rõ nét quyền lực nhà nước. Nền kinh tế quốc dân càng phát triển với tốc độ cao thì nguồn thu của nhà nước từ thuế chiếm tỷ trọng càng lớn trong tổng thu NSNN. Thu NSNN bao gồm thuế, các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động kinh tế của nhà nước, thu đóng góp của các tổ chức và cá nhân, các khoản viện trợ và khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

\* Phân loại thu ngân sách nhà nước:

Việc phân loại các khoản thu NSNN có ý nghĩa thiết thực trong việc phân tích, đánh giá và quản lý các nguồn thu NSNN. Có hai cách phân loại phổ biến:

- *Phân loại theo nội dung kinh tế* để thấy rõ sự phát triển của nền kinh tế, tính hiệu quả của nền kinh tế, thu NSNN được chia thành hai nhóm:

+ Nhóm thu thường xuyên có tính chất bắt buộc gồm thuế, phí, lệ phí với nhiều hình thức cụ thể theo luật định. [9, tr.86]

+ Nhóm thu không thường xuyên bao gồm các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, thu từ hoạt động sự nghiệp, thu tiền bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu nhà nước và các khoản thu khác có tính chất không thường xuyên.

- *Phân loại theo yêu cầu động viên vốn vào NSNN* để cho phép đánh giá sự lành mạnh của NSNN và có ý nghĩa lớn trong tổ chức điều hành NSNN: có thể chia các khoản thu NSNN thành:

+ Thu trong cân đối NSNN: Bao gồm các khoản thu thường xuyên và thu không thường xuyên.

+ Thu bù đắp thiếu hụt NSNN: khi số thu NSNN không đáp ứng được nhu cầu chi tiêu và Nhà nước phải đi vay, bao gồm vay trong nước từ các tầng lớp dân cư, các tổ chức kinh tế - xã hội, vay từ nước ngoài. [9, tr.87]

- *Phân loại theo các khoản thu và tỷ lệ trích nộp*

(1). Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:

- Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; Thuế môn bài; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Tiền sử dụng đất, Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

- Lệ phí trước bạ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

- Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện; Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

- Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; Thu kết dư ngân sách địa phương.

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

(2). Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

(3). Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ NSTW.

(4). Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

#### **2.2.4. Quản lý chi ngân sách nhà nước**

Chi ngân sách nhà nước là việc phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện chức năng của nhà nước theo những nguyên tắc nhất định. Hay nói cách khác, đây là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào ngân sách nhà nước và đưa chúng đến mục đích sử dụng. Do đó, Chi ngân sách nhà nước là những việc cụ thể không chỉ dừng lại trên các định hướng mà phải phân bổ cho từng mục tiêu, từng hoạt động và từng công việc thuộc chức năng của nhà nước.

\* *Quá trình của chi ngân sách nhà nước*: bao gồm 2 hoạt động sau:

(1). *Quá trình phân phối*: là quá trình cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước để hình thành các loại quỹ trước khi đưa vào sử dụng.

(2). *Quá trình sử dụng*: là trực tiếp chi dùng khoản tiền cấp phát từ ngân sách nhà nước mà không phải trải qua việc hình thành các loại quỹ trước khi đưa vào sử dụng.

*\* Đặc điểm của chi ngân sách nhà nước*

- Chi ngân sách nhà nước gắn với bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội mà nhà nước đảm đương trong từng thời kỳ;
- Chi NSNN phải đảm bảo các hoạt động của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực và tập trung nguồn tài chính vào phạm vi đã hoạch định để giải quyết các vấn đề lớn của đất nước.
- Chi ngân sách nhà nước gắn với quyền lực nhà nước.
- Các khoản chi của NSNN được xem xét hiệu quả trên tầm vĩ mô;
- Các khoản chi của NSNN mang tính chất không hoàn trả trực tiếp;
- Các khoản chi của NSNN gắn chặt với sự vận động của các phạm trù tiền tệ và giá trị khác như giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, tiền lương, tín dụng, v.v... (các phạm trù thuộc lĩnh vực tiền tệ).

*\* Phân loại chi ngân sách nhà nước:*

Nhằm phân tích, đánh giá việc quản lý và định hướng các khoản chi cần phải tiến hành phân loại chi NSNN.

*- Căn cứ vào nội dung chi:*

+ Nhóm 1: Chi tích lũy của ngân sách nhà nước là những khoản chi làm tăng cơ sở vật chất và tiềm lực cho nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế; là những khoản chi đầu tư phát triển và các khoản tích lũy khác.

+ Nhóm 2: Chi tiêu dùng của ngân sách nhà nước là các khoản chi không tạo ra sản phẩm vật chất để tiêu dùng trong tương lai; bao gồm chi cho hoạt động sự nghiệp, quản lý hành chính, quốc phòng, an ninh và tiêu dùng khác...

*- Căn cứ theo yếu tố mục đích chi:*

+ Nhóm chi thường xuyên bao gồm các khoản chi nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của nhà nước;

+ Nhóm chi đầu tư phát triển là các khoản chi dài hạn nhằm làm tăng cơ sở vật chất của đất nước và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

+ Nhóm chi trả nợ và viện trợ bao gồm các khoản chi để nhà nước thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản đã vay trong nước, vay nước ngoài khi đến hạn và các khoản chi làm nghĩa vụ quốc tế;

+ Nhóm chi dự trữ là những khoản chi ngân sách nhà nước để bổ sung quỹ dự trữ nhà nước và quỹ dự trữ tài chính.

+ Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. [39]

*\* Nguyên tắc tổ chức chi ngân sách nhà nước*

- *Thứ nhất:* gắn chặt các khoản thu để bố trí các khoản chi: nếu vi phạm nguyên tắc này dẫn đến bội chi NSNN, có thể gây ra lạm phát mất cân bằng cho sự phát triển xã hội;

- *Thứ hai:* đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả trong việc bố trí các khoản chi tiêu của NSNN;

- *Thứ ba*: theo nguyên tắc nhà nước và nhân dân cùng làm, nhất là các khoản chi mang tính chất phúc lợi xã hội;

- *Thứ tư*: tập trung có trọng điểm: đòi hỏi việc phân bổ nguồn vốn từ NSNN phải tập trung vào các chương trình trọng điểm, các ngành mũi nhọn của ngân sách;

- *Thứ năm*: phân biệt rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của các cấp theo quy định của luật;

- *Thứ sáu*: phối hợp chặt chẽ với khối lượng tiền tệ, lãi suất, tỷ giá hối đoái.

Tại địa phương, hoạt động chi ngân sách cũng phải tuân theo những nội dung chi, tuy nhiên nhiệm vụ chi ngân sách địa phương được cụ thể hóa hơn.

(1). *Chi đầu tư phát triển*: bao gồm các khoản chi đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý; Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

(2). *Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực*: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Sự nghiệp khoa học và công nghệ; Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý; Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình; Sự nghiệp văn hóa thông tin; Sự nghiệp phát thanh, truyền hình; Sự nghiệp thể dục thể thao; Sự nghiệp bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế; Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

(3). *Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay*.

(4). *Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương*.

(5). *Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương*.

(6). *Chi bổ sung cân đối NS, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới*.

## **2.2.5. Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước**

Cân đối ngân sách Nhà nước thể hiện mối quan hệ cân bằng giữa tổng thu và tổng chi ngân sách Nhà nước, nói cách khác là làm cho tổng thu và tổng chi ngân sách Nhà nước được cân bằng. Trên phương diện quản lý nhà nước, cân đối ngân sách Nhà nước nhằm mục đích đảm bảo tài chính cho Nhà nước thực hiện được tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của mình chứ không phải đơn giản chỉ để tổng thu và tổng chi bằng nhau.

Cân đối ngân sách Nhà nước phải đảm bảo không chỉ cho tổng thu cân bằng với tổng chi, mà còn phải đảm bảo được cơ cấu thu, chi hợp lý; mối quan hệ về lượng giữa thu chi ngân sách Nhà nước và thực trạng nền kinh tế; mối quan hệ hợp lý giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương v.v...

Cân đối ngân sách Nhà nước nhằm mục đích đảm bảo tài chính cho Nhà nước thực hiện được tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của mình, chứ không phải đơn giản chỉ để tổng thu và tổng chi bằng nhau. Cân đối ngân sách Nhà nước phải đảm bảo không

chỉ cho tổng thu cân bằng với tổng chi, mà còn phải đảm bảo cho cơ cấu thu, chi hợp lý; mối quan hệ về lượng giữa thu chi ngân sách Nhà nước và thực trạng nền kinh tế; mối quan hệ hợp lý giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương...

Nội dung của hoạt động này là nhằm phản ánh, đánh giá và kiểm tra lại quá trình hình thành và chấp hành ngân sách nhà nước. Sau khi kết thúc năm tài chính, các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải khoá sổ kế toán và lập quyết toán ngân sách nhà nước theo số thực thu, thực chi theo hướng dẫn của Bộ tài chính.

Trong thực tiễn, cân đối ngân sách Nhà nước luôn ở trong trạng thái vận động, không ngừng phát sinh mâu thuẫn giữa thu và chi, cũng như giữa các bộ phận cấu thành ngân sách Nhà nước...

Dự toán ngân sách được phê chuẩn và được thực hiện khi năm tài chính bắt đầu. Nội dung của giai đoạn này là tập trung đầy đủ, kịp thời mọi nguồn thu vào ngân sách và cấp phát cho các nhiệm vụ chi đã xác định nhằm động viên, phân phối và sử dụng các nguồn tài chính của xã hội để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong năm tài chính. Chấp hành ngân sách bao gồm chấp hành thu ngân sách nhà nước và chấp hành chi ngân sách nhà nước.

Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo qui định:

+ Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, các đơn vị thụ hưởng lập kế hoạch chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp và kho bạc nhà nước nơi giao dịch để được cấp phát.

+ Cơ quan tài chính xem xét kế hoạch chi của đơn vị, căn cứ vào khả năng của ngân sách để bố trí số chi hàng quý thông báo cho đơn vị thụ hưởng và kho bạc nhà nước để thực hiện.

### **2.2.6. Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước**

Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của ngành Tài chính, đặc biệt trong hoạt động quản lý NSNN. Qua công tác thanh tra kiểm tra, ngoài việc hướng dẫn các đối tượng thanh tra thực hiện theo đúng các quy trình nghiệp vụ, tuân thủ theo các quy chế quản lý của ngành và quy định của pháp luật, qua đó góp phần tích cực trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực mà còn có thể phát hiện ra và xử lý các sai phạm trong công tác quản lý NSNN, thu hồi cho ngân sách nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính được tăng cường sẽ đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững kỷ cương, kỷ luật tài chính, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong đó cần phát huy được vai trò của đơn vị trong việc kịp thời phát hiện các cơ sở yếu kém trong công tác quản lý ngân sách để đề xuất về cơ chế chính sách và có biện pháp giải quyết, phòng chống tham nhũng có hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, công tác xử lý sau thanh tra...; thực hiện nghiêm các quy trình, quy chế trong công tác thanh tra; tiếp tục tăng cường đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thanh tra ngày càng chất lượng hơn.



Cũng qua công tác thanh tra, kiểm tra có thể phát hiện ra các kẽ hở trong quản lý NSNN, từ đó đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính. Ngoài ra, công tác tự kiểm tra của các đơn vị đã giúp cho cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, tác phong trong công việc và thái độ phục vụ nhân dân.

### **2.2.7. Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước**

Công tác phối hợp giữa các đơn vị, các tổ chức trong quản lý ngân sách nhà nước là vấn đề rất quan trọng có thể đem lại hiệu quả cao hơn trong thu chi và sử dụng ngân sách. Sự phối hợp giữa Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước cùng các sở, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã.

Cục Thuế, Cục Hải quan tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo quy định; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận thuế, trốn thuế, chuyển giá; đẩy mạnh công tác phòng, chống gian lận thương mại, chống thất thu và kiểm soát chặt chẽ nguồn thu ngân sách nhà nước, nhất là các khoản thu theo hình thức khoán; kiểm soát chặt chẽ giá tính thuế hải quan. Các sở, ban, ngành đơn vị thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế, hải quan tăng cường quản lý thu, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị của Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã lập và quyết định dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo thẩm quyền; bố trí chi ngân sách nhà nước nói chung và chi cho các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước nói riêng phải đúng thẩm quyền, xác định rõ nguồn vốn và trong phạm vi khả năng nguồn lực, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và thực hiện, công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi ngân sách nhà nước theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và quy định pháp luật.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan khẩn trương thực hiện rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định việc phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công; danh mục tài sản mua sắm tập trung làm căn cứ giám sát, quản lý và sử dụng tài sản công trong phạm vi địa bàn Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm việc đấu giá khi thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Sở Tài chính chủ trì, cùng các đơn vị có liên quan thực hiện tham mưu hướng dẫn, kiểm tra hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc tổ chức thực hiện nhiệm

vụ, quyền hạn về phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của cấp mình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

### **2.3. Chỉ tiêu đánh giá quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương**

#### **2.3.1. Mức độ hoàn thành dự toán thu**

Thu ngân sách là một nội dung quan trọng trong hoạt động quản lý ngân sách. Hằng năm, các cơ quan quản lý đều xây dựng dự toán thu làm căn cứ để xác định các cơ quan quản lý thu và các địa phương có hoàn thành hay không và mức hoàn thành như thế nào. Quản lý ngân sách tốt trước hết thể hiện ở việc thực hiện đạt hay vượt mức dự toán thu được giao. Chính vì vậy, mức độ hoàn thành dự toán thu có thể được coi như một chỉ tiêu đánh giá quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương.

Để thực hiện được dự toán thu, cần hội tụ đủ hai yếu tố tiên quyết là lập dự toán thu phải sát với thực tế và phải có sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan chấp hành thu tại địa phương, đặc biệt là cơ quan thuế và hải quan. Việc xác định mức độ hoàn thành dự toán thu sẽ được xác định cho cả NSNN và NSDP và được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành dự toán thu} = \frac{\text{Tổng thu theo quyết toán}}{\text{Tổng thu theo dự toán}} \times 100\%$$

Tỷ lệ hoàn thành dự toán thu đạt giá trị lớn hơn 100% thể hiện tổng số thu theo quyết toán lớn hơn tổng số thu theo dự toán; Tỷ lệ này bằng 100% thể hiện tổng thu theo quyết toán bằng tổng thu theo dự toán; Và tỷ lệ này nhỏ hơn 100% thể hiện tổng thu theo quyết toán nhỏ hơn tổng thu theo dự toán.

Để hoàn thành dự toán thu đòi hỏi việc lập và giao dự toán thu ngân sách nhà nước phải dựa trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm trước đó; phải căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn. Theo “công thức vàng”, dự toán thu ngân sách năm sau thường được tính bằng số thu năm trước cộng với tăng trưởng kinh tế và lạm phát, do đó, dự toán thu năm sau bao giờ cũng cao hơn năm trước.

Sự nỗ lực của các cơ quan chấp hành thu tại địa phương thể hiện ở việc hỗ trợ và phát triển đối tượng nộp thuế; kiểm soát thu chặt chẽ, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tích cực đôn đốc thu hồi nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

#### **2.3.2. Mức độ hoàn thành dự toán chi**

Chi ngân sách cũng là một nội dung quan trọng trong quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương, qua đó đảm bảo chi đúng, chi đủ và hiệu quả trong chi ngân sách. Trên cơ sở nhu cầu xây dựng và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, các đơn

vị đề xuất và xây dựng dự toán chi ngân sách cho địa phương, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Trên cơ sở dự toán được duyệt, các đơn vị được giao làm chủ đầu tư quản lý ngân sách được chi phải bám sát tiến độ thực hiện từng hạng mục chi để duyệt chi kịp thời, chi đúng, chi đủ và hiệu quả. Chính vì vậy, mức độ hoàn thành dự toán chi cũng có thể được coi là một chỉ tiêu đánh giá quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương. Việc xác định mức độ hoàn thành dự toán chi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành dự toán chi} = \frac{\text{Tổng chi theo quyết toán}}{\text{Tổng chi theo dự toán}} \times 100\%$$

Tỷ lệ hoàn thành dự toán chi đạt giá trị lớn hơn 100% thể hiện tổng số chi theo quyết toán lớn hơn tổng số chi theo dự toán; Tỷ lệ này bằng 100% thể hiện tổng chi theo quyết toán bằng tổng chi theo dự toán; Và tỷ lệ này nhỏ hơn 100% thể hiện tổng chi theo quyết toán nhỏ hơn tổng chi theo dự toán.

Để không bị bội chi ngân sách, chi vượt dự toán, các cơ quan chức năng được giao lập dự toán cần phải bám sát mặt bằng giá cả, tiến độ thực hiện, phải dự phòng rủi ro phát sinh không lường trước được.

Dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên:

(i) Bố trí đủ dự toán để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước của các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

(ii) Bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao của các dự án hoàn thành trong năm;

(iii) Bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án quan trọng quốc gia, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội;

(iv) Bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP;

(v) Bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Xây dựng dự toán chi thường xuyên như dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện hành; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài để hạn chế chi ngân sách

### **2.3.3. Khả năng cân đối ngân sách**

Cùng với mức độ hoàn thành dự toán thu, dự toán chi thì khả năng cân đối ngân sách địa phương cũng có thể coi là một chỉ tiêu đánh giá quản lý ngân sách nhà nước

cấp địa phương. Cân đối ngân sách địa phương thể hiện ở khả năng quản lý cân đối sao cho số thu của địa phương có thể tương ứng với số chi ngân sách, hạn chế thấp nhất nguồn bổ sung từ ngân sách trung ương. Việc xác định khả năng cân đối ngân sách địa phương sẽ được xác định bởi phần chênh lệch giữa số thu quyết toán và số chi quyết toán của NSDP, theo công thức sau:

$$\text{Kết dư NSDP} = \text{Tổng thu NSDP} - \text{Tổng chi NSDP}$$

Trong cân đối ngân sách, địa phương có thể tìm nhiều biện pháp để tăng thu nhưng đồng thời cũng phải có biện pháp hạn chế chi ngân sách thì mới có thể cân đối được. Nếu cứ tìm cách tăng thu nhưng cũng tăng chi ngân sách thì không những không cân đối được mà còn có thể dẫn đến thâm hụt ngân sách nhiều hơn. Chính vì vậy, dự toán thu ngân sách tăng hàng năm khoảng 10-20% so với năm trước liên kế có thể cho phép địa phương tăng chi ngân sách ở mức tối thiểu, đặc biệt là chi bảo đảm an sinh xã hội; chi đầu tư vào các dự án, công trình cấp bách, cấp thiết như phòng chống, khắc phục thiên tai, lũ lụt, hạn hán. Tuy nhiên mức tăng chi ngân sách này cũng phải được kiểm chế ở mức tối thiểu nhất bằng các biện pháp và công cụ quản lý của các cơ quan quản lý ngân sách địa phương.

### **2.3.4. Tuân thủ các quy định trong chấp hành ngân sách**

#### *2.3.4.1. Chấp hành phân cấp trong lập và phân bổ dự toán*

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao kế hoạch ngân sách, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm phân bổ dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách, bảo đảm đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết. Kết quả phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp và kho bạc nơi giao dịch; cơ quan tài chính có trách nhiệm kiểm tra nếu có vấn đề không phù hợp với nội dung dự toán do cơ quan có thẩm quyền giao thì yêu cầu điều chỉnh lại. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải kết thúc trước 31 tháng 12 năm trước. [39]

Tại các địa phương, chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây [39]

- Đã có trong dự toán ngân sách nhà nước được duyệt, trừ các trường hợp sau:
  - + Dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phải điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách
  - + Chi từ nguồn dự phòng ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;
- Đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được ủy quyền chuẩn chi;
- Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc từ ngân sách nhà nước thì phải tổ chức đấu thầu theo quy định.

#### 2.3.4.2. Điều chỉnh tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách

Ủy ban nhân dân các cấp theo thẩm quyền, điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các cơ quan trực thuộc; điều chỉnh tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, số bổ sung cho ngân sách cấp dưới và báo cáo Hội đồng nhân dân trong các trường hợp sau:

- + Hội đồng nhân dân điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương;
- + Có biến động lớn về thu, chi ngân sách so với mức đã phân bổ.

Cơ quan nhà nước điều chỉnh dự toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc, sau khi thoả thuận với cơ quan tài chính cùng cấp, trong các trường hợp sau:

- + Chính phủ, Ủy ban nhân dân quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của cơ quan đó;
- + Cần phân bổ lại ngân sách cho các đơn vị.

Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách khi cần thiết phải sắp xếp lại các khoản chi để đáp ứng các yêu cầu cần thiết thì thủ trưởng đơn vị lập phương án điều chỉnh báo cáo cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp để giải quyết. [39]

#### 2.3.4.3. Sắp xếp cân đối hợp lý thu chi ngân sách.

X mức độ cân đối giữa tỷ lệ thu và tỷ lệ chi ngân sách theo phân cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội, có thể sử dụng chỉ số tỷ lệ các khoản thu NS được phân cấp so với tổng chi NS của một địa phương. Ngoài ra, trong quá trình chấp hành ngân sách, nếu có sự thay đổi về thu, chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện như sau [39]:

- Nếu tăng thu hoặc tiết kiệm chi so với dự toán được duyệt thì số tăng thu hoặc tiết kiệm chi được dùng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ hoặc để bổ sung quỹ dự trữ tài chính, hoặc tăng chi một số khoản cần thiết khác nhưng không được tăng chi về quỹ tiền lương, trừ trường hợp đặc biệt được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Nếu giảm thu so với dự toán được duyệt thì phải sắp xếp lại để giảm một số khoản chi tương ứng.

- Nếu có nhu cầu chi đột xuất ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà nguồn dự phòng không đủ đáp ứng thì phải sắp xếp lại các khoản chi, để có nguồn đáp ứng nhu cầu chi đột xuất đó.

Khi thực hiện việc tăng, giảm thu, chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp vào kỳ họp gần nhất.

Tất cả các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình cấp phát, thanh toán, sử dụng kinh phí. [39]

### 2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách cấp địa phương

Hiệu quả hoạt động quản lý NSNN được thể hiện ở kết quả thực hiện việc cân đối tích cực trong hệ thống NSNN của mỗi quốc gia. Tính cân đối đó được bảo đảm

bởi sự kết hợp hài hòa, hợp lý nhiều yếu tố như phân cấp quản lý; quy trình quản lý; cơ chế điều hành; quản lý và động viên các nguồn thu; phân phối hợp lý, tiết kiệm cho các nhiệm vụ chi theo định hướng phát triển kinh tế xã hội. Hoạt động quản lý ngân sách chịu tác động của nhiều yếu tố cấu thành trong hoạt động quản lý NSNN từ trung ương đến địa phương.

#### **2.4.1. Điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương**

NSNN là tổng hòa các mối quan hệ kinh tế - xã hội, do vậy NSNN cấp địa phương luôn chịu sự tác động của yếu tố điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, cũng như các chính sách kinh tế - xã hội và cơ chế quản lý tương ứng.

Kinh tế quyết định các nguồn lực tài chính và ngược lại các nguồn lực tài chính cũng tác động mạnh mẽ đối với quá trình đầu tư phát triển và hình thành cơ cấu kinh tế thích hợp trong quá trình hiện đại hóa nền kinh tế. Trong điều kiện xã hội ổn định, kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững là cơ sở đảm bảo cho các khoản thu của NSNN, động viên được mọi nguồn lực và nguồn tài nguyên quốc gia cho sự phát triển. Trong môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi, các thành phần kinh tế đều có cơ hội tìm kiếm lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận bình quân càng lớn sẽ phản ánh khả năng tái tạo và mở rộng các nguồn thu nhập, từ đó tăng khả năng huy động cho NSNN.

Mỗi địa phương có những đặc điểm kinh tế - xã hội, điều kiện về cơ sở vật chất, về tài nguyên thiên nhiên, về vị trí địa lý khác nhau. Do đó khả năng thu chi ngân sách cũng khác nhau. Mặt khác, điều kiện kinh tế - xã hội cũng hình thành nên môi trường điều kiện để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế; thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế cũng như tăng cường các nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội mỗi địa phương.

#### **2.4.2. Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước**

Phân cấp quản lý NSNN là việc giải quyết các mối quan hệ giữa các cấp chính quyền từ trung ương đến các địa phương trong hoạt động quản lý NSNN. Mục tiêu của phân cấp quản lý ngân sách là làm rõ quyền và trách nhiệm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi cấp chính quyền nhà nước, góp phần cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành ngân sách.

Phân cấp quản lý ngân sách có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương và xóa đói giảm nghèo. Nghiên cứu của Vũ Sỹ Cường (2012) chứng minh rằng chính sách phân cấp nguồn thu NSNN có tác dụng khuyến khích các tỉnh đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Việc phân cấp theo hướng tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương giúp các cấp chính quyền địa phương phát huy cao độ tính tự chủ trong quản lý ngân sách của cấp mình, tích cực thực hiện các biện pháp khai thác, huy động nguồn thu, chủ động cân đối để điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách địa phương.

Đặc biệt đối với chính quyền cấp xã, việc điều tiết các nguồn thu theo Luật cùng với ổn định tỷ lệ phân chia và số bổ sung cân đối trong thời kỳ ổn định đã tạo

nguồn thu ngân sách phường - xã, giúp các phường - xã từng bước thật sự là một cấp ngân sách. Quy định về phân cấp cũng góp phần lập lại trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực tài chính; chấm dứt tình trạng các cấp huyện, xã quy định nhiều khoản thu trái với pháp luật.

#### **2.4.3. Quy trình thủ tục trong thu chi ngân sách nhà nước**

Quá trình ngân sách là một quá trình bao gồm 3 giai đoạn: lập và phê chuẩn ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách. Trong mỗi giai đoạn đều có các quy định cụ thể về thủ tục lập và phê chuẩn ngân sách; thủ tục chấp hành ngân sách hay còn gọi là thủ tục giải ngân và cuối cùng là các thủ tục để quyết toán ngân sách. Các thủ tục này đã được quy định tại Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành, trên cơ sở đó, tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, Sở Tài chính sẽ tham mưu cho UBND cấp tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành.

Các quy trình thủ tục về lập và phê chuẩn ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách phải đảm bảo quản lý ngân sách chặt chẽ, thu đúng, thu đủ cho ngân sách; tránh thất thoát lãng phí, đồng thời cũng đảm bảo tính công khai minh bạch.

Tuy nhiên nếu quy trình thủ tục cứng nhắc, rườm rà, phức tạp sẽ gây khó khăn cho việc động viên các nguồn thu và hoạt động thu ngân sách; khó khăn cho việc giải ngân các khoản chi cho các dự án đầu tư; các khoản chi thường xuyên...từ đó hạn chế hiệu quả quản lý ngân sách trên địa bàn.

#### **2.4.4. Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN**

Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của ngành Tài chính, đặc biệt trong hoạt động quản lý NSNN. Qua công tác thanh tra kiểm tra, ngoài việc hướng dẫn các đối tượng thanh tra thực hiện theo đúng các quy trình nghiệp vụ, tuân thủ theo các quy chế quản lý của ngành và quy định của pháp luật, qua đó góp phần tích cực trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tiêu cực mà còn có thể phát hiện ra và xử lý các sai phạm trong công tác quản lý NSNN, thu hồi cho ngân sách nhà nước. Cũng qua công tác thanh tra, kiểm tra có thể phát hiện ra các kẽ hở trong quản lý NSNN, từ đó đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật tài chính. Ngoài ra, công tác tự kiểm tra của các đơn vị đã giúp cho cán bộ, công chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, tác phong trong công việc và thái độ phục vụ nhân dân.

#### **2.4.5. Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN**

Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước là thuế trong đó có thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu. Trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa thị trường trong nước, một số sắc thuế nhập khẩu của Việt Nam phải giảm dần tiến tới loại bỏ thuế quan dẫn đến nguồn thu thuế phần nào bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải nuôi dưỡng và tận dụng mọi nguồn thu từ thuế nội địa như thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên và bất động sản...

Việc tăng thu thuế sẽ làm giảm khả năng đầu tư, tái đầu tư của doanh nghiệp, giảm thu nhập khả dụng của người dân, từ đó có thể dẫn đến kiệt quệ nguồn thu và hạn chế về số thu. Chính vì vậy cần có cơ chế chính sách khuyến khích nuôi dưỡng các nguồn thu, nâng cao thu nhập của người dân nhờ vào tăng trưởng kinh tế cao và ổn định đồng thời kiểm soát và khai thác một cách hợp lý các nguồn thu, tránh đặt gánh nặng thuế lên doanh nghiệp trong khi chưa có nhiều hỗ trợ thiết thực và hiệu quả. Sở Tài chính chủ động phối hợp với các sở, ngành chức năng tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp về cơ chế chính sách, tích cực cải cách thủ tục hành chính nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu mới cho NSNN; đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật thuế để nhân dân hiểu, chấp hành; thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo những tác động ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN trên địa bàn để kịp thời tham mưu cho UBND thành phố các giải pháp quản lý, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành thu ngân sách đạt hiệu quả cao nhất.

#### **2.4.6. Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức**

Tổ chức bộ máy thu nộp gọn nhẹ đạt hiệu cao chống được thất thu do trốn thuế, lậu thuế sẽ là nhân tố tích cực ảnh hưởng đến chỉ tiêu thu ngân sách. Bộ máy quản lý chi ngân sách tinh gọn, hiệu quả sẽ chống được thất thoát và đem lại hiệu quả cho các hoạt động từ ngân sách nhà nước.

Theo cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý ngân sách địa phương gồm HĐND; UBND; Sở Tài chính; Cục thuế; Cục Hải quan (nếu có); Kho bạc Nhà nước và các cơ quan cấp dưới. Với mô hình hoạt động này đảm bảo cho hoạt động quản lý ngân sách đầy đủ theo đúng quy trình lập và phê chuẩn ngân sách, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách. Tuy nhiên sự chồng chéo, trong cơ cấu tổ chức, sự chòng chéo về chức năng quản lý có thể gây ảnh hưởng đến khả năng thu chi, khả năng quản lý ngân sách.

Năng lực của cán bộ công chức quản lý ngân sách cũng là nhân tố quan trọng đem lại hiệu quả trong thu, chi và cân đối ngân sách. Với năng lực và trách nhiệm cao, cán bộ công chức ngành tài chính, thuế, hải quan có thể theo dõi sát sao hoạt động của đối tượng nộp thuế, kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn nếu đối tượng nộp thuế gặp khó khăn, kịp thời ngăn chặn nếu họ có hành vi vi phạm. Tất cả những hoạt động này sẽ có tác động đến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước.

#### **2.4.7. Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước**

Trong các hoạt động quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động quản lý đóng vai trò rất quan trọng. Đối với cơ quan quản lý ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất đặc biệt là hệ thống thông tin, công nghệ thông tin càng trở nên quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động quản lý thu chi, cân đối ngân sách. Cơ sở vật chất tốt, hệ thống thông tin với công nghệ hiện đại giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng nộp thuế; các cơ quan thu thuế đảm bảo thu đúng thu đủ thuế; hoàn thành tốt nhiệm vụ thu cho ngân sách. Điển hình như hệ thống thông tin quản lý



ngân sách và kho bạc (hệ thống TABMIS) đã mang lại những lợi ích thiết thực cho các cơ quan, đơn vị quản lý NSNN các cấp trong việc nâng cao hiệu quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. TABMIS đã giúp các cơ quan quản lý lập các báo cáo tài chính về dự toán, thu, chi NSNN; Báo cáo quản trị theo nhiều tiêu thức phục vụ cho yêu cầu quản lý, điều hành NSNN trên cơ sở kết hợp các phân đoạn của tổ hợp tài khoản kế toán và sử dụng công cụ lập báo cáo tài chính. Ngoài ra, TABMIS cũng cung cấp thông tin nhanh, chính xác về tình hình thực hiện NSNN ở mọi thời điểm; Đảm bảo sự đồng bộ về dữ liệu thu, chi NSNN giữa KBNN và các cơ quan tài chính, thuế, hải quan. Với cơ sở vật chất hiện đại có thể giúp các cơ quan quản lý thực hiện tốt việc quản lý các nhiệm vụ chi từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, cơ sở vật chất được coi như nhân tố có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước.

## **2.5. Quản lý ngân sách nhà nước tại một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho thành phố Hà Nội**

### **2.5.1. Kinh nghiệm quản lý ngân sách tại một số địa phương**

#### *2.5.1.1. Kinh nghiệm quản lý NSNN tại thành phố Hồ Chí Minh*

##### *\* Công tác quản lý thu ngân sách*

Để bổ sung thêm nguồn vốn bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản, HĐND thành phố cho phép UBND thành phố huy động thêm các nguồn vốn, tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA, nguồn vốn tài trợ của Ngân hàng Thế giới (WB), kêu gọi đầu tư dưới các hình thức BT, BOT, BTO vào các dự án hạ tầng trọng điểm và dịch vụ công, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa phương đứng đầu cả nước về quy mô và số lượng các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP. [30]

Đối với quản lý thu thuế, thành phố đã áp dụng một số biện pháp để chống thất thu thuế và nâng cao hiệu quả quản lý như: (1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc tuân thủ pháp luật thuế đến người nộp thuế nhằm nâng cao nhận thức cho người nộp thuế trong việc kê khai, nộp thuế; (2) Ngành tài chính phối hợp với cơ quan Công an và các cơ quan ban ngành để đấu tranh chống các hành vi trốn thuế, gian lận thuế; (3) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi gian lận thuế; (4) Thực hiện thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp. [30]

##### *\* Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách.*

Phân bổ chi ngân sách của thành phố được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên: trước hết phải đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành; bố trí chi trả nợ vốn gốc và lãi các khoản vay đến hạn; đảm bảo dành nguồn tăng lương theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ; trích dự phòng ngân sách và nguồn bổ sung quỹ dự trữ tài chính; phần còn lại bố trí chi đầu tư phát triển.

*Quản lý chi thường xuyên:* Thành phố thực hiện cơ chế giao tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho các cơ quan hành chính, giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Với việc thực hiện cơ chế đó, các cơ quan, đơn vị của thành phố có thể chủ động, linh hoạt trong việc sắp xếp, bố trí các khoản chi, tiết kiệm chi, góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

*Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản:* thành phố ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng; trong quá trình điều hành, các cơ quan chức năng thường xuyên rà soát, theo dõi tiến độ triển khai thực hiện dự án, kết quả giải ngân thanh toán để tham mưu UBND thành phố điều chỉnh giảm vốn các dự án chậm triển khai, bổ sung cho các dự án có tiến độ thực hiện tốt.

### 2.5.1.2. Kinh nghiệm quản lý NSNN tại thành phố Đà Nẵng

#### \* Công tác quản lý thu ngân sách

Bên cạnh mục đích huy động nguồn thu vào ngân sách thì Đà Nẵng rất chú trọng tới việc bồi dưỡng nguồn thu. Đà Nẵng xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu lâu dài bền vững. Theo đó, thành phố thực hiện đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; hỗ trợ mặt bằng sản xuất kinh doanh; hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị; hỗ trợ thông tin, xúc tiến mở rộng thị trường, xúc tiến du lịch, trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp. Quan điểm của chính quyền Đà Nẵng là để tăng thu NS bền vững thì cần phải đẩy mạnh thu hút đầu tư và nuôi dưỡng các nguồn thu. [35]

Bên cạnh việc áp dụng các biện pháp chống thất thu, thu đúng, thu đủ kịp thời, thì thành phố cũng đẩy mạnh việc kê khai và nộp thuế điện tử; ngoài ra Đà Nẵng cũng tăng cường công tác hậu kiểm, thanh tra chéo nhau, cử cán bộ độc lập giám sát đoàn thanh, kiểm tra, thường xuyên luân chuyển cán bộ thanh, kiểm tra; cán bộ thuế thường xuyên được giáo dục về đạo đức nghề nghiệp; đối với các hộ kinh doanh tiến hành ấn định mức thuế rồi công bố công khai trên cổng thông tin điện tử để toàn dân giám sát.

#### \* Công tác quản lý chi ngân sách

Trong công tác lập kế hoạch chi ngân sách, Đà Nẵng luôn ưu tiên bố trí tập trung ngân sách cho chi đầu tư phát triển. Chi ngân sách giai đoạn 2011-2015 gần 59.200 tỷ đồng, trong đó cho đầu tư phát triển lên đến 35.000 tỷ đồng, và chi thường xuyên 21.000 tỷ đồng... [35]

### 2.5.1.3. Kinh nghiệm quản lý NSNN của tỉnh Thừa Thiên Huế

Công tác lập và bố trí kế hoạch vốn đầu tư từ NSNN của tỉnh Thừa Thiên Huế có nhiều chuyển biến tích cực, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, cho phép thực hiện khá hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn NSNN, hạn chế đáng kể mức độ lãng phí, thất thoát, dàn trải trong đầu tư XD CB từ NSNN, giảm dần khối lượng các công trình XD CB còn nợ vốn thanh toán, quy trình bố trí kế hoạch vốn được triển khai nhanh, chặt chẽ và minh bạch.

Việc bố trí kế hoạch vốn đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế dựa vào các tiêu chí: ưu tiên vốn cho các dự án chưa hoàn thành trong năm trước kéo dài tới năm sau, các dự án sắp hoàn thành, vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện, dự án chỉnh trang đô thị, y tế, giáo dục, nông nghiệp và phát triển nông thôn, an sinh xã hội. Tỉnh hạn chế tối đa việc khởi công dự án mới khi chưa đủ vốn để bố trí cho các dự án chuyên tiếp. Các dự án khởi công mới trong năm phải nằm trong quy hoạch đã được duyệt và đã hoàn tất công tác chuẩn bị. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện phân cấp và trao quyền quản lý vốn đầu tư cho thành phố, huyện, thị xã thuộc Tỉnh, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong quá trình quản lý, điều hành vốn đầu tư được giao, gắn trách nhiệm quản lý dự án cho từng cấp, ban ngành.

Trong điều hành dự toán chi ngân sách, các cơ quan thụ hưởng NSNN trên địa bàn Tỉnh đã chấp hành nghiêm túc Luật NSNN, thực hiện tốt yêu cầu tiết kiệm chi, phân bổ ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cho dự án ưu tiên. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được coi là cơ sở để phân chia dự toán chi ngân sách giữa tỉnh với huyện, thị xã, thành phố.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng NSDP và tình hình thực tế về chi phí cấu thành trong định mức hành chính, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tăng định mức chi hành chính cho phù hợp cùng với việc trình phân bổ dự toán hàng năm.

#### *2.5.1.4. Kinh nghiệm quản lý NSNN của tỉnh Quảng Ninh*

Quảng Ninh là một trong 13 địa phương trong cả nước có số thu NSNN được điều tiết về Trung ương. Hàng năm, số thu NSNN của Quảng Ninh tăng, nhưng kèm theo đó, số chi NSNN cũng tăng theo. Năm 2011, tổng chi ngân sách của tỉnh ở mức hơn 8.600 tỷ đồng, năm 2012 đã tăng lên 13.200 tỷ đồng, năm 2015 lên gần 16.000 tỷ đồng và năm 2016 gần 18.000 tỷ đồng [34].

Điều đáng nói là tuy số chi tăng nhanh, nhưng Quảng Ninh lại có cách xác định chi NSNN theo hướng khác biệt. Định hướng của tỉnh là tiếp tục theo đuổi mục tiêu dành mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, tạo động lực thúc đẩy phát triển KT-XH. Trong ba năm gần đây, Quảng Ninh là một trong số ít địa phương trên cả nước bố trí vốn cho đầu tư XD/CB đạt tỷ trọng hơn 50% tổng chi NSDP. Theo đó, năm 2014, tỉnh bố trí 54%; năm 2015 là 53,7%; năm 2016 hơn 54%. Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, đồng thời quyết liệt trong chỉ đạo điều hành ngân sách với tinh thần tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi NSNN cho hoạt động đầu tư phát triển. Theo đó, toàn bộ số tiền 1.700 tỷ đồng của năm 2015 và gần 2.700 tỷ đồng của năm 2016 có được do tiết kiệm chi thường xuyên đã được "dồn" cho nhiệm vụ đầu tư, góp phần đẩy mức chi đầu tư phát triển năm 2016 của Quảng Ninh lên 56% tổng chi NSNN, cao gấp gần hai lần tỷ lệ chi ĐTPT của năm 2011 (29,5%) [34].

Tỉnh đã điều hành linh hoạt ngân sách, sử dụng các nguồn lực khác từ nguồn tăng thu, ứng trước từ nguồn dự phòng tiền lương... để bổ sung nguồn lực cho đầu tư

phát triển. Song song với việc tăng chi cho đầu tư phát triển, Quảng Ninh cũng chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên. Do thực hiện khá sát sao công tác tinh giản bộ máy, biên chế cán bộ, nên hằng năm UBND tỉnh đều giao tăng phần tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khối tỉnh, giảm dần phần NSNN cấp cho các đơn vị. Việc giảm chi NSNN cho khu vực hành chính sự nghiệp đã được Quảng Ninh coi là biện pháp chủ yếu trong cuộc đua giảm chi tiêu NSNN trong khu vực hành chính - sự nghiệp. Vì vậy, Quảng Ninh đã được nhiều địa phương coi là điển hình để học tập về mô hình quản lý chi NSNN gắn với cải cách bộ máy hành chính nhà nước.

### **2.5.2. Bài học kinh nghiệm quản lý ngân sách cho Sở Tài chính Hà Nội**

Hà Nội là thủ đô của cả nước với nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là đầu não chính trị - hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế; là đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và đi quốc tế. Hà Nội là địa bàn trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng, bảo vệ đặc biệt nên cần có một số chính sách đặc thù trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý Thủ đô, đặc biệt là các cơ chế nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của Hà Nội để bảo đảm thực hiện các mục tiêu xây dựng, phát triển Thủ đô. Tuy nhiên, Hà Nội phải đối mặt với nhiều biến động như việc sáp nhập các huyện lân cận, quy mô mở rộng về không gian. Cộng thêm việc chuyển đổi nền kinh tế sang đổi mới và hội nhập làm biến đổi các thành phần kinh tế và các quan niệm về sở hữu, môi trường pháp lý, đảm bảo sự hội nhập hài hòa với luật pháp quốc tế và khu vực. Những biến đổi này kéo theo việc phát sinh các vấn đề về quản lý ngân sách Nhà nước.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm về quản lý ngân sách nhà nước tại một số quốc gia, ngoài những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, với vị trí, vai trò thủ đô của Hà Nội, cũng có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc quản lý ngân sách nhà nước cho Sở Tài chính Hà Nội.

**Thứ nhất**, đề cao tinh thần tự chủ trong quản lý ngân sách. Qua nghiên cứu kinh nghiệm tại các quốc gia và các địa phương khác cho thấy đều có sự phân cấp quản lý NSNN trong đó NSTW chỉ hỗ trợ một phần nào, còn lại là CQDP phải tự cân đối. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, nếu chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ từ NSTW thì sẽ rất khó khăn nên trước hết Hà Nội cần xác định phải tự chủ trong NSNN.

**Thứ hai**, đẩy mạnh công tác tuyên truyền kêu gọi thu hút đầu tư, nuôi dưỡng các nguồn thu để đảm bảo thu đủ hoặc vượt chi tiêu hàng năm. Việc thu hút đầu tư không chỉ đơn thuần là ưu đãi về thuế mà còn phải kèm theo sự minh bạch và thuận lợi về các thủ tục hành chính. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

**Thứ ba**, phân bổ ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển và giảm chi thường xuyên. Với tính chất là chi cho tích lũy phát triển, chi đầu tư phát

triển sẽ tạo động lực cho phát triển kinh tế bền vững. Vì vậy, xu thế phân bổ cơ cấu chi ngân sách sẽ theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển và giảm chi thường xuyên. Trong thời gian tới, Sở Tài chính cần tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội tập trung nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển, ưu tiên vốn cho các công trình trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực cho phát triển kinh tế của Thành phố.

**Thứ tư**, triệt để thực hành tiết kiệm trong quản lý chi NSNN. Nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả phải được cụ thể trong văn bản pháp luật, là điều kiện bắt buộc phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện. Sở Tài chính với vai trò cơ quan tham mưu, đề xuất UBND thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể cho việc triển khai và có cơ chế xử phạt đối với các hành vi cố tình vi phạm. Để thực hiện nguyên tắc này cần phải có biện pháp nâng cao chất lượng công tác lập dự toán kinh phí hàng năm. Dự toán ngân sách Nhà Nước phải được lập trên cơ sở căn cứ rõ ràng, khoa học và hợp lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị và lĩnh vực khác nhau.

**Thứ năm**, xây dựng quy trình ngân sách nhà nước chi tiết, cụ thể với quy chế phối hợp, các biểu mẫu, hệ thống chỉ số, chỉ tiêu đo lường và đánh giá kết quả đầu ra phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực. Đồng thời phải thường xuyên phân tích, xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ số đó để kịp thời bổ sung, thay đổi sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

**Thứ sáu**, tăng cường thanh tra, kiểm tra quyết toán thu chi; tập trung quyết liệt giải quyết tình trạng trốn thuế, thất thu thuế ở những ngành, lĩnh vực được coi là trọng tâm, trọng điểm. Kiểm tra quyết toán thu, chi chú trọng đến hiệu quả của công tác quản lý thu, chi NSNN. Quá trình lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán NSNN đều được quan tâm chặt chẽ từ khâu đầu đến khâu cuối cùng.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2, đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ngân sách nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương với các nội dung cơ bản như: hệ thống hệ thống ngân sách nhà nước; nguyên tắc và mô hình tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước từ trung ương đến địa phương; quy trình quản lý ngân sách; phân cấp quản lý ngân sách nhà nước từ trung ương đến địa phương; nội dung quản lý ngân sách cấp địa phương theo chu trình ngân sách, công tác thanh tra kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước; phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước địa phương.

Chương 2 cũng đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý ngân sách cấp địa phương; khảo sát kinh nghiệm quản lý ngân sách nhà nước tại một số địa phương có tính chất tương đồng với Hà Nội, trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Sở Tài chính Hà Nội. Những nội dung cơ bản nói trên đã xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thực hiện khảo sát thực tiễn ở chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 3

### THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI

#### 3.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội

##### 3.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên của thành phố Hà Nội

Hà Nội – Thành phố thủ đô ngàn năm tuổi của đất nước, nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng, các mạch núi Tây Bắc và Đông Bắc đã hội tụ về đây (Hoàng Liên Sơn, Con Voi, Tam Đảo, các cánh cung Đông Bắc) và do đó, các dòng sông cũng tụ Thủy về Hà Nội để rồi phân tỏa về phía Biển Đông (sông Đà, Thao, Lô, Chảy, Cầu). Hà Nội có diện tích tự nhiên 920,97 km<sup>2</sup>, kéo dài theo chiều Bắc - Nam 53 km và thay đổi theo chiều Đông Tây từ gần 10km (phía Bắc huyện Sóc Sơn) đến trên 30km (từ xã Tây Tựu, Từ Liêm đến xã Lệ Chi, Gia Lâm).

Về đơn vị hành chính, thực hiện kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) và Nghị quyết của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3, số 15/2008/NQ-QH12, ngày 29 tháng 05 năm 2008 và Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2008, toàn bộ hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội sau hợp nhất, mở rộng địa giới hành chính Thủ đô bao gồm: Thành phố Hà Nội, tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn - tỉnh Hòa Bình. Thủ đô Hà Nội sau khi được mở rộng có diện tích tự nhiên 334.470,02 ha, lớn gấp hơn 3 lần trước đây và đứng vào top 17 Thủ đô trên thế giới có diện tích rộng nhất; dân số tăng hơn gấp rưỡi, hơn 6,2 triệu người, hiện nay là hơn 7 triệu người; gồm 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã, 577 xã, phường, thị trấn.

Hà Nội hiện nay vừa có núi, có đồi và địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, trong đó đồng bằng chiếm tới  $\frac{3}{4}$  diện tích tự nhiên của thành phố. Độ cao trung bình của Hà Nội từ 5 đến 20 mét so với mặt nước biển, các đồi núi cao đều tập trung ở phía Bắc và Tây. Các đỉnh cao nhất là Ba Vì 1.281 mét; Gia Dê 707 mét; Chân Chim 462 mét; Thanh Lanh 427 mét và Thiên Trù 378 mét...Khu vực nội đô có một số gò đồi thấp, như gò Đống Đa, núi Nùng.

- Đất nông, lâm nghiệp, thủy sản : 188.601,1 ha
- Đất phi nông nghiệp : 134.947,4 ha
- Đất chưa sử dụng : 9.340,5 ha

(Nguồn: “Niên giám thống kê Hà Nội năm 2010” của Cục Thống kê Hà Nội)

Nhìn chung, địa hình Hà Nội khá đa dạng với núi thấp, đồi và đồng bằng. Trong đó phần lớn diện tích của Thành phố là vùng đồng bằng, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam theo hướng dòng chảy của sông Hồng. Điều này cũng ảnh hưởng nhiều đến quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Hà Nội có tổng diện tích đất tự nhiên 334.470 ha, trong đó, diện tích đất nông nghiệp chiếm 47,4%, diện tích đất lâm nghiệp chiếm 8,6%, đất ở chiếm 19,26%. Xuất

phát từ yêu cầu sử dụng đất của Thủ đô Hà Nội, có 2 nhóm đất có ý nghĩa lớn nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội, đó là đất nông lâm nghiệp và đất xây dựng.

Hà Nội có nhiều hồ, đầm thuận lợi cho phát triển Thủy sản và du lịch, nhưng do thấp trũng nên khó khăn trong việc tiêu thoát nước nhanh, gây úng ngập cục bộ thường xuyên vào mùa mưa. Vùng đồi núi thấp và trung bình ở phía Bắc Hà Nội thuận lợi cho xây dựng, phát triển công nghiệp, lâm nghiệp và tổ chức nhiều loại hình du lịch.

Suy thoái chất lượng môi trường và tai biến thiên nhiên là những nhân tố tác động mạnh đến quá trình phát triển và chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang làm suy giảm mạnh chất lượng môi trường nước, không khí và đất ở Thành phố Hà Nội.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị chậm hơn gia tăng dân số, chậm hơn mở rộng không gian đô thị. Diện tích đô thị cùng với dân số đô thị tăng nhanh, nhưng hạ tầng kỹ thuật đô thị như hệ thống cấp nước, thoát nước, giao thông, năng lượng đều lạc hậu, chắp vá, được đầu tư phát triển chậm hơn, nên không đáp ứng yêu cầu dịch vụ môi trường, làm ô nhiễm môi trường đô thị.

### **3.1.2. Đặc điểm cơ bản về kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội**

Hà Nội có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là đầu não chính trị - hành chính Quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế; là đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và đi quốc tế. Hà Nội là địa bàn trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng, bảo vệ đặc biệt cho nên Nhà nước cần quy định một số chính sách đặc thù trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý Thủ đô, đặc biệt là các cơ chế nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế của Hà Nội để bảo đảm thực hiện các mục tiêu xây dựng, phát triển Thủ đô.

Tính đến năm 2017, môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố được cải thiện rõ nét; Thành phố đã phê duyệt chủ trương đầu tư 160 dự án vốn ngoài ngân sách trị giá 110 nghìn tỷ đồng; Cấp đăng ký doanh nghiệp cho 25.160 DN, tăng 11% cùng kỳ, vốn đăng ký 240 nghìn tỷ đồng (tăng 4%), nâng tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn lên 231,92 nghìn doanh nghiệp. Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Nội tăng 10 bậc, xếp thứ 14/63, cao nhất từ trước tới nay. Hà Nội xếp thứ 2 cả nước về mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông. Năm 2017, Hà Nội thu ngân sách vượt 1,4% dự toán. Tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 207,628 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so thực hiện năm 2016. Trong đó, thu nội địa 187,64 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2%. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 77,262 nghìn tỷ đồng. Tổng sản phẩm trên địa bàn ước tăng 8,5% (cách tính mới tăng 7,3%). Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7%. Giá cả thị trường ổn định, chỉ số giá tiêu dùng bình quân ước tăng 3,05-3,11%. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán ra và doanh thu dịch vụ ước tăng 10,3%. Tín dụng ngân hàng phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu lưu

thông hàng hóa và vốn cho sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 11,54 tỷ USD, tăng 8%. Hà Nội ước đón 23,83 triệu lượt khách du lịch, tăng 9%. Trong đó, khách quốc tế 4,95 triệu lượt, tăng 23%. Giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư và chất lượng được nâng cao. Năm 2017, có thêm 100 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ đạt 62,5%). An sinh xã hội được đảm bảo, các chế độ, chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo được quan tâm kịp thời, đúng đối tượng. [46]

Tuy nhiên, bên cạnh sự tăng trưởng, Hà Nội cũng phải đối mặt với nhiều biến động như việc sáp nhập phòng ban, đơn vị hành chính; quy mô mở rộng về không gian. Cộng thêm việc chuyển đổi nền kinh tế sang đổi mới và hội nhập làm biến đổi các thành phần kinh tế và các quan niệm về sở hữu, môi trường pháp lý, đảm bảo sự hội nhập hài hòa với luật pháp quốc tế và khu vực. Những biến đổi này kéo theo việc phát sinh các vấn đề về quản lý thu – chi ngân sách Nhà nước. Về tỷ lệ phân bổ ngân sách, có sự không thống nhất giữa Luật Ngân sách Nhà nước với Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội và về nguyên tắc là phải áp dụng quy định của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; điều này đã gây khó khăn cho đầu tư, xây dựng phát triển, đặc biệt là khi Thủ đô đã được mở rộng địa giới hành chính. Về định mức ngân sách, định mức phân bổ ngân sách Trung ương ban hành chưa tính tới yếu tố đặc thù đô thị, hiện nay chi ngân sách cho Thành phố hàng năm trong lĩnh vực duy trì vận hành giao thông, điện chiếu sáng, xây dựng khu hành chính mới, công tác vệ sinh môi trường của Thành phố, nguồn ngân sách để đảm bảo những nhiệm vụ chi đặc thù là rất lớn. Vì vậy, Hà Nội đề nghị xác lập tỷ lệ điều tiết tối thiểu là 50% cho ngân sách Thành phố. Về mức huy động vốn của ngân sách cấp tỉnh, Luật Ngân sách Nhà nước quy định mức dư nợ từ huy động vốn không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh (riêng thành phố Hà Nội được quy định mức 100%). Việc quy định như vậy đã hạn chế tốc độ và quy mô đầu tư các công trình dự án của các thành phố lớn đặc biệt thành phố Hà Nội mở rộng địa giới hành chính, nhu cầu đầu tư lớn, tập trung vốn cho nhiều công trình trọng điểm.

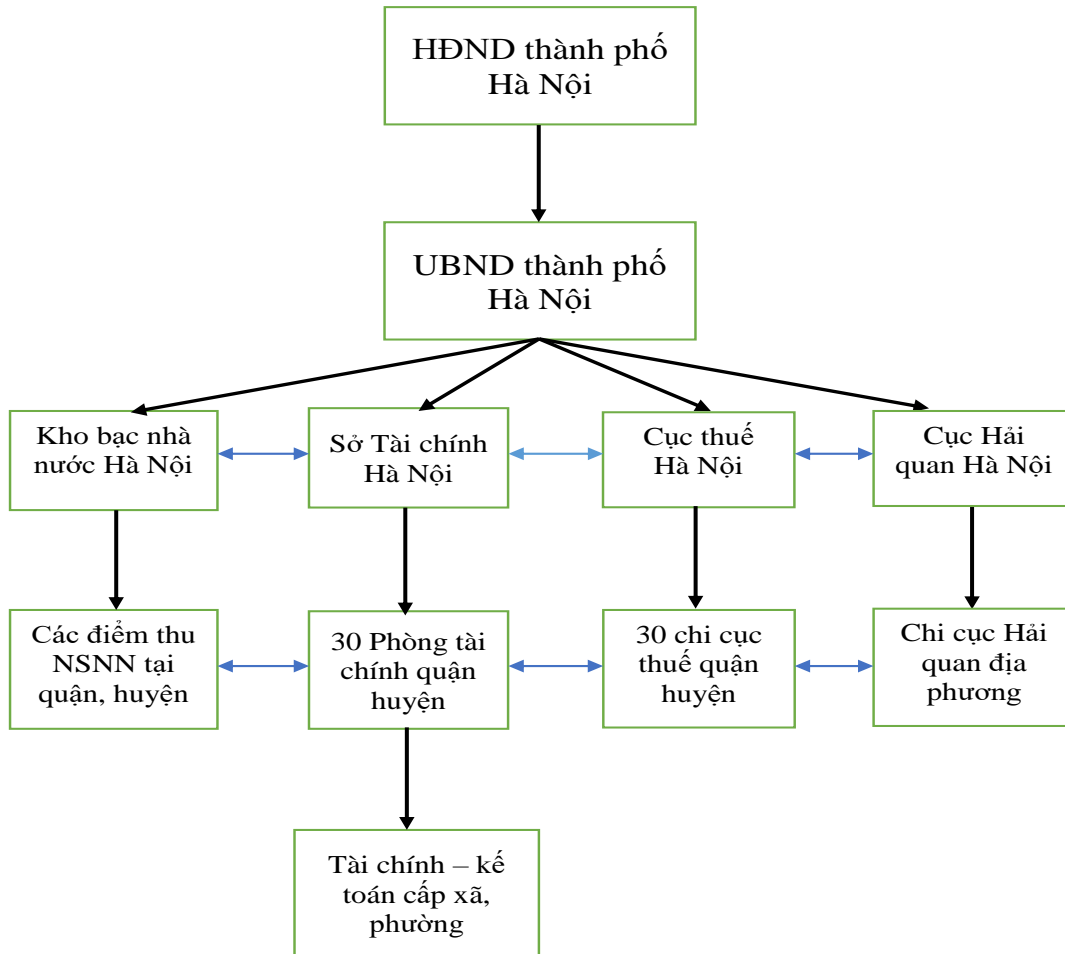
### **3.2. Tổ chức hệ thống quản lý NSNN của thành phố Hà Nội**

Hiện nay, ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã. Trong hệ thống ngân sách này, Quốc hội chỉ phân giao nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể cho ngân sách trung ương, đồng thời xác định tổng khối lượng thu, chi trong năm ngân sách cho ngân sách địa phương, còn chính quyền nhân dân mỗi cấp địa phương sẽ quyết định phân phối thu, chi của cấp mình.

Mô hình hệ thống ngân sách hiện tại khuyến khích các cấp chính quyền địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc khai thác và huy động nguồn tài chính trên địa bàn để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương mình. Hệ thống quy định rõ nhiệm vụ của từng cấp, mục tiêu và trách nhiệm từng đơn vị.



Tuy nhiên, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách còn trùng lặp, chồng chéo và mang tính hình thức. Tính trùng lặp và chồng chéo thể hiện rất rõ khi Quốc hội quyết định dự toán NSNN là đã bao gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Trong khi đó, theo Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hiện hành (Điều 12) thì Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách địa phương. Bên cạnh đó, quy trình xem xét và phê duyệt quyết toán ngân sách hiện cũng còn khá phức tạp, phiền phức, vì quá nhiều hệ thống cơ quan khác nhau trên cùng một việc, quá nhiều mối quan hệ, dẫn đến rất chậm về thời gian.



**Sơ đồ 3.1. Hệ thống quản lý ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**

*Nguồn: Sở tài chính Hà Nội*

Trên cơ sở phân cấp quản lý ngân sách, thành phố Hà Nội cũng tổ chức cơ cấu quản lý ngân sách từ thành phố đến các xã phường. Cấp cao nhất thẩm duyệt ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội là Hội đồng nhân dân. Tiếp theo là Ủy ban nhân dân thành phố, nơi triển khai các nghị quyết về thu chi ngân sách được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua. UBND thành phố giao cho Sở Tài chính là đơn vị chủ trì trong quản lý ngân sách nhà nước, phối hợp với Cục thuế Hà Nội là đơn vị thực hiện chức năng thu thuế và Kho bạc nhà nước Hà Nội là đơn vị quản lý thu chi ngân sách. Cấp dưới của Sở Tài chính Hà Nội là Phòng tài chính của 30 quận, huyện; cấp dưới

của Cục thuế Hà Nội là 30 Chi cục thuế đặt tại các quận huyện; cấp dưới của Kho bạc nhà nước Hà Nội là các điểm thu NSNN đặt tại các quận huyện.

Qua sơ đồ 3.1 có thể thấy sự quản lý điều hành theo cơ cấu trực tuyến từ cấp trên xuống cấp dưới và sự phối hợp của các đơn vị cùng cấp trong công tác quản lý ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

### **3.2.1. Cơ quan chấp hành thu ngân sách**

#### *3.2.1.1. Cục Thuế thành phố Hà Nội*

Cục Thuế thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 314 TC/QĐ ngày 21/08/1990 của Bộ Tài chính. Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/05/2008 của Quốc Hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh liên quan, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1640/QĐ-BTC ngày 28/7/2008 về việc thành lập Cục Thuế thành phố Hà Nội trực thuộc Tổng cục Thuế trên cơ sở hợp nhất Cục Thuế thành phố Hà Nội (cũ), Cục Thuế Hà Tây (cũ) và Chi cục Thuế huyện Mê Linh.

Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã không ngừng vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách và là một trong hai Cục Thuế có số thu hàng năm lớn nhất cả nước. Những đóng góp của Cục Thuế thành phố Hà Nội đã góp phần đặc lực vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô cũng như của cả nước.

Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã không ngừng củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức và bộ máy tổ chức để luôn là một tập thể đoàn kết, thống nhất. Với những nỗ lực phấn đấu của các thế hệ cán bộ, công chức Cục Thuế thành phố Hà Nội, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân Thành phố, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế cùng với sự phối hợp tích cực của các cấp, các ngành và sự ủng hộ của nhân dân, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã được đánh giá là đơn vị tiêu biểu đi đầu trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; dẫn đầu trong cải cách hiện đại hóa, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý Thuế ...

Tổ chức máy của Cục Thuế gồm Văn Phòng Cục và 20 phòng chức năng, 30 Chi cục Thuế với hơn 3600 cán bộ công chức (CBC) và hợp đồng lao động theo Nghị Định 68 của Chính phủ. Cục Thuế quản lý thu thuế trên 169.997 doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang hoạt động, hơn 176.262 hộ kinh doanh, hơn 3,3 triệu mã số thuế Thu nhập cá nhân và gần 2 triệu hộ gia đình nộp thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố. Hiện nay, Cục Thuế thành phố Hà Nội là một trong hai Cục Thuế có số thu ngân sách hàng năm lớn nhất cả nước, chiếm gần 1/4 số thu cả nước. Qua hơn 10 năm thực hiện Luật Quản lý thuế, công tác quản lý thuế, thu thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu; nhận thức của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (NSNN) được nâng cao; bộ máy hành chính thuế không ngừng được kiện toàn, đội

ngũ cán bộ công chức quản lý thuế từng bước chuyên nghiệp, chuyên sâu. Trong những năm qua, Thành phố Hà Nội luôn hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách được giao không những đảm bảo nguồn thu ngân sách cho việc thực hiện chi cho ngân sách Thành phố mà còn đóng góp vào việc cân đối chi ngân sách của cả nước (tất cả các quận huyện, thị xã cũng đảm bảo cân đối thu chi theo từng địa bàn). Kết quả thu nội địa giai đoạn 2009 - 2018 đạt 1.420.828 tỷ đồng, số thu tăng trưởng qua các năm đều hoàn thành vượt chỉ tiêu so với dự toán pháp lệnh (riêng năm 2018 thu 226.972 tỷ đồng, đạt 104% dự toán). [11]

### 3.2.1.2. Cục Hải quan thành phố Hà nội

Năm 1985, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã ký Quyết định số 101/TCHQ/TCCB ngày 03/8/1985 thành lập Hải quan thành phố Hà Nội trực thuộc Tổng cục Hải quan để thống nhất quản lý toàn bộ các đơn vị Hải quan trên địa bàn Hà Nội. Tại thời điểm thành lập, tổ chức bộ máy Hải quan Thành phố Hà Nội gồm có 3 phòng và 4 đơn vị Hải quan cửa khẩu với chỉ tiêu biên chế là 225 người. Từ đây, đánh dấu sự phát triển nhanh chóng, ổn định và vững chắc của Cục Hải quan thành phố Hà Nội.

Thời kỳ đầu công cuộc đổi mới đất nước (1986-1990), Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp luật để quản lý kinh tế, trọng tâm là quản lý xuất nhập khẩu và đầu tư. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, Hải quan thành phố Hà Nội được bổ sung tăng cường biên chế, lấy từ nhiều nguồn, khối lượng công tác nghiệp vụ Hải quan tăng lên đáng kể. Thống kê năm 1989, Hải quan thành phố Hà Nội đã làm thủ tục cho 2500 lượt chuyến bay với 189.134 lượt khách xuất nhập cảnh, kim ngạch hàng hoá xuất nhập khẩu đạt 193 triệu USD, phát hiện 345 vụ vi phạm pháp luật hải quan, thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu 10,26 tỷ đồng. [12]

Từ năm 1990, cùng với sự ra đời của Pháp lệnh Hải quan (24/12/1990) ngành Hải quan cũng bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập. Nắm bắt được yêu cầu nhiệm vụ, Hải quan thành phố Hà Nội đã tích cực cải cách thủ tục, cải cách quy trình kiểm tra Hải quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn Thủ đô, giảm thời gian, giảm phiền hà cho khách xuất nhập cảnh.

Từ khi Luật Hải quan có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002 mọi quan hệ thương mại và giao lưu quốc tế trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan Thành phố Hà Nội được tiếp tục đẩy mạnh. Luật đầu tư sửa đổi đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước tăng cường đầu tư vào các khu công nghiệp. Các khu công nghiệp thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan thành phố tiếp tục mở rộng và phát triển. Cùng với việc tăng thêm các đơn vị trực thuộc, bộ máy quản lý hành chính tại cơ quan Cục cũng không ngừng được củng cố và hoàn thiện cả về lượng và chất. Từ bộ máy gồm 4 phòng năm 1985, sắp xếp lại thành 9 phòng (tháng 9 năm 1994), 10 phòng (năm 2000) đến nay để phục vụ cho công cuộc cải cách, hiện đại hoá và hội nhập cơ quan Cục được sắp xếp lại thành 11 phòng, 13 Chi cục. [12]

Cùng với tiến trình cải cách, hiện đại hoá và hội nhập, Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã tích cực chuẩn bị và được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời của lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Thành uỷ, UBND thành phố Hà Nội và các tỉnh; sự phối hợp công tác của các cơ quan hữu quan. Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã có trụ sở làm việc khang trang, trụ sở các chi cục đã và đang được đầu tư xây dựng lại và từng bước trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại (máy soi, camera, hệ thống máy tính...) lực lượng cán bộ, công chức Hải quan Thành phố Hà Nội được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Biên chế toàn Cục trên 940 người, với 2% trình độ trên đại học, 73% trình độ đại học, 25% cao đẳng và trung học. Đảng bộ Cục Hải quan thành phố Hà Nội nâng cấp thành Đảng bộ cấp trên cơ sở (tháng 4 năm 2010) trực thuộc Thành uỷ. Hiện nay Đảng bộ Cục Hải quan thành phố Hà Nội có 6 đảng bộ và 18 chi bộ cơ sở trực thuộc với 612 đảng viên. Đoàn thanh niên có 12 chi đoàn với 315 đoàn viên. Công đoàn cơ sở có 24 công đoàn bộ phận với 100% cán bộ, công chức là đoàn viên công đoàn. Hội Cựu Chiến binh có 96 hội viên và Chi hội luật gia gồm 88 hội viên trực thuộc Hội Luật gia thành phố Hà Nội. [12]

### **3.2.2. Cơ quan chấp hành chi và cân đối ngân sách**

#### *3.2.2.1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp*

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND quyết định dự toán thu - chi ngân sách địa phương; quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Xác định đây là một trong các vấn đề quan trọng của địa phương, nó ảnh hưởng và tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của cộng đồng và nhân dân địa phương nên HĐND các cấp có vai trò đặc biệt coi trọng công tác thẩm tra, giám sát dự toán và quyết toán ngân sách do UBND trình.

UBND các cấp từ cấp thành phố đến cấp xã, phường có nhiệm vụ lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách theo phân cấp, lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn và báo cáo cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

UBND các cấp theo dõi, giám sát, quản lý thu, chi NSNN theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian quy định. Chủ động điều hành đảm bảo cân đối NSDP, tổ chức chi ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển (thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết); chủ động dành nguồn để thực hiện các chính sách Nhà nước đã ban hành, giảm nguồn ngân sách trung ương (NSTW) phải hỗ trợ.

UBND các cấp chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong

lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

### 3.2.2.3. Kho Bạc Nhà nước Hà Nội

Kho bạc Nhà nước Hà Nội là cơ quan trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước; quản lý ngân quỹ nhà nước; tổng kế toán nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển thông qua hình thức phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Kho bạc Nhà nước Hà Nội đã từng bước củng cố, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý thu, quản lý chi và cân đối thu chi

Công tác thu NSNN: KBNN Hà Nội đã chủ động đôi chiều, rà soát, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, cung cấp kịp thời số dư trên tài khoản tạm thu, tạm giữ của các đơn vị đã đến thời hạn nộp NSNN, báo cáo KBNN, Bộ Tài chính, tham mưu cho UBND thành phố để có chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Công tác quản lý chi NSNN: Thực hiện công tác kiểm soát chi đúng quy trình và chế độ hiện hành, đảm bảo thanh toán chính xác, kịp thời từ các nguồn kinh phí cho đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng dự toán được duyệt, đúng tiêu chuẩn, định mức chi tiêu của Nhà nước. Thực hiện kiểm soát chi NSNN theo đúng các văn bản chỉ đạo của Bộ Tài chính, KBNN và UBND thành phố.

Trong công tác phối hợp thu ngân sách nhà nước, các Kho bạc Nhà nước tại các quận, huyện và KBNN Hà Nội phối hợp tốt, có hiệu quả với cơ quan thu như Thuế, Hải quan, các hệ thống Ngân hàng thương mại (NHTM) thực hiện các giải pháp, biện pháp theo chỉ đạo của KBNN và UBND Thành phố trong công tác thu, trao đổi cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; tập trung nhanh và hạch toán kịp thời, đầy đủ các khoản thu vào NSNN, điều tiết chính xác từng khoản thu cho từng cấp ngân sách.

Từ nhiều năm qua, KBNN Hà Nội đã thực hiện ủy nhiệm thu qua hệ thống Ngân hàng thương mại, qua đó tập trung nhanh và hạch toán kịp thời, đầy đủ các khoản thu vào NSNN, điều tiết chính xác từng khoản thu cho các cấp ngân sách. Công tác kiểm soát chi thường xuyên, KBNN Hà Nội đã phát hiện những khoản chi của các đơn vị chưa chấp hành đúng thủ tục, chế độ quy định, đã hướng dẫn và yêu cầu đơn vị bổ sung, hoàn thiện các thủ tục cần thiết; đối với các dự án đầu tư XDCB luôn chủ động phối hợp với các chủ đầu tư để kịp thời xử lý các vướng mắc về hồ sơ, thủ tục để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

Công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa CNTT trong lĩnh vực KBNN: Nhận thức rõ được tầm quan trọng của cải cách thủ tục hành chính, KBNN Hà Nội coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, phải được thực hiện thường xuyên giảm bớt thủ tục hành

chính không cần thiết, triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 đến các đơn vị sử dụng NSNN, chủ đầu tư có mở tài khoản tại KBNN tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian đi lại, chi phí hoạt động cho các đơn vị trong việc giao nhận hồ sơ chứng từ với Kho bạc...

Kho bạc Nhà nước Hà Nội xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong năm 2019 để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, cụ thể: Phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan tổ chức tập trung đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào NSNN góp phần hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2019. Tập trung kiểm soát chi NSNN đúng luật, hiệu quả, kịp thời, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư cho các công trình trọng điểm, nhất là các công trình hạ tầng, kết nối giao thông đô thị, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động nghiệp vụ và quản lý nội bộ: đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 theo hướng mở rộng tới phần lớn các đơn vị sử dụng ngân sách; hoàn thành việc nâng cấp Hệ thống Thông tin Liên ngành kết nối đến các chủ đầu tư, ban quản lý dự án chuyên ngành, HĐND, UBND các cấp. Tiếp tục rà soát giảm bớt quy trình, nghiệp vụ, giám các thủ tục, hồ sơ, cập nhật, công khai các quy trình, thủ tục hành chính tại nơi làm việc và công khai trên cổng thông tin điện tử của ngành...

### 3.2.2.3. Sở Tài chính Hà Nội

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, cùng với sự lớn mạnh của đất nước, của Thủ đô, Tài chính Hà Nội được củng cố và phát triển. Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, theo đó đã hợp nhất tỉnh Hà Tây với thành phố Hà Nội; đây là sự kiện quan trọng đối với ngành Tài chính Thủ đô, mở ra triển vọng lớn để Hà Nội phát triển toàn diện, bền vững, tập trung thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước

Khi thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Tây hợp nhất theo Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội, Sở Tài chính 2 địa phương được hợp nhất thành Sở Tài chính Hà Nội. Trong thời gian đầu hợp nhất với khối lượng công việc chuyên môn lớn, yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cơ sở vật chất còn ngắn ngàng, nhưng Đảng bộ, lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức của 2 cơ quan đã đoàn kết, nỗ lực hết sức mình hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Sở Tài chính Hà Nội hiện có 203 cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng, trong đó nhiều đồng chí có trình độ chuyên môn là tiến sĩ, thạc sĩ, lý luận chính

trị cao cấp, cử nhân....Cơ cấu tổ chức của Sở hiện có 09 phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ gồm: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Quản lý ngân sách, Phòng Ngân sách Quận huyện xã phường; Phòng Hành chính sự nghiệp, Phòng Giao thông đô thị, Phòng Đầu tư, Phòng Tin học và thống kê, Ban Giá; 02 Chi cục trực thuộc Sở gồm: Chi cục Tài chính doanh nghiệp và Chi cục Quản lý công sản; 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là Trung tâm Mua sắm tài sản công và thông tin tư vấn tài chính.[42]

Trong những năm gần đây, Sở Tài chính Hà Nội luôn tham mưu đặc lực cho Thành uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố khai thác hiệu quả các nguồn thu, bố trí chi tiêu hợp lý, đầu tư ngân sách có trọng tâm, trọng điểm, coi trọng đầu tư cho sự phát triển bền vững kinh tế- xã hội; xây dựng hạ tầng khung, xây dựng nông thôn mới; đồng thời bố trí ngân sách cho y tế, giáo dục, văn hoá, an sinh xã hội ngày càng tăng... Những cố gắng của cán bộ, tập thể Sở Tài chính Hà Nội đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết, các chỉ tiêu về phát triển kinh tế- xã hội của Thành phố.

Sở Tài chính đã xây dựng và áp dụng 7 quy trình giải quyết công việc theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 sớm hơn 1 năm so với chỉ tiêu kế hoạch của UBND thành phố đề ra. Toàn bộ 5/5 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đã được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; bảo đảm 100% hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trả kết quả trước hạn và đúng hạn.

Từ năm 2016, Sở đã ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ và được thực hiện tự động 100% trên môi trường mạng. Hệ thống văn phòng điện tử đã tích hợp chữ ký số và sẵn sàng kết nối với hệ thống trực liên thông văn bản của thành phố và trực liên thông văn bản quốc gia. Qua triển khai ứng dụng này đã rút ngắn được thời gian, quy trình xử lý công việc. 100% văn bản đến đều được xử lý trong ngày. Sở cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin vào toàn bộ quy trình đánh giá cán bộ từ xây dựng kế hoạch tuần, chấm điểm tuần và đánh giá hằng tháng đều không dùng giấy tờ, mà thực hiện bằng phần mềm trên môi trường mạng.

Sở Tài chính Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về lĩnh vực tài chính và quản lý ngân sách trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

(1). *Trình Ủy ban nhân dân Thành phố*: Dự thảo quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực tài chính; Dự thảo phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; chế độ thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật để trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền; Dự toán điều chỉnh ngân sách Thành phố; các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao để trình Hội đồng nhân dân Thành

phổ quyết định theo thẩm quyền; Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về tài chính đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

(2). *Về quản lý ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước*: Tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách Thành phố, phương án phân bổ ngân sách cấp Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; Hướng dẫn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật; Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới.

(3). *Về quản lý tài chính đối với đất đai*: Chủ trì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định bảng giá đất tổ chức thẩm định bảng giá đất, bảng giá đất điều chỉnh; chủ trì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tổ chức thẩm định giá đất cụ thể trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; Chủ trì xác định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định mức tỷ lệ (%) để tính thu tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước, mức tiền thuê mặt nước; đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể (trừ các dự án khai thác dầu khí ở lãnh hải và thềm lục địa của Việt Nam); xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp; Kiểm tra, thẩm định các khoản kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất đối với dự án, tiểu dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn; Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, chi sai chính sách chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo của Nhà nước.;Thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn các quận, huyện, thị xã, quyết toán thu, chi ngân sách các quận, huyện, thị xã; thẩm định hoặc duyệt và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định; Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính.

(4). *Quản lý vốn đầu tư phát triển*: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm; chủ trì phối hợp với cơ quan có liên quan bố trí các nguồn vốn khác có



tính chất đầu tư trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách; kế hoạch điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết; xây dựng kế hoạch điều chỉnh, điều hòa vốn đầu tư đối với các dự án từ nguồn ngân sách của Thành phố.

(5). *Quản lý quỹ dự trữ tài chính* của Thành phố theo quy định của pháp luật: Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho Thành phố theo quy định của pháp luật; quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho Thành phố thuộc nguồn thu của ngân sách Thành phố; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của Thành phố theo quy định; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật.

(6). *Về quản lý tài sản nhà nước tại Thành phố*: Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước theo thẩm quyền của Thành phố; Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, tiêu hủy tài sản nhà nước và các hình thức xử lý khác; giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính vào mục đích sản xuất kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến với các Bộ, ngành và Bộ Tài chính về việc sắp xếp nhà, đất của các cơ quan Trung ương quản lý trên địa bàn Thành phố; Quản lý cơ sở dữ liệu tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

(7). *Quản lý nhà nước về tài chính đối với các quỹ* do Thành phố và cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo trì đường bộ, Quỹ Bảo vệ môi trường...).

(8). *Về quản lý tài chính doanh nghiệp*: Quản lý phần vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể do địa phương thành lập theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo phân công của UBND Thành phố; Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật; Kiểm tra

việc quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước, việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Thành phố thành lập; thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do Thành phố thành lập và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

(9). *Về quản lý giá và thẩm định giá*: Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc Thành phố quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

(10). *Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính* thuộc phạm vi quản lý của Sở đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện, thị xã.

### **3.3. Thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội**

#### **3.3.1. Hoạt động tham mưu cho cấp trên trong quản lý ngân sách nhà nước**

UBND thành phố Hà Nội giao cho Sở Tài chính Hà Nội là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của mình, Sở Tài chính Hà Nội đã thực hiện tham mưu cho UBND thành phố:

+ *Tham mưu trong công tác quản lý tài chính ngân sách, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp...*

Hàng năm, Sở Tài chính Hà Nội đề xuất UBND thành phố Hà Nội tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; điều hành linh hoạt thu, chi ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ thu, chi ngân sách địa phương.

Sở Tài chính Hà Nội tham mưu cho UBND Thành phố phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách của địa phương; trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh phê chuẩn định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính - ngân sách, chế độ quản lý tài chính, báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật.

Sở Tài chính Hà Nội tham mưu cho UBND Thành phố quy định nhiệm vụ và các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách hàng năm của địa phương. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật. Tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý lĩnh vực tài chính ở địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ; các chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về tài chính ngân sách phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ *Công tác tham mưu và phối hợp thực hiện hiệu quả công tác điều hành thu - chi ngân sách trên địa bàn.*

Năm 2017, Sở Tài chính chủ trì đề xuất với UBND thành phố thực hiện nhiều giải pháp giảm chi hiệu quả như: triển khai thí điểm khoán xe công, đấu thầu tài sản công tập trung minh bạch và chặt chẽ; thực hiện cổ phần hóa hay thoái vốn đúng lộ trình trên tinh thần hiệu quả nhất. Hàng năm, Sở Tài chính Hà Nội chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Hà Nội tiến hành rà soát, thẩm định và tham mưu cho UBND thành phố ban hành văn bản quy định hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ xác định giá đất trên địa bàn Hà Nội. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng đảm bảo cho việc thu ngân sách hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế.

Sở đã tham mưu UBND thành phố cơ cấu lại các khoản chi ngân sách theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn chi cho đầu tư phát triển. Với nhiều giải pháp quyết liệt như thường xuyên đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho các chủ đầu tư, những tháng cuối năm, chi đầu tư xây dựng cơ bản đã có nhiều tiến bộ. Năm 2018, Hà Nội đã nỗ lực giảm chi thường xuyên ngân sách từ 55,5% xuống còn 53,5%, định hướng để đến năm 2020 giảm chi thường xuyên xuống dưới mức 50% [42].

+ *Công tác tham mưu Quản lý tài sản công hiệu quả.*

Sở Tài chính Hà Nội đã tham mưu cho UBND Thành phố ban hành nhiều biện pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, vốn đầu tư; thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, cơ cấu lại, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước...

Năm 2017, Hà Nội là một trong các địa phương đi đầu trong việc thí điểm khoán xe công tại 8 sở, ngành, quận, huyện. Sở Tài chính đã tham mưu và là đầu mối phối hợp với các Sở liên quan hướng dẫn 8 đơn vị thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô và các lái xe theo đúng các quy định. Qua theo dõi, việc thí điểm khoán kinh phí sử dụng ô tô công tại 8 đơn vị trên địa bàn, kết quả đạt được kết quả tích cực. Quý I/2018, UBND Thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan rà soát lại việc khoán xe công để đánh giá hiệu quả cụ thể.

Sở Tài chính cũng đã phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai mua sắm tập trung theo phương thức đấu thầu tập trung, đảm bảo công khai, minh bạch, giúp thành phố tiết kiệm được gần 400 tỷ đồng. Theo đánh giá của Chủ tịch UBND Thành phố, việc Sở Tài chính rà soát đơn giá 12/12 dịch vụ công ích, đề xuất 8 đơn giá dịch vụ công ích mới là một nỗ lực để giảm chi và tăng hiệu quả công việc.

Trước tình trạng một số đơn vị công lập sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê hoặc đi liên doanh liên kết gây thất thoát, lãng phí, Sở Tài chính đã yêu cầu toàn bộ các đơn vị có sử dụng tài sản công lập đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê hoặc liên doanh liên kết. Qua đó, Sở Tài chính sẽ tăng cường quản lý, kiểm tra giám sát, nâng cao hiệu quả việc sử dụng tài sản công tại các đơn vị trên địa bàn Hà Nội.

### 3.3.2. Quản lý lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước

Sở Tài chính Hà Nội chủ trì tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách Thành phố, phương án phân bổ ngân sách cấp thành phố báo cáo UBND thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định;

Sở Tài chính Hà Nội có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định; Lập dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương, lập phương án phân bổ ngân sách, báo cáo UBND thành phố để trình HĐND thành phố quyết định; Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới. Thẩm định và chịu trách nhiệm về việc thẩm định dự toán ngân sách của UBND cấp quận huyện.

Trước ngày 31/5 năm trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định hoặc chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm sau. Căn cứ vào quyết định hoặc chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, trước ngày 10/6 Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước năm sau; thông báo số kiểm tra dự toán về tổng mức và từng lĩnh vực lĩnh vực thu chi của từng cơ quan. Bộ Kế hoạch và đầu tư ban hành thông tư hướng dẫn xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và phối hợp với Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra.

Căn cứ các văn bản của Chính phủ và các Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố ban hành văn bản chỉ đạo và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị, ban ngành trực thuộc và UBND cấp dưới lập dự toán ngân sách nhà nước. Việc lập dự toán cấp dưới do các cơ quan tài chính địa phương chủ trì, các cơ quan đầu tư, tài nguyên môi trường, giáo dục... các cơ quan phụ trách chương trình mục tiêu Quốc gia tại địa phương phối hợp thực hiện.

UBND cấp dưới sau khi lập dự toán xong gửi cho HĐND cùng cấp phê duyệt cho ý kiến trước ngày 20/7 năm trước. Sau khi có ý kiến phê duyệt của HĐND, UBND cấp dưới sẽ trình dự toán ngân sách nhà nước cho UBND cấp trên. UBND Thành phố sẽ trình bản dự toán ngân sách cho Bộ Tài chính xem xét, thẩm tra dự toán trước ngày 25/7 năm trước. Bộ Tài chính tổng hợp dự toán ngân sách địa phương và dự toán ngân sách địa phương trình Chính phủ xem xét, sau đó Chính phủ trình cho Quốc hội phê duyệt tổng dự toán.

Quy trình lập và phân bổ NSNN tại các địa phương trên địa bàn Hà Nội được thống nhất qua thực hiện qua các bước sau:

***\*Bước 1: Ban hành hướng dẫn và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách (thực hiện trước ngày 15/6 hàng năm)***

Căn cứ vào các Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán và kế hoạch đầu tư phát triển; thông báo số kiểm tra của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; căn cứ Chi

thị của UBND Thành phố về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, Sở Tài chính Hà Nội có nhiệm vụ:

- Xây dựng hướng dẫn lập dự toán thu NSNN, chi NSDP và số kiểm tra cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố và UBND các quận, huyện.

- Lấy ý kiến tham gia của các phòng chuyên quản đối với văn bản hướng dẫn và số kiểm tra (các phòng có ý kiến trong thời hạn 3 ngày); Hoàn chỉnh văn bản báo cáo Giám đốc Sở xem xét, ký ban hành trước ngày 15/6 hàng năm.

**\*Bước 2: Lập dự toán**

- *Thảo luận dự toán với Bộ Tài chính:* Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan để tính số thu NSNN trên địa bàn Thành phố, số thu NSDP được hưởng theo điều tiết; phối hợp cùng các phòng chuyên quản; Sở Kế hoạch và Đầu tư lên phương án phân bổ dự toán chi ngân sách; Hoàn thành biểu mẫu theo quy định trước 20/7 hàng năm và thực hiện thảo luận dự toán ngân sách với Bộ Tài chính theo lịch thông báo của Bộ.

- *Lập dự toán của các đơn vị dự toán ngân sách:* Các đơn vị dự toán là các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và các quận, huyện triển khai giao số kiểm tra cho các đơn vị trực thuộc và thực hiện việc tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị mình theo hướng dẫn và gửi Sở Tài chính. Thời gian gửi trước ngày 5/8 hàng năm.

**\* Bước 3: Tổng hợp dự toán ngân sách theo khối**

Trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách do các đơn vị dự toán lập; căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, Sở Tài chính giao cho các phòng chuyên môn thuộc Sở tiến hành rà soát và tổng hợp dự toán của khối mình chi tiết theo từng đơn vị dự toán ngân sách và theo từng lĩnh vực.

- Phòng tổ chức hành chính sự nghiệp chủ trì, phối hợp với phòng QLNS tiến hành thảo luận dự toán với các Sở, ban, ngành Thành phố thuộc phòng quản lý, tổng hợp dự toán ngân sách khối các Sở, ban, ngành.

- Phòng QLNS tiến hành thảo luận dự toán với UBND các quận, huyện vào năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách chỉ làm việc với UBND các quận, huyện khi có đề nghị); tổng hợp dự toán ngân sách khối quận, huyện. Phòng Quản lý ngân sách chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát biểu tổng hợp danh mục dự án của Thành phố do Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi và có ý kiến về danh mục, tiến độ và nguồn vốn XDCB dự kiến; Tổng hợp dự toán chi XDCB Thành phố Hà Nội; Các bản tổng hợp dự toán ngân sách (theo khối) và thuyết minh chi tiết được gửi về phòng QLNS để tổng hợp chung. Thời gian gửi trước ngày 30/9 hàng năm.

**\* Bước 4: Tổng hợp chung dự án ngân sách toàn thành phố**

Trên cơ sở kết quả làm việc với Bộ Tài chính, căn cứ vào khả năng thu của ngân sách Thành phố được hưởng, Sở Tài chính Hà Nội có nhiệm vụ:

- Tổng hợp, cân đối chung dự toán ngân sách Thành phố Hà Nội từng lĩnh vực chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu, chi khoa học công nghệ. Nếu bảng tổng hợp dự toán của các phòng chưa hợp lý, các phòng chuyên môn phối hợp phân bổ lại đảm bảo cân đối ngân sách.

- Giám đốc Sở ký báo cáo tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách sau khi hoàn chỉnh gửi UBND Thành phố. Thời gian hoàn thành trước ngày 20/10 hàng năm.

**\* Bước 5: Lập, phân bổ dự toán ngân sách địa phương**

Trên cơ sở dự toán Chính phủ và Bộ Tài chính giao, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư cân đối lại ngân sách Thành phố.

- Phòng QLNS cân đối lại ngân sách Thành phố, phân bổ theo từng khối văn xã, giao thông đô thị, quận, huyện và đầu tư.

- Các phòng có liên quan phối hợp với Phòng QLNS rà soát, cân đối lại và tổng hợp dự toán của các đơn vị theo số liệu do phòng QLNS phân bổ.

- Các Phòng: QLNS phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư cân đối lại và tổng hợp phương án phân bổ dự toán chi XDCB.

Các bản tổng hợp dự toán của các phòng chuyên quản được gửi về Phòng QLNS để tổng hợp chung. Bản tổng hợp dự toán nào không đạt theo yêu cầu sẽ gửi lại các phòng hoàn thiện. Thời gian hoàn thành trước 25/11 hàng năm.

**\* Bước 6: Báo cáo UBND Thành phố**

Phòng QLNS hoàn thiện báo cáo tổng hợp phân bổ dự toán thu - chi ngân sách, trình Giám đốc Sở ký gửi UBND Thành phố. Nếu có phản hồi thì hoàn chỉnh lại. Thời gian hoàn thành trước ngày 20/11 hàng năm.

**\* Bước 7: Xem xét trình HĐND Thành phố**

UBND Thành phố xem xét và trình phân bổ dự toán ngân sách cho năm sau để HĐND Thành phố thông qua. Thời gian gửi HĐND Thành phố trước 20/11 hàng năm. Sở Tài chính Hà Nội có trách nhiệm là đầu mối xử lý các công việc phát sinh theo yêu cầu của UBND Thành phố.

**\* Bước 8: Nghị quyết về dự toán ngân sách**

HĐND Thành phố ra nghị quyết thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách vào kỳ họp cuối năm. Thời gian hoàn thành trước ngày 10/12 hàng năm. (Riêng thời này còn phụ thuộc vào thời gian tiến hành kỳ họp của HĐND Thành phố).

**\* Bước 9: Chuẩn bị Quyết định và các biểu giao dự toán thu, chi ngân sách**

Sở Tài chính có nhiệm vụ chuẩn bị các biểu giao dự toán thu, chi ngân sách cho các Sở, ban, ngành Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND Thành phố ban hành quyết định giao một số chỉ tiêu kinh tế xã hội và dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

**Bảng 3.1. Định mức phân bổ chi ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể giai đoạn 2017-2020**

| TT         | Nội dung                                      | Đơn vị tính        | Định mức (VNĐ) |
|------------|---|--------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ quan hành chính</b>                     |                    |                |
| <b>1</b>   | <b>Đơn vị dự toán cấp 1</b>                   |                    |                |
|            | Biên chế dưới 100                             | Đồng/biên chế /năm | 55.000.000     |
|            | Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200              | Đồng/biên chế /năm | 54.000.000     |
|            | Từ biên chế thứ 200 trở lên                   | Đồng/biên chế /năm | 53.000.000     |
| <b>2</b>   | <b>Đơn vị dự toán cấp 2</b>                   |                    |                |
|            | Biên chế dưới 100                             | Đồng/biên chế /năm | 52.000.000     |
|            | Từ biên chế thứ 100 đến dưới 200              | Đồng/biên chế /năm | 51.000.000     |
|            | Từ biên chế thứ 200 trở lên                   | Đồng/biên chế /năm | 50.000.000     |
| <b>II</b>  | <b>Các tổ chức chính trị - xã hội</b>         |                    |                |
| 1          | Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố                | Đồng/biên chế /năm | 67.000.000     |
| 2          | Hội Cựu Chiến Binh Thành phố                  | Đồng/biên chế /năm | 67.000.000     |
| 3          | Hội Nông dân Thành phố                        | Đồng/biên chế /năm | 67.000.000     |
| 4          | Đoàn thanh niên cộng sản HCM thành phố Hà Nội | Đồng/biên chế /năm | 67.000.000     |
| <b>III</b> | <b>Cơ quan điều hành chung</b>                |                    |                |
| 1          | Các cơ quan thuộc Thành ủy                    | Đồng/biên chế /năm | 73.000.000     |
| 2          | Văn phòng UBND Thành phố                      | Đồng/biên chế /năm | 73.000.000     |
| 3          | Văn phòng HĐND Thành phố                      | Đồng/biên chế /năm | 73.000.000     |
| 4          | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc                       | Đồng/biên chế /năm | 73.000.000     |

*Nguồn: Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội*

**\* Bước 10: Ký duyệt giao dự toán thu chi ngân sách**

UBND Thành phố xem xét, ký quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách của Thành phố trước 10/12 hàng năm.

**\* Bước 11: Công khai dự toán**

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày HĐND Thành phố thông qua, Sở Tài chính có nhiệm vụ công khai dự toán thu, chi NSNN của các cơ quan, tổ chức theo quy định.

**3.3.3. Phối hợp quản lý thu ngân sách nhà nước theo phân cấp**

Quản lý thu ngân sách nhà nước là quá trình tổ chức và quản lý nguồn thu của ngân sách nhà nước. Hệ thống tổ chức thu ngân sách hiện nay giao chủ yếu cho Cơ quan Thuế; Cơ quan Hải quan; ngoài ra còn một số các cơ quan khác cũng được giao nhiệm vụ thu. Các cơ quan này có trách nhiệm kiểm soát các nguồn thu ngân sách nhà nước, xác định và thông báo số phải nộp cho các pháp nhân và thể nhân.

Sở Tài chính Hà Nội là đầu mối quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội, phối hợp với Cục Thuế Hà Nội; Cục Hải quan Hà Nội và chính quyền các địa phương tổ chức thực hiện thu ngân sách trên địa bàn Hà Nội. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước;

đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

**Bảng 3.2. Thu ngân sách theo quận huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Quận, Huyện      | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|-----|------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1   | Quận Ba Đình     | 1069 | 1506 | 1770 | 1884 | 1805 | 2198 | 4917 | 6191 |
| 2   | Quận Hoàn Kiếm   | 1086 | 1384 | 1681 | 1596 | 1509 | 1704 | 4547 | 5649 |
| 3   | Quận Tây Hồ      | 822  | 978  | 1002 | 975  | 986  | 1415 | 1377 | 1861 |
| 4   | Quận Long Biên   | 1386 | 2027 | 2136 | 3380 | 3475 | 4171 | 3269 | 3968 |
| 5   | Quận Cầu Giấy    | 1616 | 2213 | 2427 | 2630 | 2594 | 2234 | 4655 | 5857 |
| 6   | Quận Đống Đa     | 1113 | 1747 | 1845 | 1796 | 1800 | 2021 | 4937 | 6705 |
| 7   | Q. Hai Bà Trưng  | 1286 | 1860 | 2212 | 2286 | 2011 | 2317 | 4354 | 5761 |
| 8   | Quận Hoàng Mai   | 1308 | 1670 | 1881 | 1990 | 1959 | 2346 | 2689 | 4519 |
| 9   | Quận Thanh Xuân  | 883  | 1516 | 1824 | 1819 | 1944 | 2610 | 3310 | 4528 |
| 10  | Huyện Sóc Sơn    | 967  | 1493 | 1650 | 1572 | 1632 | 1861 | 1233 | 1362 |
| 11  | Huyện Đông Anh   | 1354 | 2120 | 2119 | 1686 | 1805 | 2077 | 1588 | 1773 |
| 12  | Huyện Gia Lâm    | 846  | 1258 | 1250 | 1103 | 1180 | 1456 | 1159 | 1247 |
| 13  | Q. Nam Từ Liêm   | 1906 | 2368 | 2287 | 2091 | 1246 | 2276 | 3925 | 6455 |
| 14  | Huyện Thanh Trì  | 834  | 1201 | 1317 | 1670 | 1584 | 1555 | 1154 | 1752 |
| 15  | Quận Bắc Từ Liêm |      |      |      |      | 1307 | 1857 | 2448 | 3547 |
| 16  | Huyện Mê Linh    | 771  | 941  | 1080 | 1073 | 1075 | 1238 | 1005 | 996  |
| 17  | Quận Hà Đông     | 2817 | 2930 | 2897 | 2476 | 2407 | 2389 | 2614 | 3172 |
| 18  | Thị Xã Sơn Tây   | 593  | 838  | 927  | 948  | 972  | 1119 | 809  | 747  |
| 19  | Huyện Ba Vì      | 920  | 1310 | 1580 | 1775 | 1602 | 2221 | 1441 | 1243 |
| 20  | Huyện Phúc Thọ   | 764  | 820  | 958  | 1013 | 997  | 1181 | 778  | 846  |
| 21  | H. Đan Phượng    | 851  | 1041 | 901  | 1174 | 963  | 1199 | 750  | 752  |
| 22  | Huyện Hoài Đức   | 1638 | 1756 | 1384 | 1100 | 1204 | 1251 | 928  | 1295 |
| 23  | Huyện Quốc Oai   | 875  | 979  | 973  | 1069 | 1076 | 1385 | 1082 | 1018 |
| 24  | Huyện Thạch Thất | 685  | 820  | 943  | 1085 | 1018 | 1260 | 951  | 956  |
| 25  | Huyện Chương Mỹ  | 1070 | 1272 | 1448 | 1457 | 1465 | 1668 | 1151 | 1320 |
| 26  | Huyện Thanh Oai  | 643  | 846  | 996  | 1082 | 1015 | 1188 | 898  | 963  |
| 27  | Huyện Thường Tín | 738  | 1016 | 1271 | 1432 | 1342 | 1372 | 927  | 1097 |
| 28  | Huyện Phú Xuyên  | 723  | 930  | 1157 | 1219 | 1225 | 1398 | 919  | 935  |
| 29  | Huyện Ứng Hòa    | 696  | 1041 | 1331 | 1340 | 1229 | 1398 | 929  | 952  |
| 30  | Huyện Mỹ Đức     | 896  | 1019 | 1279 | 1310 | 1389 | 1524 | 1083 | 1179 |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Sở Tài chính Hà Nội và Kho bạc Nhà nước phối hợp với ngành thuế và các cơ quan được giao nhiệm vụ thu để tổ chức thực hiện thu nộp cho ngân sách nhà nước và trích chuyển kịp thời các khoản thu giữa các cấp ngân sách nhà nước theo quy định. Sở tài chính phối hợp với cơ quan thuế, hải quan rà soát các khoản thu, đôn đốc nộp các khoản thu nợ đọng, tăng cường kiểm tra, thanh tra, chống thất thoát thu ngân sách; đảm bảo thu ngân sách đạt được kết quả cao nhất; nhất là các khoản thu đạt thấp như: thu từ khu vực DNNN trung ương, khu vực DNNN địa phương, khu vực doanh nghiệp



có vốn đầu tư nước ngoài, cần quyết liệt để phấn đấu hoàn thành dự toán đã giao, đảm bảo cân đối ngân sách.

UBND các quận, huyện, thị xã trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán quận, huyện, thị xã, đồng thời căn cứ Nghị quyết HĐND, giao nhiệm vụ thu ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc quận, huyện, thị xã và ngân sách cấp dưới, đảm bảo các cấp ngân sách hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước 31/12 hàng năm.

Đối với nhiệm vụ thu ngân sách theo quận huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội các cấp, các ngành đã tiến hành phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan trên cơ sở nguyên tắc thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định; triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế theo luật định và đúng quy trình; tăng cường sự phối hợp các cơ quan liên quan trong công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, đảm bảo đúng quy định, hiệu quả cao. Đồng thời, các quận huyện cũng tiến hành đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh để nuôi dưỡng nguồn thu. Qua số liệu thu thập được từ Sở tài chính Hà Nội tình hình thu của các quận huyện trên địa bàn thành phố có xu hướng tăng qua các năm, đóng góp quan trọng trong tổng thu ngân sách của Thành phố. Một số quận như Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, là những quận có số thu lớn, hay quận Bắc Từ Liêm một quận mới thành lập, nhưng số thu cũng tăng qua các năm. (Bảng 3.2)

Sở Tài chính Hà Nội dự thảo phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách thuộc thành phố Hà Nội; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; chế độ thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật để trình UBND và Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội tăng mạnh từ 108.301 tỷ đồng đến 225.528 tỷ đồng trong giai đoạn 2010 - 2017. Tuy nhiên, con số này lại giảm đột ngột xuống còn 179.054 tỷ đồng vào năm 2016. Sau đó có dấu hiệu phục hồi từ năm 2017 khi mà tổng thu ngân sách tăng lên đến 206.435 tỷ đồng. Thu nội địa chiếm phần lớn trong tổng thu ngân sách và có chiều hướng tăng dần qua các năm từ 121.245 tỷ đồng đến 185.590 tỷ đồng trong giai đoạn 2012-2017. Riêng năm 2014, thu nội địa giảm mạnh chỉ còn 112.200 tỷ đồng. Thu từ hoạt động hải quan cũng tăng dần qua các năm từ 10.562 tỷ đồng năm đến 18.165 tỷ đồng trong giai đoạn 2010 – 2017, riêng năm 2012 thu từ hoạt động hải quan giảm xuống 9.136 tỷ đồng. Nguồn thu ngân sách từ hoạt động dầu thô cho thấy nhiều biến động qua các năm. Tổng thu từ dầu thô đạt 3.317 tỷ đồng vào năm 2010, tăng lên 15.320 tỷ đồng vào năm 2012. Sau đó thu ngân sách từ dầu thô giảm dần năm 2013 còn 10.972 tỷ đồng, năm 2014 là 6.500 tỷ đồng, năm 2015 là 3.750 tỷ đồng, năm 2016 là 1.938 tỷ đồng, năm 2017 tăng lên thành 2.334 tỷ đồng (Bảng 3.3).

Mặc dù thu NSNN của Hà Nội tăng trưởng qua các năm nhưng tình trạng thất thu thuế vẫn xảy ra. Thất thu về thuế ngoài quốc doanh là khoản thất thu rất lớn từ 25 - 30%, tập trung vào các đối tượng kinh doanh nhỏ, kinh doanh online, lĩnh vực ăn uống, dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn. Mặt khác, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn có thủ đoạn mua bán hóa đơn kê, khai khống chứng từ, lập hồ sơ giả để nhằm mục đích được hưởng các khoản hoàn thuế. Theo báo cáo Cục thuế thành phố Hà Nội trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 2 năm (2014 - 2015) đã có hơn 30 doanh nghiệp lớn và hàng chục doanh nghiệp nhỏ làm thủ tục xin hoàn thuế, nhưng không đúng thực chất làm thất thoát nguồn thu gần 2 tỷ đồng. Hiện nay, có hơn 2.800 đơn vị tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố thường xuyên sử dụng ấn chỉ thuế và hàng trăm lượt hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn lẻ. Nhưng đơn vị nghiêm túc thực hiện chiếm tỷ lệ 82% và số đơn vị đã để mất hoá đơn, cơ quan thuế đã xử lý chiếm 5%. Điều này cho thấy nhiều đơn vị đã tìm mọi cách để trốn thuế mà ngành thuế khó có thể kiểm soát được.

**Bảng 3.3. Tổng hợp thu NSNN trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| Năm   | 2010    | 2011    | 2012    | 2013    | 2014    | 2015          | 2016    | 2017       |
|---|---------|---------|---------|---------|---------|---------------|---------|------------|
| <b>TỔNG THU</b>                                       | 108.301 | 121.919 | 145.701 | 164.050 | 130.100 | 225.528       | 179.054 | 206.435    |
| <b>I. Thu nội địa</b>                                 | 94.422  | 105.179 | 121.245 | 142.189 | 112.200 | 145.129       | 160.171 | 185.590    |
| Thu từ doanh nghiệp nhà nước                          | 43.920  | 44.253  | 53.456  | 67.710  | 42.335  | 46.565        | 44.144  | 46.034     |
| Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài                    | 11.315  | 13.619  | 14.908  | 16.809  | 17.700  | 17.614        | 18.963  | 21.883     |
| Thu từ khu vực công, thương nghiệp, DV ngoài nhà nước | 11.308  | 14.104  | 14.888  | 14.902  | 16.865  | 22.756        | 27.914  | 34.536     |
| Lệ phí trước bạ                                       | 3.787   | 4.839   | 2.250   | 2.806   | 3.200   | 5.450         | 6.387   | 5.762      |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                      | 103     | 218     | 270     | 345     | 320     | 369           | 386     | 444        |
| Thuế thu nhập cá nhân                                 | 5.873   | 8.707   | 10.309  | 10.399  | 10.500  | 12.624        | 14.426  | 17.366     |
| Thuế môi trường                                       | 1.352   | 1.288   | 1.580   | 1.336   | 1.500   | 3.297         | 4.954   | 5.375      |
| Thu phí, lệ phí                                       | 3.040   | 3.430   | 5.937   | 4.093   | 4.800   | 10.360        | 5.807   | 13.834     |
| Tiền sử dụng đất                                      | 10.530  | 9.224   | 11.841  | 12.131  | 12.900  | 13.731        | 26.220  | 30.608     |
| Các khoản thu khác                                    | 3.194   | 5.497   | 5.806   | 11.658  | 2.080   | 12.363        | 10.970  | 9.748      |
| <b>II. Thu từ dầu thô</b>                             | 3.317   | 5.742   | 15.320  | 10.972  | 6500    | 3.750         | 1.938   | 2.334      |
| <b>III. Thu từ hải quan</b>                           | 10.562  | 10.998  | 9.136   | 10.889  | 11.400  | 15.681        | 16.945  | 18.165     |
| Thuế XNK, thuế TTĐB hàng                              | 2.901   | 3.416   | 2.798   | 3.278   | 3.653   | 5.702         | 5.526   | 5.800      |
| Thuế VAT hàng nhập khẩu                               | 7.661   | 7.582   | 6.338   | 7.611   | 7.747   | 9.872         | 11.302  | 12.365     |
| Các khoản thu khác                                    | -       | -       | -       | -       | -       | 107           | 117     | -          |
| <b>IV. Thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại</b>         | -       | -       | -       | -       | -       | <b>60.968</b> | -       | <b>346</b> |

*Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội 2017*

Trước tình trạng thất thu thuế nói trên, Sở Tài chính Hà Nội, với vai trò quản lý nhà nước của mình, đã tăng cường các hoạt động chống thất thu thuế; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và các ngành trong cải cách hành chính, tạo điều kiện cho việc thành lập và điều hành doanh nghiệp; thúc đẩy các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn, đặc biệt là hóa đơn điện tử khi bán hàng, cung cấp dịch vụ; thường xuyên theo dõi, cập nhật tham mưu kịp thời hệ số điều chỉnh bảng giá đất, giá tính thuế tài nguyên đảm bảo tiệm cận giá thực tế thị trường.

Sở Tài chính cũng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý việc thực hiện kê khai giá, niêm yết giá; kiểm tra xử lý các tổ chức cá nhân vi phạm chế độ kế toán, thống kê, hóa đơn chứng từ; phối hợp chặt chẽ với Cục Thuế thành phố đôn đốc các doanh nghiệp, các chủ đầu tư các dự án kịp thời nộp nghĩa vụ thuế đầy đủ, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm nợ đọng thuế

Tuy nhiên, trong hoạt động quản lý thu của Sở Tài chính Hà Nội cũng tồn tại một số hạn chế. Điển hình như việc thu và sử dụng trái quy định tiền thu ngân sách đã được Thanh tra Nhà nước làm rõ. Sở Tài chính Hà Nội là đơn vị không có chức năng thu, quản lý nguồn thu ngân sách, nhưng đã thực hiện việc thu, quản lý và sử dụng các khoản thu với số tiền 2.955.358,53 triệu đồng, gồm: Tiền sử dụng đất, tiền chênh lệch giữa giá bán nhà và giá thành xây dựng, khoản thu từ bán nhà chung cư của các dự án khu nhà ở, khu đô thị bàn giao cho thành phố... Đồng thời, trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính Hà Nội, UBND Thành phố đã cho phép sử dụng nguồn thu này (từ tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính) để chi gồm các nội dung như: Chi hoàn trả vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển thành phố số tiền 400 tỷ đồng; chi hoàn trả vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất thành phố số tiền 215 tỷ đồng; chi hoàn trả kinh phí bảo trì 2%, số tiền 44,9 tỷ đồng... là thực hiện không đúng chức năng, không đúng quy định về quản lý ngân sách; vi phạm Luật Ngân sách. [1]

#### **3.3.4. Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phân cấp**

Chấp hành chi ngân sách nhà nước là quá trình tổ chức và quản lý các khoản chi của ngân sách nhà nước. Tham gia vào chấp hành chi ngân sách gồm có các đơn vị sử dụng vốn ngân sách.

Việc phân bổ dự toán hàng năm theo đúng quy trình và thời hạn quy định, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, rà soát kỹ các nhiệm vụ chi ngoài định mức khoán chi, không bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chưa thật sự cấp bách. Các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính tạo nguồn cải cách tiền lương, bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ. Đảm bảo kinh phí cho các cấp, các ngành thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành ngay từ đầu năm, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội, các chính sách đối với hộ nghèo, cận nghèo của Thành phố; đảm bảo hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Các quận, huyện, thị xã phân bổ chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục

đào tạo không thấp hơn dự toán Thành phố giao, đảm bảo bố trí đủ kinh phí để thực hiện các chính sách mới của Thành phố.

Trong quản lý chi ngân sách theo quận, huyện phải căn cứ dự toán phân bổ kinh phí theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ngân sách Thành phố không thanh toán các khoản chi vượt kế hoạch hoặc không có chủ trương của UBND thành phố. Thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi theo tiến độ thu; khi nguồn thu của ngân sách cấp mình chưa kịp thời, thực hiện chi theo nguyên tắc ưu tiên đảm bảo nguồn chi lương, phụ cấp, các chế độ an sinh, xã hội và đảm bảo hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị.

**Bảng 3.4. Chi ngân sách theo quận huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Quận, Huyện       | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|-----|-------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1   | Quận Ba Đình      | 488  | 759  | 1046 | 1304 | 1223 | 1345 | 1949 | 1987 |
| 2   | Quận Hoàn Kiếm    | 907  | 1255 | 1412 | 1406 | 1328 | 1582 | 1746 | 1415 |
| 3   | Quận Tây Hồ       | 620  | 742  | 867  | 821  | 827  | 918  | 1106 | 1135 |
| 4   | Quận Long Biên    | 1128 | 1477 | 1680 | 2094 | 3254 | 1926 | 4352 | 2094 |
| 5   | Quận Cầu Giấy     | 1002 | 1317 | 2206 | 2457 | 2414 | 1959 | 2646 | 1789 |
| 6   | Quận Đống Đa      | 681  | 1071 | 1268 | 1408 | 1467 | 1174 | 1755 | 1844 |
| 7   | Quận Hai Bà Trưng | 986  | 1500 | 1591 | 1973 | 1923 | 1954 | 1972 | 1760 |
| 8   | Quận Hoàng Mai    | 793  | 947  | 1122 | 1480 | 1590 | 1272 | 2115 | 2492 |
| 9   | Quận Thanh Xuân   | 633  | 867  | 1014 | 1022 | 998  | 1011 | 1769 | 1586 |
| 10  | Huyện Sóc Sơn     | 825  | 1352 | 1612 | 1529 | 1592 | 1797 | 1701 | 2409 |
| 11  | Huyện Đông Anh    | 1158 | 1894 | 2103 | 1674 | 1766 | 1924 | 1739 | 2347 |
| 12  | Huyện Gia Lâm     | 813  | 1218 | 1225 | 1087 | 1135 | 1328 | 1521 | 1895 |
| 13  | Q. Nam Từ Liêm    | 1354 | 1919 | 2076 | 1845 | 1010 | 1919 | 2306 | 2308 |
| 14  | Huyện Thanh Trì   | 780  | 1115 | 1179 | 1474 | 1504 | 1457 | 1281 | 2127 |
| 15  | Quận Bắc Từ Liêm  |      |      |      |      | 1046 | 1524 | 1720 | 2113 |
| 16  | Huyện Mê Linh     | 712  | 847  | 972  | 1027 | 1013 | 1047 | 1085 | 1579 |
| 17  | Quận Hà Đông      | 1367 | 1452 | 1793 | 1592 | 1920 | 1985 | 2019 | 2114 |
| 18  | Thị Xã Sơn Tây    | 542  | 798  | 890  | 912  | 925  | 984  | 1082 | 1309 |
| 19  | Huyện Ba Vì       | 917  | 1306 | 1579 | 1773 | 1598 | 2116 | 1948 | 2634 |
| 20  | Huyện Phúc Thọ    | 743  | 787  | 946  | 1000 | 983  | 1168 | 1049 | 1616 |
| 21  | Huyện Đan Phượng  | 832  | 1004 | 888  | 1145 | 938  | 1172 | 952  | 1266 |
| 22  | Huyện Hoài Đức    | 1116 | 1189 | 1260 | 1050 | 1181 | 1222 | 1344 | 1841 |
| 23  | Huyện Quốc Oai    | 870  | 974  | 974  | 1069 | 1075 | 1308 | 1471 | 2040 |
| 24  | Huyện Thạch Thất  | 649  | 773  | 910  | 1040 | 980  | 1189 | 1242 | 1760 |
| 25  | Huyện Chương Mỹ   | 957  | 1155 | 1343 | 1411 | 1435 | 1626 | 1462 | 2311 |
| 26  | Huyện Thanh Oai   | 620  | 783  | 964  | 1034 | 999  | 1176 | 1134 | 1614 |
| 27  | Huyện Thường Tín  | 702  | 982  | 1141 | 1363 | 1283 | 1323 | 1190 | 1782 |
| 28  | Huyện Phú Xuyên   | 713  | 917  | 1133 | 1191 | 1202 | 1311 | 1227 | 1744 |
| 29  | Huyện Ứng Hòa     | 626  | 983  | 1314 | 1305 | 1211 | 1336 | 1213 | 2770 |
| 30  | Huyện Mỹ Đức      | 878  | 1004 | 1262 | 1289 | 1383 | 1520 | 1375 | 2229 |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Trường hợp thu ngân sách quận, huyện, thị xã được hưởng thực hiện vượt dự toán, phải sử dụng tối thiểu 50% (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) để thực hiện cải cách tiền lương; 50% còn lại chủ động thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách quan trọng được cấp có thẩm quyền quyết định theo chế độ quy định. Trường hợp thu ngân sách quận, huyện, thị xã được hưởng theo phân cấp không đạt dự toán, phải giảm chi tương ứng. Đối với các nội dung chi có liên quan chặt chẽ với các sở, ngành (hỗ trợ thủy lợi phí, kinh phí thực hiện chương trình nông thôn mới, tổ chức chi trả các chính sách, chế độ về an sinh xã hội...), các quận, huyện, thị xã chủ động phối hợp với các Sở, ngành liên quan để triển khai ngay từ đầu năm. Kết thúc năm ngân sách, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đối chiếu số liệu với KBNN; tập trung hoàn tất các hồ sơ thanh toán của các khoản tạm ứng trong thời gian chỉnh lý quyết toán, hoàn trả ngân sách các khoản chi không thực hiện hoặc không đủ chứng từ thanh toán.

Trong những năm gần đây thu chi ngân sách quận huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đạt kết quả khá. Trong năm 2016, thu ngân sách quận huyện bằng 111% dự toán; chi ngân sách quận huyện bằng 101% dự toán. Năm 2017, chi ngân sách quận huyện trên địa bàn Hà Nội theo quyết toán là 57,910,916 triệu đồng đạt 130,7% dự toán, nhưng chi bổ sung cho ngân sách huyện là 20,128,677 triệu đồng bằng 99,8% dự toán; bên cạnh đó tổng thu ngân sách địa phương đạt 176,4% so với dự toán. Thể hiện sự nỗ lực lớn trong tác thu, chi ngân sách tại các quận, huyện, thị xã và thành phố, thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Các quận, huyện, thị xã và các đơn vị đã nỗ lực trong việc thực hiện đúng, kịp thời chế độ công khai tài chính, ngân sách theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn của Sở tài chính.

Trong quản lý chi ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội đã định hướng bố trí nguồn chi ngân sách nhà nước theo hướng: Bố trí đảm bảo chi trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn các khoản thành phố đã huy động, cho đầu tư phát triển; quản lý chặt chẽ các khoản vay. Trong các khoản chi ngân sách, ưu tiên bố trí vốn kế hoạch cho đầu tư phát triển, đảm bảo các nguyên tắc cân đối ngân sách, các quy định hiện hành về quản lý ngân sách cho chi đầu tư phát triển; đảm bảo hài hòa giữa khu vực nông thôn và khu vực đô thị. Giảm tỷ trọng chi thường xuyên, ưu tiên bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội đã ban hành, các nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng an ninh; giáo dục, y tế.... Bố trí dự phòng ngân sách ở mức hợp lý để sẵn sàng và đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách thành phố.

Sở Tài chính Hà Nội tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội yêu cầu các Sở, Ban, Ngành và UBND các địa phương rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài. Đồng thời, sẽ tiết kiệm các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang

thiết bị đắt tiền, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm các chi phí không cần thiết và không còn phù hợp để cơ cấu lại các khoản chi NSNN theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

Kết thúc năm ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội yêu cầu các Sở, Ban, Ngành, các Chủ đầu tư, UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đối chiếu số liệu với KBNN và báo cáo kết quả cho Sở Tài chính Hà Nội; Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị tập trung hoàn tất các hồ sơ thanh toán của các khoản tạm ứng trong thời gian chỉnh lý quyết toán, hoàn trả ngân sách các khoản chi không thực hiện hoặc không đủ chứng từ thanh toán.

**Bảng 3.5. Chi ngân sách nhà nước tại Hà Nội giai đoạn 2010-2017**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  | 2010   | 2011   | 2012   | 2013   | 2014   | 2015    | 2016    | 2017    |
|--|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|
| <b>TỔNG SỐ - TOTAL (A+B)</b>                     | 72.622 | 81.689 | 93.137 | 80.617 | 52.509 | 111.678 | 130.578 | 126.099 |
| <b>A. Chi cân đối ngân sách địa phương</b>       | 70.524 | 79.199 | 90.009 | 76.735 | 52.509 | 108.587 | 127.157 | 98.511  |
| <i>I. Chi đầu tư phát triển</i>                  | 21.468 | 23.758 | 26.575 | 29.449 | 21.798 | 26.967  | 28.409  | 34.163  |
| Trong đó: Chi đầu tư XD CB                       | 20.780 | 22.734 | 24.364 | 28.803 | 20.567 | 26.503  | 28.156  | 30.945  |
| <i>II. Chi trả nợ (gốc, lãi)</i>                 | 1.249  | 577    | 10     | 11     | -      | 746     | 4.439   | 595     |
| <i>III. Chi thường xuyên</i>                     | 18.652 | 22.661 | 29.669 | 32.297 | 30.701 | 35.358  | 35.695  | 39.497  |
| 1. Chi an ninh, quốc phòng                       | 881    | 1.118  | 1.462  | 1.435  | 999    | 1.433   | 1.717   | 1.920   |
| 2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề   | 4.926  | 6.505  | 8.740  | 9.307  | 8.978  | 9.988   | 10.979  | 12.721  |
| 3. Chi sự nghiệp y tế, dân số và KHHGD           | 1.248  | 2.071  | 2.610  | 2.684  | 2.984  | 2.957   | 3.062   | 2.978   |
| 4. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ             | 145    | 198    | 204    | 245    | 258    | 262     | 180     | 217     |
| 5. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường               | 1.016  | 1.418  | 1.862  | 2.080  | 1.999  | 2.456   | 2.193   | 1.925   |
| 6. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin               | 559    | 565    | 514    | 581    | 626    | 812     | 760     | 956     |
| 7. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình         | 59     | 62     | 65     | 68     | 59     | 175     | 166     | 123     |
| 8. Chi sự nghiệp thể dục thể thao                | 341    | 386    | 503    | 641    | 552    | 515     | 534     | 631     |
| 9. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội                  | 1.247  | 1.348  | 1.773  | 1.915  | 2.112  | 2.194   | 2.274   | 3.009   |
| 10. Chi sự nghiệp kinh tế                        | 3.376  | 3.674  | 5.030  | 5.852  | 5.271  | 6.551   | 5.248   | 6.698   |
| 11. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể       | 3.336  | 4.181  | 5.265  | 5.644  | 4.640  | 6.244   | 6.822   | 7.428   |
| 12. Chi trợ giá mặt hàng chính sách              | 1.102  | 992    | 1.229  | 1.243  | 1.130  | 1.123   | 1.060   | -       |
| 13. Chi thường xuyên khác                        | 416    | 143    | 412    | 602    | 1093   | 648     | 700     | 891     |
| <i>IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</i>      | 10     | 10     | 11     | 10     | 10     | 10      | 10      | 10      |
| <i>V. Chi chuyển nguồn</i>                       | 17.576 | 20.692 | 20.360 | 14.880 | -      | 23.437  | 34.339  | 24.246  |
| <i>VI. Chi khác ngân sách</i>                    | 11.569 | 11.501 | 13.361 | 82     | -      | 22.069  | 24.265  | ...     |
| <b>B. Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách</b> | 2.098  | 2.490  | 3.128  | 3.882  | -      | 3.091   | 3.421   | ...     |

*Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội 2017*

Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội, Sở Tài chính đã có những biện pháp tăng cường quản lý giám sát đầu tư xây dựng cơ bản, không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí. Sở Tài chính Hà Nội tham gia quá trình lập dự toán đầu tư xây dựng cơ bản của các chủ đầu tư, đảm bảo lập dự toán được chính xác và tuân thủ đầy đủ các quy định; Sở Tài chính Hà Nội là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đấu giá, đấu thầu thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo dự toán được duyệt, đảm bảo công tác đấu thầu được công khai, minh bạch, tiết kiệm được chi ngân sách. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Sở Tài chính hướng dẫn các chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan về các thủ tục tạm ứng, thanh toán, giải ngân vốn theo đúng quy định; Khi dự án hoàn thành, Sở Tài chính sẽ chủ trì thực hiện quyết toán vốn với chủ đầu tư đảm bảo chính xác và kịp thời, tránh tình trạng nợ đọng vốn.

Với chủ trương tiết kiệm - chi tiêu, tăng hiệu quả chi ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội đã tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách ở tất cả các khâu, các lĩnh vực trên địa bàn Hà Nội. Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội có chiều hướng tăng dần qua các năm: từ 72.622 tỷ đồng trong năm 2010 tới 130.578 tỷ đồng trong năm 2016. Tổng chi ngân sách sụt giảm mạnh xuống còn 126.099 tỷ đồng vào năm 2017, điều này tương ứng với chính sách thắt chặt chi ngân sách của Hà Nội (*Bảng 3.5*).

Chi thường xuyên chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Chi thường xuyên bao gồm các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ; các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; các hoạt động sự nghiệp y tế; các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; cùng các hoạt động sự nghiệp khác. Chi cho các hoạt động thường xuyên này tăng dần qua các năm, từ 18.652 tỷ đồng lên đến 39.497 tỷ đồng trong giai đoạn 2010-2017 (*Bảng 3.5*).

Chi đầu tư phát triển cũng chiếm tỉ trọng lớn trong tổng chi ngân sách nhà nước. Chi đầu tư phát triển bao gồm đầu tư lĩnh vực thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, đầu tư mới các công trình công viên, vườn hoa, cây xanh, hồ nước, lĩnh vực giao thông, đầu tư công trình vệ sinh môi trường... Chi đầu tư phát triển cũng cho thấy sự tăng dần qua các năm, từ 21.468 tỷ đồng vào năm 2010 đến 34.163 tỷ đồng vào năm 2017. Chi đầu tư phát triển tăng với số lượng ít hơn so với chi thường xuyên (*Bảng 3.5*).

Nhằm tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, Hà Nội là một trong các địa phương đi đầu trong việc thí điểm khoán xe công tại 8 sở, ngành, quận, huyện. Sở Tài chính đã tham mưu và là đầu mối phối hợp với các Sở liên quan hướng dẫn 8 đơn vị thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô và các lái xe theo đúng các quy định.; việc thí điểm khoán kinh phí sử dụng ô tô công tại 8 đơn vị trên địa bàn, kết quả đạt được kết quả tích cực. Sở Tài chính cũng đã phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai mua sắm

tập trung theo phương thức đấu thầu tập trung, đảm bảo công khai, minh bạch, giúp thành phố tiết kiệm được gần 400 tỷ đồng.

Sở Tài chính Hà Nội chủ trì phối hợp và hướng dẫn các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, thị xã... mua sắm phần mềm quản lý tài sản cho các đơn vị trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, thu thập hồ sơ, thông tin về tài sản công đối với các loại tài sản là nhà đất, vật kiến trúc, xe ô tô, tài sản cố định khác đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định để cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản tại đơn vị. Yêu cầu đơn vị cung cấp phần mềm tổ chức hội nghị tập huấn lại hoặc hỗ trợ, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cập nhật đầy đủ dữ liệu tài sản công hiện có vào phần mềm quản lý tài sản theo đúng quy định. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị thực hiện cập nhật, đồng bộ toàn bộ dữ liệu tài sản công do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đang sử dụng vào phần mềm quản lý tài sản tại đơn vị lên cơ sở dữ liệu tài sản công thành phố Hà Nội. Sở Tài chính là đầu mối quản lý cơ sở dữ liệu tài sản công để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo trước kỳ họp HĐND thành phố. Đối với các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, thị xã chưa mua sắm phần mềm quản lý tài sản cho các đơn vị trên địa bàn thì liên hệ với Sở Tài chính để phối hợp triển khai phần mềm quản lý tài sản công cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện báo cáo điện tử về tài sản công, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu tài sản công thành phố Hà Nội. Sở Tài chính Hà Nội chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, thu thập hồ sơ, thông tin về tài sản công để cập nhật vào phần mềm sau khi được đào tạo, hướng dẫn sử dụng.

### **3.3.5. Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước**

Cân đối thu chi ngân sách là hoạt động rất cần thiết trong quản lý ngân sách, qua đó đảm bảo các nguồn thu đi đôi với tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi ngân sách sao cho có sự cân đối, tránh tình trạng thâm hụt ngân sách.

UBND thành phố Hà Nội đã chỉ đạo các đơn vị chức năng thực hiện các biện pháp đốc thúc và đẩy mạnh thu ngân sách, kết hợp với thực hiện quản lý chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng dự toán được giao. Sở Tài chính Hà Nội được giao nhiệm vụ rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài. Đồng thời, sẽ tiết kiệm các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm các chi phí không cần thiết và không còn phù hợp để cơ cấu lại các khoản chi NSNN theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

Trên cơ sở ý kiến tham mưu của Sở Tài chính, UBND thành phố Hà Nội cũng chỉ đạo các đơn vị dự toán ngân sách điều chỉnh việc lập dự toán NSNN phù hợp với những thay đổi dự kiến của tình hình kinh tế, nhất là biến động về tăng trưởng GDP,



hoạt động xuất nhập khẩu và giá cả; quyết liệt chỉ đạo đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát trong quản lý thu, nhất là chống thất thu thuế, tập trung xử lý các khoản nợ đọng thuế. Bên cạnh đó, triển khai các biện pháp siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cấp về thu, chi NSNN; phối hợp các bộ, ngành rà soát để loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả...

**Bảng 3.6. Tổng hợp cân đối thu chi NSNN Hà Nội thời kỳ 2010 – 2017**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

| STT      | Chỉ tiêu                               | 2010           | 2011           | 2012           | 2013           | 2014           | 2015           | 2016           | 2017           |
|----------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>A</b> | <b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>           | <b>108,301</b> | <b>121,919</b> | <b>145,701</b> | <b>164,050</b> | <b>130,100</b> | <b>225,528</b> | <b>179,054</b> | <b>206,435</b> |
| 1        | Thu nội địa                            | 94,422         | 105,179        | 121,245        | 142,189        | 112,200        | 145,129        | 160,171        | 185,590        |
| 2        | Thu từ dầu thô                         | 3,317          | 5,742          | 15,320         | 10,972         | 6,500          | 3,750          | 1,938          | 2,334          |
| 3        | Thu cân đối từ hoạt động XNK           | 10,562         | 10,998         | 9,136          | 10,889         | 11,400         | 15,681         | 16,945         | 18,165         |
| 4        | Thu từ cổ tức và lợi nhuận còn lại     | -              | -              |                |                |                | 60,968         | -              | 346            |
| <b>B</b> | <b>TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN</b>           | <b>72,622</b>  | <b>81,689</b>  | <b>93,137</b>  | <b>80,617</b>  | <b>52,509</b>  | <b>111,678</b> | <b>130,578</b> | <b>126,099</b> |
| 1        | Chi đầu tư phát triển                  | 21,468         | 23,758         | 26,575         | 29,449         | 21,798         | 26,967         | 28,409         | 34,163         |
| 2        | Chi trả nợ và viện trợ                 | 1,249          | 577            | 10             | 11             | -              | 746            | 4,439          | 595            |
| 3        | Chi thường xuyên                       | 18,652         | 22,661         | 29,669         | 32,297         | 30,701         | 35,358         | 35,695         | 39,497         |
| 5        | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính       | 10             | 10             | 11             | 10             | 10             | 10             | 10             | 10             |
| 6        | Chi chuyển nguồn                       | 17,576         | 20,692         | 20,360         | 14,880         | -              | 23,437         | 34,339         | 24,246         |
| 7        | Chi khác ngân sách                     | 11,569         | 11,501         | 13,361         | 82             | -              | 22,069         | 24,265         | ...            |
| 8        | Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách | 2,098          | 2,490          | 3,128          | 3,882          |                | 3,091          | 3,421          | ...            |
| <b>C</b> | <b>CÂN ĐỐI NSNN</b>                    | <b>35,679</b>  | <b>40,230</b>  | <b>52,564</b>  | <b>83,433</b>  | <b>77,591</b>  | <b>113,850</b> | <b>48,476</b>  | <b>80,336</b>  |

*Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội*

Với sự nỗ lực của Sở Tài chính và sự điều hành sát sao của UBND thành phố Hà Nội, việc cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đã từng bước được cải thiện và đem lại hiệu quả đáng kể. Trong suốt giai đoạn 2010 – 2017, Hà Nội luôn đạt mức thặng dư ngân sách và không phải sử dụng đến nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương. Tuy nhiên, nhìn chung tổng chi ngân sách vượt dự toán địa phương giao và không ngừng tăng lên, chủ yếu tập trung ở các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Theo công bố Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, tổng thu cân đối ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội trong năm 2017 đạt 206.435 tỷ đồng, bằng 115,3% so với năm 2016. Tổng chi cân đối ngân sách Nhà nước năm 2017 đạt 126.099 tỷ đồng, tương đương 96,5% so với năm 2016. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội tăng qua các năm từ 2010 đến 2017, hàng năm tỷ lệ thu ngân sách đều tăng so với năm trước. Trong khi đó, tổng chi có xu hướng giảm qua các năm

dẫn đến kết quả ngân sách nhà nước của Hà Nội luôn được bội thu, trong đó bội thu cao nhất đạt 113,850 tỷ vào năm 2015. Trong những năm qua Hà Nội tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, khai thác hiệu quả tiềm năng mà Hà Nội có được như du lịch, công nghiệp,... đời sống người dân trong những năm qua được cải thiện rõ nét, thu nhập người dân ngày càng tăng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cũng được nâng cao... Dù các khoản chi trong những năm qua đều vượt dự toán nhưng ngân sách nhà nước luôn đáp ứng đầy đủ và kịp thời được nhu cầu chi tiêu của địa phương.

**Bảng 3.7. Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp thành phố và chi ngân sách huyện năm 2019**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT        | Nội dung  | Dự toán           |
|------------|---|-------------------|
| <b>A</b>   | <b>NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ</b>  |                   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn thu ngân sách</b>  | <b>73.140.308</b> |
| 1          | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp                                    | 71.442.221        |
| 2          | Bổ sung từ ngân sách Trung ương   | 1.698.087         |
|            | - Bổ sung cân đối   | -                 |
|            | - Bổ sung có mục tiêu   | 1.698.087         |
| 3          | Thu từ quỹ dự trữ tài chính   |                   |
| 4          | Thu kết dư  |                   |
| 5          | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang                                 |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi ngân sách</b>  | <b>71.946.308</b> |
| 1          | Chi thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố                            | 52.954.612        |
| 2          | Chi bổ sung cho ngân sách huyện   | 18.991.696        |
| -          | Chi bổ sung cân đối   | 14.066.692        |
| -          | Chi bổ sung có mục tiêu   | 4.925.004         |
| 3          | Chi chuyển nguồn sang năm sau   |                   |
| <b>III</b> | <b>Bội thu (-) / Bội chi (+)</b>  | <b>-1.194.000</b> |
| <b>B</b>   | <b>NGÂN SÁCH QUẬN HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn thu ngân sách</b>  | <b>48.091.266</b> |
| 1          | Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp                              | 29.099.570        |
| 2          | Bổ sung từ ngân sách Thành phố  | 18.991.696        |
|            | - Bổ sung cân đối   | 14.066.692        |
|            | - Bổ sung có mục tiêu   | 4.925.004         |
| 4          | Thu kết dư  |                   |
| 5          | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang                                 |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi ngân sách</b>  | <b>48.091.266</b> |
| 1          | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện                                    | 48.091.266        |
| 2          | Chi bổ sung cho ngân sách xã  |                   |
| -          | Chi bổ sung cân đối   |                   |
| -          | Chi bổ sung có mục tiêu   |                   |
| 3          | Chi chuyển nguồn sang năm sau   |                   |

Nguồn: Quyết định số 6983/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội

Các khoản chi ngân sách nhà nước luôn vượt dự toán địa phương giao chứng tỏ thành phố Hà Nội đã hoàn thành tốt dự toán được giao, công tác chi ngân sách đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Mặc dù có những khoản chi vượt dự toán nhưng không cao thu ngân sách vẫn đáp ứng đầy đủ và kịp thời không để xảy ra tình trạng bội chi ngân sách.

Đồng thời, Sở Tài chính Hà Nội cũng triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài sản nhà nước, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đảm bảo nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng, bức xúc, các dự án trọng điểm, quan trọng của Thủ đô; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên giành nguồn chi đầu tư phát triển.

Theo công bố Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, tổng thu NSNN của thành phố Hà Nội trong năm 2017 đạt 206.435 tỷ đồng, bằng 115,3% so với năm 2016. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2017 đạt 126.099 tỷ đồng, tương đương 96,5% so với năm 2016. Hà Nội là thủ đô, là trung tâm kinh tế chính trị của cả nước, nơi tập trung nhiều doanh nghiệp lớn nên thu NSNN của Hà Nội luôn đạt và vượt kế hoạch, trong khi đó, theo tinh thần tiết kiệm chung của cả nước, Hà Nội cũng từng bước cắt giảm các khoản chi và do đó Hà Nội luôn đạt được thặng dư NSNN.

Qua số liệu tại *Bảng 3.7* có thể thấy dự toán cân đối thi, chi ngân sách cấp thành phố năm 2019 bội thu trên 1000 tỷ đồng trong đó thu ngân sách được hưởng theo phân cấp đạt trên 71.000 tỷ đồng. Đây là con số không nhỏ chứng tỏ sự quyết tâm và nỗ lực của Thành phố, của Sở Tài chính Hà Nội và các đơn vị chức năng. Ngân sách bổ sung từ Trung ương không nhiều, chỉ hơn 1.600 tỷ đồng cho các chương trình mục tiêu. Chi ngân sách theo nhiệm vụ chi của Thành phố đạt trên 52.900 tỷ đồng và chi bổ sung cho ngân sách địa phương đạt gần 19.000 tỷ đồng. Nhìn chung trong suốt 10 năm qua, thành phố Hà Nội luôn đạt thặng dư ngân sách và đóng góp cho ngân sách trung ương khá nhiều hàng năm. Đây là một thành công trong quản lý thu chi ngân sách của thành phố Hà Nội cần được phát huy.

### **3.3.6. Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước**

Sở Tài chính Hà Nội đã ban hành quy định về thanh tra chấp hành pháp luật tại các cơ quan quản lý NSNN trên địa bàn Hà Nội. Quy trình thanh tra được thực hiện qua các bước sau:

\* **Bước 1: Lập kế hoạch thanh tra hàng năm:** Trước ngày 5/12 hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn nội dung thanh tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra thành phố, nhiệm vụ trọng tâm của Sở Tài chính năm kế hoạch, Chánh Thanh tra lập Kế hoạch thanh tra cho năm sau trình Giám đốc Sở phê duyệt.

\* **Bước 2: Phê duyệt kế hoạch thanh tra:** Giám đốc Sở hoặc Phó Giám đốc Sở được ủy quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra năm sau trước ngày 15/12 và gửi về thanh tra Bộ Tài chính trước ngày 15/01 của năm sau.

\* **Bước 3: Ban hành Quyết định thanh tra:** Theo kế hoạch thanh tra được duyệt, Giám đốc Sở hoặc Chánh Thanh tra Sở ban hành Quyết định Thanh tra và thành lập Đoàn Thanh tra. Đối với các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu, chỉ đạo của UBND thành phố thì UBND thành phố ký Quyết định thành lập đoàn thanh tra liên ngành do thanh tra Sở Tài chính làm trưởng đoàn; đối với các cuộc thanh tra đột xuất do UBND thành phố giao Sở Tài chính chủ trì thì giám đốc Sở Tài chính ra Quyết định việc thành lập đoàn Thanh tra liên ngành.

\* **Bước 4: Công bố Quyết định thanh tra:** Trưởng đoàn thanh tra công bố Quyết định thanh tra cho đối tượng được thanh tra chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày ký Quyết định thanh tra.

\* **Bước 5: Tiến hành thanh tra:** Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn thanh tra, từng thành viên đoàn thanh tra thực hiện thanh tra từng phần việc được phân công, lập biên bản thanh tra và báo cáo kết quả cho Trưởng đoàn thanh tra. Thời hạn cuộc thanh tra chuyên ngành được tổ chức theo đoàn không quá 30 ngày tính từ ngày công bố Quyết định thanh tra đến khi kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra không kể ngày lễ, ngày nghỉ.

\* **Bước 6: Báo cáo kết quả từng phần việc được phân công:** Thành viên đoàn thanh tra: chậm nhất là 5 ngày kể từ khi kết thúc thanh tra phải có các biên bản về những nội dung thanh tra gửi cho Trưởng đoàn Thanh tra

\* **Bước 7: Tổng hợp kết quả và dự thảo kết luận thanh tra:** Trưởng đoàn thanh tra tổng hợp, lập báo cáo kết quả thanh tra và dự thảo kết luận thanh tra, trình người ra Quyết định thanh tra ký kết luận thanh tra chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc thanh tra.

\* **Bước 8: Ký kết luận thanh tra:** Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, người ký Quyết định thanh tra phải ban hành văn bản kết luận thanh tra.

\* **Bước 9: Công bố kết luận thanh tra:** Chậm nhất sau 10 ngày, người ra kết luận thanh tra có trách nhiệm công bố hoặc gửi kết luận thanh tra: Trưởng hợp cần thiết có thể uỷ quyền cho Chánh thanh tra (hoặc Trưởng đoàn thanh tra) công bố kết luận thanh tra tại đơn vị được thanh tra. Kết luận thanh tra được gửi tới Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp và đối tượng được thanh tra.

\* **Bước 10: Thực hiện kết luận thanh tra:** Đơn vị được thanh tra thực hiện các kiến nghị tại kết luận thanh tra và gửi báo cáo thực hiện kết luận thanh tra về thanh tra tài chính theo thời gian quy định tại biên bản thanh tra.

Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, người ra Quyết định thanh tra ký quyết định chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra trong thời hạn 5 ngày, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết. Cơ quan điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm do cơ quan thanh tra chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

Hàng năm Sở Tài chính cũng thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra điểm một số doanh nghiệp với các nội dung chấp hành việc kê khai giá, niêm yết giá và thực hiện mức giá đã kê khai. Điển hình là đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải, khi giá xăng dầu tăng, các doanh nghiệp này lập tức kê khai xin tăng giá nhưng khi giá xăng dầu giảm thì họ cố tình không giảm giá. Trước tình trạng đó, Sở Tài chính Hà Nội đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý Nhà nước về giá, kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với những hàng hóa thuộc danh mục bình ổn giá, kiểm tra các quy định về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### **3.3.7. Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước**

Sở Tài chính Hà Nội là đầu mối tiếp nhận và bám sát chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thành phố và Bộ Tài chính trong triển khai các nhiệm vụ tài chính ngân sách. Trong công tác điều hành tài chính ngân sách, Sở Tài chính phải phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Hà Nội, Kho bạc Nhà nước Hà Nội để làm tốt công tác điều hành thu, chi ngân sách, chuẩn bị các phương án tài chính cho giai đoạn sau.

Sở Tài chính có nhiệm vụ tham mưu cho thành phố xây dựng cơ chế, chính sách quản lý các doanh nghiệp trên địa bàn, chi phục vụ an sinh xã hội với tiêu chí minh bạch được ưu tiên hàng đầu. Sở Tài chính sẽ tập trung xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách trung hạn giai đoạn 2019 - 2021, thực hiện công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2018 theo hướng chủ động, tích cực, đảm bảo an sinh xã hội và cân đối ngân sách, hạn chế tối đa tình trạng phân bổ chậm tại các đơn vị.

Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước trong công tác thu và nhiệm vụ chi ngân sách, thường xuyên định kỳ trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu về ngân sách nhà nước theo từng thời điểm; Yêu cầu Kho bạc Nhà nước (KBNN) tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, sai chính sách, chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo, thống kê.

Trong công tác thu ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội đã phối hợp chặt chẽ với Cục Thuế; Cục Hải quan và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ thu. Sở đã tham mưu UBND thành phố Hà Nội thành lập Ban chỉ đạo đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế và nợ tiền sử dụng, thuê đất trên địa bàn, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nguồn vốn cho các dự án đấu giá quyền sử dụng đất...

Sở Tài chính Hà Nội đã phối hợp với các ngành, các địa phương thực hiện tốt các biện pháp để bảo đảm sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Tham mưu trong việc tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển; giảm chi đối với đơn vị sự nghiệp theo lộ trình đã được UBND thành phố phê duyệt. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ, hạn chế việc bổ sung kinh phí để mua sắm tài sản, phương tiện làm việc

không thật sự cần thiết; đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư với chi thường xuyên theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

Sở Tài chính thành phố Hà Nội cũng phối hợp với Công an thành phố Hà Nội, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai, vận hành phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu dân cư hỗ trợ cho công tác xây dựng dự toán kinh phí phục vụ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Đồng thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, triển khai, vận hành phần mềm dịch vụ công mức độ 4 đối với thủ tục đăng ký giá, kê khai giá thuộc phạm vi Sở Tài chính quản lý.

### 3.4. Kết quả quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội

#### 3.4.1. Mức độ hoàn thành dự toán thu

Hà Nội là thủ đô, nơi đóng trụ sở của các cơ quan Đảng và Nhà nước, nơi tập trung dân cư và các doanh nghiệp nên doanh số dự toán thu Trung ương giao năm sau bao giờ cũng cao hơn năm trước. Dù dự toán giao thu ngân sách năm sau đều tăng hơn năm trước nhưng Hà Nội vẫn cố gắng thu vượt dự toán. Đây là kết quả của việc triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách, đôn đốc thu hồi các khoản còn nợ đọng. Đồng thời, khai thác hiệu quả các nguồn thu từ đất đai, tài sản nhà nước, bảo đảm nguồn thu ổn định, vững chắc.

**Bảng 3.8. Mức độ hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

| Năm         | Tổng thu ngân sách trên địa bàn |                        |                          | Tổng thu ngân sách địa phương |                        |                          |
|-------------|---------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------|
|             | Dự toán<br>(tỷ đồng)            | Thực hiện<br>(tỷ đồng) | Mức độ hoàn thành<br>(%) | Dự toán<br>(tỷ đồng)          | Thực hiện<br>(tỷ đồng) | Mức độ hoàn thành<br>(%) |
| <b>2010</b> | 88,747                          | 108,301                | <b>122.03</b>            | 34,830                        | 66,619                 | <b>191.27</b>            |
| <b>2011</b> | 115,466                         | 121,918                | <b>105.59</b>            | 43,614                        | 76,663                 | <b>175.78</b>            |
| <b>2012</b> | 146,246                         | 145,701                | <b>99.63</b>             | 53,440                        | 84,583                 | <b>158.28</b>            |
| <b>2013</b> | 161,475                         | 164,050                | <b>101.59</b>            | 57,572                        | 83,002                 | <b>144.17</b>            |
| <b>2014</b> | 126,214                         | 165,403                | <b>131.05</b>            | 46,489                        | 79,802                 | <b>171.66</b>            |
| <b>2015</b> | 141,690                         | 225,528                | <b>159.17</b>            | 59,073                        | 94,552                 | <b>160.06</b>            |
| <b>2016</b> | 169,420                         | 179,054                | <b>105.69</b>            | 73,773                        | 119,817                | <b>162.41</b>            |
| <b>2017</b> | 204,772                         | 261,451                | <b>127.68</b>            | 78,539                        | 138,554                | <b>176.41</b>            |

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Năm 2010 dự toán thu ngân sách trên địa bàn là 88,747 tỷ đồng, năm 2011 115,466 tỷ đồng, năm 2012 là 146,246 tỷ đồng, năm 2013 là 161,475 tỷ đồng, năm 2014 là 126,214 tỷ đồng, năm 2015 là 141,690 tỷ đồng, năm 2016 169,4200 tỷ đồng và 2017 là 204,722 tỷ đồng. Như vậy, trong các năm từ 2010 đến 2017 đều vượt thu ngân sách trên địa bàn so với dự toán, riêng có năm 2012 đạt 99,63% so với dự toán. Đối với tổng thu ngân sách trên địa bàn cũng vượt mức qua các năm, năm 2010 đạt

191,27% so với dự toán, năm 2011 là 175,78%, năm 2012 158,28%, năm 2013 đạt 144,17%, năm 2014 đạt 171,66%, năm 2015 đạt 160,06%, năm 2016 đạt 162,41%, năm 2017 đạt 176,41%.

Có thể thấy, trong những năm gần đây, kết quả thu ngân sách của thành phố Hà Nội đều đạt và vượt dự toán. Không những vậy, cơ cấu thu đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng thu từ các khoản thu trong nước. Đồng thời, thành phố đã thành lập Hội đồng Thẩm định giá đất của thành phố để rà soát phương án giá đất làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, nghĩa vụ tài chính bổ sung do điều chỉnh quy hoạch.

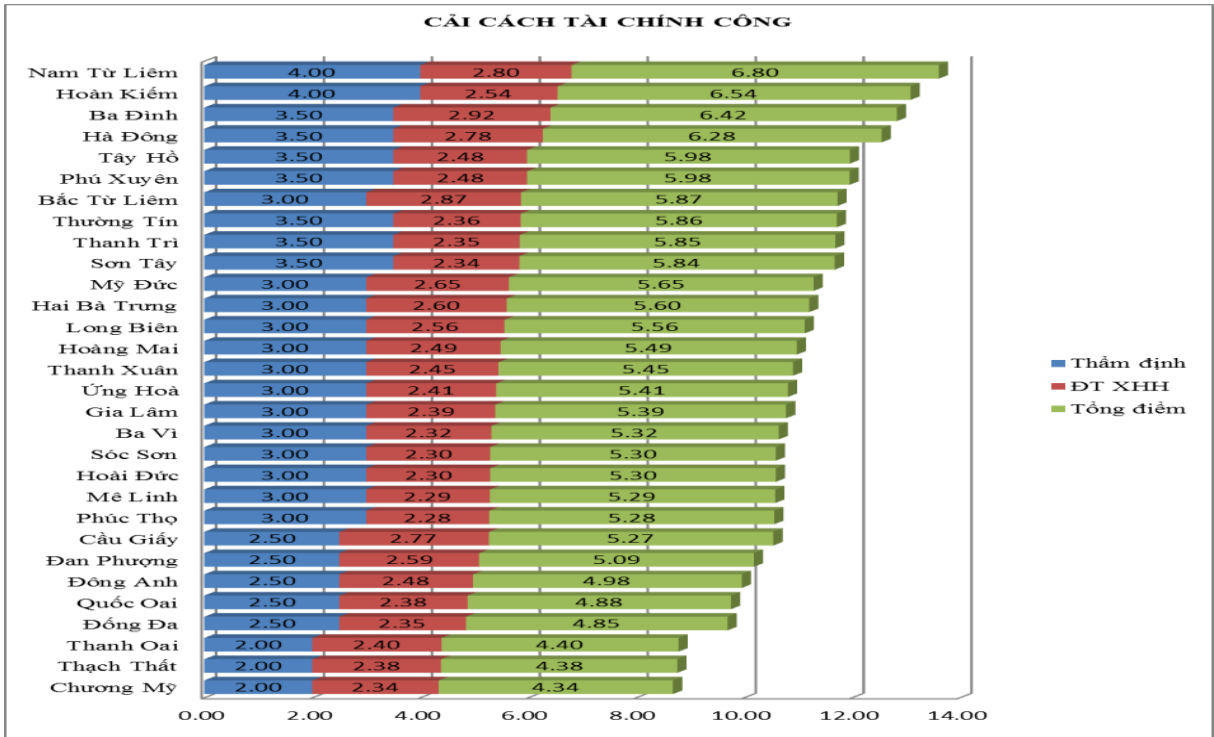
Các cấp các ngành đã phối kết hợp tập trung quyết liệt, phối hợp với cơ quan thuế, hải quan rà soát các khoản thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định. Đơn đốc nộp các khoản nợ đọng, tăng cường kiểm tra, thanh tra, chống thất thu ngân sách; đảm bảo thu ngân sách đạt kết quả cao nhất; nhất là với các khoản thu đạt thấp như: thu từ khu vực DNNN trung ương, khu vực DNNN địa phương, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Đã tiến hành tập trung quyết liệt để phấn đấu hoàn thành dự toán đã giao, đảm bảo cân đối ngân sách.

Để có được kết quả thu ngân sách vượt dự toán những năm gần đây phải nói đến sự nỗ lực trong việc đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính công, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh để nuôi dưỡng nguồn thu.

Theo báo cáo chỉ số cải cách hành chính của thành phố Hà Nội do viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội công bố đối với lĩnh vực Cải cách Tài chính công, các Quận, huyện, thị xã trên địa bàn Hà Nội đều nỗ lực trong cải cách tài chính công và đạt số điểm số từ 4,34/8 - 6,8/8 điểm, đạt chỉ số từ 54,29% đến 85,06%. Trong đó, đơn vị đạt điểm cao nhất là quận Nam Từ Liêm (đạt 6,8 điểm - chỉ số CCHC đạt 85,06%). Huyện Chương Mỹ là đơn vị cần cố gắng nỗ lực nhất trong lĩnh vực này (với chỉ số điểm đạt 4,34 - tương đương 54,29% về chỉ số CCHC).

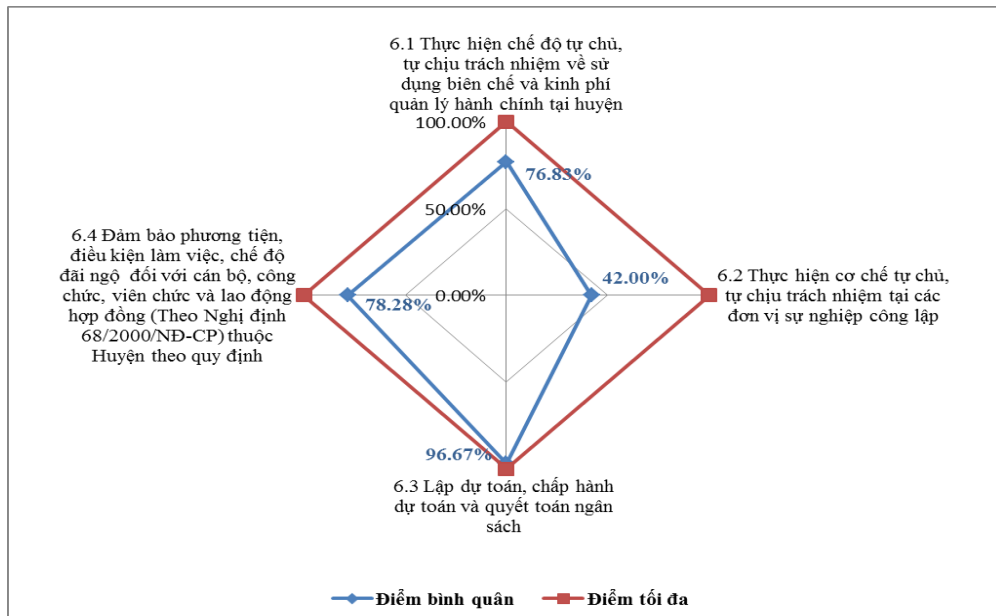
Báo cáo chỉ ra: *Thứ nhất*, xét về điểm thẩm định, có 2 đơn vị đạt kết quả cao nhất, đạt 4/5 điểm (80%) là Hoàn Kiếm và Nam Từ Liêm. Bên cạnh đó, có 7 đơn vị đạt điểm 3,5/5 (đạt 70%), bao gồm Sơn Tây, Thanh Trì, Thường Tín, Phú Xuyên, Tây Hồ, Hà Đông Ba Đình. Tám đơn vị đạt điểm thấp nhất (từ 2 - 2,5/5, tương đương với 40% - 50%) bao gồm Đống Đa, Quốc Oai, Đông Anh, Đan Phượng, Cầu Giấy, Chương Mỹ, Thạch Thất, Thanh Oai. *Thứ hai*, xét về điểm điều tra XHH, có 5 đơn vị dẫn đầu bao gồm: Ba Đình (đạt 2.92/3 điểm - 97.23%), Bắc Từ Liêm (đạt 2.87/3 điểm - 95.55%), Nam Từ Liêm (đạt 2.80/3 điểm - 93.50%), Hà Đông (đạt 2.78/3 điểm - 92.56%), Cầu Giấy (đạt 2.77/3 điểm - 92.44%). 5 đơn vị đạt điểm thấp nhất trong nội dung này bao gồm: Ba Vì (đạt 2.32/3 điểm - 77.42%), Sóc Sơn và Hoài Đức (cùng đạt 2.30/3 điểm - 76.50%), Mê Linh (đạt 2.29/3 điểm - 76.31%), Phúc Thọ (đạt 2.28/3 điểm - 75.99%).

**Hình 3.1. Kết quả đánh giá Cải cách Tài chính công của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017**



Nguồn: Báo cáo chỉ số cải cách hành chính của thành phố Hà Nội năm 2017 – Viện nghiên cứu phát triển kinh tế – xã hội Hà Nội

**Hình 3.2. So sánh các tiêu chí thành phần trong Cải cách Tài chính công của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017**



Nguồn: Báo cáo chỉ số cải cách hành chính của thành phố Hà Nội năm 2017 – Viện nghiên cứu phát triển kinh tế – xã hội Hà Nội

Bên cạnh đó, để thực hiện hiệu quả dự toán thu thành phố Hà Nội đã và đang tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi



đề các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cùng phát triển, thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ổn định, vững chắc.

### 3.4.2. Mức độ hoàn thành dự toán chi

Sở tài chính Hà Nội đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện quản lý, điều hành chi ngân sách bám sát dự toán được Hội đồng nhân dân thành phố giao, bảo đảm tiết kiệm chi thường xuyên và đáp ứng kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa thông tin...

Trong giai đoạn 2010 – 2017 số chi thực tế trong tổng chi ngân sách địa phương của Hà Nội đều có xu hướng vượt dự toán tuy nhiên cân đối với số thu vượt dự toán có thể thấy tình hình cân đối thu chi của Hà Nội vẫn được đảm bảo. Mức độ thực hiện tổng chi ngân sách địa phương so với dự toán năm 2010 là 169,50% trong khi đó tổng thu thực hiện 191,27% so với dự toán; Năm 2011 tổng chi thực hiện là 155,41% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 175,78%; Năm 2012 tổng chi thực hiện là 143,64% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 158,28%; Năm 2013 tổng chi thực hiện là 140,03% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 144,17%; Năm 2014 tổng chi thực hiện là 165,91% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 171,66%; Năm 2015 tổng chi thực hiện là 146,58% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 160,06%; Năm 2016 tổng chi thực hiện là 139,68% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 162,41%; Năm 2017 tổng chi thực hiện là 137,24% so với dự toán, tổng thu thực hiện là 176,41%. (Bảng 3.9)

**Bảng 3.9. Mức độ thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước của Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

| Năm         | Tổng chi ngân sách địa phương |                        |                         |
|-------------|-------------------------------|------------------------|-------------------------|
|             | Dự toán<br>(tỷ đồng)          | Thực hiện<br>(tỷ đồng) | Mức độ thực hiện<br>(%) |
| <b>2010</b> | 34,830                        | 59,037                 | <b>169.50</b>           |
| <b>2011</b> | 43,614                        | 67,780                 | <b>155.41</b>           |
| <b>2012</b> | 53,440                        | 76,763                 | <b>143.64</b>           |
| <b>2013</b> | 57,572                        | 80,617                 | <b>140.03</b>           |
| <b>2014</b> | 46,489                        | 77,132                 | <b>165.91</b>           |
| <b>2015</b> | 59,073                        | 86,587                 | <b>146.58</b>           |
| <b>2016</b> | 73,773                        | 103,044                | <b>139.68</b>           |
| <b>2017</b> | 78,043                        | 107,108                | <b>137.24</b>           |

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Những năm gần đây cơ cấu chi ngân sách của Hà Nội cũng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Cụ thể, đã tăng tỷ trọng chi ngân sách cho đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Năm 2016, tỷ trọng chi thường xuyên trong phân bổ ngân sách chiếm tới 55,5%, năm 2017 đã giảm còn 53,6%. Đồng thời, bố trí bảo đảm nguồn

để trả nợ gốc và lãi các khoản đã huy động cho đầu tư phát triển. Chi NSDP năm 2017 thực hiện 77,262 nghìn tỷ đồng, chi đầu tư phát triển 33.106 tỷ đồng, đạt 101,2% dự toán, chi xây dựng cơ bản đạt 100,4% dự toán (*tăng so với dự toán đầu năm 2017 do bổ sung chi từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách địa phương*).

**Bảng 3.10. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách của Hà Nội giai đoạn 2010 - 2017**

|             | Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/Tổng chi ngân sách địa phương (%) | Tỷ trọng chi thường xuyên/Tổng chi ngân sách địa phương (%) |
|-------------|--|---|
| <b>2010</b> | 43,97  | 42,37   |
| <b>2011</b> | 41,84  | 49,14   |
| <b>2012</b> | 41,43  | 49,85   |
| <b>2013</b> | 41,48  | 55,44   |
| <b>2014</b> | 38,08  | 57,78   |
| <b>2015</b> | 41,16  | 55,63   |
| <b>2016</b> | 42,17  | 55,54   |
| <b>2017</b> | 42,86  | 53,90   |

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Ngoài việc cắt giảm các khoản chi thường xuyên không cần thiết, thành phố thực hiện rà soát lại quy trình, định mức, đơn giá sản phẩm, đặt hàng các dịch vụ công ích đô thị theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng tỷ trọng các nội dung công việc thực hiện bằng cơ giới, giảm các chi phí không cần thiết và không còn phù hợp. Thành phố cũng tập trung bổ sung nguồn vốn cho các huyện đầu tư các trường học để đảm bảo đạt chuẩn quốc gia, các dự án cấp bách, các dự án xử lý rác thải, môi trường. Thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung, đấu thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường..., Qua đó tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả trong quản lý, vận hành, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực cho các cơ quan, đơn vị.

### **3.4.3. Khả năng cân đối ngân sách**

Cơ cấu thu, chi ngân sách của Hà Nội có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: tăng dần tỷ trọng thu ngân sách từ khu vực thu nội địa và tỷ trọng chi ngân sách cho đầu tư phát triển. Sở tài chính Hà Nội tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ổn định, vững chắc. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ thu chi NSNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết HĐND thành phố, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu NSNN được giao. Ngoài ra, Sở tài chính Hà Nội cùng các sở, ban

ngành quyết liệt trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài sản nhà nước, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Sở Tài chính Hà Nội chủ trì phối hợp với các đơn vị tiếp tục cơ cấu lại và đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, giá dịch vụ công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện nghiêm các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, các kết luận và kiến nghị giám sát của HĐND thành phố. Vì vậy, trong giai đoạn 2010 – 2017 Hà Nội luôn đảm bảo kết dư ngân sách theo nguyên tắc lấy thu bù chi và số dư tăng qua các năm. Đặc biệt, kết dư ngân sách trong những năm gần đây tăng mạnh, năm 2015 đạt 7,965 tỷ đồng, năm 2016 đạt 16,773 tỷ đồng, và năm 2017 là 31,446 tỷ đồng. (Bảng 3.11)

**Bảng 3.11. Kết dư ngân sách địa phương của Hà Nội giai đoạn 2010 – 2017**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

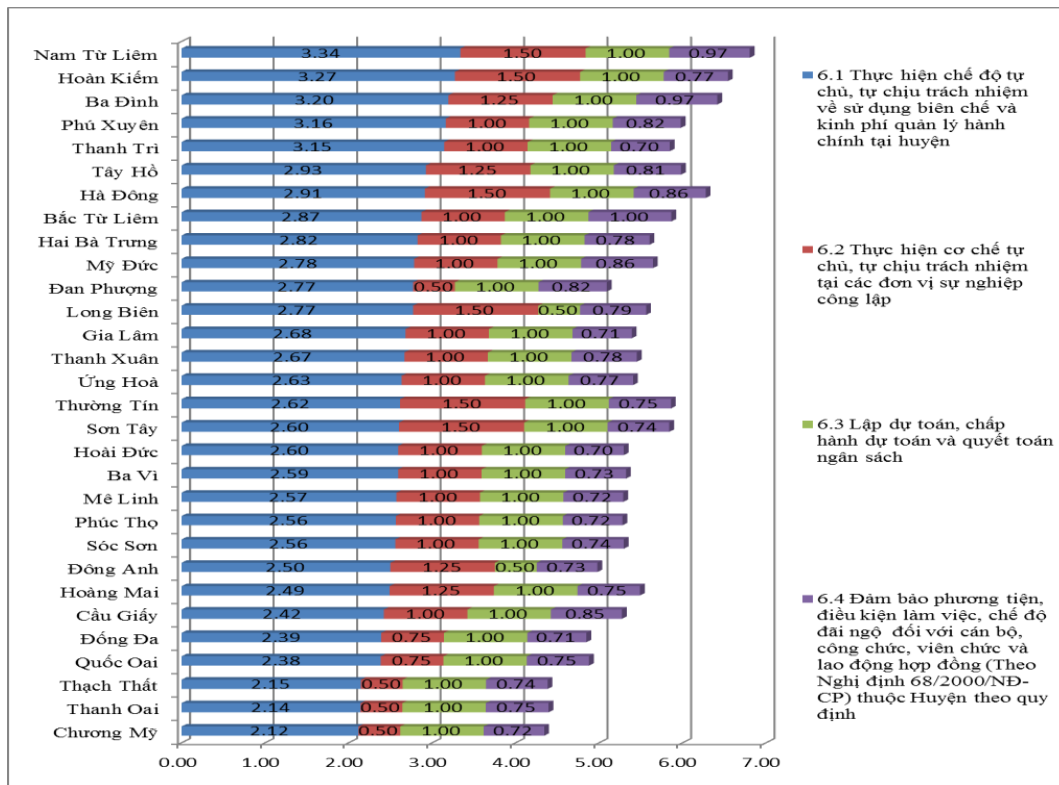
|             | <b>Tổng thu ngân sách địa phương</b> | <b>Tổng chi ngân sách địa phương</b> | <b>Kết dư ngân sách địa phương</b> |
|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
| <b>2010</b> | 66,619                               | 59,037                               | 7,582                              |
| <b>2011</b> | 76,663                               | 67,780                               | 8,883                              |
| <b>2012</b> | 84,583                               | 76,763                               | 7,820                              |
| <b>2013</b> | 83,002                               | 80,617                               | 2,385                              |
| <b>2014</b> | 79,802                               | 77,132                               | 2,670                              |
| <b>2015</b> | 94,552                               | 86,587                               | 7,965                              |
| <b>2016</b> | 119,817                              | 103,044                              | 16,773                             |
| <b>2017</b> | 138,554                              | 107,108                              | 31,446                             |

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu của Sở tài chính Hà Nội*

Để đạt được những kết quả đáng khích lệ trong thu, chi và cân đối ngân sách của Hà Nội phải kể đến sự nỗ lực trong việc đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính công của Thành phố và các quận, huyện, thị xã trên địa bàn.

Trong báo cáo Viện nghiên cứu phát triển kinh tế – xã hội Hà Nội khi đánh giá công tác cải cách hành chính công của các quận huyện dựa trên 4 tiêu chí: (1) Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại huyện; (2) Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập; (3) Lập dự toán và chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách; (4) Đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ công chức, viên chức và lao động hợp đồng (theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) thuộc huyện theo quy định.

**Hình 3.2. Kết quả đánh giá các tiêu chí thành phần trong Cải cách Tài chính công tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017**



Nguồn: Báo cáo chỉ số cải cách hành chính của thành phố Hà Nội năm 2017 – Viện nghiên cứu phát triển kinh tế – xã hội Hà Nội

Kết quả khảo sát theo các tiêu chí thành phần của công tác Cải cách Tài chính công dựa theo các phương pháp tự đánh giá và điều tra xã hội học cho thấy các quận huyện đã rất nỗ lực trong công tác cải cách tài chính công. Hoạt động được thực hiện tốt nhất tại các Quận, huyện, thị xã tiêu chí (3) - lập dự toán và chấp hành dự toán (đạt kết quả 96,67%, với 28/30 đơn vị đạt kết quả tối đa 1/1 điểm). Tiêu chí thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập (tiêu chí 2) đạt kết quả trung bình là 42%; do vậy, các quận, huyện, thị xã cần chú ý cải thiện chỉ tiêu này để nâng cao chất lượng cải cách trong lĩnh vực tài chính công.

### 3.4.4. Tuân thủ các quy định trong chấp hành ngân sách

#### 3.4.4.1. Chấp hành phân cấp trong lập và phân bổ dự toán

Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao kế hoạch ngân sách, các cơ quan quản lý ngân sách có trách nhiệm phân bổ dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách, bảo đảm đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết

Theo phân cấp, hàng năm, HĐND các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện những hoạt động:

(1) Quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán thu chi NSĐP (gồm cấp mình và các cấp CQĐP bên dưới).

- (2) Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình.
- (3) Phê chuẩn quyết toán NSDP (gồm cấp mình và các cấp CQDP bên dưới).
- (4) Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện NSDP (gồm cấp mình và các cấp CQDP bên dưới).
- (5) Quyết định điều chỉnh dự toán NSDP trong trường hợp cần thiết (gồm cấp mình và các cấp CQDP bên dưới).

(6) Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được HĐND quyết định.

UBND thành phố Hà Nội giao Sở Tài chính phối hợp với UBND các quận, huyện và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện:

(1) Lập dự toán NSDP, phương án phân bổ ngân sách cấp mình; dự toán điều chỉnh NSDP trong trường hợp cần thiết, trình HĐND cùng cấp quyết định và báo cáo cơ quan HCNN, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

(2) Lập quyết toán NSDP trình HĐND cùng cấp phê chuẩn và báo cáo cơ quan HCNN, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp.

(3) Kiểm tra nghị quyết của HĐND cấp dưới về tài chính – ngân sách.

(4) Căn cứ vào nghị quyết của HĐND cùng cấp, quyết định giao nhiệm vụ thu, chi NS cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho NS cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp NS ở địa phương đối với các khoản thu phân chia; quy định nguyên tắc bố trí và chỉ đạo thực hiện dự toán NS đối với một số lĩnh vực chi được HĐND quyết định.

(5) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện ngân NSDP.

(6) Phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý NSNN trên địa bàn.

(7) Chỉ đạo cơ quan tài chính địa phương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp UBND thực hiện nhiệm vụ về NSNN

Ngoài ra, Sở Tài chính Hà Nội tham mưu cho UBND thành phố lập và trình HĐND cùng cấp quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần NSDP được hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTU' và NSDP và các khoản thu phân chia giữa các cấp NS ở địa phương.

#### 3.4.4.2. Điều chỉnh tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, việc xác định tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội được xác định như sau:

- Tổng số chi ngân sách quận huyện (bao gồm xã phường) được xác định trên cơ sở định mức phân bổ Ngân sách theo nghị quyết của HĐND thành phố (bao gồm định mức phân bổ chi đầu tư và định mức phân bổ chi thường xuyên) cho năm đầu thời kỳ ổn định Ngân sách (gọi tắt là A).

- Tổng số thu từ các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100% theo phân cấp nguồn thu của thành phố không kể thu từ tiền sử dụng đất, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu chuyên nguồn (sau đây gọi tắt là B).

- Tổng số thu từ các khoản thu phân chia giữa cấp ngân sách thành phố và ngân sách huyện (gọi tắt là C)

+ Nếu  $A - B < C \times 35\%$  thì tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phân chia giữa các cấp (\%)} = (A-B) \times 100\%/C$$

Nếu  $A - B \geq C \times 35\%$  thì tỷ lệ phân chia được xác định bằng 35% và phần chênh lệch giữa A-B và C là số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận huyện.

Giai đoạn 2013-2016, Hà Nội có 07 quận tự đảm bảo cân đối Ngân sách: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm.

Giai đoạn 2017-2020, theo quyết định của Thủ tướng chính phủ, TP. Hà Nội được hưởng tỷ lệ điều tiết đối với các khoản thu phân chia là 35% giảm 7% so với giai đoạn 2011-2016, Thành phố Hà Nội đã xác định lại tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia cho từng quận huyện, thị xã tăng khả năng tự cân đối ngân sách cho các quận giai đoạn 2017-2020 lên 10 Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Hoàng Mai, Long Biên.

Một số quận bị giảm tỷ lệ điều tiết như Hoàn Kiếm từ 17% xuống 11%, Nam Từ Liêm từ 16% xuống 11%, Long Biên từ 42% xuống 21%, Tây Hồ từ 42% xuống 32%, Hoàng Mai từ 42% xuống 28%. Lý do để thành phố Hà Nội giảm tỷ lệ điều tiết đối với các quận huyện gồm:

- Các quận huyện này đều có tốc độ tăng thu năm 2017/2011 cao hơn tốc độ tăng chi 2017/2011: Long Biên Thu NSNN 2017 tăng 4.3 lần so với năm 2011, Hoàng Mai thu NSNN năm 2017 gấp 2,74 lần so với năm 2011; Tây Hồ thu NSNN năm 2017 gấp 2.72 lần năm 2011.

- Do chuyển địa bàn của một số doanh nghiệp lớn trong giai đoạn 2011-2016 tác động tới giảm tỷ lệ điều tiết một số quận: Long Biên (tăng thu 324 tỷ đồng), Hai Bà Trưng (tăng thu 497 tỷ đồng), Đống Đa (tăng thu 721 tỷ đồng). Riêng quận Hoàn Kiếm giảm tỷ lệ điều tiết do tốc độ tăng thu lớn hơn tốc độ tăng chi và giảm chi đầu tư XDCB so với giai đoạn trước do không còn thực hiện một số nhiệm vụ chi đầu tư thành phố giao.

#### 3.4.4.3. Sắp xếp cân đối hợp lý thu chi ngân sách.

Từ năm 2013 đến năm 2016, phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp NSDP ở Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND của HĐND thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NS các cấp CQDP trên địa bàn thành phố và Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND của UBND thành phố. Từ năm 2017, Hà Nội áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ

phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp CQĐP theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND

Trong phân cấp quản lý ngân sách của Trung ương cho thành phố Hà Nội có một điểm đáng lưu ý đó là “Chi chuyển nguồn sang năm sau”, thực chất đây là một khoản tiền chưa thực chi (còn tồn trong quỹ NS ở Kho bạc Nhà nước để năm sau chi). Trong thời kỳ 2013 - 2017, có hai năm 2016 và 2017 chi đầu tư phát triển thấp hơn so với chi chuyển nguồn. Trong khi Hà Nội vẫn tiến hành vay nợ thì việc chi chuyển nguồn không hợp lý sẽ gây đọng vốn, tạo ra áp lực trả lãi cho ngân sách.

Sự gia tăng chi chuyển nguồn trong thời gian gần đây của Thành phố Hà Nội cho thấy, còn nhiều tồn tại trong chi NSNN, nhiều mục chi đã được lập dự toán nhưng vì những lý do khác nhau không thực hiện được, trong khi đó các nhiệm vụ khác quan trọng nhưng không thực hiện do không được bố trí ngân sách, nguồn lực tài chính quốc gia, vì thế chưa phát huy vai trò như dự định. Bên cạnh đó, nhiều khoản kinh phí tuy được chuyển qua nhiều năm song không được thực hiện quyết liệt, làm giảm hiệu quả, hiệu lực chi NSNN, đặc biệt trong bối cảnh cân đối thu, chi ngân sách còn khó khăn. Nếu tình trạng chuyển nguồn do nhiệm vụ chi không đúng hoặc nhiệm vụ chi đúng mà thực hiện sai nguyên tắc dẫn đến tạm ứng treo; thủ tục XDCB nhiều khâu, thẩm tra đích đắc, dẫn đến khó, chậm triển khai, không có khối lượng thanh toán nên phải chuyển; cơ quan tài chính chậm phân bổ kinh phí... thì rất cần được chấn chỉnh và có giải pháp khắc phục.

### **3.5. Kiểm định ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở tài chính thành phố Hà Nội**

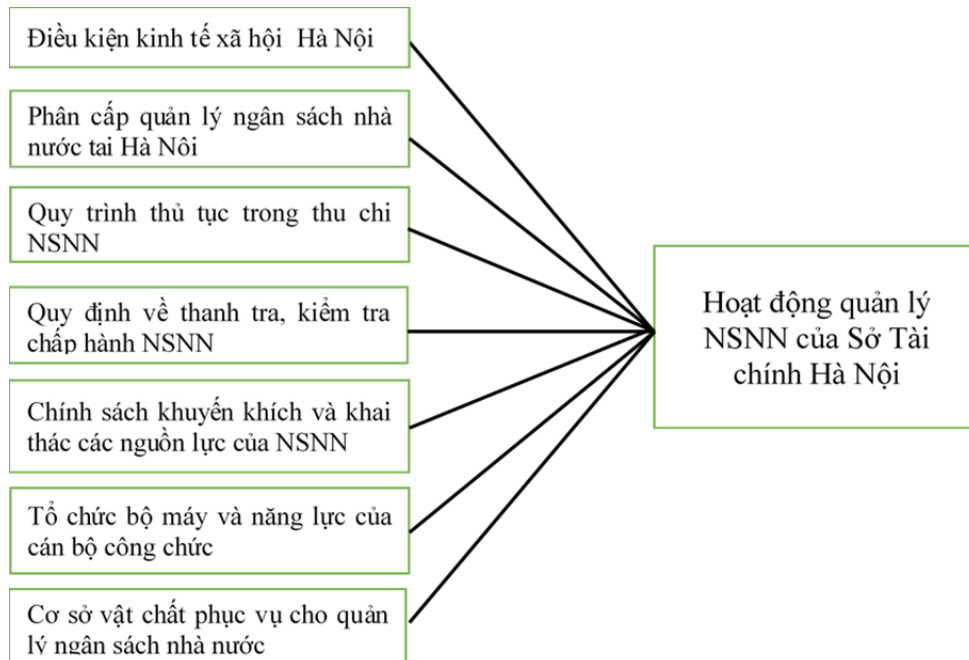
#### **3.5.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu**

##### *3.5.1.1. Mô hình nghiên cứu*

Trên cơ sở những luận cứ về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động quản lý NSNN, mô hình nghiên cứu ban đầu được thiết lập. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn, xin ý kiến của các chuyên gia nghiên cứu về tài chính và chuyên viên Sở Tài chính Hà Nội hiện đang làm công tác quản lý ngân sách nhà nước. Các ý kiến đều đồng thuận với mô hình và các nhân tố được đưa vào mô hình. Một số ý kiến đề nghị đưa thêm nhân tố “Tính công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước” vào mô hình. Tuy nhiên, do đây là vấn đề khá nhạy cảm nên khó có thể có câu trả lời trung thực và khó lượng hóa được. Do đó, tác giả không điều chỉnh mô hình mà giữ nguyên như đã xây dựng.

Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng cần khảo sát lấy ý kiến đối với các đối tượng khách thể quản lý gồm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đang làm việc, hoạt động trên địa bàn Hà Nội, có mã số thuế do các Chi cục Thuế quản lý. Tuy nhiên, nhóm đối tượng này là nhóm chịu sự quản lý, chỉ liên quan đến hoạt động thu nộp ngân sách mà không liên quan đến hoạt động chi ngân sách, đặc biệt là hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội. Yêu cầu các đối tượng này đưa ra nhận xét, đánh giá về hoạt

động quản lý ngân sách nhà nước sẽ khó có thể đảm bảo tính chính xác và trung thực. Do đó, sau khi cân nhắc, tác giả xin loại các đối tượng này ra khỏi đối tượng khảo sát.



**Sơ đồ 3.2. Mô hình nghiên cứu**

*Nguồn: Tác giả xây dựng*

Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động quản lý NSNN là mô hình theo ảnh hưởng một chiều từ các biến độc lập đến biến phụ thuộc mà không đo lường tác động ngược từ biến phụ thuộc đến các biến độc lập. Phương trình tuyến tính được thể hiện như sau:

$$QLNS = \alpha_0 + \alpha_1 X_1 + \alpha_2 X_2 + \dots + \alpha_6 X_6 + e_i$$

Trong đó:

QLNS: Hoạt động quản lý NSNN từ tập hợp các tiêu chí đánh giá.

$X = \{ X_1, \dots, X_6 \}$  : Các biến thang đo nhân tố

$\alpha = \{ \alpha_0, \dots, \alpha_6 \}$  : Hệ số hồi quy

$e_i$ : Sai số

### 3.5.1.2. Các giả thuyết nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích mô hình nghiên cứu, tác giả đặt ra các giả thuyết nghiên cứu được đánh số thứ tự từ H1 đến Hn.

*H1: Điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*

Tác động của điều kiện kinh tế - xã hội đến NSNN đã được thể hiện trong các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kinh tế - xã hội và NSNN hàng năm. Qua đó cho thấy điều kiện kinh tế - xã hội có tác động đến hoạt động cân đối ngân sách [3].

*H2: Quy định về phân cấp quản lý NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*



Sự ảnh hưởng của phân cấp quản lý đến hiệu quả hoạt động quản lý ngân sách nhà nước đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập. Trong nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, tác giả Hạo Nhiên (2013) đã chứng minh phân cấp quản lý là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách; Các tác giả Nguyễn Thị Bát, Nguyễn Xuân Thu (2016) đã chứng minh phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho các cấp chính quyền địa phương có tác động tích cực đến quản trị nhà nước, nhưng từng cấp ngân sách trong ngân sách địa phương lại có tác động khác nhau đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương [3, tr.31-41]; Vũ Sỹ Cường (2012) cũng nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và khẳng định “Phân cấp ngân sách đem lại nhiều lợi ích trong quản lý ngân sách, song nó cũng chứa đựng các rủi ro tiềm tàng” [13].

*H3: Quy trình thủ tục trong thu chi NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*

Tác động của quy trình quản lý đến hoạt động quản lý NSNN được tác giả Nguyễn Phương Thảo (2014) tổng hợp trong bài nghiên cứu “Một số vấn đề về phân cấp quản lý ngân sách và quy trình ngân sách nhà nước” của Viện nghiên cứu lập pháp - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lê Đăng Doanh, thành viên Ban Chính sách Phát triển – Liên Hợp Quốc cho rằng, cần nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình để chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước. Cùng quan điểm, bà Nguyễn Thu Hương, Quản lý Chương trình cao cấp – Tổ chức Oxfam tại Việt Nam đồng thuận cho rằng sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia là yếu tố tiên quyết để đảm bảo hệ thống chính sách quản lý NSNN hoạt động hiệu quả. [15]

*H4: Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội*

Tác động của hoạt động thanh tra, kiểm tra đến hiệu quả hoạt động quản lý NSNN được tác giả Thanh Hoa (2015) đề cập trong bài nghiên cứu: “Thanh tra Tài chính: Góp phần tích cực tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách”, Tạp chí Tài chính, ngày 29/4/2015 [22]; tác giả Hoàng Ngọc Sơn (2017) cũng chỉ rõ: “Kết quả công tác thanh tra đã giúp phát hiện những bất cập, hạn chế nảy sinh trong cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta” [40].

*H5: Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*

Tác động của các chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN, tác giả Nguyễn Minh Tân (2018) khẳng định “Để thực hiện được các mục tiêu về thu NSNN, cần chú trọng hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; Tăng tỷ trọng thu nội địa, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu; Khai thác thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ

môi trường; Hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý” [43].

*H6: Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*

Tác động của bộ máy quản lý và năng lực của cán bộ công chức đến hiệu quả quản lý NSNN được Vũ Minh Phong (2016), trong nghiên cứu quản lý NSNN đã khẳng định một trong các giải pháp để cân bằng NSNN là: “Tiết kiệm chi thường xuyên cần gắn với lộ trình tinh giản biên chế hành chính, nâng cao năng lực và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính và trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu”; đồng thời: “Kiện toàn bộ máy tổ chức, cơ chế và chất lượng cán bộ, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả lý nhà nước...” [38].

*H7: Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội.*

Liên quan đến tác động của cơ sở vật chất đối với quản lý NSNN, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng khẳng định một trong các giải pháp đảm bảo quản lý NSNN năm 2017 là: “Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế về tài chính - NSNN, cải cách thủ tục hành chính (thuế, hải quan) theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa, mở rộng ứng dụng điện tử hóa hoạt động thu và kết nối thu với hệ thống NHTM, tăng cường triển khai cơ chế một cửa Hải quan quốc gia, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, qua đó tăng thu cho NSNN. Đồng thời hạn chế tối đa việc ban hành các chính sách làm giảm thu; đẩy nhanh chuyển một số loại phí sang giá dịch vụ theo quy định của pháp luật” [16].

### 3.5.1.3. Bảng hỏi và các thang đo

Căn cứ các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước, mô hình và nội dung nghiên cứu; kế thừa các nghiên cứu trước, các thang đo được xây dựng và trình bày tại *bảng 3.12*.

**Bảng 3.12. Danh sách các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu**

| <i>Tên biến</i>        | <i>Mã</i> | <i>Câu hỏi đo lường</i>  | <i>Nguồn gốc thang đo</i>  |
|------------------------|-----------|--|--|
| Hoạt động quản lý NSNN | HQ1       | Hoạt động quản lý NSNN được thực hiện một cách chặt chẽ, đúng quy định | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Nguyễn Phi Lân (2010) |
|                        | HQ2       | Hoạt động quản lý NSNN minh bạch và chính xác                          |  |
|                        | HQ3       | Hoạt động quản lý NSNN làm gia tăng nguồn thu NSNN                     |  |
|                        | HQ4       | Hoạt động quản lý NSNN giúp NSNN chi đúng, chi đủ cho các mục tiêu     |  |

|  |     |  |   |
|--|-----|--|---|
|  | HQ5 | Hoạt động quản lý NSNN đảm bảo tiết kiệm và cân đối thu chi NSNN                                   |   |
|  | HQ6 | Hoạt động quản lý NSNN tạo thuận lợi cho các hoạt động thu chi và cân đối NSNN                     |   |
| Điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội              | DK1 | Sự ổn định về kinh tế xã hội của Hà Nội thu hút các nhà đầu tư, tăng nguồn thu cho ngân sách       | Áp dụng có điều chỉnh các nội dung được đề cập trong báo cáo của Bộ Tài chính   |
|  | DK2 | Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nên tăng nguồn thu cho ngân sách                                 |   |
|  | DK3 | Dân số Hà Nội đông nên đòi hỏi phải chi ngân sách lớn hơn  |   |
|  | DK4 | Thu nhập tại Hà Nội cao hơn nên thu ngân sách được nhiều hơn                                       |   |
|  | DK5 | Sự phát triển sản xuất công nghiệp có vai trò lớn trong thu ngân sách của Hà Nội                   |   |
| Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước    | PC1 | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội tự chủ hơn                       | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Nguyễn Thị Bất, Nguyễn Xuân Thu (2016); Vũ Sỹ Cường (2012) Nguyễn Phi Lân (2010) |
|  | PC2 | Phân cấp quản lý NSNN giúp các cơ sở lập dự toán ngân sách thiết thực hơn                          |   |
|  | PC3 | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội nhanh chóng giải ngân            |   |
|  | PC4 | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội quyết toán ngân sách dễ dàng hơn |   |
|  | PC5 | Phân cấp quản lý NSNN có thể dễ dàng cân đối ngân sách các địa phương trên địa bàn Hà Nội          |   |
| Quy trình thủ tục trong thu chi ngân sách nhà nước | QT1 | Quy trình thủ tục lập dự toán ngân sách chặt chẽ và thiết thực                                     | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Nguyễn Phương Thảo (2014); Lê Đăng Doanh và Nguyễn Thu Hương (2018)              |
|  | QT2 | Quy trình thủ tục giải ngân ngân sách thuận lợi và minh bạch                                       |   |
|  | QT3 | Quy trình thủ tục quyết toán ngân sách nhanh chóng, chính xác                                      |   |
|  | QT4 | Quy trình thủ tục tạo điều kiện cho hoạt động thu ngân sách  |   |
|  | QT5 | Quy trình thủ tục tạo thuận lợi cho các nhiệm vụ chi tại địa phương                                |   |
| Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN     | KT1 | Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần chống thất thoát, lãng phí NSNN                              | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Thanh Hoa (2015); Hoàng  |
|  | KT2 | Công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ đúng trình tự quy định                                       |   |
|  | KT3 | Công tác thanh tra kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra |   |

|   |     |  |   |
|---|-----|--|---|
|   | KT4 | Hoạt động thanh tra kiểm tra đảm bảo đúng thời gian quy định   | Ngọc Sơn (2017)   |
|   | KT5 | Hoạt động thanh tra, kiểm tra mang tính chuyên nghiệp  |   |
|   | KT6 | Hoạt động thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả   |   |
| Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN | KK1 | Các nguồn lực của NSNN được hỗ trợ để phát triển   | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Nguyễn Minh Tân (2018),                |
|   | KK2 | Chính sách ưu đãi dành cho các đối tượng nộp thuế được công khai minh bạch   |   |
|   | KK3 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo nguồn thu bền vững   |   |
|   | KK4 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo công bằng giữa các nguồn thu   |   |
|   | KK5 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng  |   |
| Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức             | BM1 | Có sự phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý NSNN  | Tác giả phát triển từ lý thuyết được đề xuất bởi Vũ Minh Phong (2016),                  |
|   | BM2 | Cơ quan quản lý cấp trên luôn hướng dẫn tạo điều kiện cho cấp dưới   |   |
|   | BM3 | Nhiệm vụ quản lý NSNN các cấp là phù hợp   |   |
|   | BM4 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN đều được đào tạo có bài bản                                      |   |
|   | BM5 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN có tinh thần trách nhiệm trong công tác                          |   |
|   | BM6 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN am hiểu về các quy định quản lý NSNN                             |   |
| Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước       | VC1 | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách Hà Nội tương đối đầy đủ   | Áp dụng có điều chỉnh các nội dung được đề cập tại phát biểu của Bộ Trưởng Bộ Tài chính |
|   | VC2 | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách đảm bảo cho hoạt động quản lý có hiệu quả                             |   |
|   | VC3 | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác |   |
|   | VC4 | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép phối hợp chặt chẽ                         |   |
|   | VC5 | Cơ quan quản lý NSNN luôn được ưu tiên trang bị máy móc, thiết bị hiện đại   |   |

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

### 3.5.2. Kết quả kiểm định

Theo các bước xử lý, phân tích số liệu đã trình bày trong phương pháp nghiên cứu, sau khi kiểm tra loại bỏ những phiếu không hợp lệ, tác giả tiến hành nhập số liệu và sử dụng phần mềm SPSS để phân tích

#### 3.5.2.1. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

**Bảng 3.13. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha**

| Nhân tố                             | Mã biến | Câu hỏi đo lường   | Hệ số tương quan biến tổng | Cronbach's Alpha nếu loại biến | Cronbach's Anpha |
|-------------------------------------|---------|--|----------------------------|--------------------------------|------------------|
| Hoạt động quản lý NSNN              | HQ1     | Hoạt động quản lý NSNN được thực hiện một cách chặt chẽ, đúng quy định                           | .387                       | .715                           | <b>.730</b>      |
|                                     | HQ2     | Hoạt động quản lý NSNN minh bạch và chính xác  | .460                       | .694                           |                  |
|                                     | HQ3     | Hoạt động quản lý NSNN làm gia tăng nguồn thu NSNN   | .651                       | .638                           |                  |
|                                     | HQ4     | Hoạt động quản lý NSNN giúp NSNN chi đúng, chi đủ cho các mục tiêu                               | .397                       | .714                           |                  |
|                                     | HQ5     | Hoạt động quản lý NSNN đảm bảo tiết kiệm và cân đối thu chi NSNN                                 | .482                       | .688                           |                  |
|                                     | HQ6     | Hoạt động quản lý NSNN tạo thuận lợi cho các hoạt động thu chi và cân đối NSNN                   | .429                       | .703                           |                  |
| Điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội | DK1     | Sự ổn định về chính trị - xã hội của Hà Nội thu hút các nhà đầu tư, tăng nguồn thu cho ngân sách | .627                       | .768                           | <b>.810</b>      |
|                                     | DK2     | Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nên tăng nguồn thu cho ngân sách                               | .661                       | .753                           |                  |
|                                     | DK3     | Dân số Hà Nội đông nên đòi hỏi phải chi ngân sách lớn hơn  | .647                       | .758                           |                  |
|                                     | DK4     | Thu nhập tại Hà Nội cao hơn nên thu ngân sách được nhiều hơn                                     | .465                       | .806                           |                  |
|                                     | DK5     | Sự phát triển sản xuất công nghiệp có vai trò lớn trong thu ngân sách của Hà Nội                 | .610                       | .770                           |                  |
| Quy định về phân cấp quản lý        | PC1     | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội tự chủ hơn                     | .854                       | .881                           |                  |
|                                     | PC2     | Phân cấp quản lý NSNN giúp các cơ sở lập dự toán ngân sách thiết thực hơn                        | .775                       | .898                           |                  |
|                                     | PC3     | Phân cấp quản lý NSNN giúp   | .825                       | .888                           |                  |

|   |     |  |      |      |             |
|---|-----|--|------|------|-------------|
| ngân sách nhà nước  |     | cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội nhanh chóng giải ngân                                       |      |      | <b>.915</b> |
|   | PC4 | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội quyết toán ngân sách dễ dàng hơn | .770 | .899 |             |
|   | PC5 | Phân cấp quản lý NSNN có thể dễ dàng cân đối ngân sách các địa phương trên địa bàn Hà Nội          | .692 | .914 |             |
| Quy trình thủ tục trong thu chi NSNN                        | QT1 | Quy trình thủ tục lập dự toán ngân sách chặt chẽ và thiết thực                                     | .828 | .907 | <b>.925</b> |
|   | QT2 | Quy trình thủ tục giải ngân ngân sách thuận lợi và minh bạch                                       | .885 | .875 |             |
|   | QT3 | Quy trình thủ tục quyết toán ngân sách nhanh chóng, chính xác                                      | .850 | .894 |             |
| Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN              | KT1 | Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần chống thất thoát, lãng phí NSNN                              | .893 | .919 | <b>.940</b> |
|   | KT2 | Công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ đúng trình tự quy định                                       | .915 | .917 |             |
|   | KT3 | Công tác thanh tra kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra | .771 | .935 |             |
|   | KT4 | Hoạt động thanh tra kiểm tra đảm bảo đúng thời gian quy định                                       | .769 | .935 |             |
|   | KT5 | Hoạt động thanh tra, kiểm tra mang tính chuyên nghiệp  | .791 | .933 |             |
|   | KT6 | Hoạt động thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả                                     | .785 | .933 |             |
| Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN | KK2 | Chính sách ưu đãi dành cho các đối tượng nộp thuế được công khai minh bạch                         | .841 | .860 | <b>.905</b> |
|   | KK3 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo nguồn thu bền vững   | .800 | .875 |             |
|   | KK4 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo công bằng giữa các nguồn thu                                     | .818 | .868 |             |
|   | KK5 | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng  | .733 | .902 |             |
|   | BM1 | Có sự phối hợp giữa các đơn  | .819 | .900 |             |

|   |     |  |      |      |             |
|---|-----|--|------|------|-------------|
| Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức |     | vị trong quản lý NSNN  |      |      | <b>.922</b> |
|   | BM2 | Cơ quan quản lý cấp trên luôn hướng dẫn tạo điều kiện cho cấp dưới   | .813 | .902 |             |
|   | BM3 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN am hiểu về các quy định quản lý NSNN                             | .841 | .896 |             |
|   | BM4 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN đều được đào tạo có bài bản                                      | .745 | .915 |             |
|   | BM5 | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN có tinh thần trách nhiệm trong công tác                          | .773 | .910 |             |
| Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN         | VC1 | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách Hà Nội tương đối đầy đủ   | .747 | .891 | <b>.903</b> |
|   | VC2 | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách đảm bảo cho hoạt động quản lý có hiệu quả                             | .793 | .872 |             |
|   | VC3 | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác | .834 | .855 |             |
|   | VC4 | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép phối hợp chặt chẽ                         | .776 | .877 |             |

*Nguồn: Kết quả khảo sát*

Từ kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho thấy có các biến độc lập QT4; QT5; KK1; BM6 và VC5 có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted > hệ số Cronbach's Alpha, các biến này không đảm bảo độ tin cậy nên bị loại, không đưa vào phân tích tiếp theo. Các biến còn lại đảm bảo đủ điều kiện nên được đưa vào phân tích nhân tố EFA

### 3.5.2.2. Phân tích nhân tố EFA

Điều kiện để phân tích nhân tố khám phá là phải thỏa mãn các yêu cầu: Hệ số tải nhân tố (Factor loading) > 0.5; Hệ số KMO:  $0.5 \leq KMO \leq 1$ : Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là chỉ số được dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO lớn có ý nghĩa phân tích nhân tố là thích hợp.

**Bảng 3.14. Hệ số KMO và ma trận xoay**

|  |                    |           |
|--|--------------------|-----------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. |                    | .804      |
| Bartlett's Test of Sphericity                    | Approx. Chi-Square | 16448.583 |
|  | Df                 | 496       |
|  | Sig.               | .000      |

**Rotated Component Matrix<sup>a</sup>**

|     | Component |      |      |      |      |      |      |
|-----|-----------|------|------|------|------|------|------|
|     | 1         | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    |
| KT5 | .861      |      |      |      |      |      |      |
| KT2 | .828      |      |      |      |      |      |      |
| KT6 | .828      |      |      |      |      |      |      |
| KT1 | .811      |      |      |      |      |      |      |
| KT3 | .766      |      |      |      |      |      |      |
| KT4 | .697      |      |      |      |      |      |      |
| PC3 |           | .862 |      |      |      |      |      |
| PC4 |           | .856 |      |      |      |      |      |
| PC1 |           | .825 |      |      |      |      |      |
| PC5 |           | .765 |      |      |      |      |      |
| PC2 |           | .741 |      |      |      |      |      |
| BM3 |           |      | .887 |      |      |      |      |
| BM2 |           |      | .868 |      |      |      |      |
| BM1 |           |      | .838 |      |      |      |      |
| BM4 |           |      | .775 |      |      |      |      |
| BM5 |           |      | .743 |      |      |      |      |
| VC3 |           |      |      | .912 |      |      |      |
| VC2 |           |      |      | .862 |      |      |      |
| VC1 |           |      |      | .824 |      |      |      |
| VC4 |           |      |      | .814 |      |      |      |
| KK3 |           |      |      |      | .888 |      |      |
| KK2 |           |      |      |      | .837 |      |      |
| KK4 |           |      |      |      | .810 |      |      |
| KK5 |           |      |      |      | .743 |      |      |
| QT2 |           |      |      |      |      | .891 |      |
| QT1 |           |      |      |      |      | .847 |      |
| QT3 |           |      |      |      |      | .845 |      |
| DK1 |           |      |      |      |      |      | .832 |
| DK3 |           |      |      |      |      |      | .826 |
| DK2 |           |      |      |      |      |      | .821 |
| DK5 |           |      |      |      |      |      | .547 |

*Nguồn: Kết quả phân tích SPSS*

Theo mô hình nghiên cứu có 07 nhóm nhân tố với 37 biến quan sát nghiên cứu ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha loại 05 biến quan sát không đủ độ tin cậy, còn lại 32 biến quan sát, dùng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA với phép quay Varimax để phân tích. Sử dụng phương pháp kiểm định (Kaiser-Meyer-Olkin) và Bartlett để đo lường sự tương thích của mẫu khảo sát. Đặt giả thiết:  $H_0$ : “Các biến không tương quan trong tổng thể”.

Kiểm định KMO và Bartlett's trong phân tích nhân tố cho thấy hệ số KMO là 0,804 ( $> 0,5$ ) với mức ý nghĩa bằng  $\text{sig} = 0.000$  ( $< 0,05$ ) chứng tỏ giả thiết  $H_0$  “Các biến không tương quan trong tổng thể” bị bác bỏ. Điều này có nghĩa là các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể và phân tích nhân tố EFA là thích hợp.

Như vậy, quá trình phân tích nhân tố EFA, 32 biến thành phần ban đầu, có biến DK4 có thể giải thích đồng thời cho 2 nhóm nhân tố nên không đảm bảo độ tin cậy và



bị loại. Tiếp tục phân tích nhân tố khám phá EFA với phép quay Varimax lần 2 với 31 biến quan sát được nhóm lại trong 7 nhóm nhân tố là Điều kiện KTXH (DK); Phân cấp quản lý (PC); Quy trình thủ tục (QT); Thanh tra kiểm tra (KT); Khuyến khích nguồn thu (KK); Tổ chức bộ máy (BM) và Cơ sở vật chất (VC) với tổng phương sai trích là 79,80% (>50%), tức là khả năng sử dụng 7 nhóm nhân tố này để giải thích sự biến thiên cho 31 biến quan sát là 79,80%.

### 3.5.2.3. Phân tích tương quan

Kết quả bảng hệ số tương quan được trình bày tại *bảng 3.15*. Phương pháp tương quan Pearson correlation coefficient được thực hiện nhằm đánh giá mối quan hệ tương quan tuyến tính giữa các biến trong mô hình.

**Bảng 3.15. Mối quan hệ tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập**

|    | HQ                  | DK     | PC     | QT     | KT     | KK     | BM     | VC     |
|----|---------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| HQ | Pearson Correlation | 1      | .363** | .640** | .520** | .691** | .665** | .642** |
|    | Sig. (2-tailed)     |        | .000   | .000   | .000   | .000   | .000   | .000   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| DK | Pearson Correlation | .363** | 1      | .312** | .554** | .247** | .228** | .137** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   |        | .000   | .000   | .000   | .000   | .103   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| PC | Pearson Correlation | .640** | .312** | 1      | .367** | .563** | .294** | .266** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   |        | .000   | .000   | .000   | .000   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| QT | Pearson Correlation | .520** | .554** | .367** | 1      | .309** | .372** | .195** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   | .000   |        | .000   | .000   | .000   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| KT | Pearson Correlation | .691** | .247** | .563** | .309** | 1      | .418** | .408** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   | .000   | .000   |        | .000   | .000   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| KK | Pearson Correlation | .665** | .228** | .294** | .372** | .418** | 1      | .462** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .000   | .000   | .000   | .000   |        | .000   |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| BM | Pearson Correlation | .642** | .137** | .266** | .195** | .408** | .462** | 1      |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .002   | .000   | .000   | .000   | .000   |        |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |
| VC | Pearson Correlation | .592** | .072   | .196** | .168** | .309** | .233** | .363** |
|    | Sig. (2-tailed)     | .000   | .103   | .000   | .000   | .000   | .000   |        |
|    | N                   | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    | 510    |

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*Nguồn: Kết quả phân tích SPSS*

Trong *bảng 3.15* này ta thấy hệ số Sig = 0.00 < 0.05 nên có thể kết luận các biến độc lập trong mô hình có mối quan hệ tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc. Tương quan (r) đều có giá trị >0, thể hiện các biến có quan hệ thuận chiều với nhau. Ngoài ra,  $|r| \rightarrow 1$ : thể hiện quan hệ chặt chẽ giữa các biến.

#### 3.5.2.4. Phân tích hồi quy

Từ *Bảng 3.16* kết quả chạy hồi quy, ta thấy hệ số xác định  $R^2 = 0,897$ , giá trị  $R^2$  cho biết rằng các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 89,70% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Để kiểm định độ phù hợp của mô hình hồi quy tổng thể ta xem xét đến giá trị F từ bảng phân tích phương sai ANOVA, giá trị  $F = 625.545$ ; giá trị sig = 0.000, bước đầu cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có ý nghĩa suy ra tổng thể. Đại lượng thống kê Durbin-Watson = 1.770 cho thấy không có sự tương quan giữa các phần dư. Điều này có ý nghĩa là mô hình hồi quy không vi phạm giả định về tính độc lập của sai số; hệ số phóng đại phương sai (VIF) của tương nhân tố có giá trị nhỏ hơn 10 chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau).

**Bảng 3.16. Kết quả phân tích hồi quy**  
**Model Summary<sup>b</sup>**

| Model | R                 | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Durbin-Watson |
|-------|-------------------|----------|-------------------|----------------------------|---------------|
| 1     | .947 <sup>a</sup> | .897     | .896              | .21387                     | 1.770         |

a. Predictors: (Constant), VC, DK, KK, PC, BM, QT, KT

b. Dependent Variable: HQ

**ANOVA<sup>a</sup>**

| Model      | Sum of Squares | df  | Mean Square | F       | Sig.              |
|------------|----------------|-----|-------------|---------|-------------------|
| Regression | 200.287        | 7   | 28.612      | 625.545 | .000 <sup>b</sup> |
| Residual   | 22.961         | 502 | .046        |         |                   |
| Total      | 223.248        | 509 |             |         |                   |

**Coefficients<sup>a</sup>**

| Model |            | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t      | Sig. |
|-------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|--------|------|
|       |            | B                           | Std. Error | Beta                      |        |      |
| 1     | (Constant) | -.336                       | .061       |                           | -5.473 | .000 |
|       | DK         | .030                        | .014       | .038                      | 2.164  | .031 |
|       | PC         | .190                        | .013       | .272                      | 15.110 | .000 |
|       | QT         | .108                        | .014       | .147                      | 7.974  | .000 |
|       | KT         | .113                        | .012       | .184                      | 9.670  | .000 |
|       | KK         | .187                        | .012       | .269                      | 15.365 | .000 |
|       | BM         | .164                        | .013       | .224                      | 12.928 | .000 |
|       | VC         | .239                        | .012       | .311                      | 19.826 | .000 |

a. Dependent Variable: HQ

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Từ kết quả phân tích hồi quy đa biến (*Bảng 3.16*), ta xây dựng được phương trình hồi quy tuyến tính đánh giá mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập tới biến phụ thuộc được xác định như sau:

$$QLNS = 0.038DK + 0.272PC + 0.147QT + 0.184KT + 0.269KK + 0.224BM + 0.311VC$$

Phương trình hồi quy tuyến tính cho thấy, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi: Nếu DK (Điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.038 đơn vị; Nếu PC (Quy quy định về phân cấp quản lý NSNN thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN thay đổi cùng chiều 0,272 đơn vị; Nếu QT (Quy trình thủ tục trong thu chi NSNN) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.147 đơn vị; Nếu KT (Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.184 đơn vị; Nếu KK (Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.269 đơn vị; Nếu BM (Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.224 đơn vị; Nếu VC (Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN) thay đổi một đơn vị thì hoạt động quản lý NSNN cũng thay đổi cùng chiều 0.311 đơn vị.

Qua kết quả phân tích định lượng, có thể thấy cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN và quy định về phân cấp quản lý NSNN có tác động mạnh nhất đến hoạt động quản lý NSNN; tiếp theo là các nhân tố: Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN; Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức làm công tác quản lý NSNN có ảnh hưởng thứ hai; nhân tố ít ảnh hưởng nhất là các điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội.

#### 3.5.2.5. Kiểm định sự phù hợp mô hình và giả thuyết

Từ *bảng 3.16* kết quả phân tích hồi quy, ta thấy hệ số xác định  $R^2 = 0,897$ , giá trị  $R^2$  cho biết rằng các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 89,70% sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Từ kết quả phân tích hồi quy và phương trình hồi quy tuyến tính có thể thấy mức độ ảnh hưởng của nhân tố đến hoạt động quản lý NSNN như sau: Điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội ảnh hưởng 3,8% đến hoạt động quản lý NSNN; Quy định về phân cấp quản lý NSNN ảnh hưởng 27,2% đến hoạt động quản lý NSNN; Quy trình thủ tục trong thu chi NSNN ảnh hưởng 14,7% đến hoạt động quản lý NSNN; Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN ảnh hưởng 18,4% đến hoạt động quản lý NSNN; Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN ảnh hưởng 26,9% đến hoạt động quản lý NSNN; Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức ảnh hưởng 22,4% đến hoạt động quản lý NSNN; Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN ảnh hưởng 31,1% đến hoạt động quản lý NSNN.

**Bảng 3.17. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết**

| <b>Giả thuyết</b>  | <b>Kết quả kiểm định</b> |
|--|--------------------------|
| H1: Điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội                         | Chấp nhận                |
| H2: Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội             | Chấp nhận                |
| H3: Quy trình thủ tục trong thu chi ngân sách nhà nước có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội          | Chấp nhận                |
| H4: Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội              | Chấp nhận                |
| H5: Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội | Chấp nhận                |
| H6: Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội             | Chấp nhận                |
| H7: Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội       | Chấp nhận                |

*Nguồn: tổng hợp kết quả kiểm định*

### **3.5.3. Nghiên cứu định tính bổ sung**

Trong phần này tác giả sẽ so sánh kết quả nghiên cứu định lượng và kết quả nghiên cứu định tính bổ sung để làm rõ hơn kết quả nghiên cứu.

#### *3.5.3.1. Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội*

Theo kết quả phân tích định lượng, điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội ảnh hưởng 3,8% đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Các ý kiến đánh giá về tác động của điều kiện kinh tế - xã hội Hà Nội đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá hội tụ với giá trị trung bình từ 2.98 đến 3.49 (*Bảng 3.18*).

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố điều kiện kinh tế - xã hội trong *phụ lục 2* cũng cho thấy rõ điều này. Có gần 30% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “*Sự ổn định về kinh tế xã hội của Hà Nội thu hút các nhà đầu tư, tăng nguồn thu cho ngân sách*” trong khi cũng có đến trên 30% không đồng ý. Trên 50% người được khảo sát cho rằng diện tích Hà Nội lớn, thu nhập của người dân Hà Nội cao hơn nên làm tăng nguồn thu cho ngân sách, trong khi chỉ có 38% cho rằng sự phát triển sản xuất công nghiệp có vai trò lớn trong thu ngân sách.

**Bảng 3.18. Thống kê mô tả đánh giá về điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội**

|  | Số lượng<br>mẫu quan<br>sát (phiếu) | Trung<br>bình | Độ lệch<br>chuẩn |
|--|-------------------------------------|---------------|------------------|
| Sự ổn định về kinh tế xã hội của Hà Nội thu hút các nhà đầu tư, tăng nguồn thu cho ngân sách | 510                                 | 2.98          | .919             |
| Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nên tăng nguồn thu cho ngân sách                           | 510                                 | 3.28          | 1.123            |
| Dân số Hà Nội đông nên đòi hỏi phải chi ngân sách lớn hơn                                    | 510                                 | 3.49          | 1.082            |
| Thu nhập tại Hà Nội cao hơn nên thu ngân sách được nhiều hơn                                 | 510                                 | 2.97          | 1.146            |
| Sự phát triển sản xuất công nghiệp có vai trò lớn trong thu ngân sách của Hà Nội             | 510                                 | 3.20          | 1.068            |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Bất, Nguyễn Xuân Thu (2016) và kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội. Một lãnh đạo cấp Phòng của Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: *“Hà Nội là trung tâm của cả nước, nơi tập trung nhiều cơ quan, doanh nghiệp, dân cư đông đúc, địa bàn rộng nên có điều kiện thu ngân sách nhà nước hơn các địa phương khác. Tuy nhiên để thu ngân sách được thì các cơ quan quản lý phải quyết liệt hơn trong các hoạt động, kể cả dùng biện pháp cưỡng chế”*.

Một ý kiến khác của cán bộ Kho bạc Nhà nước Hà Nội: *“Hà Nội sau khi sát nhập trở nên khá rộng lớn, dân số đông hơn nên nhu cầu chi ngân sách cũng tăng lên, việc cân đối ngân sách của Hà Nội thực sự khó khăn nếu không có sự quyết liệt trong thu chi ngân sách của các cơ quan quản lý”*.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội, sự ảnh hưởng này đến theo cả hai phía thu và chi ngân sách, điều đó hoàn toàn phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### 3.5.3.2. Ảnh hưởng của quy định về phân cấp quản lý NSNN

Theo kết quả phân tích định lượng, quy định về phân cấp quản lý NSNN ảnh hưởng 27,2 % đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Đây là mức ảnh hưởng khá cao so với các nhân tố khác trong mô hình nghiên cứu. Các ý kiến đánh giá

về tác động của phân cấp quản lý NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá tập với giá trị trung bình từ 2.93 đến 3.18. (Bảng 3.19)

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố phân cấp quản lý ngân sách nhà nước trong phụ lục 2 cũng cho phản ánh rõ điều này. Có trên 31% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội tự chủ hơn” trong khi cũng có đến trên 42% không đồng ý. Điều đó chứng tỏ mức độ tự chủ của địa phương trong quản lý ngân sách còn phụ thuộc vào cấp trên và còn nhiều vấn đề cần phải hoàn thiện. Chỉ có 27% người được khảo sát đồng ý với ý kiến phân cấp quản lý NSNN giúp cho việc lập dự toán thiết thực hơn trong khi có đến 267,7% không đồng ý với ý kiến này. Có 30% đồng ý phân cấp giúp giải ngân dễ dàng hơn, trong khi chỉ có 30% cho rằng Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội quyết toán ngân sách dễ dàng hơn; trên 30% đồng ý phân cấp quản lý NSNN có thể dễ dàng cân đối ngân sách các địa phương trên địa bàn Hà Nội.

**Bảng 3.19. Thống kê mô tả đánh giá về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước**

|  | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-------------------------------|------------|---------------|
| Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội tự chủ hơn                       | 510                           | 2.93       | 1.146         |
| Phân cấp quản lý NSNN giúp các cơ sở lập dự toán ngân sách thiết thực hơn                          | 510                           | 3.18       | 1.083         |
| Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội nhanh chóng giải ngân            | 510                           | 3.07       | 1.093         |
| Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội quyết toán ngân sách dễ dàng hơn | 510                           | 3.03       | 1.077         |
| Phân cấp quản lý NSNN có thể dễ dàng cân đối ngân sách các địa phương trên địa bàn Hà Nội          | 510                           | 3.10       | 1.087         |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tương đồng với kết quả nghiên cứu các tác giả Nguyễn Thị Bất, Nguyễn Xuân Thu (2016), Vũ Sỹ Cường (2012) khi nghiên cứu về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Tác giả Vũ Sỹ Cường (2012) khẳng định “Phân cấp ngân sách đem lại nhiều lợi ích trong quản lý ngân sách, song nó cũng chứa đựng các rủi ro tiềm tàng”.

Kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội cũng đồng nhất với ý kiến này.

Một công chức của Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: “*Phân cấp quản lý ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào phân bổ từ trung ương*”.

Một ý kiến khác cũng của công chức Sở Tài chính Hà Nội cho biết “*Thủ tục quyết toán ngân sách rất phức tạp, đặc biệt là quyết toán chấp hành ngân sách tại các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn NSNN*”.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội, mức ảnh hưởng là tương đối cao, điều đó hoàn toàn phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### 3.5.3.3. Ảnh hưởng của quy trình thủ tục trong quản lý NSNN

Theo kết quả phân tích định lượng, quy định về quy trình, thủ tục trong quản lý NSNN ảnh hưởng 14,7 % đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Các ý kiến đánh giá về tác động của quy định về quy trình, thủ tục trong quản lý NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá tập trung với giá trị trung bình từ 2.97 đến 3.48. (Bảng 3.20)

**Bảng 3.20. Thống kê mô tả đánh giá về quy trình thủ tục trong quản lý NSNN**

|   | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---|-------------------------------|------------|---------------|
| Quy trình thủ tục lập dự toán ngân sách chặt chẽ và thiết thực      | 510                           | 3.27       | 1.074         |
| Quy trình thủ tục giải ngân ngân sách thuận lợi và minh bạch        | 510                           | 2.97       | .911          |
| Quy trình thủ tục quyết toán ngân sách nhanh chóng, chính xác       | 510                           | 3.25       | 1.129         |
| Quy trình thủ tục tạo điều kiện cho hoạt động thu ngân sách         | 510                           | 3.48       | 1.087         |
| Quy trình thủ tục tạo thuận lợi cho các nhiệm vụ chi tại địa phương | 510                           | 3.25       | 1.108         |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố quy trình thủ tục trong quản lý NSNN trong phụ lục 2 cũng cho thấy rõ điều này. Có gần 29% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “*Quy trình thủ tục lập dự toán ngân sách chặt chẽ và thiết thực*” trong khi cũng có đến trên 23% không đồng ý. Trên 26% người được khảo sát cho rằng quy trình thủ tục giải ngân ngân sách thuận lợi và minh bạch, 43% cho rằng thủ tục quyết toán nhanh chóng và chính xác; 48% đồng ý rằng quy trình thủ tục tạo điều kiện cho hoạt động thu ngân sách; 36% đồng ý quy trình thủ tục tạo thuận lợi cho các

nhiệm vụ chi tại địa phương.

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của nhân tố quy trình thủ tục trong quản lý NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Phương Thảo (2014); Nguyễn Thu Hương (2016), và kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội.

Một lãnh đạo cấp trung tại Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: *“Thủ tục trong các hoạt động quản lý ngân sách khá nhiều và chặt chẽ, đặc biệt trong thanh quyết toán. Hồ sơ qua nhiều cấp xét duyệt nên khá mất thời gian nhưng về lý thuyết sẽ đảm bảo cho sự chính xác cao hơn”*.

Phòng vấn một công chức làm công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Sở Tài chính Hà Nội nhận được ý kiến: *“Quy định về các thủ tục trong thu chi ngân sách rất nhiều và phức tạp, đặc biệt trong chấp hành ngân sách. Mỗi hồ sơ dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ vốn ngân sách phải trải qua nhiều bước thực hiện với quy định khá chặt, từ lập và phê duyệt dự án, tổ chức đấu thầu công khai, tạm ứng triển khai, thanh quyết toán”*.

Công chức Phòng Tài chính Kế hoạch tại một quận trung tâm Hà Nội cho biết: *“Khâu yếu nhất trong quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản nằm ở giám sát thi công và nghiệm thu khối lượng làm công tác thanh quyết toán ngân sách do Chủ đầu tư thường thiếu kỹ năng chuyên môn trong xây dựng cơ bản”*.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy quy trình thủ tục trong quản lý NSNN có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Sự ảnh hưởng này xuất phát từ nguyên tắc đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác và hiệu quả trong thu chi NSNN và phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

#### 3.5.3.4. Ảnh hưởng của Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN

Theo kết quả phân tích định lượng, quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN ảnh hưởng 18,4% đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Các ý kiến đánh giá về tác động của quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá thấp với giá trị điểm trung bình chỉ từ 2.17 đến 2.93. (Bảng 3.21)

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN trong phụ lục 2 cũng cho thấy rõ mức độ đánh giá. Có gần 29% số người được hỏi đồng ý với ý kiến *“Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần chống thất thoát, lãng phí NSNN”* trong khi có đến trên 48,7% không đồng ý. Trên 29% người được khảo sát cho rằng công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ đúng trình tự quy định. Chỉ có 13% cho rằng công tác thanh tra kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra. Điều này là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tiễn khi mà có quá nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra hàng năm, nội dung thanh tra thì chồng chéo nhau; 32% đồng ý hoạt động thanh tra kiểm tra đảm bảo đúng thời gian



quy định; 38% đồng ý hoạt động thanh kiểm tra mang tính chuyên nghiệp.

**Bảng 3.21. Thống kê mô tả đánh giá về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN**

|  | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-------------------------------|------------|---------------|
| Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần chống thất thoát, lãng phí NSNN                              | 510                           | 2.76       | 1.273         |
| Công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ đúng trình tự quy định                                       | 510                           | 2.80       | 1.232         |
| Công tác thanh tra kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra | 510                           | 2.17       | 1.133         |
| Hoạt động thanh tra kiểm tra đảm bảo đúng thời gian quy định                                       | 510                           | 2.86       | 1.210         |
| Hoạt động thanh tra, kiểm tra mang tính chuyên nghiệp  | 510                           | 2.93       | 1.327         |
| Hoạt động thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả                                     | 510                           | 2.73       | 1.172         |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của nhân tố quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Thanh Hoa (2015) và Hoàng Ngọc Sơn (2017), đồng thời cũng khá tương đồng với kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội.

Một công chức làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: “*Các hoạt động liên quan đến thu chi ngân sách hiện nay chịu sức ép rất lớn từ các cuộc thanh kiểm tra, bao gồm cả thanh kiểm tra nội bộ và thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng*”; “*Hầu hết các đoàn thanh kiểm tra đều thực hiện theo trình tự quy định, tuân thủ về mặt thời gian nhưng còn có thể chống thất thoát lãng phí hay không thì còn phải xem xét*”.

Công chức Phòng Tài chính Kế hoạch tại một huyện ngoại thành Hà Nội cho biết: “*Chúng tôi ở cấp dưới, thừa hành quản lý ngân sách tại địa phương, hàng năm chúng tôi phải tiếp hàng chục đoàn thanh tra, kiểm tra, nhiều khi không còn thời gian làm công tác chuyên môn nữa*”.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Sự ảnh hưởng này có cả ảnh hưởng tiêu cực và ảnh hưởng tích cực và phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### 3.4.3.5. Ảnh hưởng của chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN

Theo kết quả phân tích định lượng, chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN ảnh hưởng 26,9% đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Đây là mức ảnh hưởng cao so với các nhân tố khác trong mô hình. Các ý kiến đánh giá về tác động của chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá cao và tập trung với giá trị điểm trung bình chỉ từ 3,05 đến 3,46. (Bảng 3.22)

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN trong phụ lục 2 cũng cho thấy rõ mức độ đánh giá. Có trên 42% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “Các nguồn lực của NSNN được hỗ trợ để phát triển” trong khi chỉ có 20% không đồng ý. Trên 35% người được khảo sát cho rằng chính sách ưu đãi dành cho các đối tượng nộp thuế được công khai minh bạch; 48% cho rằng chính sách thuế hiện hành đảm bảo nguồn thu bền vững; 37% đồng ý chính sách thuế hiện hành đảm bảo công bằng giữa các nguồn thu; 50% đồng ý “Chính sách thuế hiện hành đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng”.

**Bảng 3.22. Thống kê mô tả đánh giá về khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN**

|  | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-------------------------------|------------|---------------|
| Các nguồn lực của NSNN được hỗ trợ để phát triển                           | 510                           | 3.28       | 1.118         |
| Chính sách ưu đãi dành cho các đối tượng nộp thuế được công khai minh bạch | 510                           | 3.05       | 1.223         |
| Chính sách thuế hiện hành đảm bảo nguồn thu bền vững                       | 510                           | 3.39       | 1.177         |
| Chính sách thuế hiện hành đảm bảo công bằng giữa các nguồn thu             | 510                           | 3.24       | 1.007         |
| Chính sách thuế hiện hành đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng                  | 510                           | 3.46       | .863          |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của nhân tố chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Minh Tân (2018) đồng thời cũng khá tương đồng với kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội.

Một công chức làm việc tại Cục thuế Hà Nội chia sẻ: “Để đảm bảo nguồn thu

*bền vững, Cục thuế Hà Nội có nhiều chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển. Chỉ khi doanh nghiệp phát triển, có doanh thu, có lợi nhuận thì họ mới có khả năng nộp thuế, không xảy ra tình trạng chây ì, nợ đọng”.*

Phòng vẫn một số đối tượng nộp thuế cũng cho ý kiến tương tự: *“Chúng tôi sẵn sàng nộp thuế nếu làm ăn có lãi; chúng tôi rất mong nhà nước có chính sách hỗ trợ hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi. Làm ăn có lãi thì không giục chúng tôi cũng nộp thuế đầy đủ và đúng hạn”.*

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội và phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### 3.5.3.6. Ảnh hưởng của tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức

Theo kết quả phân tích định lượng, tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức ảnh hưởng 22,4% đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Đây là mức ảnh hưởng cũng khá cao so với các nhân tố khác trong mô hình. Các ý kiến đánh giá về tác động của chính sách khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá cao và tập trung với giá trị điểm trung bình chỉ từ 3,26 đến 3,78. (Bảng 3.23)

**Bảng 3.23. Thống kê mô tả đánh giá về bộ máy quản lý ngân sách nhà nước**

|   | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---|-------------------------------|------------|---------------|
| Có sự phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý NSNN   | 510                           | 3.53       | 1.070         |
| Cơ quan quản lý cấp trên luôn hướng dẫn tạo điều kiện cho cấp dưới                            | 510                           | 3.47       | 1.081         |
| Nhiệm vụ quản lý NSNN các cấp là phù hợp  | 510                           | 3.46       | 1.035         |
| Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN đều được đào tạo có bài bản             | 510                           | 3.57       | .980          |
| Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN có tinh thần trách nhiệm trong công tác | 510                           | 3.78       | 1.017         |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức trong phụ lục 2 cũng cho thấy rõ mức độ đánh giá. Có 51% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “Có sự phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý NSNN” trong khi chỉ có 18% không đồng ý. Trên 45% người được khảo sát cho rằng cơ quan

quản lý cấp trên luôn hướng dẫn tạo điều kiện cho cấp dưới. 51% đồng ý cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN đều được đào tạo có bài bản; 60% đồng ý với ý kiến cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN có tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của nhân tố tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tương đồng với kết quả nghiên cứu của TS. Vũ Minh Phong (2016), đồng thời cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội.

Một lãnh đạo cấp Phòng tại Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: *“Hầu hết những người được phân công làm công tác quản lý ngân sách nhà nước đều phải là những người được đào tạo chính quy, bài bản, có kinh nghiệm trong công tác vì hoạt động quản lý NSNN là khá phức tạp”*. *“Chúng tôi thường xuyên phối hợp giữa các đơn vị, đặc biệt là phối hợp theo ngành dọc để hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ trong quản lý ngân sách”*.

Công chức làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội cho biết: *“Chúng tôi thường xuyên nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ cấp trên và đồng nghiệp trong các hoạt động nghiệp vụ”*. *“Sự phối hợp giữa các cơ quan Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan Hà Nội; Kho Bạc Hà Nội trong quản lý NSNN là rất cần thiết. Chúng tôi thường xuyên trao đổi cập nhật thông tin giữa các đơn vị với nhau để thực hiện tốt hoạt động quản lý NSNN”*.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Sự ảnh hưởng này khá cao và phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### 3.5.3.6. Ảnh hưởng của cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN

Sở Tài chính Hà Nội luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào hoạt động chuyên môn. Nhờ có những giải pháp công nghệ hiện đại phục vụ chế độ tổng hợp, báo cáo đã cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin về tài chính, tạo tiền đề cho Sở Tài chính trong việc tham mưu với HĐND, UBND thành phố điều hành linh hoạt công tác tài chính - ngân sách. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng đồng bộ, dữ liệu được bổ sung, hoàn thiện; các ứng dụng được triển khai đã hỗ trợ nhiều cho công tác quản lý. Sở Tài chính Hà Nội luôn duy trì hệ thống điện tử công vụ của thành phố, giúp Lãnh đạo Sở cũng như cán bộ, công chức thuận tiện hơn trong trao đổi, giải quyết công việc. Từ đó góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc và tăng chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ được giao. Sở cũng rất quan tâm tới công tác duy trì, nâng cấp các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp như Cổng Thông tin điện tử của Sở, hệ thống văn phòng điện tử, hệ thống hòm thư công vụ, phần mềm quản lý hồ sơ một cửa, phần

mềm dịch vụ công trực tuyến giúp người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin, giao dịch với Sở Tài chính đơn giản, thuận tiện.

Đối với UBND các quận, huyện, Sở Tài chính Hà Nội chủ động triển khai lắp đặt và hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý ngân sách, tập trung triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm với phạm vi từ Sở đến các Phòng Tài chính kế hoạch quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn. Sở Tài chính Hà Nội cũng áp dụng chương trình công nghệ thông tin phục vụ công tác kế toán, quản lý tài sản nhà nước tới các đơn vị hành chính sự nghiệp của thành phố. Bên cạnh đó, Sở Tài chính Hà Nội cũng phối hợp với cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước, Hải quan, Kế hoạch và đầu tư trong vận hành đường truyền và ứng dụng CNTT liên ngành. Một loạt các ứng dụng, chương trình được đưa vào sử dụng như: Chương trình cấp mã số đơn vị quan hệ ngân sách nhà nước, hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc TABMIS...các ứng dụng này đã giúp cho cơ quan tài chính thực hiện nhiệm vụ dễ dàng, hiệu quả hơn khi bám sát các nội dung chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách; kiểm tra, rà soát tốt hơn đối với các hoạt động thu, chi của các đơn vị thụ hưởng ngân sách.

Hà Nội đã triển khai trang bị phần mềm hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) từ năm 2011. Trước đây khi chưa có sự hỗ trợ của TABMIS, mọi số liệu phải vào sổ thủ công hoặc sử dụng các phần mềm phân tán khác nên gặp khó khăn. Khi TABMIS đi vào hoạt động thì số liệu thu, chi ngân sách được theo dõi đồng bộ, chính xác, kịp thời. Cơ quan tài chính, kho bạc các cấp bất kỳ thời điểm nào cũng có thể tra cứu được các khoản phát sinh thu - chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; thông tin về thu, chi ngân NSNN, tồn quỹ trên phạm vi thành phố Hà Nội được cập nhập kịp thời. Phần mềm TABMIS đã giúp cơ quan tài chính và kho bạc nhà nước thực hiện nhiệm vụ dễ dàng, hiệu quả hơn khi bám sát các nội dung chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách, kiểm tra, rà soát tốt hơn đối với các hoạt động thu chi, của các đơn vị thụ hưởng ngân sách.

Song song với đó là công tác bảo đảm hạ tầng truyền thông đã được Cục Tin học và Thống kê tài chính đầu tư, nâng cấp và vận hành ổn định từ Sở Tài chính đến các Phòng Tài chính – Kế hoạch quận, huyện, thị xã. Đến nay 100% xã, phường, thị trấn đã sử dụng phần mềm kế toán xã, nhiều đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm quản lý tài sản công. Từ đó giúp cho công tác điều hành về tài chính – ngân sách, tổng hợp thống kê được đảm bảo kịp thời, chính xác. Từ tháng 7/2016, Sở Tài chính đã vận hành chính thức chương trình dịch vụ trực tuyến mức 4 về cấp mã số. Bên cạnh đó, việc vận hành dịch vụ công trực tuyến mức 4 về công tác cấp mã đã giúp cho việc cấp mã số được nhanh chóng, nhất là đối với việc cấp mã số đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, góp phần quan trọng vào công tác cải cách hành chính. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo,

tập huấn sử dụng các chương trình tin học dùng chung. Đến nay, cơ bản cán bộ công chức của Sở đã có đủ năng lực và trình độ để vận hành các chương trình tin học.

Theo kết quả phân tích định lượng, cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN ảnh hưởng 31,1% đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Đây là mức ảnh hưởng cao nhất so với các nhân tố khác trong mô hình. Các ý kiến đánh giá về tác động của cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội khá cao và tập trung với giá trị điểm trung bình chỉ từ 3,24 đến 4,08. (Bảng 3.24)

**Bảng 3.24. Thống kê mô tả đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quản lý NSNN**

|  | Số lượng mẫu quan sát (phiếu) | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-------------------------------|------------|---------------|
| Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách Hà Nội tương đối đầy đủ   | 510                           | 3.90       | .830          |
| Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách đảm bảo cho hoạt động quản lý có hiệu quả                             | 510                           | 3.95       | 1.073         |
| Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác | 510                           | 4.08       | 1.026         |
| Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép phối hợp chặt chẽ                         | 510                           | 3.97       | .981          |
| Cơ quan quản lý NSNN luôn được ưu tiên trang bị máy móc, thiết bị hiện đại   | 510                           | 3.24       | 1.103         |

*Nguồn: kết quả phân tích định lượng*

Kết quả thống kê từng khía cạnh của nhân tố cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN trong *phụ lục 2* cũng cho thấy rõ mức độ đánh giá. Có 75% số người được hỏi đồng ý với ý kiến “Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách Hà Nội tương đối đầy đủ”. Trên 69% người được khảo sát cho rằng cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách đảm bảo cho hoạt động quản lý có hiệu quả; Trên 61% đồng ý hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác; trên 77% đồng ý với ý kiến hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép phối hợp chặt chẽ; 35% cho rằng cơ quan quản lý NSNN luôn được ưu tiên trang bị máy móc, thiết bị hiện đại.

Kết quả phân tích về sự ảnh hưởng của nhân tố cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội tuân thủ với ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ tài chính Đinh Tiến Dũng, đồng thời cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu định tính bổ sung của tác giả qua phỏng vấn sâu một số công chức đang làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội.

Một lãnh đạo Sở Tài chính Hà Nội chia sẻ: “*Chúng tôi luôn ưu tiên nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động quản lý của Sở Tài chính nói chung và quản lý NSNN nói riêng. Anh em có môi trường làm việc tốt với đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại mới có thể phát huy hết năng lực, đem lại hiệu quả quản lý cao hơn*”.

Công chức làm việc tại Sở Tài chính Hà Nội cho biết: “*Chúng tôi được trang bị khá đầy đủ cơ sở vật chất để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong quản lý NSNN, chẳng hạn chúng tôi được ntrang bị hệ thống phần mềm kết nối các cơ quan quản lý NSNN như Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan Hà Nội; Kho Bạc Hà Nội, nhờ đó chúng tôi dễ dàng cập nhật thông tin liên quan*”.

Kết quả khảo sát định tính bổ sung cho thấy nhân tố cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý NSNN có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội. Sự ảnh hưởng này khá cao và phù hợp với kết quả phân tích định lượng.

### **3.6. Đánh giá chung**

#### **3.6.1. Những kết quả đạt được**

Trong quá trình cải cách tài chính công ở Việt Nam, cùng sự hoàn thiện môi trường pháp lý, các cơ quan quản lý chuyên ngành nói chung và Sở tài chính nói riêng đã có những cải tiến trong công tác quản lý NSNN và đem lại kết quả đáng khích lệ. *Cụ thể:*

- Thành phố Hà Nội luôn duy trì đà tăng trưởng kinh tế, GDP tăng trưởng hợp lý. Số thu NSNN hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu, số thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, ngoài việc đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của thành phố, còn giúp điều tiết về NSTW. Nền kinh tế thành phố ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, chú trọng đến phát triển công nghiệp, dịch vụ. Nhiều vấn đề xã hội bước đầu đã được giải quyết như: Lao động có việc làm ngày càng được nâng lên; tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị giảm; thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm qua các năm; hệ số chênh lệch giữa nhóm giàu và nhóm nghèo trên địa bàn thành phố ở mức thấp so với các thành phố khác trực thuộc Trung ương.

- Sở Tài chính Hà Nội đã thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất UBND thành phố Hà Nội tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; điều hành linh hoạt thu, chi ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý, phân cấp quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ về thu, chi ngân sách địa phương. Việc ban hành các văn bản về quản lý NSNN của UBND thành phố và Sở Tài chính Hà Nội đã được thực hiện một cách kịp thời, cụ thể hóa được các quy định của Nhà nước trong quản lý NSNN; đáp ứng được các định hướng, kế hoạch của thành phố trong quản lý NSNN, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý cũng như đối tượng quản lý có căn cứ để thực hiện.

- Sở Tài chính Hà Nội đã thực hiện tốt công tác lập dự toán thu, chi ngân sách của Thành phố, lập phương án phân bổ ngân sách, báo cáo UBND thành phố để trình

HĐND thành phố quyết định; Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới đảm bảo tính chính xác và đúng quy định. Việc phân bổ dự toán hàng năm theo đúng quy trình và thời hạn quy định, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, rà soát kỹ các nhiệm vụ chi ngoài định mức khoán chi, không bố trí dự toán cho các nhiệm vụ chưa thật sự cấp bách. Công tác quản lý, điều hành thu-chi ngân sách địa phương về cơ bản đã thực hiện theo các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, Luật Đầu tư, ... và các văn bản hướng dẫn của Trung ương cũng như thành phố, khai thác các nguồn thu, đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ chi của thành phố.

- Sở Tài chính Hà Nội và Kho bạc Nhà nước Hà Nội đã có sự phối hợp với Cục Thuế Hà Nội; Cục Hải quan Hà Nội và chính quyền các địa phương tổ chức thực hiện thu ngân sách trên địa bàn Hà Nội đảm bảo thu đúng, thu đủ cho ngân sách. Trong quản lý chi ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội đã phối hợp với các ngành, các địa phương thực hiện tốt các biện pháp để bảo đảm sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Với chủ trương tiết kiệm chi tiêu, tăng hiệu quả chi ngân sách, Sở Tài chính Hà Nội đã tích cực tham mưu và là đầu mối phối hợp với các Sở liên quan hướng dẫn các đơn vị thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên để bổ sung vốn cho chi đầu tư phát triển; giám chi đối với đơn vị sự nghiệp theo lộ trình đã được UBND thành phố phê duyệt.

- Sở Tài chính Hà Nội đã tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách ở tất cả các khâu, các lĩnh vực trên địa bàn Hà Nội; tăng cường kiểm soát chặt chẽ, hạn chế việc bổ sung kinh phí để mua sắm tài sản, phương tiện làm việc không thật sự cần thiết; đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư với chi thường xuyên theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển qua đó tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và gia tăng được nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính cũng đã phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai mua sắm tập trung theo phương thức đấu thầu tập trung, đảm bảo công khai, minh bạch, giúp thành phố thực hiện theo đúng quy định về mua sắm tài sản công đồng thời tiết kiệm được gần 400 tỷ đồng. Sở Tài chính Hà Nội chủ trì phối hợp và hướng dẫn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, thu thập hồ sơ, thông tin về tài sản công đối với các loại tài sản là nhà đất, vật kiến trúc, xe ô tô, tài sản cố định khác đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo quy định.

- Sở Tài chính Hà Nội đã tham mưu cho UBND Thành phố triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ nuôi dưỡng nguồn thu nhưng cũng đảm bảo khai thác tối đa cho NSNN. Đồng thời cũng có những biện pháp tiết kiệm chi, tinh gọn bộ máy và tinh giảm biên chế; các nhiệm vụ chi đều được dự toán ngân sách sát thực, chi đúng, chi đủ. Nhờ đó, nguồn thu và doanh số thu tăng lên trong khi số chi ngân sách thì tiết kiệm. Với sự nỗ lực của Sở Tài chính và sự điều hành sát sao của UBND thành phố Hà



Nội, việc cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đã từng bước được cải thiện và đem lại hiệu quả đáng kể. Chính vì vậy, cân đối ngân sách thành phố từ năm 2010 đến nay đều thặng dư và đều có chuyển nguồn về NSTW.

- Sở Tài chính Hà Nội đã không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ công chức trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước ở các cấp nhằm nâng cao năng lực quản lý. Sở Tài chính đã tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo quán triệt tư tưởng, biện pháp quản lý ngân sách nhà nước. Qua đó nâng cao trình độ và năng lực cho các cán bộ viên chức đang làm nhiệm vụ quản lý NSNN.

- Sở Tài chính Hà Nội luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chuyên môn, tập trung triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm với phạm vi từ Sở đến các Phòng Tài chính kế hoạch quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn. Đối với Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis), Sở Tài chính Hà Nội đã phối hợp với Cục Tin học & Thống kê Tài chính, Kho bạc Nhà nước triển khai đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho các phòng, đơn vị thuộc sở, các phòng tài chính kế hoạch quận, huyện và một số sở, ngành trên địa bàn thành phố. Hàng năm, đơn vị phối hợp với Cục Tin học & Thống kê Tài chính triển khai đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ tham gia hệ thống đảm bảo việc sử dụng, khai thác hệ thống ứng dụng hiệu quả, đáp ứng kịp thời công tác điều hành thu - chi ngân sách.

Sở Tài chính Hà Nội cũng đã đầu tư xây dựng và triển khai phần mềm quản lý tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp đến các sở ngành, quận huyện để tổng hợp, quản lý toàn bộ dữ liệu là nhà đất, trụ sở làm việc, ô tô và tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên và nguyên giá nhỏ hơn 500 triệu đồng. Đầu tư xây dựng phần mềm tích hợp quản lý giá của Sở Tài chính để quản lý thông tin về giá thuộc phạm vi của đơn vị như: giá đất, giá dịch vụ công ích, giá trong tổ tụng hình sự, giá cả thị trường... Bên cạnh đó, Sở Tài chính cũng phối hợp với Kho bạc Nhà nước Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chương trình phần mềm đầu tư liên ngành triển khai cho tất cả các sở ngành, quận huyện, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn để quản lý thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

### **3.6.2. Những hạn chế**

Mặc dù có những kết quả đáng khích lệ trong quản lý NSNN nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội vẫn xuất hiện những hạn chế, bất cập.

*Thứ nhất, phân cấp quản lý ngân sách chưa hợp lý.*

Phân cấp quản lý NSNN còn mang nặng tính phân bổ, giao chỉ tiêu từ cấp trên xuống, chưa bám sát tình hình kinh tế xã hội tại từng quận huyện dẫn đến vẫn còn tình trạng trùng lặp, chồng chéo về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp ngân sách; hạn chế tính độc lập của từng cấp ngân sách; việc lập dự toán, tổng hợp dự toán, quyết định dự toán ở cấp dưới phụ thuộc nhiều vào quyết định dự toán của cấp trên.

*Thứ hai, công tác kế hoạch hoá nguồn thu chưa được coi trọng đúng mức, xây dựng dự toán thu ngân sách chưa có cơ sở vững chắc.*

Nguồn thu ngân sách chủ yếu của thành phố Hà Nội đến từ Cục Thuế và Cục Hải quan Hà Nội. Các cơ quan này kết hợp với UBND các cấp lập dự toán thu ngân sách hàng năm. Sở Tài chính có nhiệm vụ thẩm định và trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng trước những biến động phát triển liên tục của kinh tế xã hội Hà Nội, các Cơ quan quản lý thu ngân sách khó có thể làm tốt công tác kế hoạch hóa các nguồn thu để từ đó có biện pháp quản lý và thu đúng, thu đủ. Cả Sở Tài chính và các đơn vị quản lý thu đều chưa nắm chắc được khả năng nguồn thu trên địa bàn bao gồm các nguồn thu đã có, nguồn thu sẽ phát sinh để từ đó có biện pháp đa dạng hóa các nguồn thu. Ngoài ra, do chưa có chiến lược phát triển nguồn thu nên buộc phải tập trung quản lý thu đối với các đơn vị doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã có với mức thuế tương đối cao để nhằm đạt được dự toán được giao.

Dự toán thu là cơ sở để điều hành, quản lý thu ngân sách, tuy nhiên việc lập dự toán thu chưa được xây dựng một cách có khoa học, thường tham khảo số kiểm tra của Sở Tài chính Hà Nội và tình hình thu ngân sách năm hiện hành, dự ước khả năng phát triển KT-XH của năm kế hoạch đề ra dự toán thu (bản thân số kiểm tra của Sở Tài chính thường cũng dựa trên số kiểm tra của Bộ Tài chính mà thông báo cho các quận, huyện, thị xã). Các cấp cơ sở căn cứ vào số kiểm tra từ cấp trên đưa về kết hợp với tình hình địa phương và kinh nghiệm chủ quan để xây dựng dự toán ngân sách. Điều này cũng xuất phát từ nguyên nhân công tác kế hoạch hóa nguồn thu còn yếu, ngoài ra còn có nguyên nhân khách quan là thường bị áp đặt của cơ quan cấp trên về số thu ngân sách nhất là thu thuế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

*Thứ ba, hoạt động quản lý thu còn chưa tốt, còn tình trạng thất thu thuế, mặc dù tổng số thu hàng năm đều vượt so với dự toán được giao.*

Trách nhiệm của Sở Tài chính Hà Nội phải chủ trì phối hợp với Cục Thuế và Cục Hải quan Hà Nội thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm chống thất thu thuế. Tuy nhiên trên thực tế tình trạng nợ đọng thuế có xu hướng ngày càng tăng, trong đó số nợ khó thu chiếm tỷ lệ không phải là nhỏ. Cơ quan thuế cũng chưa thật sự kiên quyết trong việc tham mưu UBND Thành phố ban hành các quyết định cưỡng chế hành chính để thu hồi nợ đọng đối với các trường hợp có điều kiện trả nợ thuế nhưng dậm dưa, chây ỳ không chịu trả. Ngoài ra công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan như công an, viện kiểm sát, UBND các địa phương trong việc đôn đốc thu hồi nợ thuế cũng chưa tốt, chưa mang lại hiệu quả.

Tình trạng thất thoát trong lĩnh vực đất đai cũng còn tồn tại, việc thu hồi và giao đất của nhiều dự án phải điều chỉnh nhiều lần, công tác giải phóng mặt bằng chậm, kéo dài, dẫn đến việc tính tiền sử dụng đất gặp khó khăn, chậm trễ. Đồng thời, việc thực hiện các nghĩa vụ về nộp quỹ nhà ở, quỹ đất ở cho Nhà nước theo quy định cũng bị điều chỉnh theo xu hướng miễn giảm nghĩa vụ phải nộp, gây thất thu tiền và tài sản của Nhà nước. Việc quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê cũng dễ xảy ra nhiều vấn đề, có dấu hiệu buông lỏng quản lý, gây thất thoát ngân sách Nhà nước.

*Thứ tư, công tác tạm ứng và thanh toán vốn ngân sách theo dự toán được duyệt còn chậm, thủ tục còn khá phức tạp, chưa sát với thực tế.*

Công tác giải ngân còn chưa kịp thời, khối lượng thực hiện và thanh toán vốn đầu tư thường dồn vào cuối năm. Việc phân bổ vốn cho các dự án chậm nên làm chậm tiến độ thanh toán vốn. Công tác lập hồ sơ thanh toán thủ tục còn khá phức tạp nên không đáp ứng kịp thời gây ứ đọng vốn và gây khó khăn cho nhà thầu do thiếu vốn thi công dẫn đến chậm tiến độ thi công.

Việc thanh toán vốn đầu tư trong những năm qua do hệ thống tổ chức Kho bạc Nhà nước thực hiện về cơ bản đã đảm bảo chế độ, quy trình thanh toán vốn do Kho bạc Nhà nước quy định. Tuy nhiên, việc giải ngân vốn đầu tư nói chung còn chậm, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, hoàn chỉnh hồ sơ làm căn cứ thanh toán của chủ đầu tư cũng chậm. Có dự án được ghi kế hoạch song vẫn chưa đủ điều kiện theo quy định. Còn diễn ra tình trạng thanh toán vốn đầu năm chậm, cuối năm dồn dập và chuyển nguồn vốn sang năm sau thanh toán tiếp quá nhiều.

Ở giai đoạn thực hiện thi công thì công tác giám sát thi công không thực hiện chặt chẽ, tinh thần trách nhiệm của đơn vị tư vấn giám sát chưa cao.

*Thứ năm, sự phối hợp giữa các đơn vị trong hoạt động quản lý thu chi, cân đối ngân sách nhà nước cũng bộc lộ một số hạn chế.*

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự phối hợp giữa các đơn vị với ngành tài chính trong quá trình quản lý thu chi NSNN còn chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ. Lãnh đạo UBND các xã, phường chưa thật sự quan tâm đến công tác thu thuế. Một số nơi còn có tư tưởng không chỉ đạo, không phối hợp thì cũng đã có ngành thuế thu, ngân sách địa phương thì nghiêm nhiên được hưởng theo tỷ lệ điều tiết đã được HĐND tỉnh quy định. Các ban ngành chưa thực sự quan tâm phối hợp với ngành thuế trong công tác quản lý thu thuế, đôi khi còn có quan điểm cho rằng công tác quản lý thu thuế là của ngành thuế.

Lực lượng cán bộ làm công tác ủy nhiệm thu do các địa phương tuyển dụng và bố trí, tuy nhiên thực tế cho thấy việc bố trí này chưa phù hợp, nhiều trường hợp kiêm nhiệm không đúng quy định. Cán bộ công chức làm nhiệm vụ thu chưa thật sự am hiểu chuyên môn nghiệp vụ, việc theo dõi kết quả thu nộp tiền thuế, theo dõi nợ, báo cáo số liệu chưa chính xác; có nơi có hiện tượng lạm thu đối với hộ kinh doanh có thu nhập thấp, công tác quản lý sử dụng, thanh toán ấn chỉ thuế còn sai sót.

Thủ tục hành chính trong quản lý kê khai thuế còn rườm rà qua nhiều thủ tục, nhiều bước với nhiều đơn vị khác nhau, đặc biệt là các thủ tục về dự án đầu tư; về xác nhận nghĩa vụ thuế liên quan đến quyền sử dụng đất. Thời gian để thực hiện các thủ tục này kéo dài gây khó khăn cho doanh nghiệp. Mặc dù đã có sự chỉ đạo trong việc cải cách hành chính đối với vấn đề này nhưng qua thực tế điều tra cho thấy sự phiền hà về thủ tục trong việc kê khai tính thuế nộp thuế còn còn khá nhiều.

*Thứ sáu, thủ tục trong quyết toán NSNN còn khá rườm rà và cứng nhắc.*

Khâu quyết toán NSNN là khâu rất quan trọng, qua đó cho phép kiểm soát được các hoạt động sử dụng NSNN theo đúng quy định và nâng cao hiệu quả của việc sử dụng NSNN cho các nhiệm vụ chi. Tuy nhiên, quy trình và chứng từ quyết toán đòi hỏi nhiều và khá cứng nhắc. Một số ý kiến cho rằng thủ tục cứng nhắc là tất yếu vì phải tuân thủ theo các quy định, không thể linh hoạt để dãi chấp thuận nếu không đủ giấy tờ vì còn liên quan đến việc sử dụng ngân sách, đến thanh tra, kiểm tra sau này.

Chất lượng của công tác thẩm tra quyết toán chưa cao do đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ thẩm tra duyệt quyết toán ít đi kiểm tra thực tế mà chỉ dựa vào hồ sơ, sổ sách, chứng từ các đơn vị trình lên, nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của công tác thanh quyết toán, đôi khi thất thoát lãng phí vốn đầu tư mà trên thực tế không nắm được.

*Thứ bảy, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý ngân sách nhà nước còn chưa cao.*

Qua thanh tra, kiểm tra các cơ quan kiểm tra đã phát hiện sai phạm thất thoát vốn đầu tư của ngân sách nhà nước. Nhưng trong kết luận thanh tra chưa làm rõ thất thoát, lãng phí và những hành vi tham nhũng tiêu cực trong quản lý, sử dụng vốn diễn ra ở khâu nào mà chỉ xem xét về trình tự thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản nên chưa quy rõ trách nhiệm của tập thể hay cá nhân để kiến nghị xử lý.

Công tác kiểm tra, thanh tra chưa toàn diện, đầy đủ và hiệu quả không cao, chế tài xử phạt chưa nghiêm; chưa thực sự phát huy được hiệu lực trong việc phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm trong hoạt động quản lý, chưa đánh giá được hiệu quả của vốn đầu tư.

Lực lượng kiểm tra, thanh tra còn mỏng về số lượng nên khó có thể thực hiện thanh tra tại từng chân công trình mà chỉ đi điểm một vài công trình trong một cuộc thanh tra nên không phát hiện hết được các lỗi vi phạm trong các dự án đầu tư từ ngân sách, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Công tác xử lý sau kiểm tra, thanh tra chưa triệt để và kéo dài. Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của thanh tra chưa kịp thời và chủ yếu chỉ tập trung vào xử lý các vấn đề tài chính, chứ chưa quan tâm xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm nên hiệu lực còn hạn chế.

### **3.6.3. Nguyên nhân hạn chế**

#### *3.6.3.1. Nguyên nhân chủ quan*

- Quy định trong quản lý NSNN, đặc biệt là các quy định về thu-chi NSNN còn rườm rà, phức tạp, chưa rõ ràng, minh bạch gây khó khăn, tốn kém cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế, dễ phát sinh tiêu cực trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế.

- Chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan quản lý chức năng như quản lý đất đai, tài nguyên môi trường, quản lý đầu tư; quản lý thanh toán, quản lý xuất nhập khẩu, quản lý đăng ký kinh doanh... Hiện nay, hình thức thanh toán bằng tiền mặt còn diễn ra phổ biến trong nền kinh tế do vậy ngành thuế không thể kiểm tra,

kiểm soát được quá trình thanh toán, thu nhập của các đối tượng chịu thuế dẫn đến việc tính toán số thuế phải nộp không chính xác, làm thất thu thuế cho ngân sách.

- Đội ngũ cán bộ quản lý thu ngân sách còn yếu, một số cán bộ làm công tác quản lý thu NSNN trình độ hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý thu hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính trong quản lý thu. Một số trường hợp chưa tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi Nhà nước và quyền lợi người nộp thuế nên chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các Luật thuế.

- Sự phối kết hợp giữa Sở Tài chính Hà Nội và các ngành chức năng trên cùng một địa bàn chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất. Phân công trách nhiệm không rõ ràng, chưa xây dựng được quy chế phối hợp trong công tác chống thất thu thuế, chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn một cách đồng bộ.

- Chưa có biện pháp để bồi dưỡng, mở rộng nguồn thu một cách thỏa đáng. Đây là một vấn đề rất quan trọng và được thể hiện qua phân tích định lượng với mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý NSNN là 26,9%. Các đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp thu các khoản phí, phí chưa chủ động trong việc rà soát kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề chưa hợp lý trong quá trình thực hiện, chưa tận dụng hết những điều kiện thuận lợi của đơn vị mình để tăng cường khai thác nguồn thu...

- UBND thành phố, Sở Tài chính Hà Nội chưa thường xuyên rà soát, bổ sung danh mục, điều chỉnh mức thu đối với các khoản thu phí trên địa bàn theo định kỳ, dẫn đến việc sửa đổi bổ sung các văn bản pháp lý về quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương chưa kịp thời, nhiều mức thu đã quá lạc hậu hoặc có khi quá cao không phù hợp với thực tiễn.

### 3.6.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống quản lý NSNN qua nhiều lần cải cách vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa chuyển hướng kịp thời để thích nghi với môi trường kinh tế ngày càng biến động; chưa dự báo hết những chuyển biến nhanh chóng của quá trình phát triển kinh tế - xã hội; chính sách quản lý NSNN chưa bao quát hết mọi nguồn thu, kiểm soát được các nhiệm vụ chi của NSNN. Hệ thống các văn bản pháp luật trong quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản từ NSNN trong thời gian qua được các cơ quan có thẩm quyền ban hành tương đối đầy đủ, việc sửa đổi, bổ sung thực hiện thường xuyên nhưng nhìn chung còn thiếu đồng bộ, nhiều quy định còn chồng chéo, khó thực hiện trong thực tế quản lý, nhiều hệ thống đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu và chậm được sửa đổi cho phù hợp.

- Chế tài xử phạt khi vi phạm trên lĩnh vực đầu tư và xây dựng còn quá thiếu, đến nay Chính phủ chưa ban hành được nghị định về xử phạt hành chính trên lĩnh vực này. Các chế tài về thuế còn hạn chế, chưa đủ sức răn đe việc vi phạm pháp luật về thuế, sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và cơ quan thuế trong một số trường hợp xử lý vi phạm chưa được chặt chẽ, chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Một thời gian dài chưa coi trọng đúng mức công tác tuyên truyền giáo dục,

giải thích chính sách thuế để nâng cao sự hiểu biết, tự giác tuân thủ pháp luật của đối tượng nộp thuế.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt luật NSNN đến các đơn vị sử dụng ngân sách chưa sâu sắc, chưa đạt được mục tiêu đề ra, do vậy nhận thức về luật NSNN và các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng NSNN của các cơ quan đơn vị và của cán bộ còn hạn chế. Các cấp chính quyền địa phương chưa thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, trong việc xây dựng kế hoạch dự toán hàng năm, trong công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư... một số ngành, đơn vị, xã phường thuộc thành phố sử dụng các khoản chi NSNN chưa chấp hành tốt các qui định của luật, chưa nâng cao ý thức quản lý sử dụng vốn tiết kiệm, có hiệu quả. Việc chấp hành cơ chế quản lý tài chính, quản lý chi tiêu NSNN không đúng quy định là nguyên nhân nảy sinh lãng phí ở một số khâu, một số khoản chi.

- Năng lực của các chủ đầu tư, nhất là khối xã, phường không đồng đều và còn yếu, trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư và xây dựng chưa đáp ứng được yêu cầu dẫn đến nhiều sai phạm trên lĩnh vực này.

- Chưa thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm minh các trường hợp khi thấy dấu hiệu chi sai nguyên tắc tài chính. Công tác thanh tra kiểm tra trong quản lý NSNN tuy được tiến hành thường xuyên nhưng kết luận, xử lý sai phạm còn chưa nghiêm minh dẫn đến giảm tính hiệu quả của công tác này. Chưa có cơ chế rõ ràng, cụ thể để thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng, của các đoàn thể nhân dân nhất là các công trình có huy động đóng góp của nhân dân.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Chương 3 đã khảo sát phân tích thực trạng hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội giai đoạn 2010-2017 trên các khía cạnh: tổ chức hệ thống quản lý NSNN của Thành phố Hà Nội; thực trạng hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội với 7 nội dung cụ thể (tham mưu cho UBND và HĐND thành phố trong quản lý ngân sách; quản lý lập và phân bổ dự toán ngân sách; Phối hợp quản lý thu ngân sách nhà nước theo phân cấp; Quản lý chi ngân sách nhà nước theo phân cấp; Cân đối thu chi và quyết toán ngân sách nhà nước; Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách nhà nước; Công tác phối hợp trong quản lý ngân sách nhà nước).

Luận án đã đánh giá kết quả quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội theo các chỉ tiêu đã xác lập ở chương 2 và kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách của Sở Tài chính Hà Nội. Kết quả phân tích hồi quy đã kiểm chứng cho các giả thuyết nghiên cứu và cho thấy cả 7 nhân tố trong mô hình đều có tác động thuận chiều đến biến phụ thuộc là hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội. Trên cơ sở đó, luận án rút ra được 9 thành tựu đạt được, 7 vấn đề được coi là hạn chế trong hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội, đồng thời luận án cũng chỉ ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan gây ra những hạn chế này. Những kết quả nghiên cứu ở chương 3 là cơ sở để luận án đề xuất những giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội.

## CHƯƠNG 4

### GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI

#### 4.1. Mục tiêu và phương hướng quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

##### 4.1.1. Mục tiêu quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2016-2020; Quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội được xác định cụ thể bao gồm các mục tiêu:

*Thứ nhất*, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn, bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Phân đầu tiếp tục đà thặng dư ngân sách với mục tiêu cụ thể: tổng thu NSNN trên địa bàn: 238.370.000 triệu đồng; tổng chi NSNN trên toàn Hà Nội: 95.293.019 triệu đồng.

*Thứ hai*, thực hiện quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư công đảm bảo hiệu quả, tránh dàn trải; nâng cao vai trò định hướng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài NSNN để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội; kết hợp với nâng cao chất lượng quản lý đầu tư để tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách. Chi đạo rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ xây dựng cơ bản, không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản mới.

*Thứ ba*, Triển khai thực hiện công tác quản lý tài sản nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn Thành phố đảm bảo kịp thời, thống nhất; xây dựng phương án phân cấp quản lý tài sản công. Quản lý chặt chẽ việc mua sắm tài sản công, đồng thời có các giải pháp để cải thiện các bất cập trong đấu thầu tập trung mua sắm tài sản công đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tế.

*Thứ tư*, Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài sản nhà nước, tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đối với những cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch phải thực hiện di dời; phối hợp các bộ, ngành hoàn chỉnh và công bố công khai quy hoạch để có cơ sở triển khai thực hiện.

*Thứ năm*, đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính về đất đai, tập trung tháo gỡ vướng mắc trong khâu tổ chức thực hiện, nhất là trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của thành phố, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo kế hoạch; tăng cường quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa còn vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

*Thứ sáu*, Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Kế hoạch của UBND Thành phố: rà soát quy hoạch mạng lưới đơn vị sự nghiệp công; rà soát, ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí. Sớm hoàn thành phân loại, xây dựng và triển khai phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Từng bước chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng, giảm dần mức hỗ trợ từ NSNN để có nguồn tăng chi đầu tư, chi hỗ trợ trực tiếp cho người có công với cách mạng, người nghèo và các đối tượng chính sách để được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu.

*Thứ bảy*, các cấp, các ngành của thành phố phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế, hải quan tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại và chuyển giá; tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu NSNN được cấp có thẩm quyền giao ở mức cao nhất, có nguồn đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý các nhiệm vụ phát sinh.

#### **4.1.2. Phương hướng quản lý ngân sách thành phố Hà Nội**

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật NSNN, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết HĐND Thành phố bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN.

- Triển khai phân bổ, điều hành dự toán ngân sách ngay từ đầu năm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng chế độ quy định; bám sát tồn quỹ ngân sách của cấp mình để đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi, trong đó, đặc biệt đảm bảo chi lương và các khoản liên quan đến con người, đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan tài chính các cấp phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã quản lý chi NSNN theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định. Chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương (NSĐP), tổ chức chi ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển (thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) và chủ động dành nguồn để thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành.

- Trường hợp thu NSĐP dự kiến giảm so với dự toán đã được giao, phối hợp với các cấp, các ngành chủ động tham mưu UBND thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng phương án điều hành cân đối, sử dụng các nguồn lực tài chính



hợp pháp khác của địa phương (tăng thu năm trước, kết dư) để đảm bảo cân đối NSDP, ưu tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan con người, an sinh xã hội; xóa đói giảm nghèo. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp khó khăn, xảy ra thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách các cấp, phải kịp thời báo cáo UBND thành phố để xem xét, xử lý.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố tập trung triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn; thực hiện các biện pháp giảm mức phí, chi phí đầu vào cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, cùng các sở, ngành có liên quan khẩn trương thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2019.

## **4.2. Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách Nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội**

### **4.2.1. Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước**

Kết quả nghiên cứu định tính và định lượng cho thấy quy định về phân cấp quản lý NSNN ảnh hưởng 27,2% đến hoạt động quản lý NSNN. Có thể nói mức ảnh hưởng của quy định về phân cấp đến hoạt động quản lý ngân sách là khá mạnh. Qua nghiên cứu thực trạng cho thấy phân cấp quản lý ngân sách còn mang nặng tính phân bổ, giao chỉ tiêu từ cấp trên xuống, chưa đảm bảo quyền lực của HĐND địa phương và chưa bám sát tình hình địa phương. Để giải quyết tình trạng này, *Sở Tài chính Hà Nội cần thực hiện một số giải pháp sau:*

- Cơ quan hành chính cấp trên không giao khoán chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách cho cấp dưới. Việc phân bổ chỉ tiêu nhiệm vụ chi cho từng lĩnh vực đề nghị giao cho HĐND quyết định để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Việc phân cấp cho HĐND trong phân bổ chi cũng đồng thời góp phần xóa bỏ tính lồng ghép trong hệ thống NSNN, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cấp ngân sách được quy định rõ ràng hơn, đơn giản được các thủ tục trong công tác lập, chấp hành và quyết toán NSNN. Sở Tài chính Hà Nội sẽ là cơ quan tổng hợp, theo dõi hoạt động thu chi NSNN tại các quận huyện.

- Khi quy định nguồn thu- nhiệm vụ chi và xây dựng định mức phân bổ ngân sách cần chú ý đến những yếu tố đặc thù của các địa phương. Quy định cụ thể về thời kỳ ổn định ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới cần được xác định vào năm đầu thời kỳ ổn định và có thể điều chỉnh tùy thuộc tình hình tăng trưởng từng năm bằng hệ số. Đồng thời cần hoàn thiện hệ thống tiêu chí, các nguyên tắc về bổ sung có mục tiêu gắn với các định hướng và chiến lược phát triển ưu tiên của từng vùng, miền và kế hoạch trung hạn của địa phương.

- Giao cho các quận huyện trên địa bàn Hà Nội tự chủ trong quyết định và quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi. Các khoản thu được phân chia cho các cấp ngân sách: Phân cấp các khoản thu cần dựa trên nguyên tắc “lợi ích”, đảm bảo tăng thu của NSDP phải đi kèm với việc cải thiện chất lượng dịch vụ công do quận huyện đó cung cấp.

- Mở rộng quyền tự chủ của địa phương trong quyết định chi tiêu: Cho phép chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra các quyết định chi tiêu theo ưu tiên của địa phương, phải phù hợp với chiến lược và mục tiêu phát triển của quốc gia. Việc mở rộng quyền tự chủ của địa phương trong các quyết định chi tiêu sẽ dựa trên nguyên tắc chi tiêu được thực hiện ở cấp chính quyền nào trực tiếp cung ứng dịch vụ công có hiệu quả nhất. Tránh tình trạng cùng một nhiệm vụ chỉ được phân ra cho quá nhiều cấp mà không có sự xác định ranh giới rõ ràng, dẫn đến chỗ không quy được trách nhiệm giải trình và sự chồng chéo, đùn đẩy giữa các cấp chính quyền.

- Cần quy định cụ thể và rõ ràng hơn nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp chính quyền trong quy trình ngân sách, bảo đảm quyền tự chủ của cấp dưới gắn liền với tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài chính ở cấp địa phương, nhằm thực hiện nghiêm kỷ luật tài khóa: Việc đẩy mạnh phân cấp quản lý ngân sách chỉ có thể đạt được mục tiêu mong muốn khi gắn liền với việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài chính ở cấp địa phương. Đồng thời tăng cường hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử nhằm bảo đảm tính hiệu quả của quản lý ngân sách. Tăng cường trách nhiệm giải trình của mỗi cấp chính quyền trong quản lý ngân sách không chỉ với cấp trên mà trước hết là với HĐND và người dân ở địa phương đó.

#### **4.2.2. Đổi mới quy trình lập và quyết định dự toán NSNN**

Kết quả phân tích định lượng thể hiện quy trình thủ tục trong thu chi NSNN ảnh hưởng 14,7% đến hoạt động quản lý NSNN. Với một nền hành chính còn khá nặng về giấy tờ thì mức độ ảnh hưởng này là điều có thể hiểu được. Để đổi mới quy trình lập và quyết định dự toán NSNN, *Sở Tài chính Hà Nội cần thực hiện một số giải pháp:*

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý NSNN nói chung và quản lý chi ngân sách nói riêng; giảm bớt đầu mối, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý chi đặc biệt là trong lĩnh vực cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý NSNN.

- Tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội thực hiện đổi mới quy trình lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách: chuyển từ kiểu truyền thống (dựa trên cơ sở tổng nguồn lực hiện có và hệ thống các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành để xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách, không gắn giữa kinh phí đầu vào với kết quả đầu ra) sang phương pháp hiện đại, dựa vào kết quả đầu ra và gắn với tầm nhìn trung hạn. Từ đó, nâng cao chất lượng công tác lập, quyết định và phân bổ dự toán ngân sách của các đơn vị thụ hưởng ngân sách, cơ quan tài chính, HĐND và UBND thành phố.

- Công khai ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải đầy đủ, kịp thời, chính xác và đảm bảo yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Nội dung công khai bao gồm: Công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, các căn cứ, nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán ngân sách; công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm); công

khai quyết toán ngân sách nhà nước. Việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **4.2.3. Tăng cường hoạt động giám sát trong quá trình chấp hành NSNN**

Một trong những hạn chế mà nghiên cứu đã chỉ ra là công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chấp hành ngân sách, từ khi dự toán được duyệt, tổ chức đấu thầu, giải ngân, quyết toán đến thanh tra, kiểm tra chấp hành ngân sách còn nặng về hồ sơ giấy tờ. Cán bộ làm nhiệm vụ thẩm tra phê duyệt quyết toán ít đi kiểm tra thực tế mà chỉ dựa vào hồ sơ, sổ sách, chứng từ các đơn vị trình lên, nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của công tác thanh quyết toán, đôi khi thất thoát lãng phí vốn đầu tư mà trên thực tế không nắm được. Vì vậy, *Sở Tài chính Hà Nội cần tăng cường các hoạt động sau:*

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả giám sát của HĐND đối với hoạt động dự toán, chấp hành và quyết toán NSNN. Từ kết quả giám sát cần có sự đánh giá đầy đủ, chuẩn xác, tin cậy về tình hình tuân thủ luật pháp kinh tế, tài chính và tuân thủ các quyết định, các nghị quyết của HĐND. Và cũng từ giám sát, HĐND sẽ có căn cứ thực tế để thảo luận và quyết định các vấn đề. Cần đổi mới hoạt động giám sát của HĐND, thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục, có chọn lọc, có chủ định. Tăng cường hiệu quả của giám sát và đề cao, chấp hành hiệu quả pháp lý của giám sát.

- Tổ chức, thành lập một bộ phận độc lập với bộ phận làm công tác quản lý tài chính để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra nội bộ về quản lý, sử dụng kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc. Với mô hình này có thể khắc phục được các hạn chế của công tác xét duyệt quyết toán và của công tác kiểm tra nội bộ về quản lý, sử dụng NSNN. Bộ phận độc lập thực hiện công tác kiểm tra, xét duyệt quyết toán được lồng ghép cùng công tác kiểm tra nội bộ nên không bị hạn chế về thời gian xét duyệt quyết toán, thời gian kiểm tra, qua đó có thể xem xét, đánh giá được toàn bộ các nội dung chi của đơn vị về việc chấp hành theo các chính sách, chế độ, định mức quy định của nhà nước, của cơ quan quản lý cấp trên; xem xét, so sánh được kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan hành chính sự nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác giám sát quá trình chấp hành NSNN tại các đơn vị có sử dụng NSNN. Cần nghiên cứu kỹ báo cáo việc thực hiện NSNN của đối tượng chịu sự giám sát. Đối chiếu với dự toán NSNN đã được cấp có thẩm quyền thông qua; Đối chiếu, so sánh kết quả thực hiện với kết quả đạt được của cùng kỳ năm trước để có thể thấy được khả năng hoàn thành dự toán, mức độ tiến bộ trong công tác quản lý NSNN;

- Tìm hiểu về các vướng mắc, nguyên nhân của các tồn tại dẫn đến việc khó hoàn thành được dự toán để có đánh giá phù hợp về khả năng thực hiện dự toán và đưa ra các giải pháp tháo gỡ;

- Nâng cao hiệu quả quản lý NSNN của đội ngũ cán bộ công chức tài chính ở các quận, huyện và xã phường thông qua hoạt động đào tạo bồi dưỡng trình độ chuyên

môn, năng lực phẩm chất. Cán bộ quản lý chi ngân sách đóng vai trò đặc biệt quan trọng đến hiệu quả quản lý chi ngân sách. Do vậy, vấn đề đặt ra là phải đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực phẩm chất của đội ngũ cán bộ này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý tài chính nói chung và quản lý chi ngân sách nói riêng trên địa bàn thành phố.

#### **4.2.4. Đổi mới trong thực hiện quyết toán ngân sách Nhà nước**

- Sở Tài chính là đầu mối phối hợp và chỉ đạo các đơn vị cấp dưới tổ chức công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước. Đây là biện pháp nhằm công khai, minh bạch các khoản chi từ NSNN, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức Nhà nước, tập thể người lao động và nhân dân trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng; Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hàng năm được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp; Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sở Tài chính tham mưu cho UBND thành phố Hà Nội quy định cụ thể vai trò của UBND các cấp, các đơn vị chuyên quản tài chính theo ngành dọc trong việc kiểm tra công khai ngân sách của cấp dưới, chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp; Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện có vi phạm thì phải xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện công khai NSNN theo quy định.

- *Tăng cường công tác thẩm định, xét duyệt quyết toán NSNN tại Sở Tài chính và các đơn vị.* Theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp I và quyết toán chi của ngân sách cấp huyện hoặc xét duyệt quyết toán năm trong trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị thụ hưởng ngân sách. Tuy nhiên, việc kiểm tra công tác thẩm định, xét duyệt quyết toán của Sở Tài chính chưa được kiểm toán viên chú trọng, chưa có sự đánh giá đầy đủ về công tác này của Sở Tài chính khi kiểm toán Sở Tài chính. Trong khi đó, sự đánh giá cũng chưa được lưu ý đúng mức tại các báo cáo kiểm toán khi qua kiểm toán ngân sách huyện và các đơn vị dự toán cấp tỉnh, với mức độ, tính chất của những sai sót, vi phạm chưa được Sở Tài chính phát hiện qua thẩm định báo cáo quyết toán.

#### **4.2.5. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản chi ngân sách Nhà nước**

Nâng cao hiệu quả quản lý chi đầu tư là yêu cầu cấp bách trong điều kiện hiện nay. *Để thực hiện, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:*

*Thứ nhất,* việc xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm phải tuân thủ chặt chẽ những quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng. Việc bố trí danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, dự án quy hoạch, chuẩn bị thực hiện, thực hiện đầu tư phải tuân thủ

chắc chẽ các điều kiện để được ghi vốn; cơ cấu vốn đầu tư phải đảm bảo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, không bố trí dàn trải, bố trí vượt quá khả năng cân đối của ngân sách. Ưu tiên bố trí vốn các công trình chuyển tiếp, các công trình đã được phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn.

*Thứ hai*, cần tập trung rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư đối với các công trình sử dụng NSNN hàng năm, đặc biệt là đánh giá các công trình thuộc các chương trình phát triển kinh tế xã hội của thành phố như: chương trình giao thông nông thôn và nâng cấp hẻm nội thị; chương trình kiên cố hóa kênh mương, kiên cố hóa trường học, đề án nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông; việc thực hiện đề án tăng cường cơ sở vật chất cho các trường tiểu học dạy ngày 2 buổi... Từ đó khắc phục những tồn tại, loại bỏ những dự án, công trình đầu tư không hiệu quả để tránh lãng phí.

#### **4.2.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý ngân sách Nhà nước**

Kết quả nghiên cứu cho thấy những quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN có ảnh hưởng 18,4% đến hoạt động quản lý NSNN. *Để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong giai đoạn hiện nay cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:*

- Công tác kiểm tra, kiểm soát cần phải đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan, khi kết luận phải có căn cứ, có tác dụng tích cực đối với đơn vị được thanh tra, đồng thời chỉ rõ những việc làm được để phát huy và những việc chưa làm được để đơn vị có hướng khắc phục sửa chữa. Thanh tra tài chính là một trong những công cụ quan trọng của nhà nước trong công tác quản lý tài chính. Công tác thanh tra tài chính nhằm giúp phát hiện, kịp thời chấn chỉnh và xử lý các sai phạm trên lĩnh vực tài chính, ngân sách, đồng thời qua đó phát hiện những sơ hở của cơ chế, chính sách, chế độ. quản lý chi để kiến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Công tác thanh tra, kiểm tra không chỉ tìm các đối tượng trốn, lậu thuế mà nó thể hiện ở hai mặt: phát hiện vi phạm pháp luật thuế thông qua đó xử lý những đối tượng cố tình vi phạm luật thuế chống đối không nộp thuế, từ đó tác dụng răn đe đối với những hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh. Mặt khác thanh tra, kiểm tra sẽ góp phần quan trọng trong việc kiểm nghiệm tính chất phù hợp của các chính sách về thuế và cũng từ đó mà phát hiện những sơ hở, bất hợp lý của những văn bản qui định về thuế cũng như Luật thuế nhằm chấn chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

- Xác định các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung thanh tra, đặc biệt là các lĩnh vực dễ xảy ra lãng phí, thất thoát vốn như: công tác xây dựng cơ bản, mua sắm trang bị tài sản, tình hình sử dụng ngân sách của các đơn vị dự toán, công tác quản lý thu chi ngân sách của cấp xã, phường.

- Nâng cao trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, thường xuyên đào tạo, cập nhật các kiến thức mới không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, tài chính, QLNN mà còn nhiều kiến thức tổng hợp khác.

- Phải đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra theo dự toán chi ngân sách và thực tế đã chi. Qua thanh tra cần kết hợp với việc đánh giá hiệu quả sau thực hiện chi ngân sách.

- Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan có chức năng thanh tra ở địa phương để tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình thanh tra, gây khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị được thanh tra.

- Phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa thanh tra, kiểm tra với chính quyền địa phương và các ngành có liên quan, nhất là các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhằm đấu tranh chống các hành vi vi phạm như gian lận, trốn lậu thuế.

- Xử lý nghiêm minh các sai phạm được phát hiện để nâng cao hiệu lực của công tác thanh tra. Tùy theo tính chất, mức độ của sai phạm mà kiến nghị xử lý cho phù hợp nhằm làm cho công tác quản lý tài chính đi vào nề nếp, răn đe sai phạm.

#### **4.2.7. Tăng cường cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý thu, chi NSNN**

Cơ sở vật chất là nhân tố có ảnh hưởng hàng đầu (mức ảnh hưởng 31,1%) đến hoạt động quản lý NSNN, do đó cần có những biện pháp tích cực đầu tư trang bị cơ sở vật chất hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý NSNN đối với các đơn vị.

- Trang bị cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị hiện đại cho Sở Tài chính, Cục Hải quan; Cục Thuế Hà Nội và các đơn vị cấp dưới, đảm bảo điều kiện làm việc luôn trong trạng thái tốt nhất cho các cán bộ, công chức làm công tác quản lý NSNN.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý NSNN. Cài đặt các ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các phần mềm chuyên dụng trợ giúp cho việc lập dự toán, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, điều hành ngân sách và quyết toán ngân sách được thực hiện theo một quy trình thống nhất trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Xây dựng hệ thống mạng nội bộ kết nối giữa các cơ quan quản lý NSNN; giữa UBND với các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn Hà Nội; giữa Hà Nội với các Bộ ngành trung ương và các tỉnh thành phố khác đảm bảo truy cập thông tin được nhanh chóng thuận tiện, chính xác nhưng vẫn mang tính bảo mật cao.

- Trang bị phần mềm quản lý ngân sách xã, phần mềm quản lý thu chi ngân sách thành phố, quyết toán ngân sách địa phương và triển khai phần mềm kế toán đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp; phần mềm quản lý đăng ký kinh doanh, quản lý kế hoạch đầu tư, quản lý dự toán các đơn vị hành chính sự nghiệp...

- Tăng cường áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào công tác quản lý NSNN tại các đơn vị làm công tác quản lý NSNN.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu; Tiếp tục thực hiện triển khai dịch vụ công trực tuyến KBNN tại các quận huyện, tiến tới mở rộng triển khai, áp dụng trên toàn hệ thống KBNN trên địa bàn thành phố Hà Nội, tạo thuận lợi hơn nữa cho các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư và nâng cao chất lượng phục vụ của KBNN.

#### **4.2.8. Nâng cao trình độ cán bộ, công chức đáp ứng các nhu cầu về quản lý ngân sách Nhà nước**

Bộ máy tổ chức và nhân sự làm công tác quản lý NSNN có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động quản lý NSNN (mức ảnh hưởng 24,4%). Chính vì vậy, đây là giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý NSNN.

- Thành phố cần ban hành những quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức ngành tài chính thành phố. Đồng thời có chính

sách đãi ngộ của cán bộ công chức làm công tác quản lý tài chính, cán bộ kế hoạch, cán bộ kế toán, cấp phát quản lý vốn đầu tư.

- Xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ quản lý NSNN bằng cách đào tạo và đào tạo lại gắn với tiêu chuẩn hóa từng chức danh và yêu cầu công tác. Bên cạnh đào tạo chuyên môn nghiệp vụ còn phải chú ý đào tạo kiến thức về quản lý nhà nước, về kinh tế thị trường, ngoại ngữ, tin học...

- Thường xuyên nâng cao phẩm chất cho cán bộ quản lý NSNN trên địa bàn thành phố nhằm củng cố quan điểm lập trường, ý thức giai cấp để đội ngũ này làm công tác quản lý ngân sách tránh được tiêu cực hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Góp phần làm lành mạnh hoá lĩnh vực tài chính trên địa bàn thành phố. Cần rà soát lại số lượng, chất lượng cán bộ tài chính trên địa bàn thành phố và các xã phường cũng như các đơn vị đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn để có biện pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đặc biệt đối với cán bộ thuộc phòng Tài chính kế hoạch của các quận, huyện, Thành phố phải có chiến lược đào tạo để phù hợp với yêu cầu hiện nay và sắp đến trong lĩnh vực này. Phải xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ quản lý NSNN nhằm đảm bảo cho hiệu quả thu chi ngân sách. Cán bộ quản lý thu chi ngân sách không chỉ hiểu sâu sắc nghiệp vụ quản lý thu chi ngân sách mà còn hiểu về nghiệp vụ và kỹ thuật tổ chức thực hiện.

- Gắn việc đào tạo bồi dưỡng với quá trình sử dụng phù hợp với sở trường của cán bộ công chức quản lý NSNN. Quan tâm chế độ tiền lương và thu nhập của đội ngũ cán bộ công chức để họ yên tâm không tìm cách xoay sở bóp méo chính sách của Đảng và Nhà nước thực hiện trên địa bàn của một thành phố. Hàng năm phải đánh giá trách nhiệm công vụ của cán bộ công chức quản lý NSNN và xử lý nghiêm minh các trường hợp cố ý làm sai.

- Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xem xét lại chất lượng, hiệu quả công tác của từng cán bộ, từng lĩnh vực mà bố trí, sắp xếp lại một cách hợp lý và có hiệu quả.

### **4.3. Khuyến nghị**

#### **4.3.1. Khuyến nghị với UBND thành phố Hà Nội**

- *Thực hiện rà soát lại toàn bộ hệ thống các văn bản về quản lý, sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội:* Thực hiện vai trò quản lý nhà nước trong quản lý sử dụng ngân sách thành phố, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành các văn bản quy định, các quyết định và hướng dẫn thực hiện các quy định của tỉnh về chế độ, định mức chi ngân sách, các quyết định liên quan đến chi ngân sách, các văn bản hướng dẫn từ khâu lập dự toán ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách đến quyết toán chi ngân sách, thực hiện chế độ kế toán, v.v. Để tránh sự chòng chẹo hoặc chưa đúng quy định của hệ thống các văn bản này, Sở Tài chính Hà Nội chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng rà soát toàn bộ hệ thống văn bản trong quản lý sử dụng ngân sách thành phố theo từng ngành, từng lĩnh vực. Qua đó có thể phát hiện những lỗ hổng, những nội dung chưa đúng quy định, tham mưu cho UBND thành phố thu hồi, sửa đổi, thay thế các văn bản đó hoặc kiến nghị Bộ Tài chính xóa bỏ những văn bản chế độ đã lỗi thời không phù hợp với thực tế, ban hành các định mức, chế độ tài chính mới.

- *Rà soát, cải tiến, đánh giá bổ sung hoàn thiện lại các quy định và quy trình quản lý NSNN hiện hành, đặc biệt là quy trình quản lý thu thuế; quản lý chi NSNN.* Nghiên cứu xây dựng thêm một số quy trình mới để phục vụ cho việc thực hiện cơ chế tự khai tự nộp thuế và việc thực hiện luật quản lý thuế. Các quy trình này phải đơn giản, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công tác quản lý thuế theo cơ chế tự khai tự nộp thuế, thực hiện nguyên tắc “một cửa” trong việc giải quyết các công việc về thuế để giảm chi phí cho người nộp thuế và cho cả cơ quan thuế.

- *Rà soát xây dựng lại các định mức chi tiêu cho phù hợp với từng khu vực, từng địa phương làm căn cứ cho các địa phương thực hiện.* Các đơn vị, các ngành trên địa bàn thuộc thành phố quản lý không được tự ý đặt ra các chế độ định mức chi tiêu cho riêng mình mà phải chấp hành và phục tùng tuyệt đối theo chế độ định mức của Nhà nước và của thành phố ban hành. Việc xác định các định mức chi thường xuyên bao gồm các khoản cần phải được định rõ mức chi tiêu. Định mức chi tiêu này đòi hỏi thành phố phải dựa trên cơ sở mức chi tiêu của Hà Nội và của Nhà nước để từ đó xây dựng mức chi tiêu phù hợp với đặc điểm bộ máy tổ chức hành chính trên địa bàn.

#### **4.3.2. Khuyến nghị với cơ quan thuế và cơ quan hải quan**

##### *Thứ nhất, đổi mới cơ chế quản lý thu thuế*

Cơ chế quản lý thu thuế là nội dung rất quan trọng trong quá trình thực hiện quản lý thu thuế. Đây là yếu tố liên quan đến chế độ khuyến khích và khai thác các nguồn thu cho NSNN. Theo kết quả phân tích, chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn thu của NSNN ảnh hưởng 26,9% đến hoạt động quản lý NSNN. Vì vậy, cơ chế quản lý thu thuế cần được đổi mới theo hướng sau:

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

- Đề cao nghĩa vụ, tính chủ động của các tổ chức và cá nhân trong việc tự tính, tự kê khai và tự nộp thuế vào NSNN tự chịu trách nhiệm trước pháp luật thông qua việc thực hiện đại trà cơ chế tự kê khai - tự nộp thuế đối với toàn bộ các thành phần kinh tế thuộc Chi cục thuế quản lý thu thuế.

- Đổi mới cơ chế quản lý thu thuế phải gắn liền với cải cách thủ tục hành chính thuế để tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí chung của xã hội. Công tác cải cách hành chính thuế trước mắt tập trung ở một số nội dung sau:

+ Quy định các thủ tục về thuế cần được đảm bảo sự thống nhất và tập trung trong một văn bản pháp luật - luật quản lý thuế. Trong đó cần quy định rõ hơn về thủ tục cưỡng chế, thu hồi nợ thuế, thủ tục giải quyết khiếu nại, thủ tục xử lý vi phạm hành chính về thuế.

+ Có biện pháp sửa đổi, rút ngắn thời gian giải quyết các công việc về thuế như: rút ngắn thời gian cấp mã số thuế, thời gian mua hóa đơn, thời gian hoàn thuế so với quy định hiện hành; tăng số lượng hóa đơn được mua mỗi lần, đơn giản thủ tục mua hóa đơn lần sau, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp tự in hóa đơn để sử dụng.



+ Công bố thủ tục về thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở cơ quan thuế để các đối tượng nộp thuế biết và thực hiện, đồng thời giám sát việc thực hiện của cơ quan thuế.

+ Tăng cường đối thoại giữa cơ quan thuế và đối tượng nộp thuế, từ đó hướng dẫn đối tượng nộp thuế thực hiện đúng các thủ tục hành chính thuế theo quy định; phát hiện những vấn đề bất hợp lý về thủ tục để nghiên cứu sửa đổi. Đồng thời qua đối thoại có thể phát hiện các vi phạm của cán bộ thuế như những nhiễu, gây phiền hà để chấn chỉnh, xử lý.

+ Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc thực hiện và thời gian giải quyết các thủ tục về thuế ở các cơ quan thuế.

+ Hoàn thiện quy trình thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế, hoàn thuế. Hướng mạnh sang hậu kiểm để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra.

- Cải cách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể. Những năm qua thực hiện đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nên khu vực kinh tế hộ cá thể sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ ở thành phố Hà Nội phát triển rất mạnh, nguồn thu từ khu vực này chiếm hơn 60% trong tổng thu thuế từ khu vực kinh tế công thương nghiệp ngoài quốc doanh hàng năm của thành phố, tuy nhiên thất thu thuế từ khu vực này cũng không nhỏ. Do vậy đây là đối tượng nộp thuế cần được quan tâm đúng mức và cần có những đổi mới trong công tác quản lý thu thuế đối với đối tượng này. Cải cách công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể phải nhằm mục tiêu quản lý được tất cả các hộ thực tế có kinh doanh, quản lý sát đúng doanh thu kinh doanh, đôn đốc hộ kinh doanh tự giác nộp đầy đủ kịp thời các khoản thuế phải nộp vào ngân sách, hạn chế thất thu. Nội dung cải cách tập trung vào một số giải pháp sau:

+ Đơn giản hóa phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh cá thể theo hướng làm sao hộ kinh doanh cá thể tự xác định được nghĩa vụ nộp thuế của mình. Có thể gộp cả thuế trực thu và thuế gián thu thành một tỷ lệ tính trên doanh thu (tỷ lệ này dựa trên việc nghiên cứu thật kỹ đặc điểm kinh doanh và lợi nhuận của từng ngành nghề). Phương pháp này vừa thuận lợi cho hộ kinh doanh và cũng thuận lợi cho cơ quan thuế, đồng thời có thể giảm nhẹ được công tác giám sát của các ngành và của chính quyền.

+ Đơn giản hóa các thủ tục về kê khai nộp thuế, chú trọng giảm nhẹ nội dung kê khai cho phù hợp với trình độ của hộ kinh doanh cá thể.

+ Tăng cường công tác quản lý hộ. Những năm qua số đối tượng nộp thuế đăng ký kinh doanh trên địa bàn không ổn định. Số cơ sở kinh doanh thực tế cao song số cơ sở kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh lại còn thấp, vì vậy đã gây khó khăn cho công tác quản lý thuế cũng như khâu nộp thuế. Để quản lý đối tượng thuế một cách chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thuế, Chi cục thuế phối hợp các ngành có liên quan (Phòng tài chính kế hoạch, đội quản lý thị trường...) và UBND các xã, phường tổ chức kiểm tra đăng ký kinh doanh để phát hiện các cơ sở nào kinh doanh chưa đăng ký để đưa vào quản lý thu thuế. Lâu nay tình trạng thất thu về thuế ở thành phố Hà Nội có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân không quản lý được các đối tượng nộp thuế vì không nắm được địa chỉ cũng như doanh số bán hàng.

*Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế*

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế lâu nay đã được tiến hành nhưng hiệu quả vẫn còn thấp, chưa đi vào chiều sâu, còn nặng về phổ biến các quy định của chính sách thuế mới, phương thức tuyên truyền còn đơn điệu, cứng nhắc, chưa thường xuyên liên tục và có tính hình thức, chưa áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác này, đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế còn thiếu và yếu. Do vậy cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế bằng các hoạt động sau:

- Thành lập tổ tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế trực thuộc chi cục thuế thành phố để đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật thuế đến các tổ chức, cá nhân; thành lập đường dây nóng 24/24 hỗ trợ họ về mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các Luật thuế.

- Chú trọng việc xây dựng nội dung tuyên truyền, biên tập các tài liệu tuyên truyền phong phú, đa dạng, dễ hiểu.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế như: Tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung phong phú hơn, có thể xây dựng phim tài liệu, các tiểu phẩm hoặc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về thuế; tuyên truyền thông qua các công cụ trực quan như tranh cổ động, panô áp phích...; Thiết kế nội dung về chính sách thuế, các thủ tục hành chính thuế dưới dạng tờ rơi, sổ tay phát miễn phí tại cơ quan thuế, kể cả các trung tâm công cộng nơi đối tượng nộp thuế thường giao dịch.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán, chế độ kế toán cho các doanh nghiệp, đồng thời cung cấp kịp thời những thông tin về chính sách, chế độ thuế cho các doanh nghiệp để chấp hành. Thiết lập đường dây điện thoại nóng để kịp thời hướng dẫn, giải thích những vướng mắc cho đối tượng nộp thuế.

#### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 4**

Chương 4 luận án đã tổng hợp mục tiêu và phương hướng quản lý ngân sách Nhà nước của thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 qua các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Qua tổng hợp kết quả nghiên cứu kết hợp với cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất được 8 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội gồm: (i) Hoàn thiện việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; (ii) Đổi mới quy trình lập và quyết định dự toán ngân sách nhà nước; (iii) Tăng cường hoạt động trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước; (iv) Đổi mới trong thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước; (v) Quản lý và sử dụng có hiệu quả các khoản chi ngân sách nhà nước; (vi) Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời vi phạm trong quản lý ngân sách nhà nước; (vii) Tăng cường cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; (viii) Nâng cao trình độ cán bộ, công chức đáp ứng các nhu cầu về quản lý ngân sách nhà nước. Đồng thời chương 4 cũng đưa ra các khuyến nghị với Nhà nước, cơ quan thuế và cơ quan hải quan.

## KẾT LUẬN

Đề tài luận án tiến sĩ kinh tế: “*Quản lý ngân sách Nhà nước của Sở tài chính Hà Nội*” đã hoàn thành được các nhiệm vụ nghiên cứu, thực hiện được những mục tiêu đặt ra trong nghiên cứu và có những đóng góp chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, tổng quan được tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về quản lý ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương theo nội dung, phân cấp quản lý và nhân tố ảnh hưởng. Từ đó, đúc rút được những giá trị khoa học cần được kế thừa và những khoảng trống cần được nghiên cứu.

*Thứ hai*, hệ thống hóa cơ sở lý luận quản lý ngân sách nhà nước; quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương về chức năng, vai trò, phân cấp, quy trình, nội dung quản lý thu chi NSNN và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý.

*Thứ ba*, nghiên cứu, đánh giá kinh nghiệm quản lý ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Quảng Ninh, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Sở tài chính Hà Nội.

*Thứ tư*, nghiên cứu được thực trạng hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Hà Nội với các nội dung: Phân cấp quản lý NSNN; Quản lý thu – chi và cân đối NSNN; Chu trình quản lý NSNN; Công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý NSNN.

*Thứ năm*, xây dựng được mô hình, các thang đo để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội với các nhân tố: Điều kiện kinh tế xã hội Hà Nội; Quy định về phân cấp quản lý NSNN; Quy trình thủ tục thu chi NSNN; Quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN; Chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN; Tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức; Cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý ngân sách nhà nước. Qua nghiên cứu thực trạng và phân tích định lượng từ số liệu khảo sát thu thập được, nghiên cứu sinh đã có những đánh giá nhận xét về những ưu điểm, hạn chế trong hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội

*Thứ sáu*, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng và những đánh giá nhận xét về những ưu điểm, hạn chế trong hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội, nghiên cứu sinh đã đề xuất được 8 giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội.

Nhìn chung, luận án đã hoàn thành được mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra. Tuy nhiên, do khó khăn trong thu thập số liệu về thu, chi, kiểm tra, thanh tra sử dụng ngân sách nên luận án còn có một số vấn đề chưa nghiên cứu được:

- Tính công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước; ý kiến đánh giá từ phía các đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

- Tình trạng thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách, sử dụng tài sản công; trong dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

Những hạn chế nghiên cứu nêu trên gợi mở ra các hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai. Mặc dù đã rất nỗ lực cố gắng trong suốt quá trình nghiên cứu và mong muốn giải quyết thấu đáo các câu hỏi nghiên cứu đề ra, tuy nhiên, do hạn chế về điều kiện nghiên cứu và năng lực nghiên cứu của bản thân, luận án không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Nghiên cứu sinh rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để luận án được hoàn thiện hơn.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Ngô Thị Hồng Hạnh, *Tăng cường quản lý Ngân sách Nhà nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số 494 – Tháng 5 năm 2017, ISSN0868-3808.
2. Ngô Thị Hồng Hạnh, *Tạo bước đột phá quan trọng trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*, Tạp chí Tài chính, Kỳ 2 tháng 9 năm 2017 (665), ISSN-005-56
3. Ngô Thị Hồng Hạnh, *Vấn đề thu chi ngân sách Nhà nước trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 31 tháng 11 năm 2017, ISSN 0866-7120.
4. Hoàng Thanh Tùng, Ngô Thị Hồng Hạnh, *Quản lý thu – chi Ngân sách Nhà nước của Hà Nội: Thực trạng và giải pháp*, Đặc san khoa học Tài chính – Đầu tư Đông Nam Á, của Viện nghiên cứu tài chính, đầu tư và hợp tác, thương mại Đông Nam Á, ISSN 2615-9155, Số 4 – Tháng 10 năm 2018.
5. Hoang Thanh Tung, Ngo Thi Hong Hanh, *Factors affecting the state budget management: A typical case from Hanoi Department of Finance*, Review of Finance, ISSN – 2615 -8991, Vol. 2, Issue 1+2/2019, [www.tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn)
6. Lê Thị Kim Nhung, Ngô Thị Hồng Hạnh, *Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý ngân sách nhà nước của Sở tài chính Hà Nội*, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số 546 tháng 8 – 2019, ISSN0868-3808.
7. Ngô Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Vân Anh, *Kinh nghiệm quản lý ngân sách nhà nước tại một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho thành phố Hà Nội*, Đặc san viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội, UBND thành phố Hà Nội, số 04/2019.
8. Hoàng Thanh Tùng, Nguyễn Thị Vân Anh, Ngô Thị Hồng Hạnh, *Đánh giá mức độ hoàn thành thu, chi và cân đối ngân sách của TP. Hà Nội giai đoạn 2010 – 2018*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 01+02/ 2020, ISSN 0866-7120.
9. Ngô Thị Hồng Hạnh, Hoàng Thanh Tùng, *Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý ngân sách nhà nước cấp địa phương*, Bản tin Hà Nội hội nhập và phát triển, số 10(152)-2019.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu trong nước

1. Bằng An (2017), *Sở Tài chính Hà Nội: Thu, quản lý, sử dụng gần 3.000 tỷ sai quy định*, Tạp chí điện tử Thanh tra Việt Nam, <http://thanhtra vietnam.vn/tin-trong-nganh>, truy cập ngày 18/12/2018.
2. Lê Ngọc Châu (2004), *Một số giải pháp tăng cường kiểm soát chi NSNN qua hệ thống Kho bạc Nhà nước trong điều kiện ứng dụng tin học*, Luận án tiến sĩ.
3. Nguyễn Thị Bất, Nguyễn Xuân Thu (2016), *Tác động của phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đến quản trị nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế Phát triển, số 224, tháng 02/2016, tr. 31-41.
4. Bộ Tài Chính (2012). “*Quyết định số 1817/QĐ-BTC về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2010*”, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2008). *Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008*. Hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua KBNN.
6. Bộ Tài chính (2008). *Tài liệu bồi dưỡng kế toán trưởng và những quy định mới nhất về quản lý tài chính, kế toán thu chi ngân sách, tự chủ, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước*, Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2009). *Thông tư số 130/2009/TT-BTC ngày 24/6/2009 quy định Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị áp dụng trong chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ KBNN*.
8. Bộ Tài chính (2010). *Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010. Quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm*.
9. Dương Đăng Chinh (2010), *Giáo trình lý thuyết tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính
10. Chính phủ, *Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 4/4/2014 về việc ban hành quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
11. Cục thuế thành phố Hà Nội, <http://hanoi.gdt.gov.vn>, truy cập ngày 22/3/2019.
12. Cục Hải quan Hà Nội, <http://www.hanoicustoms.gov.vn>, truy cập ngày 2/3/2019.
13. Vũ Sỹ Cường (2012), *Phân cấp quản lý ngân sách ở Việt nam và định hướng đổi mới*, Khoa Tài chính công, Học viện Tài chính.
14. Bùi Mạnh Cường (2012), *Nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.

15. Thùy Dương (2018), *Minh bạch giúp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước*, BNEWS, <https://bnews.vn>
16. Thùy Dương (2017), *Chi ngân sách Nhà nước phải được quản lý chặt chẽ*, <http://cafef.vn>, truy cập ngày 25/10/2018.
17. Nguyễn Thị Phú Hà (2009), *Nâng cao hiệu quả quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước nhằm phục vụ nhu cầu phát triển ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hải Hà (2013), *Nhận diện một số bất cập trong phân cấp quản lý NSNN*, Tạp chí Tài chính, số 5/2013.
19. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), *Giáo trình Quản lý Tài chính công*, Học viện Tài chính.
20. Tô Thiện Hiền (2012), *Nâng cao hiệu quả quản lý NSNN tỉnh An Giang giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Ngọc Hiệu (2015), *Một số đặc trưng về tổ chức ngân sách của Hoa Kỳ và Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp điện tử, tháng 12/2015.
22. Thanh Hoa (2015), *Thanh tra Tài chính: Góp phần tích cực tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách*, Tạp chí Tài chính, đăng tải ngày 24/9/2015, <http://tapchitaichinh.com>, truy cập ngày 25/10/2018.
23. Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Vận dụng mô hình Tiebout vào phân cấp tài khóa ở Việt Nam*, Tạp Chí Phát triển Kinh tế, số 3.
24. Huỳnh Văn Hoài (2001), *Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý Ngân sách Nhà nước*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp, Hà Nội.
25. Trần Văn Hồng (2002), *Đổi mới cơ chế quản lý sử dụng vốn đầu tư XDCB của Nhà nước*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Hùng (2015). *Quản lý Ngân sách Nhà nước*, NXB. Thống kê. Hà Nội.
27. Võ Thành Hưng, Đinh Xuân Hà (2013), *Định hướng áp dụng kế hoạch tài chính và kế hoạch chi tiêu trung hạn ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, số 5/2013.
28. Trần Thị Lan Hương (2015), *Kinh nghiệm quản lý ngân sách của một số nước*, Tạp chí Tài chính số 11 kỳ 1-2015.
29. Phan Văn Khải (2010), *Phát triển đất nước nhanh và bền vững theo định hướng Xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Mai Đình Lâm (2012), *Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

31. Mai Đình Lâm, Mai Thị Kim Oanh (2015), “*Phân cấp Ngân sách địa phương tại thành phố Hồ Chí Minh, Thành tựu và hạn chế*”, Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội – số 109-110.
32. Khánh Linh (2018), *Hà Nội: Thu ngân sách năm 2018 ước đạt tăng 12,5%*, Thời báo Tài chính online, truy cập ngày 5/12/2018.
33. Lê Chi Mai (2006), *Phân cấp quản lý NSNN cho chính quyền địa phương: Thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
34. Nguyễn Thị Thanh Mai (2017), *Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thu chi ngân sách của thành phố Hải Phòng*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
35. Lê Văn Nghĩa (2018), *Quản lý chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Lắk*, Luận án tiến sĩ quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
36. Bùi Đường Nghiêu (2006), *Điều hòa ngân sách giữa Trung ương và địa phương*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Trần Thị Diệu Oanh (2012), *Phân cấp quản lý và địa vị pháp lý của chính quyền địa phương trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
38. Vũ Minh Phong (2016), *Quyết liệt trong quản lý để cân bằng Ngân sách nhà nước*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước số tháng 4/2016.
39. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13* được Quốc hội khoá XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 25/6/2015.
40. Hoàng Ngọc Sơn (2017), *Nâng cao vai trò, vị trí của Thanh tra Tài chính trong tình hình mới*, Tạp chí Tài chính số tháng 4/2017.
41. Lê Hùng Sơn (2003), *Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý tài chính dự án đầu tư tại hệ thống kho bạc nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ.
42. Sở Tài chính Hà Nội, Trang chủ <https://sotaichinh.hanoi.gov.vn>, truy cập ngày 18/12/2018.
43. Nguyễn Minh Tân (2018), *Chính sách phân bổ ngân sách nhà nước: Một số bài học rút ra từ ngân sách năm 2017*, Tạp chí Tài chính tháng 5/2018.
44. Hàn Tín (2017), *Thanh tra quản lý ngân sách, truy thu hàng chục nghìn tỷ đồng*, Diễn đàn của các Nhà quản trị, <https://theleader.vn>
45. Nguyễn Xuân Thu (2015), *Phân cấp quản lý ngân sách địa phương ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
46. Thủy Tiên (2017), *Năm 2017: Kinh tế - xã hội Hà Nội phát triển toàn diện*, Thời báo Kinh tế đô thị điện tử <http://kinhtedothi.vn>

47. Lê Thị Thanh (2013), *Phân cấp ngân sách và kỷ luật tài khóa: nhìn từ góc độ thể chế*, Tạp chí Tài chính, số 5/2013.
48. Bùi Quốc Thiện (2015), *Quản lý tài chính công và công sản*, <http://thienhuu-bp.blogspot.com>
49. Vũ Như Thăng, Lê Thị Mai Liên (2013), *Bàn về phân cấp ngân sách ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, số 5/2013.
50. Tổng cục Thống kê (2017), *Niên giám thống kê Hà Nội*, năm 2017.
51. Trung tâm đào tạo từ xa - Đại học kinh tế quốc dân, *Quản lý ngân sách*, địa chỉ <http://eldata3.neu.topica.vn>, truy cập ngày 17/3/2019.
52. Nguyễn Văn Thắng (2013), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
53. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam (2013), *Nợ công và tính bền vững ở Việt Nam: Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nhà xuất bản Tri Thức.
54. Ủy ban Tài chính – ngân sách Quốc Hội (2008), *Báo cáo nghiên cứu so sánh quy trình NSNN của Việt Nam với các nước có điều kiện tương đồng*, Dự án VIE 02/008.

### **Tài liệu nước ngoài**

55. Anand Rajaram, Tuan Minh Le, Nataliya Biletska and Jim Brumby (2010), *A Diagnostic Framework for Assessing Public Investment Management*, Worldbank E-library Published: August 2010, <https://elibrary.worldbank.org/doi/abs/10.1596/1813-9450-5397>
56. Angel de la Fuente (2004), *Second-best redistribution through public investment: a characterization, an empirical test and an application to the case of Spain*, Regional Science and Urban Economics, Volume 34, Issue 5, September 2004, Pages 489-503
57. Aman Khan W. Bartley Hildreth (2012), *Case studies in Public Budgeting and Financial Management*.
58. Allen Schick (2007), *The Federal Budget: Politics, Policy, Process*, Edition: 3, Brookings Institution Press Publishing, <https://www.jstor.org/stable/10.7864/j.ctt6wpf1f>
59. Bogoev, Ksente (1991), *The dangers of decentralization: experience of Yugoslavia*, Foundation Journal Public Finance, 1991, p. 99-112
60. China (1949), *Dictionary of Market Economy*.
61. Edward Stringham (2018), *Anarchy, State and Public Choice*, Mercatus Center at George Mason University, Edward Elgar Publishing. ISBN 978-1-942951-40-7



62. Fisman, R. and R. Gatti (2002), *Decentralization and Corruption: Evidence from US Federal Transfer Programs*, Public Choice, Vol 113, No1/2, pp 25-35.
63. France (1999), *Lepetit Lasousse Dictionary*, Paris.
64. Gerald J. Miller (2012), *Government Budgeting and Financial Management in Practice*, CRC Press – Taylor and Francis Group.
65. Gurgur, T. and A. Shah (2005), *Localization and corruption: panacea or pandora's box?*, World Bank Policy Research, Working Paper Series, No. 3486
66. Huther, J. and A. Shah (1998), *Applying a Simple Measure of Good Governance to the Debate of Fiscal Decentralization*, World Bank Policy Research Working Paper Series, No. 1894.
67. International Monetary Fund (1993), *Government financial management, Issues and country studies*, Publication Services Washington, USA.
68. Jay-Hyung Kim, *The quality of Public expenditure: Challenges and solutions of result focused management system in The Korean public sector*, Public Investment Management Center, Korea Development Institute, OECD. <https://www.oecd.org/korea/2497102.pdf>
69. Kurt M. Thurmaier và Katherine G. Willoughby, *Policy and Politics in State Budgeting*. State & Local Government Review, Vol. 33, No. 3 (Autumn, 2001), pp. 217-219. Sage Publications, Inc. <https://www.jstor.org/stable/4355297>
70. Kurt M. Thurmaier và Katherine G. Willoughby (2001), *Policy and Politics in State Budgeting*, Armonk, N.Y.: M.E Sharper, ISBN: 0-76560-293-8
71. Mello, L. and M. Barenstein (2001), *Fiscal Decentralization and Governance: A Cross-Country Analysis*, IMF Working Paper Series. No. 01/71. Washington, DC: International Monetary Fund.
72. Michael Spackman (2002), *Multi – year Perspective in Budgeting and Public Investment planning*, OECD, Paris, April 2002.
73. Richard Lingsjo (2002), *Construction budget management*, California Construction Consultan, United States of America.
74. Russia (1971), *Encyclopedia Dictionary*.
75. Janet M. Kelly and William C. Rivenbark (2011), *Performance budgeting for state and local government*, M.E. Sharpe, Inc, New York.
76. OECD Senior Budget Officials (2014), *Draft recommendation of the OECD council on the principles of Budgetary governance*, Public Governance and territorial Development.

## PHỤ LỤC 1

### PHIẾU KHẢO SÁT

Tôi là **Ngô Thị Hồng Hạnh** hiện đang thực hiện đề tài nghiên cứu về hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội. Tôi rất mong các Anh (Chị) bớt chút thời gian trả lời một số câu hỏi thu thập thông tin dưới đây. Tôi cam kết các thông tin chỉ phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, không vì bất kỳ mục đích nào khác.

Rất mong nhận được sự hợp tác từ Anh (Chị).

*Anh (chị) hãy đánh dấu (x) vào câu trả lời đúng nhất với Anh (chị)*

#### I. Thông tin cá nhân.

1. **Họ và tên:**.....(có thể cung cấp hoặc không)

2. **Vị trí công tác:**

- Cán bộ Công chức tại Sở Tài chính Hà Nội
- Cán bộ Công chức Cục thuế; Chi cục thuế
- Cán bộ Công chức tại Phòng Tài chính quận
- Cán bộ Công chức Cục Hải quan, chi cục Hải quan
- Cán bộ tài chính xã

#### II. Nội dung

1. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội? (Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| T<br>T | Nội dung   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|--------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|        |  | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1.     | Hoạt động quản lý NSNN được thực hiện một cách chặt chẽ, đúng quy định | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.     | Hoạt động quản lý NSNN minh bạch và chính xác                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3.     | Hoạt động quản lý NSNN làm gia tăng nguồn thu NSNN                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4.     | Hoạt động quản lý NSNN giúp NSNN chi đúng, chi đủ cho các mục tiêu     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5.     | Hoạt động quản lý NSNN đảm bảo tiết kiệm và cân đối thu chi NSNN       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội? (*Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây*) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |  | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Sự ổn định về chính trị - xã hội của Hà Nội thu hút các nhà đầu tư, tăng nguồn thu cho ngân sách | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nên tăng nguồn thu cho ngân sách                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Dân số Hà Nội đông nên đòi hỏi phải chi ngân sách lớn hơn  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Thu nhập tại Hà Nội cao hơn nên thu ngân sách được nhiều hơn                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Sự phát triển sản xuất công nghiệp có vai trò lớn trong thu ngân sách của Hà Nội                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

3. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu về đánh giá quy định về phân cấp quản lý NSNN của Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội? (*Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây*) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung đánh giá   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |   | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội tự chủ hơn            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Phân cấp quản lý NSNN giúp các cơ sở lập dự toán ngân sách thiết thực hơn               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội nhanh chóng giải ngân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Phân cấp quản lý NSNN giúp cho các địa phương trên địa bàn Hà Nội quyết toán ngân       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|    |   |                          |                          |                          |                          |                          |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    | sách dễ dàng hơn  |                          |                          |                          |                          |                          |
| 5. | Phân cấp quản lý NSNN có thể dễ dàng cân đối ngân sách các địa phương trên địa bàn Hà Nội | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

4. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu về đánh giá quy trình thủ tục trong thu chi NSNN của Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội (*Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau*) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung đánh giá   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |   | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Quy trình thủ tục lập dự toán ngân sách chặt chẽ và thiết thực      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Quy trình thủ tục giải ngân ngân sách thuận lợi và minh bạch        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Quy trình thủ tục quyết toán ngân sách nhanh chóng, chính xác       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Quy trình thủ tục tạo điều kiện cho hoạt động thu ngân sách         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Quy trình thủ tục tạo thuận lợi cho các nhiệm vụ chi tại địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

5. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về quy định về thanh tra, kiểm tra chấp hành NSNN của Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội? (*Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây*) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| T<br>T | Nội dung  | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|--------|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|        |   | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1.     | Công tác thanh tra, kiểm tra góp phần chống thất thoát, lãng phí NSNN | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2.     | Công tác thanh tra, kiểm tra tuân thủ đúng trình tự quy định          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3.     | Công tác thanh tra kiểm tra không làm ảnh                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|    |  |                          |                          |                          |                          |                          |
|----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    | hường đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra       |                          |                          |                          |                          |                          |
| 4. | Hoạt động thanh tra kiểm tra đảm bảo đúng thời gian quy định   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Hoạt động thanh tra, kiểm tra mang tính chuyên nghiệp          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. | Hoạt động thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

6. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về chính sách khuyến khích và khai thác các nguồn lực của NSNN? (Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |  | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Các nguồn lực của NSNN được hỗ trợ để phát triển                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Chính sách ưu đãi dành cho các đối tượng nộp thuế được công khai minh bạch | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo nguồn thu bền vững                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo công bằng giữa các nguồn thu             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Chính sách thuế hiện hành đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

7. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về tổ chức bộ máy và năng lực của cán bộ công chức có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở tài chính Hà Nội? Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây) - (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung  | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |   | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Có sự phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý NSNN | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

|    |   |                          |                          |                          |                          |                          |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 2. | Cơ quan quản lý cấp trên luôn hướng dẫn tạo điều kiện cho cấp dưới                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Nhiệm vụ quản lý NSNN các cấp là phù hợp  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN đều được đào tạo có bài bản             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN có tinh thần trách nhiệm trong công tác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. | Cán bộ công chức tại các cơ quan quản lý thu chi NSNN am hiểu về các quy định quản lý NSNN    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

8. Xin Anh/ Chị cho biết quan điểm của mình bằng cách lựa chọn ô thích hợp với mỗi câu đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý ngân sách tại đơn vị? (Chỉ chọn 1 phương án thích hợp theo các mức sau đây) – (1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý)

| TT | Nội dung   | Mức độ đánh giá          |                          |                          |                          |                          |
|----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|    |  | 1                        | 2                        | 3                        | 4                        | 5                        |
| 1. | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách Hà Nội tương đối đầy đủ   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. | Cơ sở vật chất tại các cơ quan quản lý ngân sách đảm bảo cho hoạt động quản lý có hiệu quả                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép cập nhật thông tin nhanh chóng, chính xác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. | Hệ thống thiết bị và công nghệ tin học tại các cơ quan quản lý NSNN cho phép phối hợp chặt chẽ                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. | Cơ quan quản lý NSNN luôn được ưu tiên trang bị máy móc, thiết bị hiện đại   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

*Xin cảm ơn sự hợp tác của anh (chị)!*

**PHỤ LỤC 2****BẢNG KÊ SỐ PHIẾU KHẢO SÁT TẠI CÁC ĐƠN VỊ**

| <b>STT</b>       | <b>Đơn vị</b>           | <b>Số phiếu gửi đi<br/>(Phiếu)</b> | <b>Số phiếu thu về<br/>(Phiếu)</b> |
|------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| 1                | Sở Tài chính Hà Nội     | 20                                 | 18                                 |
| 2                | Kho bạc Nhà nước Hà Nội | 15                                 | 13                                 |
| 3                | Cục Thuế Hà Nội         | 12                                 | 12                                 |
| 4                | Cục hải quan Hà Nội     | 14                                 | 11                                 |
| 5                | Quận Ba Đình            | 20                                 | 19                                 |
| 6                | Quận Hoàn Kiếm          | 21                                 | 21                                 |
| 7                | Quận Tây Hồ             | 16                                 | 16                                 |
| 8                | Quận Long Biên          | 15                                 | 15                                 |
| 9                | Quận Cầu Giấy           | 25                                 | 25                                 |
| 10               | Quận Đống Đa            | 15                                 | 15                                 |
| 11               | Quận Hai Bà Trưng       | 15                                 | 15                                 |
| 12               | Quận Hoàng Mai          | 13                                 | 13                                 |
| 13               | Quận Thanh Xuân         | 15                                 | 15                                 |
| 14               | Huyện Sóc Sơn           | 15                                 | 15                                 |
| 15               | Huyện Đông Anh          | 18                                 | 18                                 |
| 16               | Huyện Gia Lâm           | 18                                 | 18                                 |
| 17               | Quận Nam Từ Liêm        | 20                                 | 20                                 |
| 18               | Huyện Thanh Trì         | 13                                 | 13                                 |
| 19               | Quận Bắc Từ Liêm        | 15                                 | 15                                 |
| 20               | Huyện Mê Linh           | 12                                 | 12                                 |
| 21               | Quận Hà Đông            | 15                                 | 15                                 |
| 22               | Thị Xã Sơn Tây          | 15                                 | 15                                 |
| 23               | Huyện Ba Vì             | 13                                 | 13                                 |
| 24               | Huyện Phúc Thọ          | 14                                 | 14                                 |
| 25               | Huyện Đan Phượng        | 15                                 | 15                                 |
| 26               | Huyện Hoài Đức          | 12                                 | 12                                 |
| 27               | Huyện Quốc Oai          | 14                                 | 14                                 |
| 28               | Huyện Thạch Thất        | 15                                 | 15                                 |
| 29               | Huyện Chương Mỹ         | 12                                 | 12                                 |
| 30               | Huyện Thanh Oai         | 15                                 | 15                                 |
| 31               | Huyện Thường Tín        | 15                                 | 15                                 |
| 32               | Huyện Phú Xuyên         | 13                                 | 13                                 |
| 33               | Huyện Ứng Hòa           | 12                                 | 12                                 |
| 34               | Huyện Mỹ Đức            | 13                                 | 13                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                         | <b>520</b>                         | <b>512</b>                         |

## PHỤ LỤC 3

### Câu hỏi phỏng vấn sâu

1. Là người trong cơ quan tài chính, Anh/Chị nhận thấy điều kiện kinh tế xã hội của Hà Nội có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội? Sự ảnh hưởng này tác động đến thu ngân sách; đến chi ngân sách hay cả thu và chi ngân sách?
2. Tại Hà Nội, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội? Nếu có ảnh hưởng thì theo Anh/Chị, mức ảnh hưởng này là cao hay thấp
3. Là người trực tiếp làm công tác quản lý ngân sách nhà nước, Anh/Chị cho biết các thủ tục trong hoạt động quản lý ngân sách như thế nào, có chặt chẽ không và có đảm bảo được tính công khai, minh bạch và hiệu quả không
4. Công tác thanh tra kiểm tra chấp hành NSNN của Sở Tài chính và các đơn vị chức năng như thế nào? Có tuân thủ theo trình tự, thủ tục luật định không? Có làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng bị thanh tra, kiểm tra không? Có hạn chế được thất thoát hay lãng phí không?
5. Sở Tài chính Hà Nội có các hoạt động nhằm khuyến khích, khai thác nguồn lực của NSNN không? Các hoạt động này có ảnh hưởng đến quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội không?
6. Tổ chức bộ máy của Sở Tài chính và năng lực của cán bộ công chức làm công tác quản lý NSNN trên địa bàn Hà Nội có ảnh hưởng đến hoạt động quản lý NSNN của Sở Tài chính Hà Nội không. Nếu có, theo Anh/Chị mức độ ảnh hưởng như thế nào
7. Lãnh đạo UBND thành phố; lãnh đạo Sở Tài chính có quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý NSNN không? Anh/Chị có được trang bị các công cụ hiện đại trong công tác của mình không? Việc kết nối giữa các đơn vị quản lý thu, chi ngân sách hiện nay như thế nào?



**PHỤ LỤC 4****Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Điều kiện KTXH Hà Nội****DK1**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 10        | 2.0     | 2.0              | 2.0                   |
| Khong dong y              | 163       | 32.0    | 32.0             | 33.9                  |
| Valid Binh thuong         | 194       | 38.0    | 38.0             | 72.0                  |
| Dong y                    | 115       | 22.5    | 22.5             | 94.5                  |
| Hoan toan dong y          | 28        | 5.5     | 5.5              | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**DK2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 18        | 3.5     | 3.5              | 3.5                   |
| Khong dong y              | 129       | 25.3    | 25.3             | 28.8                  |
| Valid Binh thuong         | 144       | 28.2    | 28.2             | 57.1                  |
| Dong y                    | 132       | 25.9    | 25.9             | 82.9                  |
| Hoan toan dong y          | 87        | 17.1    | 17.1             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**DK3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 26        | 5.1     | 5.1              | 5.1                   |
| Khong dong y              | 53        | 10.4    | 10.4             | 15.5                  |
| Valid Binh thuong         | 181       | 35.5    | 35.5             | 51.0                  |
| Dong y                    | 147       | 28.8    | 28.8             | 79.8                  |
| Hoan toan dong y          | 103       | 20.2    | 20.2             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**DK4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 36        | 7.1     | 7.1              | 7.1                   |
| Khong dong y              | 173       | 33.9    | 33.9             | 41.0                  |
| Valid Binh thuong         | 129       | 25.3    | 25.3             | 66.3                  |
| Dong y                    | 112       | 22.0    | 22.0             | 88.2                  |
| Hoan toan dong y          | 60        | 11.8    | 11.8             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**DK5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 26        | 5.1     | 5.1              | 5.1                   |
| Khong dong y              | 107       | 21.0    | 21.0             | 26.1                  |
| Valid Binh thuong         | 183       | 35.9    | 35.9             | 62.0                  |
| Dong y                    | 129       | 25.3    | 25.3             | 87.3                  |
| Hoan toan dong y          | 65        | 12.7    | 12.7             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của Quy trình, thủ tục trong quản lý NSNN****QT1**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 104       | 20.4    | 20.4             | 24.1                  |
| Valid Binh thuong         | 189       | 37.1    | 37.1             | 61.2                  |
| Dong y                    | 116       | 22.7    | 22.7             | 83.9                  |
| Hoan toan dong y          | 82        | 16.1    | 16.1             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**QT2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 9         | 1.8     | 1.8              | 1.8                   |
| Khong dong y              | 165       | 32.4    | 32.4             | 34.1                  |
| Valid Binh thuong         | 198       | 38.8    | 38.8             | 72.9                  |
| Dong y                    | 110       | 21.6    | 21.6             | 94.5                  |
| Hoan toan dong y          | 28        | 5.5     | 5.5              | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**QT3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 135       | 26.5    | 26.5             | 30.2                  |
| Valid Binh thuong         | 138       | 27.1    | 27.1             | 57.3                  |
| Dong y                    | 134       | 26.3    | 26.3             | 83.5                  |
| Hoan toan dong y          | 84        | 16.5    | 16.5             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**QT4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 29        | 5.7     | 5.7              | 5.7                   |
| Khong dong y              | 48        | 9.4     | 9.4              | 15.1                  |
| Valid Binh thuong         | 185       | 36.3    | 36.3             | 51.4                  |
| Dong y                    | 146       | 28.6    | 28.6             | 80.0                  |
| Hoan toan dong y          | 102       | 20.0    | 20.0             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**QT5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 116       | 22.7    | 22.7             | 26.5                  |
| Valid Binh thuong         | 187       | 36.7    | 36.7             | 63.1                  |
| Dong y                    | 96        | 18.8    | 18.8             | 82.0                  |
| Hoan toan dong yy         | 92        | 18.0    | 18.0             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Phân cấp trong quản lý NSNN****PC1**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 38        | 7.5     | 7.5              | 7.5                   |
| Khong dong y              | 181       | 35.5    | 35.5             | 42.9                  |
| Valid Binh thuong         | 127       | 24.9    | 24.9             | 67.8                  |
| Dong y                    | 106       | 20.8    | 20.8             | 88.6                  |
| Hoan toan dong y          | 58        | 11.4    | 11.4             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**PC2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 29        | 5.7     | 5.7              | 5.7                   |
| Khong dong y              | 108       | 21.2    | 21.2             | 26.9                  |
| Valid Binh thuong         | 182       | 35.7    | 35.7             | 62.5                  |
| Dong y                    | 125       | 24.5    | 24.5             | 87.1                  |
| Hoan toan dong y          | 66        | 12.9    | 12.9             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**PC3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 155       | 30.4    | 30.4             | 34.1                  |
| Valid Binh thuong         | 184       | 36.1    | 36.1             | 70.2                  |
| Dong y                    | 76        | 14.9    | 14.9             | 85.1                  |
| Hoan toan dong y          | 76        | 14.9    | 14.9             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**PC4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 174       | 34.1    | 34.1             | 37.8                  |
| Valid Binh thuong         | 147       | 28.8    | 28.8             | 66.7                  |
| Dong y                    | 113       | 22.2    | 22.2             | 88.8                  |
| Hoan toan dong y          | 57        | 11.2    | 11.2             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**PC5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 24        | 4.7     | 4.7              | 4.7                   |
| Khong dong y              | 129       | 25.3    | 25.3             | 30.0                  |
| Valid Binh thuong         | 203       | 39.8    | 39.8             | 69.8                  |
| Dong y                    | 78        | 15.3    | 15.3             | 85.1                  |
| Hoan toan dong y          | 76        | 14.9    | 14.9             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Quy định thanh kiểm tra chấp hành  
NSNN**

**KT1**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 88        | 17.3    | 17.3             | 17.3                  |
| Khong dong y              | 160       | 31.4    | 31.4             | 48.6                  |
| Valid Binh thuong         | 110       | 21.6    | 21.6             | 70.2                  |
| Dong y                    | 89        | 17.5    | 17.5             | 87.6                  |
| Hoan toan dong y          | 63        | 12.4    | 12.4             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KT2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 71        | 13.9    | 13.9             | 13.9                  |
| Khong dong y              | 177       | 34.7    | 34.7             | 48.6                  |
| Valid Binh thuong         | 104       | 20.4    | 20.4             | 69.0                  |
| Dong y                    | 100       | 19.6    | 19.6             | 88.6                  |
| Hoan toan dong y          | 58        | 11.4    | 11.4             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KT3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 191       | 37.5    | 37.5             | 37.5                  |
| Khong dong y              | 127       | 24.9    | 24.9             | 62.4                  |
| Valid Binh thuong         | 122       | 23.9    | 23.9             | 86.3                  |
| Dong y                    | 55        | 10.8    | 10.8             | 97.1                  |
| Hoan toan dong y          | 15        | 2.9     | 2.9              | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KT4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 75        | 14.7    | 14.7             | 14.7                  |
| Khong dong y              | 135       | 26.5    | 26.5             | 41.2                  |
| Valid Binh thuong         | 136       | 26.7    | 26.7             | 67.8                  |
| Dong y                    | 112       | 22.0    | 22.0             | 89.8                  |
| Hoan toan dong y          | 52        | 10.2    | 10.2             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KT5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 94        | 18.4    | 18.4             | 18.4                  |
| Khong dong y              | 112       | 22.0    | 22.0             | 40.4                  |
| Valid Binh thuong         | 110       | 21.6    | 21.6             | 62.0                  |
| Dong y                    | 122       | 23.9    | 23.9             | 85.9                  |
| Hoan toan dong yy         | 72        | 14.1    | 14.1             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KT6**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 91        | 17.8    | 17.8             | 17.8                  |
| Khong dong y              | 126       | 24.7    | 24.7             | 42.5                  |
| Valid Binh thuong         | 161       | 31.6    | 31.6             | 74.1                  |
| Dong y                    | 94        | 18.4    | 18.4             | 92.5                  |
| Hoan toan dong y          | 38        | 7.5     | 7.5              | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Chính sách khuyến khích, khai thác nguồn thu**

**KK1**

|                        | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|------------------------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Hoan toan khong dong y | 42        | 8.2     | 8.2           | 8.2                |
| Khong dong y           | 62        | 12.2    | 12.2          | 20.4               |
| Valid Binh thuong      | 193       | 37.8    | 37.8          | 58.2               |
| Dong y                 | 135       | 26.5    | 26.5          | 84.7               |
| Hoan toan dong y       | 78        | 15.3    | 15.3          | 100.0              |
| Total                  | 510       | 100.0   | 100.0         |                    |

**KK2**

|                        | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|------------------------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Hoan toan khong dong y | 59        | 11.6    | 11.6          | 11.6               |
| Khong dong y           | 115       | 22.5    | 22.5          | 34.1               |
| Valid Binh thuong      | 156       | 30.6    | 30.6          | 64.7               |
| Dong y                 | 103       | 20.2    | 20.2          | 84.9               |
| Hoan toan dong y       | 77        | 15.1    | 15.1          | 100.0              |
| Total                  | 510       | 100.0   | 100.0         |                    |

**KK3**

|                        | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|------------------------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Hoan toan khong dong y | 29        | 5.7     | 5.7           | 5.7                |
| Khong dong y           | 99        | 19.4    | 19.4          | 25.1               |
| Valid Binh thuong      | 133       | 26.1    | 26.1          | 51.2               |
| Dong y                 | 143       | 28.0    | 28.0          | 79.2               |
| Hoan toan dong y       | 106       | 20.8    | 20.8          | 100.0              |
| Total                  | 510       | 100.0   | 100.0         |                    |



**KK4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 10        | 2.0     | 2.0              | 2.0                   |
| Khong dong y              | 114       | 22.4    | 22.4             | 24.3                  |
| Valid Binh thuong         | 195       | 38.2    | 38.2             | 62.5                  |
| Dong y                    | 124       | 24.3    | 24.3             | 86.9                  |
| Hoan toan dong y          | 67        | 13.1    | 13.1             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**KK5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 10        | 2.0     | 2.0              | 2.0                   |
| Khong dong y              | 48        | 9.4     | 9.4              | 11.4                  |
| Valid Binh thuong         | 195       | 38.2    | 38.2             | 49.6                  |
| Dong y                    | 209       | 41.0    | 41.0             | 90.6                  |
| Hoan toan dong y          | 48        | 9.4     | 9.4              | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Tổ chức bộ máy và năng lực cán bộ  
quản lý NSNN**

**BMI**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 9         | 1.8     | 1.8              | 1.8                   |
| Khong dong y              | 87        | 17.1    | 17.1             | 18.8                  |
| Valid Binh thuong         | 154       | 30.2    | 30.2             | 49.0                  |
| Dong y                    | 146       | 28.6    | 28.6             | 77.6                  |
| Hoan toan dong y          | 114       | 22.4    | 22.4             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**BM2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 7         | 1.4     | 1.4              | 1.4                   |
| Khong dong y              | 97        | 19.0    | 19.0             | 20.4                  |
| Valid Binh thuong         | 173       | 33.9    | 33.9             | 54.3                  |
| Dong y                    | 117       | 22.9    | 22.9             | 77.3                  |
| Hoan toan dong y          | 116       | 22.7    | 22.7             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**BM3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 9         | 1.8     | 1.8              | 1.8                   |
| Khong dong y              | 85        | 16.7    | 16.7             | 18.4                  |
| Valid Binh thuong         | 174       | 34.1    | 34.1             | 52.5                  |
| Dong y                    | 145       | 28.4    | 28.4             | 81.0                  |
| Hoan toan dong y          | 97        | 19.0    | 19.0             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**BM4**

|                   | Frequency | Perce<br>nt | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|-------------------|-----------|-------------|------------------|-----------------------|
| Khong dong y      | 76        | 14.9        | 14.9             | 14.9                  |
| Binh thuong       | 174       | 34.1        | 34.1             | 49.0                  |
| Valid Dong y      | 154       | 30.2        | 30.2             | 79.2                  |
| Hoan toan dong yy | 106       | 20.8        | 20.8             | 100.0                 |
| Total             | 510       | 100.0       | 100.0            |                       |

**BM5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 10        | 2.0     | 2.0              | 2.0                   |
| Khong dong y              | 56        | 11.0    | 11.0             | 12.9                  |
| Valid Binh thuong         | 105       | 20.6    | 20.6             | 33.5                  |
| Dong y                    | 206       | 40.4    | 40.4             | 73.9                  |
| Hoan toan dong y          | 133       | 26.1    | 26.1             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**Đánh giá sự ảnh hưởng của nhân tố Cơ sở vật chất phục vụ quản lý****NSNN****VC1**

|                     | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Khong dong y        | 38        | 7.5     | 7.5              | 7.5                   |
| Binh thuong         | 88        | 17.3    | 17.3             | 24.7                  |
| Valid Dong y        | 269       | 52.7    | 52.7             | 77.5                  |
| Hoan toan dong<br>y | 115       | 22.5    | 22.5             | 100.0                 |
| Total               | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**VC2**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 7         | 1.4     | 1.4              | 1.4                   |
| Khong dong y              | 59        | 11.6    | 11.6             | 12.9                  |
| Valid Binh thuong         | 86        | 16.9    | 16.9             | 29.8                  |
| Dong y                    | 156       | 30.6    | 30.6             | 60.4                  |
| Hoan toan dong y          | 202       | 39.6    | 39.6             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**VC3**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 10        | 2.0     | 2.0              | 2.0                   |
| Khong dong y              | 28        | 5.5     | 5.5              | 7.5                   |
| Valid Binh thuong         | 106       | 20.8    | 20.8             | 28.2                  |
| Dong y                    | 135       | 26.5    | 26.5             | 54.7                  |
| Hoan toan dong y          | 231       | 45.3    | 45.3             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**VC4**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 27        | 5.3     | 5.3              | 5.3                   |
| Khong dong y              | 2         | .4      | .4               | 5.7                   |
| Valid Binh thuong         | 85        | 16.7    | 16.7             | 22.4                  |
| Dong y                    | 242       | 47.5    | 47.5             | 69.8                  |
| Hoan toan dong y          | 154       | 30.2    | 30.2             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |

**VC5**

|                           | Frequency | Percent | Valid<br>Percent | Cumulative<br>Percent |
|---------------------------|-----------|---------|------------------|-----------------------|
| Hoan toan khong<br>dong y | 19        | 3.7     | 3.7              | 3.7                   |
| Khong dong y              | 116       | 22.7    | 22.7             | 26.5                  |
| Valid Binh thuong         | 189       | 37.1    | 37.1             | 63.5                  |
| Dong y                    | 96        | 18.8    | 18.8             | 82.4                  |
| Hoan toan dong y          | 90        | 17.6    | 17.6             | 100.0                 |
| Total                     | 510       | 100.0   | 100.0            |                       |